

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**LÊ TRUNG NGHĨA**

**HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI VIỆT NAM  
TẠI PHÁP GIAI ĐOẠN 1945 - 1954**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ**

**HÀ NỘI - 2020**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI**

**LÊ TRUNG NGHĨA**

**HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI VIỆT NAM  
TẠI PHÁP GIAI ĐOẠN 1945 - 1954**

**Chuyên ngành: Lịch sử Việt Nam**

**Mã số: 9.22.90.13**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ**

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:**

**1: PGS.TS. ĐÀO TUẤN THÀNH**

**2: PGS.TS. PHAN NGỌC HUYỀN**

**Hà Nội - 2020**

## LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan luận án tiến sĩ “Hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945 – 1954” là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu và tài liệu trong luận án là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào. Tất cả những tham khảo và kế thừa đều được trích dẫn và tham chiếu đầy đủ*

Nghiên cứu sinh

**Lê Trung Nghĩa**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU</b> .....	<b>1</b>
<b>Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU</b> .....	<b>7</b>
<b>1.1. Khái quát tình hình nghiên cứu đề tài</b> .....	<b>7</b>
1.1.1. Những công trình nghiên cứu về Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài .....	7
1.1.2. Những công trình nghiên cứu về cộng đồng người Việt Nam tại Pháp .....	9
<b>1.2. Một số nhận xét về tình hình nghiên cứu đề tài</b> .....	<b>15</b>
1.2.1. Những vấn đề đã được làm rõ .....	15
1.2.2. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu .....	16
<b>Tiểu kết Chương 1</b> .....	<b>21</b>
<b>Chương 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TẠI PHÁP TRƯỚC THỜI KỲ TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (TRƯỚC NGÀY 19/12/1946)</b> .....	<b>18</b>
<b>2.1. Sự hình thành cộng đồng người Việt Nam tại Pháp</b> .....	<b>18</b>
2.1.1. Cộng đồng người Việt Nam tại Pháp trước năm 1930.....	18
2.1.2. Cộng đồng người Việt Nam ở Pháp từ năm 1930 đến năm 1945 .....	21
<b>2.2. Một số tổ chức và hoạt động của người Việt Nam ở Pháp trước năm 1945</b> .....	<b>23</b>
2.2.1. Một số tổ chức của người Việt Nam ở Pháp trước năm 1945.....	23
2.2.2. Hoạt động của cộng đồng người Việt Nam ở Pháp.....	31
<b>2.3. Bối cảnh mới và những hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945 - 1946</b> .....	<b>40</b>
2.3.1. Bối cảnh lịch sử mới và sách lược của Đảng Cộng sản Đông Dương giai đoạn 1945 – 1946 .....	40
2.3.2. Những hoạt động cụ thể của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945-1946	46
<b>Tiểu kết chương 2</b> .....	<b>61</b>
<b>Chương 3. HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TẠI PHÁP GIAI ĐOẠN 1946 -1954</b> .....	<b>62</b>
<b>3.1. Hoàn cảnh lịch sử sau Tạm ước 14/9/1946 và Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng Cộng sản Đông Dương.</b> .....	<b>62</b>
3.1.1. Hoàn cảnh lịch sử sau Tạm ước 14/9/1946 .....	62
3.1.2. Đường lối toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng Cộng sản Đông Dương. ....	65
<b>3.2. Hoạt động yêu nước hướng tới ủng hộ cuộc kháng chiến của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1946 – 1950</b> .....	<b>66</b>
3.2.1. Sự ra đời của Phái đoàn thường trực đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pháp.....	66
3.2.2. Hoạt động đấu tranh của lực lượng lính thợ Việt Nam tại Pháp .....	68

3.2.3. Hoạt động yêu nước của trí thức và các thành phần khác trong cộng đồng người Việt nam ở Pháp.....	76
<b>3.3. Giai đoạn 1950- 1954.....</b>	<b>95</b>
3.3.1. Những nhân tố mới tác động đến phong trào đấu tranh .....	95
3.3.2. Phong trào đấu tranh.....	97
<b>Tiểu kết chương 3 .....</b>	<b>114</b>
<b>Chương 4. MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TẠI PHÁP GIAI ĐOẠN 1945- 1954.....</b>	<b>115</b>
<b>4.1. Những đóng góp nổi bật của phong trào .....</b>	<b>115</b>
4.1.1. Sự đóng góp to lớn về vật chất và tinh thần cho công cuộc kháng chiến kiến quốc .....	115
4.1.2. Những nỗ lực tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ Pháp.....	122
<b>4.2. Đặc điểm của hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945 - 1954.....</b>	<b>127</b>
4.2.1. Tình trạng phân hóa dẫn đến sự thiếu thống nhất về mặt tổ chức trong phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp. ....	128
4.2.2. Sự nhất quán về mục tiêu đấu tranh .....	132
4.2.3. Có sự khác biệt về thành phần lãnh đạo, lực lượng tham gia các tổ chức. ....	134
4.2.4. Đấu tranh chính trị và hợp hiến hợp pháp giữ vai trò chủ đạo.....	139
<b>Tiểu kết chương 4.....</b>	<b>183</b>
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>146</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu viết tắt</b>	<b>Nội dung viết tắt</b>
<b>1</b>	<b>HĐBTA</b>	<b>Hội Đồng bào thân ái</b>
<b>2</b>	<b>ONS</b>	<b>Ouvriers non spécialisés</b> <b>Lính thợ</b>
<b>3</b>	<b>VNDCCH</b>	<b>Việt Nam Dân chủ Cộng hòa</b>
<b>4</b>	<b>XHCN</b>	<b>Xã hội chủ nghĩa</b>

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trong suốt tiến trình lịch sử của dân tộc, cố kết cộng đồng đã trở thành lẽ sống của người Việt Nam. Trải qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, tinh thần cố kết cộng đồng được lưu giữ và phát triển để trở thành truyền thống đoàn kết dân tộc. Sức mạnh của khối đại đoàn kết đã được minh chứng và khẳng định trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc, đặc biệt vào những thời khắc quyết định sự tồn vong của đất nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng tổng kết: *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”*[100, tr.138].

Trong thế kỷ XX, truyền thống cố kết cộng đồng của dân tộc đã được Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh nâng lên tầm chiến lược. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) của nhân dân Việt Nam nhằm bảo vệ độc lập dân tộc là một điển hình cho sức mạnh của chiến lược đại đoàn kết dân tộc.

Với phương châm chiến lược đó, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng và thực hiện thành công khối đại đoàn kết dân tộc trên tinh thần toàn dân đánh giặc, cả nước đánh giặc. Giá trị lớn nhất của khối đại đoàn kết dân tộc không chỉ quy tụ được sức mạnh của hơn 50 dân tộc trong nước, mà còn tập hợp được sức mạnh của cả cộng đồng người Việt đang sinh sống xa tổ quốc, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp.

Tính đến nay, những luồng di cư của người Việt Nam trong lịch sử đã tạo nên một cộng đồng người Việt Nam lên tới hàng triệu người đang sinh sống ở nước ngoài. Sự hình thành cộng đồng người Việt ở nước ngoài có nhiều lý do khác nhau, có thể do: Chiến tranh; mâu thuẫn trong triều đình phong kiến Việt Nam; biến đổi khí hậu kéo theo bão lụt, mất mùa, đói kém; hay cũng có thể vì nhiệm vụ quốc gia hay nhu cầu mở rộng tri thức mà một bộ phận người Việt Nam đã dũng cảm lựa chọn giải pháp sống xa Tổ quốc.

Tuy nhiên, với quy luật “lá rụng về cội”, phần lớn bộ phận người Việt Nam xa xứ hoặc những thế hệ sau của họ đều nỗ lực tìm đường trở về với dân tộc, với quê hương. Những nỗ lực đó đã được hiện thực hóa cụ thể trong những đóng góp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Xu hướng di cư tới Pháp của người Việt Nam bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Người Việt Nam tới Pháp hoặc để thực hiện nghĩa vụ của người dân thuộc địa với chính quốc, hoặc để học tập và mưu sinh đã hình thành nên cộng đồng của mình và tiếp tục phát triển cho đến nay. Trong những năm tháng diễn ra cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954), mặc dù không trực tiếp tham gia trên chiến trường chính, nhưng kiều bào ở Pháp đã nhiệt tình tham gia cách mạng bằng những hoạt động, đấu tranh linh hoạt và phong phú. Dưới sự chỉ đạo có tổ chức của

những người Cộng sản, phong trào đã mang tính tự giác cao, thấm đẫm chủ nghĩa yêu nước và tự tôn dân tộc. Theo đó, những đóng góp về vật chất lẫn tinh thần của phong trào rất hiệu quả và quan trọng đối với cuộc kháng chiến. Không những vậy, phong trào còn tranh thủ, lôi kéo được sự ủng hộ và đồng tình của dư luận và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới, đặc biệt là nhân dân Pháp tạo thành một mặt trận đoàn kết quốc tế, thực sự trợ giúp đắc lực cho mặt trận chống thực dân Pháp nói chung của dân tộc. Đóng góp ngày càng cụ thể và thiết thực của Việt kiều tại Pháp đều gắn với quá trình giành thắng lợi từng bước dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước mà Đảng và nhân dân ta đang tiến hành có nhiều thời cơ mới nhưng cũng còn quá nhiều khó khăn, thách thức. Thực hiện đại đoàn kết dân tộc, trong đó cần phải huy động sức mạnh của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài vẫn luôn là yêu cầu sống còn của lịch sử dân tộc. Yêu cầu ấy thể hiện rõ trong Nghị quyết các kỳ Đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Việt Nam là nước có kiều dân thuộc loại cao nếu tính theo tỷ lệ giữa kiều dân so với tổng số dân trong nước với hơn 4 triệu người đang sinh sống ở nước ngoài. Hiện nay, ngày càng đông người Việt sang nước ngoài theo diện du lịch, lao động, kinh doanh, nghiên cứu, du học, hoặc định cư, đoàn tụ gia đình, kết hôn... Địa bàn cư trú của cộng đồng được trải rộng khắp thế giới với 103 nước và vùng lãnh thổ, kể cả những khu vực nghèo và đang phát triển thuộc châu Phi, Trung Đông, Nam Mỹ hoặc các đảo nhỏ ở Thái Bình Dương. Tuy nhiên, đại bộ phận - khoảng 98% kiều dân vẫn sống tập trung ở 21 nước thuộc năm khu vực địa lý: Bắc Mỹ; Tây Bắc Âu; Nga và Đông Âu; Đông Nam Á; Đông Bắc Á và châu Úc; trong đó hơn 2/3 đã nhập quốc tịch nước sở tại [84, tr.41].

Với số lượng đông đảo ấy, sự đóng góp và vai trò của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay đang ngày càng quan trọng. Chính vì vậy, trong chính sách của mình đối với cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài, Đảng Cộng sản Việt Nam đã khẳng định: *“Đông bào định cư ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam”* [68, tr. 245].

Đã có nhiều công trình nghiên cứu về cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, phần lớn đề cập tới những đóng góp của họ trong công cuộc xây dựng đất nước những năm gần đây. Trong khi đó, vai trò đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc trong quá khứ của họ lại chưa được làm rõ một cách thấu đáo và đó còn là một khoảng trống trong nghiên cứu lịch sử.

Nhận thức được tầm quan trọng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đặc biệt là cộng đồng người Việt Nam tại Pháp đối với lịch sử dân tộc, tôi chọn đề tài *“Hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945 – 1954”* làm hướng nghiên cứu cho luận án của mình.



## **2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **2.1. Đối tượng nghiên cứu**

“Việt kiều” (hay người Việt hải ngoại, người Việt Nam ở nước ngoài) là thuật ngữ để chỉ người Việt định cư bên ngoài lãnh thổ Việt Nam, họ có thể đang mang quốc tịch Việt Nam hoặc/và quốc tịch của nước sở tại.

Từ điển Thiều Chửu định nghĩa chữ "kiều" (僑) là "ở nhờ, đi ở nhờ làng khác hay nước khác gọi là kiều cư, kiều dân". Như vậy, Việt kiều vốn có nghĩa chỉ những người Việt đang có quốc tịch Việt Nam sống nhờ ở các nước bên ngoài Việt Nam, chứ không chỉ công dân nước khác có gốc Việt. Tuy nhiên, ngày nay "Việt kiều" là thuật ngữ mà những người Việt sống tại Việt Nam dùng để gọi toàn bộ những người Việt sống ở nước ngoài, chứ không phải là thuật ngữ mà những người Việt sống ở nước ngoài gọi chính họ. Tại Việt Nam ngày nay, từ "kiều bào" cũng được dùng với nghĩa tương tự. [151, tr.4].

Căn cứ vào cách định nghĩa về “Việt kiều” nêu trên, có thể đưa ra cách hiểu về: “Việt kiều tại Pháp”, “Người Việt Nam ở Pháp”, “Kiều bào ở Pháp” đều là các thuật ngữ dùng để gọi toàn bộ những người Việt Nam sống ở Pháp.

Vậy, đối tượng nghiên cứu của luận án sẽ được xác định là: các hoạt động yêu nước của toàn bộ những người Việt Nam sống ở Pháp nhằm ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954).

### **2.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi không gian: Luận án nghiên cứu vấn đề trong phạm vi không gian ở Pháp – nơi diễn ra hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp. Trong khuôn khổ luận án của mình, tác giả tập trung vào một số vùng, địa phương tiêu biểu: Paris, Bordeaux, Marseille, Grenoble. Đây là những nơi có số lượng người Việt Nam đông hơn so với những địa phương khác, chính vì thế, các hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại những nơi này cũng sôi nổi và mạnh mẽ hơn ở những nơi khác.

- Phạm vi thời gian: Đề tài tập trung nghiên cứu hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945 -1954.

Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu, luận án có mở rộng phạm vi thời gian trước năm 1945. Đây là giai đoạn hình thành các hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp, những hoạt động đóng vai trò nền tảng, cơ sở cho phong trào yêu nước giai đoạn sau này của họ. Bên cạnh đó, ở giai đoạn này đã hình thành nhiều tổ chức yêu nước đáng lưu ý của người Việt Nam tại Pháp, những tổ chức có ảnh hưởng lớn tới các hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp không chỉ trong giai đoạn trước năm 1945 mà còn ở những giai đoạn sau này.

- Phạm vi nội dung: Luận án tập trung nghiên cứu, làm rõ sự hình thành cộng đồng người Việt Nam ở Pháp và những hoạt động yêu nước của họ nhằm ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc. Qua đó, luận án chỉ ra những đóng góp mang tính tích cực của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp mà chủ yếu là bộ phận ủng hộ chủ trương kháng chiến của Đảng Cộng sản Đông Dương mà từ tháng 2-1951 là

Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

### **3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục tiêu**

Mục tiêu của luận án là:

Thứ nhất, thông qua việc tìm hiểu hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, góp phần làm rõ đóng góp của người Việt Nam ở Pháp trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954).

Thứ hai, góp phần bổ sung thêm một nội dung quan trọng cho nghiên cứu lịch sử Việt Nam hiện đại nói chung và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nói riêng.

#### **3.2. Nhiệm vụ**

Một là, luận án khảo sát, trình bày có hệ thống sự hình thành cộng đồng người Việt Nam ở Pháp qua các giai đoạn và phục dựng những hoạt động yêu nước của họ trong giai đoạn 1945 – 1954.

Hai là, luận án nêu lên đặc điểm, tính chất của hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn 1945 – 1954.

Ba là, luận án khẳng định những đóng góp của họ đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc.

Bốn là, trên cơ sở những đóng góp của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc, luận án chứng minh rằng, ở bất kỳ hoàn cảnh nào của lịch sử dân tộc, xây dựng và thực hiện khối đại đoàn kết dân tộc (cả cộng đồng người Việt ở nước ngoài) luôn là quy luật phổ biến, hơn nữa là nhiệm vụ sống còn đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc Việt Nam.

### **4. Phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu và nguồn tài liệu**

#### **4.1. Phương pháp luận**

Luận án dựa trên các cơ sở khoa học sau:

Nắm vững, vận dụng quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử trong nghiên cứu.

Những quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận của Hồ Chí Minh, đặc biệt là những tư tưởng về đại đoàn kết dân tộc và đại đoàn kết quốc tế.

Đường lối chỉ đạo cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954).

#### **4.2. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài thuộc ngành khoa học lịch sử, để thực hiện tác giả sử dụng các phương pháp sau:

Thứ nhất, phương pháp lịch sử. Thông qua các nguồn tư liệu có được, tác giả trình bày quá trình hình thành và biến đổi của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp theo trình tự thời gian từ khi những người Việt Nam đầu tiên đặt chân tới nước Pháp tới giai đoạn 1945 –

1954. Bên cạnh đó là diễn biến của hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn 1945 - 1954.

Bằng phương pháp lịch sử, luận án khôi phục đầy đủ tất cả các mặt, các yếu tố tác động đến phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945 – 1954 và các bước phát triển của phong trào.

Luận án phản ánh chi tiết quá trình vận động và phát triển của phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945 – 1954. Trong đó, có những giai đoạn phong trào phát triển thuận lợi, có những giai đoạn phong trào gặp khó khăn.

Thứ hai, phương pháp logic. Tác giả sử dụng phương pháp logic để nghiên cứu tổng quát sự hình thành cộng đồng người Việt Nam tại Pháp và hoạt động yêu nước của họ trong giai đoạn 1945 – 1954 để rút ra bản chất của phong trào. Qua đó, đánh giá được đặc điểm, tính chất và những đóng góp của phong trào vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc.

Thứ ba, bên cạnh hai phương pháp chủ đạo trên, luận án cũng sử dụng các phương pháp: thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh...

Thứ tư, tác giả đã sử dụng phương pháp phỏng vấn các nhân chứng là cựu kiều bào tại Pháp hiện đang sống tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

### **4.3. Nguồn tài liệu**

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả khai thác và sử dụng các tư liệu chính sau:

Nguồn tư liệu lưu trữ tại các trung tâm lưu trữ ở Việt Nam và Pháp. Đó là những báo cáo, công văn, tờ trình trao đổi giữa các cơ quan thuộc chính quyền Pháp ở Đông Dương và ở Pháp.

Nguồn tư liệu lưu trữ được thể hiện trong các bài đưa tin tại một số tờ báo của Pháp và Việt Nam có đề cập đến vấn đề người Việt Nam ở Pháp trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954).

Nguồn tư liệu từ Hồ Chí Minh toàn tập và Văn kiện Đảng toàn tập.

Nguồn tư liệu từ các sách, các công trình nghiên cứu khoa học, các bài viết đăng trên các báo, tạp chí có liên quan đến đề tài nghiên cứu của luận án.

Ngoài ra, luận án còn sử dụng những tư liệu thu thập được qua các đợt điền dã, phỏng vấn các nhân chứng lịch sử.

### **5. Đóng góp của luận án**

- Phục dựng một cách chân thực bức tranh về quá trình hình thành cộng đồng người Việt Nam tại Pháp.

- Phân tích, đánh giá hoạt động yêu nước và bước đầu nêu lên những đóng góp của người Việt Nam tại Pháp đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945- 1954).

- Kết quả nghiên cứu của đề tài còn là nguồn tài liệu tham khảo góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy phần lịch sử Việt Nam hiện đại, nhất là về cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở các cấp học

## **6. Kết cấu luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án có 4 chương, 12 tiết.

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Quá trình hình thành và những hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp trước thời kỳ toàn quốc kháng chiến (trước ngày 19/12/1946)

Chương 3: Hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1946 - 1954

Chương 4: Một số nhận xét về hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945 - 1954

## Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

### 1.1. Khái quát tình hình nghiên cứu đề tài

#### 1.1.1. Những công trình nghiên cứu về Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài

Đã có nhiều tác giả nghiên cứu về vấn đề này, trong đó có những công trình tiêu biểu sau:

Cuốn sách *Người Việt Nam ở nước ngoài* của Trần Trọng Đăng Đàn do Nxb Chính trị Quốc gia xuất bản năm 1997. Cuốn sách nghiên cứu tình hình người Việt Nam ở nước ngoài trên nhiều phương diện khác nhau: Hoàn cảnh lịch sử, số lượng và sự phân bố, người Việt ở khu vực Liên Xô và Đông Âu, vùng kiều cư, vấn đề pháp lý của người Việt và kiều dân ở nước ngoài, tri thức người Việt, đời sống văn hoá, vấn đề đầu tư, hoạt động chống phá của một số ít người Việt ở nước ngoài đối với đất nước...

Luận án tiến sĩ *Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh được thực hiện trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)* của tác giả Khuất Thị Hoa. Luận án làm sáng rõ quá trình thực hiện chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh và hiệu quả của nó trong quá trình kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) cùng những kinh nghiệm lịch sử quý giá. Luận án đã có một số trang đề cập đến sự đóng góp của Kiều bào, trong đó có Kiều bào ở Pháp giai đoạn 1945-1954.

Công trình *Việt kiều Lào – Thái với quê hương* của Trần Đình Lưu do Nxb Chính trị Quốc gia xuất bản năm 2004. Công trình giới thiệu quá trình hình thành cộng đồng Việt kiều Lào - Thái. Những hoạt động của Việt kiều Thái Lan từ khi mới nhen nhóm cho đến lúc được sự lãnh đạo của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Đảng cộng sản Việt Nam từ 1930 đến nay. Đặc biệt, tác giả Trần Đình Lưu đã phục dựng lại một cách chân thực phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Thái Lan trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thông qua nhiều giai đoạn. Tác giả cũng đã đưa ra được những đánh giá, nhận xét về phong trào ở từng giai đoạn nói riêng và cả phong trào nói chung.

Cuốn sách *Người Việt Nam ở nước ngoài không chỉ có Việt kiều* của tác giả Trần Trọng Đăng Đàn do Nxb Chính trị Quốc gia xuất bản năm 2005 đã khái quát lịch sử di dân Việt Nam ra nước ngoài. Khía cạnh pháp lí, kinh tế, đầu tư của người Việt Nam ở nước ngoài. Các cộng đồng người Việt tại các nước láng giềng, tại Ba Lan, Pháp, Úc.

Luận án tiến sĩ *Quá trình đổi mới chính sách của Đảng đối với người Việt Nam ở nước ngoài từ năm 1986 đến năm 2009* của tác giả Trần Thị Vui. Luận án trình bày về chính sách đổi mới của Đảng đối với người Việt Nam ở nước ngoài những năm đầu thực hiện công cuộc đổi mới (1986-1993) và công cuộc tiếp tục đổi mới (1993-2009), cùng kết quả và kinh nghiệm của Đảng về thực hiện chính sách đối với người Việt Nam ở nước ngoài từ năm 1986 đến năm 2009.

*Kỷ yếu phong trào công nhân Việt kiều yêu nước ở các đồn điền cao su Campuchia* : Sách tham khảo, lưu hành nội bộ do Bùi Tổng Hoàng (chủ biên), Trần

Rôn, Nguyễn Việt Quang. Sách do Nxb Quân đội Nhân dân xuất bản năm 2016. Cuốn sách phản ánh một phần về đời sống cơ cực của công nhân cao su ở các đồn điền Campuchia, đồng thời cũng nói lên khí phách hào hùng của phong trào Việt kiều yêu nước trong những năm tháng kháng chiến ác liệt.

Về vấn đề người Việt Nam ở nước ngoài với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, bên cạnh các hoạt động của người Việt Nam ở Pháp thì phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Thái Lan cũng rất nổi bật. Việc nghiên cứu về đề tài này có thể kể đến một số công trình đáng lưu ý:

Công trình *Kiều bào ta ở Thái Lan hướng về Tổ quốc* của Phan Huân do Nxb Sự thật xuất bản năm 1954. Đây là một trong những công trình nghiên cứu sớm nhất về người Việt Nam ở nước ngoài nói chung và người Việt Nam ở Thái Lan nói riêng. Tác giả Phan Huân đã khái quát sự hình thành cộng đồng người Việt Nam trên đất Thái Lan và những hoạt động yêu nước của họ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc.

Năm 1961, tác giả Lê Mạnh Trinh có công trình *Cuộc vận động cứu quốc của Việt kiều ở Thái Lan* do Nxb Sự Thật xuất bản. Công trình đã khái quát được phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Thái Lan trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Mặc dù không phải là một công trình đồ sộ (98 trang) nhưng tác giả đã cung cấp nhiều tư liệu quan trọng và quý giá cho công tác nghiên cứu lịch sử sau này, đặc biệt là nghiên cứu về người Việt Nam ở Thái Lan.

Công trình nghiên cứu *Việt kiều Thái Lan trong mối quan hệ Thái Lan - Việt Nam* của Trịnh Diệu Thìn và Thanyathip Sripana do Nxb Khoa học xã hội xuất bản năm 2006. Cuốn sách giới thiệu Việt kiều trong mối quan hệ Thái Lan - Việt Nam, quá trình nhập cư của cộng đồng người Việt vào Thái Lan; phong trào yêu nước của cộng đồng Việt kiều ở Thái Lan giai đoạn cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Nội dung của công trình nghiên cứu này còn nêu ra chủ trương, đường lối, chính sách của Chính phủ Thái Lan với cộng đồng người Việt ở Thái Lan. Quá trình Việt kiều Thái Lan hội hương và lối sống hòa đồng xã hội của Việt kiều Thái Lan và Việt Nam.

Bên cạnh những công trình nổi bật trên, cũng có nhiều bài viết nghiên cứu về cộng đồng người Việt Nam tại Thái Lan và phong trào yêu nước của họ hướng về Tổ quốc. Có thể kể đến: Bài viết *Cộng đồng người Việt ở Thái lan (Quá trình hội nhập và bảo tồn văn hóa tộc người)* của Trịnh Diệu Thìn đăng trên Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2 – 2007 ; Bài viết *Hoạt động yêu nước của người Việt Nam ở Thái Lan trong mối quan hệ với cách mạng Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX* của Đặng Văn Chương, Trần Quốc Nam đăng tại Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á số 4/2007...

Những công trình nghiên cứu về Việt kiều ở Thái Lan và phong trào yêu nước của họ trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã cung cấp cho tác giả sự so sánh với các hoạt động của người Việt Nam ở Pháp. Từ đó, tác giả có thể đưa ra những nhận xét và đánh giá đúng, khách quan về hoạt động yêu nước của người Việt Nam ở Pháp trong cuộc kháng chiến chống Pháp và đóng góp của họ đối với cuộc kháng chiến của dân tộc.

### 1.1.2. Những công trình nghiên cứu về cộng đồng người Việt Nam tại Pháp

Về hướng nghiên cứu này có những công trình tiêu biểu sau:

Một công trình khoa học đáng lưu ý liên quan đến vấn đề người Việt Nam ở Pháp trong giai đoạn này đó là Luận văn cao học của Jean – Marc Simon với đề tài *Cộng đồng Việt Nam và công luận ở Vaucluse về vấn đề Đông Dương 1939 – 1975*, bảo vệ tại Đại học Aix – en – Provence năm 1986. Bản tóm tắt của công trình này được đăng trên tạp chí Études Vauclusiennes (Tạp chí nghiên cứu tỉnh Vaucluse) số XXXVI, tháng 7 – 12/1986 dưới nhan đề: Người Việt Nam ở Vaucluse: trại Sorgues.

Cuốn sách *Lính thợ O.N.S* của tác giả Đặng Văn Long (1919 – 2001) được Nxb Lao Động ấn hành vào năm 1997. Tác giả Đặng Văn Long là một kiều bào tại Pháp. Cuốn *Lính thợ O.N.S* được viết theo thể tiểu thuyết, dưới hình thức tự truyện. Tác giả thông qua một số nhân vật, trong đó có chính ông, để mô tả tâm tư, cuộc sống của một đoàn thể - đoàn thể lính thợ O.N.S bị chiến tranh xô đẩy qua một xứ xa xôi có phong tục, tập quán cùng ngôn ngữ hết sức lạ lẫm. Họ có dịp cọ xát với nền văn minh phương Tây, sống chung và tiếp xúc hàng ngày với công nhân Pháp trong các xưởng máy và trải qua những cuộc vật lộn đấu tranh cho quyền lợi của mình. Tất cả những điều ấy đã được Đặng Văn Long ghi chép từng chi tiết nhỏ và diễn tả một cách sinh động trong cuốn sách này.

Cũng trong năm 1997, cuốn sách thứ hai của Đặng Văn Long: *Người Việt ở Pháp (1940 – 1954)* đã được Nxb Tủ sách nghiên cứu (Paris – Pháp) cho xuất bản. Đây là một công trình mang tính sử liệu. Tác giả đã sưu tầm và trình bày các tư liệu, sự kiện có liên quan đến đời sống vật chất, tinh thần và chính trị của cộng đồng người Việt ở Pháp trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt của nước Pháp: giai đoạn nước Pháp bị quân Đức xâm chiếm và sau đó, được giải phóng. Sách gồm nhiều chương, chia làm ba phần lớn:

- Phần thứ nhất: căn cứ theo một số tư liệu lưu trữ trong Thư viện Quốc gia Pháp; mặt khác, tác giả dựa vào những ghi chép, thông qua các cuộc gặp gỡ, trao đổi ý kiến với một số người có liên quan đến vấn đề nghiên cứu để nói về đời sống và những hình thức tổ chức của các thành phần và các giới trong cộng đồng.

- Phần thứ hai nói về hai đoàn thể công binh và chiến binh.

Phần này chiếm dung lượng lớn nhất của cuốn sách.

Vừa là nhân chứng, vừa là người trong cuộc, lại có may mắn nắm giữ gần hai chục kiện tài liệu lưu trữ của các nhóm hay tổ chức chính trị như: Nhóm Trótkít Việt Nam, Tổng Ủy ban Đại diện Việt kiều, Trung ương Công binh, Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp... nhờ thế tác giả am hiểu các vấn đề từ gốc đến ngọn. Vì vậy tác giả Đặng Văn Long đã làm sáng rõ thực trạng của của hai đoàn thể *Công binh* và *Chiến binh*. Theo đó cuốn sách đã được ông biên soạn tỉ mỉ, chi tiết và nó trở thành những trang viết có giá trị tư liệu vô giá.

- Phần thứ ba, tác giả trích dẫn hoặc in lại các văn kiện, các bài báo, diễn văn, truyền đơn... (dịch từ tiếng Pháp hay nguyên bản tiếng Việt) tất cả những gì được coi là quan trọng, tiêu biểu cho các khuynh hướng Việt kiều thời đó.

Cuốn sách *Bước đầu tìm hiểu cộng đồng Việt kiều trên đất Pháp (1914- 1946)*, Nxb Lao Động năm 2002 của tác giả Nguyễn Văn Khoan.

Nội dung chính của cuốn sách gồm 4 chương.

Chương 1: Những người Việt Nam sang Pháp.

Chương 2: Tổ chức của Việt kiều tại Pháp.

Chương 3: Hoạt động và đấu tranh của Việt kiều tại Pháp.

Chương 4: Báo chí của người Việt tại Pháp.

Nhìn chung, cuốn sách *Bước đầu tìm hiểu cộng đồng Việt kiều trên đất Pháp (1914- 1946)* của tác giả Nguyễn Văn Khoan đã tập trung làm sáng rõ sự hình thành cộng đồng Việt kiều trên đất Pháp, đồng thời bước đầu trình bày một số hoạt động của họ trên các lĩnh vực tại Pháp. Vì vậy, tác giả chưa có dịp nghiên cứu những đóng góp của họ. Hơn nữa, cuốn sách chỉ khoanh vùng thời gian nghiên cứu đến năm 1946.

Cuốn sách *Hành trình của một cậu ấm tại Pháp (1940 – 1946)* của tác giả Lê Hữu Thọ do NXB Thành Nghĩa phát hành năm 2003. Cuốn sách được viết theo hình thức tự truyện của chính tác giả.

Câu chuyện của một chàng trai trẻ Việt Nam có học thức. Năm 19 tuổi, anh rời Việt Nam đến Pháp để làm phiên dịch cho hơn 20 ngàn lính thợ người Việt tại Pháp. Nhưng cuộc sống của anh tại đây đã bị đảo lộn bởi Chiến tranh Thế giới thứ 2.

Cuốn Tự truyện đã cung cấp những thông tin về số phận éo le của những người nông dân Việt Nam rời bỏ quê hương tới Pháp – nơi đất khách quê người – sống một cuộc đời tha hương với nhiều bi kịch.

Cuốn tự truyện cũng có những giá trị văn học khi thể hiện ý chí mãnh liệt muốn thành công; tình yêu nước Pháp của ông, hiện thân của Madeleine trẻ đẹp, nghị lực và tình yêu của cô ấy đã giúp ông hoà nhập với xã hội nước Pháp.

Tác phẩm này được giải đặc biệt văn chương Châu Á lần thứ 26 do ADEL (Hiệp hội các nhà văn viết bằng tiếng Pháp), được trao tặng tại Thượng Nghị Viện Pháp ở Paris tháng 3 năm 1999.

Công trình *Kiểu bào và quê hương* do Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài tại Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Nxb Trẻ phát hành năm 2006. Cuốn sách bao gồm những bài viết của nhiều tác giả đã từng là Việt kiều tại Pháp. Những bài viết đó đã tập trung nói nhiều về phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp. Thông qua tập sách này, công trình còn mong muốn gửi những lời cảm ơn đến nhân dân thế giới đã cùng chia lửa cho công cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam.

Tập Sách *Công Hội người Việt Nam tại Pháp 90 năm một con đường* của Hội người Việt Nam tại Pháp do Nxb Chính trị quốc gia phát hành năm 2008 cũng là một



tài liệu đáng lưu ý. Cuốn sách bao gồm nhiều hình ảnh về Việt kiều và phong trào hoạt động, đấu tranh của Việt kiều tại Pháp từ năm 1919 đến năm 2009.

Cuốn sách *Những người lính thợ Đông Dương (Travailleurs Indochinois requis)* là tập sách song ngữ Pháp – Việt của tác giả Luguern Liêm Khê. Sách dày 256 trang, được ấn hành bởi Nhà xuất bản Đà Nẵng vào tháng 6/2010. Đây là công trình viết về những người Việt Nam bị Chính quyền Pháp đưa sang Pháp làm lính thợ để phục vụ trong hai cuộc chiến tranh thế giới. Qua đó giúp cho các thế hệ người Việt ngày nay biết tới số phận của một bộ phận người Việt Nam phải xa xứ theo dạng cưỡng bức. Đồng thời, tác giả cũng muốn để lịch sử nước Pháp không quên những người lính thợ này, những đau khổ và những bất công mà họ phải chịu đựng, từ khi mới đặt chân tới “Mẫu quốc” Pháp cho tới tận ngày hôm nay.

Tác giả Luguern Liêm Khê đã sử dụng phương pháp phỏng vấn để tiếp cận các nhân chứng sống của lịch sử. Đó là những: Ngạn, Thịnh, Vy, Mươi Oanh, Cấn, Định, Thiêm, Duyệt, Liên, Quy, San, Tề, Quý, Giao, Tiên, Nam, Khâu... - những người bị Chính phủ Pháp cưỡng ép rời quê hương để sang Pháp, phục vụ cho nước Pháp trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. Những mẫu ký ức của họ không giống nhau vì họ đã già nua và yếu ốm. Nếu không có tập sách nhỏ này ra đời, thì sẽ không có một dấu tích của một văn bản nào viết về quá khứ đó.

Năm 1990, Hiệp hội hỗ trợ những người lính thợ và lính chiến tại Pháp đã gửi tới Tổng thống Pháp một thỉnh cầu. Thỉnh cầu không đòi hỏi quyền được trợ cấp mà thay vào đó chỉ là một tặng vật chứng tỏ sự ghi nhận của Chính phủ Pháp đối với những cống hiến của họ cho nước Pháp. Nhưng đòi hỏi “nhỏ nhoi” này cũng không được đáp lại. Đến nay, Hội đã ngừng hoạt động do những người đứng đầu đã qua đời. Chỉ còn lại một vài thành viên đã già yếu và vẫn “mòn mỏi” chờ đợi một cử chỉ biết ơn từ phía nước Pháp.

Trước khi cho ra đời tác phẩm này, Luguern Liêm Khê đã có một Luận văn cao học với đề tài *Người lao động Đông Dương ở Pháp từ 1939 đến 1945* do Philippe Vigier hướng dẫn và bảo vệ thành công tại Đại học Paris X năm 1988. Sau đó, đến năm 2014, nữ tác giả Việt kiều tại Pháp này tiếp tục bảo vệ thành công Luận án tiến sỹ với đề tài *Người lao động Đông Dương - Nghiên cứu tình trạng nhập cư thời thuộc địa về phương diện lịch sử - xã hội* do Gérard Noiriel hướng dẫn và bảo vệ thành công ở EHESS Paris.

Năm 2007, Luguern Liêm Khê có bài báo *Người lao động Đông Dương vô danh trong Thế chiến II: Không dân sự cũng chẳng phải quân sự* đăng trên Tạp chí *Le Mouvement social*, số 219 - 220. Bài báo được tác giả tập trung đề cập đến thân phận của những người lính thợ Đông Dương bị Chính quyền thực dân Pháp cưỡng bức phải sang Pháp lao động phục vụ cho cuộc Chiến tranh thế giới mà thực dân Pháp tham chiến. Họ phục dịch cho quân đội Pháp nhưng không mang danh nghĩa quân nhân. Bên cạnh đó, họ cũng không được hưởng các quyền lợi như những người dân Pháp

bình thường. Sau khi nước Pháp bị Phát xít Đức chiếm đóng, họ lại phải làm việc dưới sự bóc lột của người Đức không khác gì những tù nhân.

Tác giả Trần Tứ Nghĩa, nguyên Chủ tịch Hội người Việt Nam tại Pháp có 2 công trình: *Một thế kỷ của phong trào người Việt tại Pháp hướng về đất nước- Một thoáng nhìn lại* và *30 năm với Hội người Việt Nam tại Pháp* do Nxb Trẻ phát hành năm 2011. Tác giả của hai công trình này tiếp cận vấn đề trên cơ sở sự hồi tưởng lại thông qua những bài viết của những trí thức Việt kiều đã từng sống, học tập tại Pháp cũng như tham gia phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam ở Pháp trải qua nhiều thời kỳ, các giai đoạn lịch sử gắn kết với những biến cố của lịch sử dân tộc.

Cuốn sách “*Hoạt động quốc tế của Nguyễn Ái Quốc (1911 - 1941)*” do Nxb Tp Hồ Chí Minh xuất bản năm 2011 của tác giả Trần Nam Tiến. Cuốn sách giới thiệu về quá trình hình thành con đường cứu nước và những hoạt động quốc tế của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài (1911-1917), ở Pháp (1917-1923), ở Liên Xô (1923-1924), ở Trung Quốc, Châu Âu và Xiêm (1924-1929), góp phần thành lập Đảng cộng sản Việt Nam, xây dựng mối quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới (1930-1941). Trong công trình nghiên cứu của mình, tác giả Trần Nam Tiến cũng phần nào đề cập đến vấn đề Việt kiều ở Pháp và phong trào yêu nước của họ.

Tác giả Pierre Daum có cuốn sách *Immigrés de force, les travailleurs indochinois en France (1939-1952)* (Người nhập cư cưỡng bức, công nhân Đông Dương tại Pháp (1939 - 1952) được giới thiệu bởi Nhà xuất bản Actes Sud tại Paris vào năm 2009. Cuốn sách này được dịch sang tiếng bởi dịch giả Trần Hữu Khánh Việt với tên: *Lính thợ Đông Dương ở Pháp (1939 - 1952) một trang sử thuộc địa bị lãng quên* được Nhà xuất bản Tri thức xuất bản tại Hà Nội. Tuy nhiên, bản dịch này đã bị lược bỏ một số phần so với nội dung của nguyên tác.

Tác giả Pierre Daum là nhà báo, cựu thông tin viên của tờ *Libération* ở Áo, ông cộng tác với nhiều tờ báo ở châu Âu như *Le Monde*, *L'Express*, *La Libre Belgique*, *La Tribune de Genève*...

Cuốn *Lính thợ Đông Dương ở Pháp (1939 - 1952) - Một trang sử thuộc địa bị lãng quên* (nguyên tác: *Immigrés de force - Les travailleurs indochinois en France (1939 - 1952)*), cho biết, tháng 9 năm 1939, khi nước Pháp tuyên chiến với phát xít Đức, chính phủ Pháp đã đưa 20.000 thanh niên Việt Nam đến chính quốc nhằm phục vụ chiến tranh. Cảm nhận về tập sách này, tác giả Chu Hảo nhấn mạnh: “Phần lớn những người này bị trưng tập cưỡng bức và ban đầu được sung làm công nhân trong các nhà máy vũ khí. Tháng 6.1940, nước Pháp thất trận đã khiến các cuộc trưng tập cũng đột ngột chấm dứt. 4.500 người trong số này đã được hồi hương trước khi hải quân Anh phong tỏa đường biển đến Viễn Đông đối với các tàu Pháp. 15.000 người còn lại được đưa về miền Nam và giam giữ trong khoảng một chục trại lao động Đông Dương ở Marseille, Sorgues, Agde, Toulouse, Bergerac, Bordeaux, Saint-Chamas và Vénissieux. Những trại này do các cựu sĩ quan Pháp của quân đội thực dân chỉ huy với chế độ kỷ luật rất nghiêm ngặt: ức hiếp, đánh đập và phân biệt chủng tộc hết như đã

từng áp dụng ở các thuộc địa. Được quản lý bởi cơ quan Nhân công Bản xứ thuộc Bộ Lao động, những người này được trưng dụng vào tất cả các ngành kinh tế. Cho đến năm 1948, nhà nước Pháp cho các xí nghiệp công và tư thuê số nhân công này và bỏ túi hàng đồng tiền nhưng không hề trả bất cứ đồng lương nào cho người thợ.

Năm 1942, có 500 người trong số họ được gửi đến Camargue để tìm cách phục hồi nghề trồng lúa ở đó. Nhờ kinh nghiệm của mình, họ đã thành công vượt bậc. Ngày nay chính là nhờ những người lao động Đông Dương (ONS ) ấy mà cây lúa gạo mới có mặt trên đất Pháp.

Tuy nhiên đã bảy mươi năm qua câu chuyện lịch sử này vẫn bị chôn sâu trong ký ức người Pháp”.

Lần đầu tiên, Pierre Daum đã công bố các thông tin về sự kiện trên thông qua số liệu, số phận con người cụ thể tại tập sách *Lính thợ Đông Dương ở Pháp (1939 - 1952) - Một trang sử thuộc địa bị lãng quên..*

Cảm động nhất là thông qua tập sách, chúng ta thấy một điều, dù sống trên đất khách quê người, nhưng những người lính thợ luôn một lòng hướng về Tổ quốc với những việc làm thiết thực khi có cơ hội. Cụ thể là họ đã tổ chức được một cuộc mít tinh trọng thể đông hàng ngàn người để chào đón vị lãnh tụ của dân tộc- Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người cùng phái đoàn sang Pháp dự hội nghị Fontainebleau năm 1946.

Cuốn sách đã có tiếng vang nhất định, liên tục được tái bản, được chuyển thể thành phim và là đề tài của cuộc triển lãm lưu động cũng như rất nhiều cuộc hội thảo trên khắp nước Pháp.

Nhưng thành công lớn nhất của công trình này là nó đã thức tỉnh được lương tri của nhiều người Pháp. Thông qua đó, tiếng vang của cuốn sách đã khiến chính quyền các địa phương ở Pháp và Chính phủ Pháp phải có những hành động thể hiện sự ghi nhận đối với những đóng góp cho nước Pháp của những người lính thợ Việt Nam.

Có thể khẳng định, *Lính thợ Đông Dương ở Pháp (1939 - 1952) - Một trang sử thuộc địa bị lãng quên* đã hoàn thành nhiệm vụ giúp trả lại phần nào công bằng cho hai vạn lính thợ Việt Nam. Đó cũng là tâm nguyện của tác giả khi thực hiện đề tài này.

Trước khi cho ra đời cuốn sách *Lính thợ Đông Dương ở Pháp (1939 - 1952) - Một trang sử thuộc địa bị lãng quên*, tác giả Pierre Daum đã có một loạt các bài viết liên quan đến vấn đề này. Năm 2012, có bài *Người lao động Đông Dương tham gia đấu tranh vì nền độc lập ở Việt Nam (1943 – 1952)* trên Tạp chí *Migrance*, số 39. Năm 2013, ông tiếp tục có bài *Khi người Đông Dương canh tác đất Camargue* đăng trên Tạp chí *Géo Histoire* số 8. Tháng 1 năm 2014, trên Tạp chí *Hommes et migration* số 1305, ông lại cho đăng bài *Sống lại một hồi ức, người lao động Đông Dương trong thế chiến II*.

Cuốn sách *Những trí thức Việt Kiều theo bước Bác Hồ năm 1946* của Thành Đức do Nxb Giáo dục xuất bản năm 2015. Cuốn sách ghi lại những cống hiến to lớn cho đất nước của các trí thức Việt kiều ở Pháp theo Hồ Chí Minh trở về Tổ quốc năm

1946; tình cảm của đồng bào tại Pháp đối với Người cũng như những hoạt động của Người cùng đoàn Chính Phủ VNDCCH tại Pháp mùa thu năm 1946...

Luận án tiến sỹ “*A westward journey, an enlightened path: Vietnamese linh tho, 1915 – 1930*”(Cuộc hành trình về phía Tây, một con đường giác ngộ: linh thợ Việt Nam 1915 – 1930) của Vũ Thị Kim Loan. Công trình này nghiên cứu về lịch sử Việt Nam thời Pháp thuộc và những người linh thợ Việt Nam phục vụ cho Pháp trong Chiến tranh thế giới thứ nhất. Bên cạnh đó, tác giả đã phân tích những vấn đề liên quan đến người linh thợ như: hợp đồng quân sự cho chính phủ thuộc địa, lương, trợ cấp cho gia đình, miễn thuế, tiền trợ cấp...

Bài viết “*Linh thợ Đông Dương – lao động cưỡng bức*” của Nguyễn Thụy Phương đăng trên tạp chí Xưa và Nay, số 345 (tháng 12/2009). Bài viết đã lột tả tình cảnh khốn khổ và éo le của khoảng hơn 20.000 nông dân Việt Nam bị thực dân Pháp cưỡng ép sang Pháp phục vụ trong Chiến tranh thế giới thứ hai tại các ngành công nghiệp quốc phòng và trở thành những người linh thợ không chuyên. Họ bị Chính quyền Pháp ngược đãi, mặc dù xét về bản chất, họ đang cống hiến cho nước Pháp. Tình trạng ấy tiếp tục diễn ra khi nước Pháp thua trận. Họ lại trở thành đối tượng bóc lột sức lao động của quân đội phát xít Đức. Mong muốn hồi hương sau ngày nước Pháp giải phóng của họ cũng bị trì hoãn liên tục và phải đến năm 1952, những con người này mới thực sự được Chính quyền Pháp tạo điều kiện trở về quê hương. Bài viết cũng đề cập đến những đóng góp của linh thợ Việt Nam ở Pháp cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc.

Bài viết “*Nguyễn Ái Quốc với phong trào yêu nước của Việt kiều tại Pháp (1917 – 1923)*” của Nguyễn Thúy Đức đăng trong Tạp chí Lịch sử Đảng, số 4 – tháng 4/2009. Ở bài viết này, tác giả đã đề cập tới một số hoạt động yêu nước của Việt kiều tại Pháp trong giai đoạn 1917 – 1923. Thông qua đó, tác giả cũng khẳng định vai trò linh hồn của Nguyễn Ái Quốc trong việc duy trì và phát triển phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt nam tại Pháp trong giai đoạn này.

Các bài viết: “*Nguyễn Ái Quốc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân (1911 – 1941)*” của Nguyễn Trọng Phúc; “*Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian tham gia Đảng Xã hội Pháp (1919 – 1920)*” của Vũ Thị Nhị và “*Nguyễn Ái Quốc với việc thiết lập đường dây liên lạc giữa Quốc tế Cộng sản với cách mạng Việt Nam (1923 – 1927)*” của Phạm Thị Lai đăng trong Tạp chí Lịch sử Đảng, số 5 tháng 5/2009. Tất cả đều có nội dung về những hoạt động cách mạng của Nguyễn Ái Quốc trong thời gian Người ở Pháp và có sự liên hệ với phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp trong những giai đoạn mà các bài viết nghiên cứu.

Bài viết “*Một số đóng góp của Việt kiều ở Pháp trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược*” của Trần Thị Vui đăng trên Tạp chí Lịch sử Đảng – số 3/2015. Trong bài viết này, tác giả đã đề cập đến những đóng góp nổi bật của Việt kiều tại Pháp đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954)

và cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ (1954 – 1975). Bài viết này chủ yếu nhấn mạnh đến những đóng góp trên lĩnh vực chính trị.

Ngoài ra, viết về cộng đồng người Việt Nam tại Pháp còn được đề cập đến trong một số cuốn sách nghiên cứu về vai trò của Hồ Chí Minh trong giai đoạn lịch sử này như: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với nước Pháp*, Nxb Chính trị quốc gia (2004) của tác giả Phạm Hoàng Điệp; *Nguyễn Ái Quốc ở Pháp 1917- 1923*, Nxb Công an Nhân dân (2006) của Nguyễn Phan Quang; *Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Pháp*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1984 của tác giả Nguyễn Thành, ... Một số tác giả nước ngoài cũng có đề cập đến vấn đề này qua quá trình nghiên cứu về Hồ Chí Minh, đáng chú ý là tác giả E. CÔBÊLÉP với cuốn *Đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội- Nxb. Tiến Bộ, Mátxcova, 1985; Tác giả CHARLES FOURNIAU: *Hồ Chí Minh, notre camarade-ed. Sociales*, Paris, 1970...

## **1.2. Một số nhận xét về tình hình nghiên cứu đề tài**

### **1.2.1. Những vấn đề đã được làm rõ**

Có thể thấy, vấn đề người Việt Nam ở nước ngoài nói chung và người Việt Nam ở Pháp nói riêng là một nội dung trong nghiên cứu về khoa học lịch sử của nhiều tác giả trong và ngoài nước. Điều này được thể hiện một cách cụ thể trong những công trình nghiên cứu ở các sản phẩm như : sách, luận văn, luận án, các bài báo, bài viết.

Đối với vấn đề liên quan trực tiếp tới luận án của tác giả về người Việt Nam tại Pháp trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, đã có những công trình tiếp cận trên nhiều góc độ khác nhau. Thông qua việc tham khảo và nghiên cứu, tác giả có thể thấy được một số vấn đề đã được làm rõ:

Thứ nhất, ở một mức độ nhất định, các công trình nghiên cứu đã làm rõ được sự hình thành cộng đồng người Việt Nam trên đất Pháp. Thông qua đó, người đọc có thể nhìn nhận một cách khái quát những lý do khác nhau dẫn đến sự có mặt của người Việt Nam tại Pháp. Đồng thời là những thay đổi của cộng đồng người Việt tại đây qua các thời kỳ và giai đoạn của lịch sử.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu đã góp phần phục dựng được các hoạt động của người Việt Nam tại Pháp từ khi cộng đồng này hình thành cho tới tận ngày nay. Đó là những hoạt động trên tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Các hoạt động đó đã có những tác động nhất định tới xã hội nước Pháp và tình hình ở Việt Nam, đặc biệt trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở Tổ quốc.

Thứ ba, các công trình đã nghiên cứu được những hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn trước cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Thông qua đó, khẳng định vai trò của một số nhà yêu nước Việt Nam đối với phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp, đặc biệt là vai trò của Nguyễn Ái Quốc. Đây là nền tảng cho phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp về sau, đặc biệt là trong giai đoạn 1945 – 1954.

Thứ tư, một số công trình đã tập trung nghiên cứu một bộ phận đặc biệt đó là *lính thợ người Việt Nam tại Pháp*. Thông qua việc làm rõ sự hiện diện cũng như những hoạt

động của họ, các tác giả đã khẳng định được những đóng góp quan trọng của bộ phận này đối với chính nước Pháp, không chỉ về kinh tế mà còn là công lao của họ trong cuộc đấu tranh giải phóng nước Pháp khỏi sự cai trị của Phát xít Đức. Bên cạnh đó, các tác giả cũng luôn khẳng định nguyện vọng chính đáng muốn trở về Tổ quốc của họ và đặc biệt là những đóng góp mà họ đã dành cho cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở quê hương. Theo đó, có thể khẳng định, tuyệt đại đa số bộ phận lính thợ Việt Nam tại Pháp đều ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc mình.

### ***1.2.2. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu***

Bên cạnh những thành quả mà các công trình nghiên cứu trước đem lại, tác giả cũng nhận thấy còn một số vấn đề cần được bổ sung. Trên cơ sở đó, luận án tập trung làm rõ những vấn đề sau.

Thứ nhất, luận án cần hệ thống hóa được quá trình hình thành cộng đồng người Việt Nam tại Pháp từ khi bắt đầu xuất hiện những người Việt Nam đầu tiên tại Pháp cho đến năm 1954. Thông qua đó, luận án cần chỉ ra những thay đổi của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn này và lý do khách quan, chủ quan của những sự thay đổi ấy.

Thứ hai, mặc dù những công trình trước đó đã phân nào nghiên cứu về các hoạt động yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp, tuy nhiên những hoạt động và đóng góp của họ trong giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954) còn chưa được đề cập một cách cụ thể và có hệ thống. Chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp vấn đề này. Luận án cần tập trung làm rõ các hoạt động yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945-1954.

Thứ ba, ở một số công trình có đề cập đến những đóng góp của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp nhưng chỉ hạn chế trong đối tượng bộ phận lính thợ Việt Nam mà chưa đề cập đến vai trò của các bộ phận người khác trong cộng đồng người Việt tại đây. Vì vậy, luận án cần làm sáng rõ hơn vai trò của các bộ phận khác trong cộng đồng người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn 1945-1954.

Thứ tư, luận án đưa ra được những nhận xét, đánh giá về hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn 1945 – 1954. Qua đó, luận án khẳng định những đóng góp của phong trào này đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc trên tất cả các lĩnh vực. Trên cơ sở đó, luận án cũng chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn 1945 – 1954.

## Tiểu kết chương 1

Cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là đề tài đã được nhiều tác giả ở trong và ngoài nước nghiên cứu. Đó đều là những công trình có giá trị khoa học và thực tiễn. Các công trình này đã cho người đọc cách nhìn khái quát về cộng đồng Việt kiều đang sinh sống tại hải ngoại cũng như những đóng góp của họ cho đất nước qua các thời kỳ.

Cộng đồng người Việt Nam tại Pháp cũng là một chủ đề thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều tác giả, đặc biệt là những tác giả người Pháp. Đó là những công trình nghiên cứu một cách khái quát cộng đồng người Việt Nam trên đất Pháp từ khi hình thành tới nay. Những công trình đó đã khẳng định những đóng góp của người Việt Nam tại Pháp cho Tổ quốc của họ và cho chính nước Pháp.

Mặc dù vậy, hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn 1945 – 1954 là vấn đề chưa được một công trình nào nghiên cứu một cách cụ thể và chi tiết. Thực tiễn này đã tạo ra một khoảng trống trong nghiên cứu lịch sử. Luận án đã lựa chọn đề tài này làm hướng nghiên cứu của mình, thông qua đó phục dựng toàn bộ phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945 – 1954 và đưa ra những đánh giá, nhận xét về phong trào này.

## **Chương 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ NHỮNG HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TẠI PHÁP TRƯỚC THỜI KỲ TOÀN QUỐC KHÁNG CHIẾN (TRƯỚC NGÀY 19/12/1946)**

### **2.1. Sự hình thành cộng đồng người Việt Nam tại Pháp**

#### **2.1.1. Cộng đồng người Việt Nam tại Pháp trước năm 1930**

Trạng thái dân cư hiện thời trên trái đất được hình thành bởi những cuộc di chuyển không ngừng nơi ăn, chốn ở của con người từ hàng nhiều thế kỷ trước. Cũng như nhiều quốc gia khác, người Việt Nam cũng có mặt và sinh sống ở một số nước không phải Tổ quốc mình.

Một trong những nơi mà kiều dân Việt Nam có mặt sớm nhất đó là nước Pháp. Nhưng phải đến đầu thế kỷ XX, cộng đồng người Việt Nam tại Pháp mới tăng lên đáng kể. Nguyên nhân chính là cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất bắt buộc chính phủ nước này phải tuyển nhân công để sung vào các xưởng sản xuất trong khi dân Pháp chính gốc phải dồn vào phục vụ cuộc chiến.

*“Theo Lệnh tuyển lính bản xứ tại Liên bang Đông Dương thuộc Pháp được ban hành vào tháng 11/1915, Pháp cũng đã mở cuộc tổng động viên để bổ sung quân đội. Sang tháng 1/1916, triều đình Huế cũng có dụ ban thưởng 80 đồng bạc Đông Dương cho những ai nhập ngũ. Đến năm 1918 khi có lệnh đình chiến thì đã có 48.922 binh lính gốc Việt Nam tại châu Âu và Bắc Phi; có 51.000 thợ (ouvriers non spécialisés, viết tắt là ONS- tiếng Việt gọi là "lính thợ" hay "công binh") gốc Việt trong các công xưởng của nước Pháp, trong số đó có 1.548 người tử vong”* [146, tr.275].

Số người Việt lưu trú tại Pháp sau giảm nhiều vì đa số chọn hồi hương. Số ở lại chỉ khoảng 3.000 người. Có người ở lại vì kết hôn với người Pháp nhưng phần lớn vì lý do giáo dục và công việc.

Theo nhà báo Pierre Daum, từ năm 1914, Chính phủ Pháp đã điều động xấp xỉ 200.000 lao động từ các thuộc địa, trong đó có khoảng 49.000 người đến từ Đông Dương [108, tr.51].

Trong bài báo “Đông Dương và Triều Tiên” đăng trên báo Le Populaire ngày 4/9/1919, Nguyễn Ái Quốc lúc đó đang ở Pháp cũng đã cho biết tình hình lính chiến người Việt Nam tại Pháp. Theo đó, người ta biết được, *“hơn 100 ngàn người lao động và rất nhiều tiểu đoàn lính chiến đấu, kể trước người sau, họ đều bị trưng tập và bắt buộc đưa sang Pháp hay đi các nơi khác, còn số người đi tình nguyện thì không sao kể xiết. Trong số những người lao động và binh lính An Nam ấy, đã có hàng mấy chục ngàn người ra đi mà không bao giờ còn trở lại quê hương đất nước nữa, bởi một lý do rất đơn giản là họ đã chết”* [97, tr.292].

Cũng theo tư liệu của Bộ Cựu chiến binh Pháp, sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, tính ra đã có 28.700 binh sĩ chết và 6.500 người mất tích. Năm 1917, người Việt xây dựng chùa Hồng Hiền để tưởng nhớ đồng bào của mình hy sinh trong chiến tranh tại Frejus (tỉnh Var) [56, tr.5].



Năm 1918, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, phần đông lính thợ, lính chiến được hồi hương. Số ở lại lập nghiệp không đông lắm, khoảng trên 1000 người.

Theo nhà sử học người Pháp Daniel Hémerly, rất ít người lao động Việt Nam ở lại Pháp sau năm 1920. Người làm phiên dịch chắc chắn ở lại nhiều hơn người lao động. Sau chiến tranh, tình hình Việt kiều ở Pháp có phần ổn định do những nguyên nhân chính:

Thứ nhất, có những thị trường bổ sung về nhân công làm theo giao kèo từ Đông Dương sang chính quốc, việc tuyển mộ lao động làm trên các tàu biển chạy trên các đường thuộc địa hoặc làm trong một số khu vực nghề rất đặc biệt (như làm nghề sơn). Từ khi có chiến tranh, ngành công nghiệp máy bay ở Paris dùng thợ Việt Nam làm nghề sơn máy bay. Những xưởng lớn của người Đông Dương đặt ở phố Olivier, phố Beaumier, phố Diderot, biệt thự Camélias ở Malacôp. Ở Boulogne, tháng 12/1929 có 250 thợ sơn ở Paris, hoặc 17 người làm vải nhựa ở Bobigny vào tháng 12/1921.

Thứ hai, việc tiếp tục theo học ở các trường trung học hoặc đại học Pháp.

Thứ ba, việc luân chuyển các đơn vị lính pháo thủ thuộc địa giữa các đồn binh ở Pháp với đồn binh ở Rhénanie (Đức), đây là vùng quy định đóng quân của quân đội Pháp.

Cuối cùng là yêu cầu của những người giúp việc [145, tr.15].

Khi Nguyễn Ái Quốc từ Anh đến Paris, ở đây đã có một số người Việt Nam đang hoạt động và hành nghề. Một trong số đó có tiến sĩ luật Phan Văn Trường. Ông sống, học tập và làm việc ở Pháp từ năm 1910 đến năm 1923. Phan Văn Trường đã giúp đỡ Nguyễn Ái Quốc rất nhiều trong sinh hoạt cũng như trong công việc học tập, làm chính trị, viết sách báo.

Theo hồ sơ lưu trữ quốc gia Pháp của cơ quan liên lạc những người gốc gác vùng đất hải ngoại (SLOTFOM) tập 3, số 33, những năm 1923- 1924 trên đất Pháp có:

<b>Theo xã hội nghề nghiệp</b>	<b>Đến ngày 30/3/1923</b>	<b>Đến ngày 12/5/1924</b>
- Lính mộ	5.300	7.416
- Dân thường, trong đó có:	2.945	1.239
+ Lính giải ngũ	?	227
+ Thủy thủ	?	335
+ Bồi bếp	?	500
+ Sinh viên	36	177
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.281</b>	<b>9.894</b>

*Bảng 1: Thống kê tình hình người Việt Nam tại Pháp những năm 1923 – 1924 [43]*

Vào thập niên 20 của thế kỷ XX, trong số những sinh viên du học được thống kê ở bảng trên, đáng chú ý có những tên tuổi: Nguyễn An Ninh (1900- 1943) đỗ cử nhân luật ở Paris năm 1921; Dương Văn Giáo (1894-1945) đỗ tiến sĩ luật năm 1926; Nguyễn Thế Truyền (1898-1969); Nguyễn Văn Thịnh (1888-1946) đỗ thủ khoa trường

Đại học Y khoa Đông Dương năm 1907 rồi sau đó sang Pháp theo học tại Y khoa Đại học Đường Paris, lấy bằng bác sĩ y khoa Pháp; Trịnh Đình Thảo (1901- 1980). Nguyễn Ái Quốc mà sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đến Pháp năm 1917 đã tạo nên một diện mạo mới cho cộng đồng người Việt tại Pháp.

Số lượng người Việt Nam ở Pháp có sự thay đổi từ năm 1924 đến năm 1929. Theo Sở Cảnh sát Pháp, tính đến tháng 1/1929: “ ...có 5000 người Đông Dương, chia ra ba loại chính: 1000 thủy thủ, 1.265 bồi bếp, 1.700 sinh viên và học sinh trung học. Có 1.100 ở Paris, 200 ở Aix en Provence, 110 ở Toulouse. Học sinh trung học chiếm số đông. Như ở Toulouse vào tháng 11 năm 1928, trong số 110 du học sinh thì 79 là học sinh trung học, 20 sinh viên khoa học, 2 học luật, 5 học khoa Văn, 4 học ở Viện Điện kỹ thuật. Trong số này, 24% quê Bắc Kỳ, 72% quê Nam Kỳ. Trong số 438 sinh viên du học ở Pháp về nước từ đầu năm 1926 đến năm 1930, 27% về Bắc Kỳ, 69% về Nam Kỳ, 4% về Trung Kỳ” [144, tr.17].

Trong “Tờ trình của Tổng nha Mật thám về thuộc địa Đông Dương” vào ngày 13/3/1930, đã có một bảng thống kê số người Việt Nam ở 9 thành phố Pháp tính đến ngày 13/3/1930 như sau:

Thành phố	Tổng số	Thủy thủ	Công nhân, nhân viên phục vụ quán cà phê, tiểu thương, chủ quán cơm	Viên chức	Sinh viên	Đàn bà, trẻ con	Lính mộ
Marseille	810	650	37	5	54	39	25
Aix en Provence	?				36	1	50
Arles	?			1	13	?	?
Le Havre	200	170	30			?	
Montpellier	134		30		78	?	56
Toulouse	131			5	101	?	
Bordeaux	135	70				14	?
Nancy	14				14		
Paris	1500		300		1200	?	
<b>Tổng cộng</b>	<b>2924</b>	<b>890</b>	<b>397</b>	<b>11</b>	<b>1556</b>	<b>54</b>	<b>131</b>

Bảng 2: Thống kê số người Việt Nam tại 9 thành phố của Pháp tính đến ngày 13/3/1930 [17].

Với chính sách nô dịch về văn hóa nhằm tạo nên hậu quả ngu dân và tâm lý tự ti mất nước, thực dân Pháp đã cố gắng hạn chế và thậm chí là ngăn chặn việc xuất dương của người Việt Nam. Những thành tựu của văn hóa và văn minh tiến bộ của nhân loại cũng bị chúng bưng bít, không cho người Việt Nam được tiếp cận, kể cả những văn hóa tiến bộ của nước Pháp. Thanh thiếu niên Việt Nam sang Pháp du học phần lớn xuất thân từ những gia đình trung lưu, thượng lưu, quan chức ở trong nước. Bằng nhiều con đường và vượt qua những rào cản về chính trị của chính quyền thực

dân, họ muốn tiếp xúc được với văn hóa phương Tây và mở mang hiểu biết nhưng lại bị chính quyền thực dân hạn chế. Ở thời điểm này, mỗi năm chính quyền thực dân Pháp chỉ cho người An Nam sáu xuất học bổng đi Pháp. Những cuộc xuất dương du học này “*tham gia phần nào*” vào cuộc xuất dương yêu nước cùng thời đã đẩy hàng trăm thanh niên sang Quảng Châu (Trung Quốc) và tới trường cách mạng do Nguyễn Ái Quốc lãnh đạo” [89, tr.26].

Tuy nhiên trong số những sinh viên Việt Nam sang Pháp cũng có nhiều trường hợp nhà nghèo nhưng học rất giỏi. Họ được học bổng của Chính phủ hoặc được các Hội khuyến học cử sang Pháp du học mà Hội “Một đồng xu” ở Nam Bộ là một ví dụ. Ngoài ra còn có một bộ phận thanh niên yêu nước bị tình nghi hoạt động chống đối chính quyền trong nước đã bí mật xuống tàu biển, tìm đường sang Pháp. Đó là trường hợp Nguyễn Văn Tạo (1908-1970) quê Long An. Năm 1926 ông trốn sang Pháp hoạt động chính trị, năm 1929 là Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, năm 1939 cùng với 18 sinh viên khác (trong đó có Trần Văn Giàu, Tạ Thu Thâu, Trịnh Văn Phú...) bị trục xuất về Sài Gòn. Đến năm 1940 Nguyễn Văn Tạo bị đày ra Côn Đảo, năm 1946 ông ra Hà Nội công tác, sau đó giữ chức Bộ trưởng Bộ Lao động của Chính phủ VNDCCH. Đó còn là trường hợp của Nguyễn Khánh Toàn, Bùi Công Trừng... Cuộc sống của sinh viên không phải không khó khăn. Nhiều sinh viên do chiến tranh làm mất liên lạc nên gia đình không gửi tiền sang được, họ phải vừa học, vừa làm, như trường hợp của Tạ Quang Bửu, ngày học, đêm nhận rửa bát đĩa cho một khách sạn ở Paris.

Đánh giá và phân tích lý do tại sao trong những năm 1926- 1930 lại có nhiều du học sinh người Việt sang Pháp, tờ *Conerier Saigonnais* (Bản tin Sài Gòn) đã viết:

“*Con đường sang Pháp là con đường chống Pháp và khi du học sinh về nước, họ đã góp phần lấp khoảng trống giữa nền văn hóa chính trị Việt Nam với chủ nghĩa Cộng sản. Báo chí của họ đã dùng lý luận bàn luận một số lớn những vấn đề quan trọng của cách mạng, những trào lưu chính trị lớn của phong trào quốc gia và đã được đem cọ sát làm sáng tỏ trong cộng đồng người Việt nhập cư... làm cho trung tâm chính trị của phong trào nhập cư (người Việt ở Pháp) trở thành một trong những nhân tố xây dựng một ý thức tự giác cách mạng mới đối với Việt Nam*” [89, tr.27].

### **2.1.2. Cộng đồng người Việt Nam ở Pháp từ năm 1930 đến năm 1945**

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 để lại nhiều hậu quả nặng nề cho nhân loại, trong đó nền kinh tế Pháp chịu nhiều thiệt hại nghiêm trọng. Theo đó, tại các công xưởng và các cơ sở sản xuất ở Pháp, công nhân và người lao động bị sa thải nhiều. Do vậy, số lượng người Việt Nam ở Pháp thời kỳ này có những thay đổi.

Mặc dù vợ con ở Pháp nhưng nhiều công nhân, thủy thủ Việt Nam bị mất việc làm, bị cưỡng bức hồi hương, khiến cho hàng loạt gia đình phải ly tán. Ở Marseille có 200 người Việt thất nghiệp, nhưng chỉ có 20 người được trợ cấp. Báo cáo tại Đại hội lần thứ VI của Tổng liên đoàn Lao động Pháp họp ngày 15/11/1931 cho biết, có 20 vạn lao động thuộc địa trên thị trường công nhân nước Pháp. Trong số này, đa số là người Đông Dương. Ngày 6/12/1931, trong một cuộc biểu tình lớn ở cảng Havre, cảnh

sát Pháp ghi nhận có 2.500 thủy thủ Việt Nam ở Marseille dự mít tinh để phản đối việc từ hình 9 thủy thủ da đen. Năm 1933, ở Marseille chỉ còn 400 thủy thủ. Những năm sau đó, số lượng người Việt ở Pháp có sự tăng lên [89, tr.28].

Bước vào năm 1939, nước Pháp tham gia Chiến tranh thế giới thứ hai, do vậy nhu cầu về nhân lực lại được đặt ra.

Về lính thợ, tài liệu của “*Nhân công Đông Dương*” chỉ rõ, từ ngày 20/10/1939 đến ngày 6/6/1940 đã có 15 chuyến tàu chở 19.273 người từ Đông Dương đến Marseille [89, tr.28,29]. Tác giả người Pháp Pierre Daum, sau ba năm điều tra từ một số vùng nước Pháp, cho đến Hà Nội và những làng quê Việt Nam, đã tiến hành phỏng vấn 25 nhân chứng cuối cùng còn sống để viết lại những trang cay đắng của lịch sử thuộc địa Pháp ở Đông Dương. Theo nghiên cứu của ông, Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ, không chỉ cần binh lính, nước Pháp còn cần thợ trong các xưởng vũ khí để thay thế cho công nhân Pháp đã đi lính. Ông đã thống kê, tổng cộng đã có 19.362 lính thợ (ONS) được đưa xuống những chuyến tàu từ Việt Nam tới Marseille. Nhưng 86 người không bao giờ cập bến Marseille. Trong đó có 23 người chết, 1 người mất tích, 29 người đào ngũ và 33 người phải nhập viện khi tàu ghé nhiều bến khác nhau. Như vậy, con số người Việt cập cảng Marseille là 19.276 người [143, tr.22]. Vừa cập bến Marseille, trước tiên họ bị đưa vào nhà tù Baumettes rồi sau đó bị phân bổ đến những xí nghiệp thuộc ngành công nghiệp quốc phòng và được gọi là “lính thợ không chuyên” khắp nước Pháp. Họ bị kẹt lại ở chính quốc trong suốt thời gian nước Pháp thua trận và tiếp tục bị bóc lột sức lao động. Tình trạng đen tối đó tiếp tục duy trì rất lâu sau khi nước Pháp được giải phóng.

Trong cuốn *Người Việt ở Pháp (1940 – 1954)*, tác giả Đặng Văn Long cũng chỉ ra: tính đến những năm 1939- 1940, ở Pháp có gần 4 vạn người Việt Nam, trong đó lính thợ có 19.272 người (năm 1941 đã có 5000 lính thợ hồi hương). Như vậy riêng bộ phận lính thợ đã chiếm tỷ lệ gần 50% trong tổng số người Việt Nam ở Pháp vào thời điểm này [94, tr.22].

Theo các nguồn tư liệu của:

Bộ Thuộc địa Pháp cho biết, cuối năm 1939 có hơn 7000 lính chiến người Đông Dương; Báo *Sự Thật* (Vérité) tháng 1/1942 viết: “Đầu năm 1940, Chính quyền Thuộc địa Pháp đã bắt 20.000 lính Đông Dương đưa ra mặt trận”; Tháng 11/1946, đại biểu Hội Chiến binh Đông Nam nước Pháp đưa ra con số “Hiện nay chiến binh Việt Nam còn lại là 11.800 người. Số lính chiến giảm vì đã có hơn 1.000 người về nước và từ 6.000 đến 7.000 người bị mất tích hoặc bị bắt làm tù binh”.

Về số lượng lính thợ, theo tài liệu của “*Nhân công Đông Dương*”, từ ngày 20/10/1939 đến ngày 6/6/1940 đã có 15 chuyến tàu chở 19.273 người từ Đông Dương đến Marseille. Các hãng tàu biển Pháp dẫn ra con số 19.550 người từ Việt Nam đi làm quân dự bị, y tá và thợ chuyên nghiệp. Năm 1939, họ đã đưa 20.000 người từ thuộc địa Đông Dương sang Pháp để làm những công việc cực nhọc. Phần lớn bị tuyển mộ cưỡng bức. Vừa cập bến Marseille, như đã nói ở trên, số phận của họ hết sức đen tối

sau khi nước Pháp thua trận, và cả ngay khi nước Pháp được giải phóng: “Ngoài khoảng 1.000 người đã chọn ở lại định cư tại Pháp, từ năm 1946 họ dần được đưa về nước. Đến năm 1952, những người cuối cùng mới được trở về Tổ quốc [89, tr.28,29].

Qua thống kê, có thể thấy rằng, số lượng trí thức chiếm rất ít trong tổng số gần 40.000 Việt kiều ở Pháp vào thập niên 40 của thế kỷ trước. Chủ yếu người Việt Nam ở Pháp là lính thợ, lính chiến để phục vụ chiến tranh. Số sinh viên gần như không muốn hoặc không thể sang Pháp được vì nhiều lý do: kinh tế, giao thông, chiến tranh, chính sách đối với lính thợ, lính chiến của Chính phủ Pháp...

## **2.2. Một số tổ chức và hoạt động của người Việt Nam ở Pháp trước năm 1945**

### **2.2.1. Một số tổ chức của người Việt Nam ở Pháp trước năm 1945**

Phát huy truyền thống cố kết cộng đồng của dân tộc trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, người Việt Nam dù sống ở đâu cũng cố gắng gắn kết với nhau theo nguyên tắc ứng xử với tình cảm “tình nước, nghĩa đồng bào”. Cộng đồng người Việt Nam tại Pháp cũng không nằm ngoài quy luật phổ biến đó. Họ đã thành lập được những tổ chức để giúp đỡ và bảo vệ quyền lợi cho nhau nơi đất khách, quê người.

Tổ chức đầu tiên của người Việt Nam tại Pháp là *Hội Đồng bào thân ái*. Hội ra đời ngày 18/1/1912 do luật sư Phan Văn Trường sáng lập và làm Hội trưởng. Tổ chức này bề ngoài có mục đích tương thân tương trợ, bên trong nhằm bồi dưỡng tinh thần yêu nước cho Việt kiều. Cùng suy nghĩ với ông còn có ông Phó bảng Phan Châu Trinh, người đã sang Pháp năm 1911 cùng con trai là Phan Châu Dật.

Về mục đích hoạt động của Hội, luật sư Phan Văn Trường viết:

*"Tôi bắt tay vào việc. Viết bản Điều lệ và một bài quảng cáo dài. Hội được thành lập trong sự hoan hỉ của đồng bào đã giao phó trách nhiệm cho tôi. Tôi yêu mến đặt tên nó là Thân Ái - La Fraternité. Hội có mục đích:*

*1. Giúp sinh viên Đông Dương xa gia đình có cơ hội gặp gỡ, kết bạn, đến chơi và giúp đỡ nhau trong trường học rủi ro, bệnh hoạn.*

*2. Học chung với nhau để trao đổi kiến thức khoa học và văn chương. Hội Thân Ái mỗi tháng tổ chức nhiều cuộc hội họp" [128, tr.87, 88].*

Đồng thời ông còn chỉ rõ: *"Hội hoạt động công khai không mờ ám. Chúng tôi cũng biết là có mật thám trà trộn trong đám hội viên, nhưng không sao, càng tỏ cho họ thấy là hội của chúng tôi theo đuổi những mục đích hoàn toàn hợp pháp và đáng khuyến khích. (...) Bọn mờ ám vẫn rình rập, với thế lực trong chính quyền thực dân, thế nào họ cũng phá. Hội của chúng tôi bị tẩy chay, họ phao tin hội này là ổ cách mạng, gián tiếp cảnh cáo hội viên nếu cứ cứng đầu không chịu bỏ thì có ngày sẽ phải hối hận" [128, tr.89].*

Cùng với việc lập *Hội Đồng bào thân ái*, trong tháng 4/1912, Phan Văn Trường giúp Phan Châu Trinh viết lại bản điều trần *Trung Kỳ dân biểu thi mật ký* bằng tiếng Pháp gửi cho *Hội Nhân quyền*. Trong hồi ký, ông nhắc đến văn bản này nhiều lần nhưng chỉ nhẹ nhàng nói rằng ông giúp Phan Châu Trinh đưa bản điều trần lên *Hội Nhân quyền*. Bản điều trần được ông chủ tịch *Hội Nhân quyền* chuyển đến Bộ Thuộc

Địa ngày 25/9/1912 và được đăng trên Báo của *Hội Nhân quyền và Dân quyền - Bulletin de la Ligue des droits de l'homme et du citoyen* số 20 ngày 31/10/1912. Đầu năm 1913, Albert Sarraut phải nhượng bộ, hứa thả dân tù nhân vụ Trung Kỳ dân biến.

Tuy việc sáng lập Hội nằm trong khuôn khổ cho phép của luật pháp, điều lệ rõ ràng, nhưng thực dân Pháp vẫn nghi ngờ. Họ cho người bí mật theo dõi, ghi lại những lời phát biểu của lãnh đạo Hội. Trong công văn gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa, Toàn quyền Albert Sarraut đã bày tỏ lo ngại của mình. Theo ông, *Hội Đồng bào thân ái* là nơi để người Việt Nam sẽ có dịp bình luận những sự kiện chính trị ở Pháp, ở Viễn Đông... Ông ta cũng cảnh báo Hội đồng bào thân ái có thể sẽ trở thành một câu lạc bộ sinh hoạt chính trị của người Việt, gây bất lợi cho sự thống trị của người Pháp. Từ đó, Albert Sarraut đề nghị Bộ trưởng cần có những chỉ thị cần thiết theo dõi kỹ hành động của Hội.

Luật sư Phan Văn Trường và Phó bảng Phan Châu Trinh là những người lãnh đạo *Hội Đồng bào thân ái*, vì vậy, thực dân Pháp đặc biệt quan tâm theo dõi hoạt động của hai ông. Bản *Lý lịch Phan Văn Trường* của sở Mật Thám ngày 19/12/1919 viết: "Năm 1912, y lập Hội Tương Tế lấy tên là *Đồng bào thân ái*, chỉ gồm toàn người Đông Dương. Hội này chưa bao giờ khai báo với cảnh sát, không có trụ sở và thường hội họp ở các phòng trong của các tiệm cà phê, nhất là tiệm ăn Tàu ở 183 Đại lộ Montparnasse. Hội này hình như đã bị giải tán vào tháng bảy năm 1913 [91, tr.115]. Trong lá thư thứ nhất gửi Bộ trưởng bộ Thuộc địa về *Hội Đồng bào thân ái* ngày 24/4/1912, Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut đã mở đầu bằng câu:

"Theo điện số 1152 (V.P. Bộ Trưởng) Ngài đã chuyển cho tôi bản điều lệ của Hội đồng bào thân ái do những người An Nam ở Pháp thành lập. Chủ tịch là Phan Văn Trường, phụ giảng ở trường Ngôn Ngữ Đông Phương". Và kết thúc bằng câu: "Cần đề phòng ảnh hưởng của Phan Văn Trường, người có kiến thức rất uyên bác nhưng tự phụ, hay sinh sự và muốn có uy tín trong đồng bào mình ở Pháp và ở Đông Dương. Đồng bào thân ái sẽ thành một Câu Lạc Bộ để trao đổi những cảm tưởng và ý nghĩ bất lợi cho sự thống trị của chúng ta, sẽ thảo luận các vấn đề chính trị nhiều hơn là những lợi ích vật chất và tinh thần của Hội. Tôi nghĩ cần phải theo dõi kỹ hành động của Hội này và mong ngài sẽ có những chỉ thị cần thiết cho việc đó" [91, tr.146, 147].

Ngày 5/7/1912, Toàn quyền Albert Sarraut lại viết lá thư thứ hai gửi Bộ trưởng Thuộc Địa, tỏ rõ ý lo ngại hơn về *Hội Đồng bào thân ái*, ông ta nhấn mạnh: "Tôi đã yêu cầu ngài hạ lệnh theo dõi hoạt động của các thành viên, đặc biệt là Phan Văn Trường, chủ tịch Hội" [91, tr.146, 148]. Theo yêu cầu đó và để trừng trị lãnh đạo *Hội Đồng bào thân ái*, Bộ Thuộc địa ra lệnh cho hiệu trưởng trường Sinh Ngữ Đông Phương phải sa thải Phan Văn Trường. Tháng 8-1914, khi chiến tranh Pháp - Đức bùng nổ, Phan Văn Trường (có quốc tịch Pháp) đã bị động viên và bị gửi tới Trung đoàn bộ binh số 102 ở Chartres, cách Paris gần 100km.

Không chỉ vậy, họ còn bắt Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường. Hai ông bị giam cầm từ tháng 9/1914 đến tháng 7/1915. Từ khi chiến tranh bùng nổ, Hội đồng

bào thân ái gặp nhiều khó khăn, nhất là sau khi hai nhà sáng lập hội bị bắt, khiến hoạt động của hội hầu như bị tê liệt. Nhưng ngọn lửa yêu nước của Việt kiều trên đất Pháp vẫn âm ỉ cháy, chỉ chờ có cơ hội và người lãnh đạo là sẽ bùng lên trở lại.

Cuối năm 1917, từ Anh quốc, Nguyễn Tất Thành mà sau này là Nguyễn Ái Quốc đến Pháp và tham gia hoạt động yêu nước trong cộng đồng người Việt. Sự xuất hiện của Nguyễn Ái Quốc đã làm cho mọi hoạt động của người Việt Nam tại Pháp có nhiều thay đổi với hướng tích cực hơn.

Từ *Nhóm Những người An Nam yêu nước*, Nguyễn Ái Quốc cùng hai chí sĩ họ Phan sáng lập *Hội Những người Việt Nam yêu nước* vào giữa năm 1919. Nếu Hội đồng bào thân ái ra đời một cách chính thức, có điều lệ nội quy gửi lên Bộ Thuộc địa để xin phép, thì *Hội Những người Việt Nam yêu nước* là một tổ chức không chính thức. Chủ trương của Hội là vận động đồng bào đoàn kết chống chế độ áp bức thực dân Pháp, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân Pháp và nhân dân các nước, trong đó có các dân tộc thuộc địa, đòi độc lập tự do và thống nhất đất nước cho dân tộc Việt Nam. Trong danh sách những người lãnh đạo hội, Nguyễn Ái Quốc làm Thư ký hội.

Mặc dù về danh nghĩa, Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường là những người lãnh đạo Hội, nhưng thực chất, vai trò đó do Nguyễn Ái Quốc đảm nhiệm. Báo cáo tháng 10/1919 của mật thám Pháp ghi nhận: "*Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh đã từng bị bắt vì tội chống lại nền an ninh quốc gia. Do đó, họ vẫn giữ vai trò lãnh đạo Hội một cách không chính thức, nhưng thực tế thì chính Nguyễn Ái Quốc đảm nhiệm*". Vụ trưởng Vụ Tình báo chính trị đặc biệt Paul Arnoux tán thành nhận xét này, ông viết: "*Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh bị tố cáo về vụ âm mưu chống an ninh quốc gia. Hai người này đã chuyển quyền lãnh đạo cho Nguyễn Ái Quốc*" [109, tr.64]. Trong một mật báo của Bộ Quốc phòng Pháp gửi cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp, vai trò quan trọng của Nguyễn Ái Quốc cũng được khẳng định tương tự:

*"Hội những người An Nam yêu nước đã được thành lập từ nhiều năm nay do hai nhà cách mạng chống Pháp là Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh. Đó là một nhóm hoạt động rất tích cực.*

*Trong suốt thời kỳ chiến tranh (1914-1918), trụ sở Hội này là nơi hẹn của rất nhiều binh lính An Nam và hạ sĩ quan cùng sĩ quan có cấp bậc. Từ hội hai người trên, Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh bị bắt vì tội chống an ninh quốc gia vào năm 1915, tuy Phan Văn Trường và Phan Châu Trinh vẫn giữ vai trò lãnh đạo Hội một cách không chính thức, nhưng thực tế thì đã chính là do Nguyễn Ái Quốc "* [125, tr.44].

Sau 4 năm (1914-1918), Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. Đầu năm 1919, đại biểu Chính phủ các nước tham chiến đã triệu tập Hội nghị hoà bình tại Versailles (Pháp), thực chất để chia quyền lợi giữa các nước thắng trận và trút hậu quả chiến tranh lên đầu nhân dân các nước thua trận và các dân tộc bị áp bức. Nhân sự kiện này, những người yêu nước Triều Tiên, Ai Cập, Trung Quốc và 57 đại biểu đại diện cho chủng tộc da đen sống ở các thuộc địa của Mỹ, Anh, Pháp và quần đảo Antilles đưa yêu sách của mình đến Hội nghị và mong được xem xét, giải quyết.

Nhận thấy đây là một dịp thuận lợi, Nguyễn Ái Quốc đã cùng hai nhà yêu nước Phan Châu Trinh và Phan Văn Trường thảo ra bản *Yêu sách tám điểm* của nhân dân An Nam gửi tới Hội nghị Versailles, dưới bản yêu sách ký tên Nguyễn Ái Quốc.

Ngày 18/6/1919, *Yêu sách tám điểm* được đăng trên báo. Ngay sau đó, Nguyễn Ái Quốc “chuyển thể” *Yêu sách* thành hai văn bản khác. Một bản bằng chữ quốc ngữ theo thể văn vần, nhan đề *Việt Nam yêu cầu ca* và một bản chữ Hán nhan đề *An Nam nhân dân thỉnh nguyện thư*. Hai văn bản này sau đó được chụp và in thành truyền đơn. Những ấn bản này đã được phân phát trong các cuộc sinh hoạt tập thể của *Hội những người Việt Nam yêu nước*. Tuy *Yêu sách* không được các nước đế quốc đáp ứng, nhưng tác động mạnh mẽ đến người Việt Nam ở cả trong và ngoài nước. Quan ngại tác động của Nguyễn Ái Quốc tới người Việt Nam tại Pháp, Chính quyền Pháp đã tăng cường điều tra và theo dõi nhà yêu nước An Nam trẻ tuổi. Tuy nhiên, điều đó chỉ khiến dư luận thêm quan tâm tới Nguyễn Ái Quốc và thậm chí còn tăng cường uy tín của chàng thanh niên cách mạng trong nhân dân Việt Nam. Trong một lần đến theo dõi buổi nói chuyện ở Hội trường Hoectiquyntơ tại Paris, viên mật thám Pháp P. Arnoux chuyên theo dõi người Việt Nam sống ở Paris, tận mắt chứng kiến Nguyễn Ái Quốc đang phân phát truyền đơn in bản *Yêu sách* cho những người có mặt, đã phải thốt lên dự cảm: “*Con người thanh niên mãnh khảnh và đầy sức sống này có thể là người sẽ đặt chữ thập cáo chung lên nền thống trị của chúng ta ở Đông Dương*” [74, tr.81].

Năm 1921, *Hội Những người Việt Nam yêu nước* đã cùng với một số người châu Phi (Madagascar) chủ trương nhập lại thành một Hội, lấy tên là *Nhóm Xã hội của những người dân thuộc địa*.

Tháng 6 năm 1921, *Ban Nghiên cứu thuộc địa* được thành lập. Trong số những người tham gia có Nguyễn Ái Quốc cùng một số Việt kiều. Một báo cáo của mật thám gửi về Bộ Thuộc địa đã ghi:

“*Được sự đồng tình của báo Nhân Đạo (Humanité), nhóm này đã hội họp với khá nhiều nhân vật vào hôm 13/6 vừa qua. Nguyễn Ái Quốc và Phan Châu Trinh đã tham gia vào việc thảo ra một tuyên bố của Ban Nghiên cứu thuộc địa*” [48].

Trong Hồ sơ của Tổng nha mật thám Đông Dương có nhắc đến một số tổ chức của Việt kiều ở Paris:

1. *Hội Tương tế của người Đông Dương (Association mutuelle des Indochinois);*
2. *Hội Ái hữu của những người lao động chân tay Đông Dương trú ngụ tại Pháp (Association des Manuels residents, en France);*
3. *Hội Đồng bào thân ái (La Fraternelle);*
4. *Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa (L'Union Intercoloniale)* [24].

Trong các tổ chức kể trên, có một hội đáng chú ý mà Nguyễn Ái Quốc cũng là một trong những người tham gia sáng lập, đó là *Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa*, được thành lập vào ngày 26/6/1921. Đây không chỉ là tổ chức của riêng người Việt Nam ở Pháp mà còn là của những người dân thuộc địa khác của Pháp tại Pháp. Xét



theo chương trình và Điều lệ, *Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa* là hình thức liên minh của các dân tộc bị áp bức lần đầu tiên xuất hiện trong lịch sử đấu tranh giải phóng dân tộc và là hình thức có một không hai ra đời tại thủ đô Paris- trung tâm chính trị của chính quốc đang thống trị họ. Với nỗ lực của Ban chấp hành Hội, đặc biệt là của Nguyễn Ái Quốc, ngày 1/4/1922, *Báo Le Paria* (Người cùng khổ) - cơ quan ngôn luận của Hội được xuất bản. Đây là kênh tuyên truyền rất hiệu quả và thiết thực tới các dân tộc thuộc địa trong đó có Việt Nam. Cũng từ đây, tên tuổi của Nguyễn Ái Quốc càng nổi tiếng và có tầm ảnh hưởng lớn. Nhà cách mạng Nguyễn An Ninh từng công nhận: “*Chính anh Nguyễn Ái Quốc đã làm tôi hăng hái cách mạng. Tôi hoàn toàn tán thành đường lối của Quốc tế để tam và tôi luôn coi anh Nguyễn Ái Quốc là một người dẫn đường cho tôi*” [133, tr.73].

Năm 1920, *Hội Tương trợ những người Đông Dương* ra đời tại Paris. Trụ sở đặt tại số 19 đường Sommerard, Paris V. Số hội viên có khoảng 150 người. Xu hướng chính trị theo chiều hướng chống thực dân Pháp. Tổ chức này có các chi hội tại Aix – en-Provence, Nice, Toulonse, Grenoble. [11].

Năm 1925 có thêm *Hội Những người lao động trí óc Đông Dương*.

Cuối năm 1927 xuất hiện *Hội bệnh vực lao động An Nam*, thành lập ở Marseille, hội viên đa số là thủy thủ. Theo điều lệ, Hội được tổ chức ra để bệnh vực quyền lợi cho người lao động An Nam [28].

Tháng 12/1927, một số thủy thủ Cộng sản Việt Nam là Nguyễn Văn Tư, Đặng Bá Linh đã thành lập *Hội bảo vệ quyền lợi lao động Việt Nam*.

Vào thời gian 1926- 1930, ở Pháp có 2 tổ chức người Việt Nam đối lập nhau là *Đảng Lập hiến* và *Việt Nam độc lập đảng*.

*Đảng Lập hiến* được Dương Văn Giáo, Diệp Văn Kỳ, Trần Văn Khá lập ra và ngày 20/10/1926 theo mô hình của Bùi Quang Chiêu và Nguyễn Phan Long ở Nam Kỳ. *Đảng Lập hiến* ở Pháp được Chính quyền Pháp cho phép hoạt động. Do tư tưởng cải lương, bị dư luận dân tộc phản đối nên ảnh hưởng của *Đảng lập hiến* trong cộng đồng không lớn và không lôi kéo được nhiều Việt kiều.

*Việt Nam độc lập đảng* tự coi mình có chân trong *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên* do Nguyễn Ái Quốc thành lập năm 1927 ở Quảng Châu [135, tr.40]. Ban lãnh đạo của *Việt Nam Độc lập đảng* gồm: Nguyễn Thế Truyền (Chủ tịch), Nguyễn Văn Luân (Tổng thư ký), Bùi Đức Thành (thủ quỹ), Trần Văn Hiến (phó thủ quỹ). Mặc dù bị cảnh sát Pháp theo dõi rất chặt chẽ nhưng *Việt Nam Độc lập đảng* vẫn xuất bản được tờ *La Résurrection* (Tái sinh). Tuy nhiên sau đó do mâu thuẫn nội bộ, thời gian tồn tại không được lâu và ngày 21/3/1929, *Việt Nam độc lập đảng* bị tòa án quận Seine giải tán.

Ngoài hai đảng trên, những người cộng sản Việt Nam còn lập ra một chi bộ cộng sản. Theo tác giả Daniel Hémerly, “*Ngày 22 tháng 4 năm 1928, trong một cuộc họp ở nhà chứa xe Saint Denis, tập họp đại biểu Cộng sản Việt Nam ở Paris và các tỉnh. Với 9 đại biểu tham dự là Nguyễn Văn Tạo, Hoàng Quang Giu, Nguyễn Thế*

Vinh, Trần Vinh Hiền, Trần Thiện Ban, Lê Văn Hiền, Đặng Bá Linh, Đào Văn Phùng, Nguyễn Văn Tân đã lập ra một chi bộ cộng sản Việt Nam” [145, tr.90].

Chi bộ chủ trương ra một tờ báo lấy tên là *Lao- Nông*, xuất bản bí mật từ tháng 6/1928. Nhóm Cộng sản Việt Nam ở Pháp có xu hướng độc lập với Đảng Cộng sản Pháp. Tổ chức này do nhiều lý do khác nhau nên đến năm 1930 thì ngừng hoạt động cùng sự chấm dứt của tờ *Lao- Nông*.

Tại các thành phố Paris, Toulouse, Montpellier, nơi sinh viên và trí thức tập trung đông, vào năm 1926, họ đã tổ chức ra *Tổng hội những sinh viên Đông Dương*. Tổ chức này có tờ L'AGEL và coi nó như cơ quan ngôn luận của mình. Trong cuộc biểu tình ngày 30/5/1930, *Tổng hội sinh viên Đông Dương* đã phản đối 56 án tử hình và đòi trả tự do cho tất cả những người tham gia khởi nghĩa Yên Bái. Cuộc biểu tình bị đàn áp, 37 người bị bắt, 7 người bị trục xuất về Việt Nam và *Tổng hội* bị giới cầm quyền Pháp cấm hoạt động.

Tháng 3/1929, *Hội bảo vệ lao động An Nam* ở Marseille đã mời đại biểu sinh viên ở Paris là Nguyễn Khánh Toàn và Hồ Tá Khanh đến Marseille để thống nhất thành lập một tổ chức mới lấy tên là *Hội Liên hiệp lao động Đông Dương*. Chủ tịch của Hội là Hồ Sĩ Quang, ông là một thủy thủ. Đây là một tổ chức có xu hướng tích cực trong hoạt động của mình.

Ngoài ra, vào thời điểm trước năm 1930, ở Pháp còn có các tổ chức khác của người Việt Nam như:

*Hội Ái hữu những người Việt Nam làm nghề đầu bếp*, thành lập năm 1922;  
*Nghịệp đoàn các người làm nghề sơn*;

*Hội tương trợ các người Đông Dương tại Le Havre*, thành lập năm 1926 do Đặng Văn Thu làm Hội trưởng;

*Trung tâm sinh viên Viễn Đông* do giám mục J.de Guébiant quản lý;

*Hội các cựu sinh viên Đông Dương ở Marseille...*

Căn cứ vào một số hồ sơ của mật thám Pháp, giai đoạn 1930- 1940 đã xuất hiện những tổ chức nổi bật sau của người Việt Nam:

- Ủy ban tương tế của Lao động Đông Dương ở Marseille (Comite d'entraide des Travailleurs Indochinois de Marseille). Trụ sở của Ủy ban đặt tại số 6, phố Torte, lúc đầu có 2000 franc trong quỹ. Sau đó được *Liên đoàn chống đế quốc* và *Cứu tế đỏ* giúp 10.000 franc. Ngày 20/12/1931, một cuộc họp khoảng gần 20 người đã thông qua điều lệ và bầu Nguyễn Đắc Long, thủy thủ tàu Lotus là Trưởng Ban trị sự [22].

- Ủy ban xin ân xá người Đông Dương do nhóm Trần Quốc Mại, Nghiêm Xuân Toàn, Nguyễn Văn Thiên, Trương Quang Thụy, Hoàng Văn Chúc...thành lập. Ngày 23/2/1934, Ủy ban này có cuộc họp tại Điện Tương tế để chào đón phái đoàn công nhân trước khi sang Đông Dương. Tham gia cuộc họp có một số bạn người Pháp: Francis Jourdain (Chủ tọa), nhà văn André Malraut, bà A. Viollis, nhà báo và các đảng viên Cộng sản: Gabriel Péri, Bruneau, Barthel... Trong hội nghị, Francis Jourdain chào mừng các thành viên trong *Liên đoàn chống đế quốc* về việc sẽ làm một bản điều

tra rộng rãi sự tàn bạo của Chủ nghĩa đế quốc Pháp ở Đông Dương. Đại biểu Nguyễn Xuân Toàn thay mặt người An Nam cảm ơn *Hội Chữ thập đỏ quốc tế, Liên đoàn chống đế quốc...* luôn đứng ra bảo vệ những dân tộc bị thực dân áp bức. Báo chí từ Việt Nam gửi sang được tập trung tại Ủy ban để bán tại chỗ và gửi đi các trung tâm có các nhóm đồng bào sinh sống ở Le Havre, Dunkerque, Bordeaux. Giá mỗi tờ trung bình là 0,5 franc.

*Hội Tương tế và Văn hóa ở Paris.* Hội hoạt động từ ngày 30/12/1930 và kéo dài cho tới nhiều năm sau. Hội chủ yếu hoạt động ở Paris. Chủ tịch Hội là Đinh Hữu Xá [40]. Hội thường xuyên tổ chức nhiều buổi nói chuyện và mời các diễn giả về các chủ đề về chính trị, thời sự ở Pháp, Đông Dương và thế giới. Bên cạnh đó, Hội cũng tổ chức những hoạt động cụ thể, thiết thực cho đồng bào Việt Nam ở Pháp trong các dịp lễ tết.

*Ủy ban tập hợp người Đông Dương tại Pháp.* Ngày 16/5/1937, Ủy ban đã có cuộc họp tại nhà số 23 phố Ancienne Comedine để bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ 1937 – 1938. Tuy nhiên, sự không thống nhất đã diễn ra giữa nhóm cộng sản và nhóm không cộng sản đã khiến cho cuộc họp phải giải tán. Đến ngày 19/4/1937 tại số nhà 1 phố Lanneau, khoảng 50 người Đông Dương đã nhóm họp lại và bầu ra Ban chấp hành [21].

*Nhóm Trót skít.* Sau khi Việt Nam Độc lập đang tan rã. Tạ Thu Thâu bị trục xuất khỏi Pháp ngày 30/5/1930. Số người còn lại tập hợp xung quanh Hoàng Quang Giu, Joseph Tur, Jackson... thành lập *Quân bộ Trót skít An Nam tại Paris.*

*Nhóm Đảng viên Cộng sản.* Vào ngày 22/11/1933, tại quán cà phê De la Source, đại lộ Saint Michel, Nhóm đã có cuộc họp của các đảng viên cộng sản người Đông Dương. Hội nghị đã bầu Trần Quốc Mại giữ trách nhiệm phụ trách nhóm và chuẩn bị người thay thế Nguyễn Văn Tri cho vị trí Chủ tịch *Hội Tương tế văn hóa* [20].

*Nhóm tình nguyện đi chiến đấu chống Phrăngcô.* Tháng 2 năm 1937, 20 người Đông Dương đã tình nguyện đi Tây Ban Nha [20].

*Ủy ban Tuyên truyền báo chí dân chủ Đông Dương tại Marseille.* Ngày 20/11/1939, Ủy ban này đã họp tại số 5 Quảng trường La Jolliette - trụ sở của Ủy ban Tương tế Đông Dương. Dự họp có Phạm Văn Phiên, Lê Văn Quách, Phùng Văn Đôn, Phạm Văn Ngọc, Nguyễn Đình Tư, Trần Văn Đắc, Nguyễn Thế Thi, Nguyễn Văn Túc, Đoàn Hữu Lai. Ủy ban này có nhiệm vụ bán và phát hành các báo khuynh hướng cực đoan về Đông Dương và tổ chức lạc quyền... Ủy ban còn thành lập Nhóm bảo vệ quyền lợi cho thủy thủ Đông Dương.

Báo chí từ Đông Dương gửi sang được tập trung tại Ủy ban để bán tại chỗ và gửi đi tới các địa phương có người Việt Nam sinh sống như: Le Havre, Rouen, Dunkerque, Bordeaux. Giá mỗi tờ khoảng 0,5 franc [23].

Bên cạnh những tổ chức cũ còn hoạt động, thời kỳ 1940- 1945, cộng đồng người Việt Nam ở Pháp tiếp tục có thêm các tổ chức mới:

Khoảng đầu năm 1944, ở Paris có sự ra đời của *Nhóm Bôn-sê-vích – Lênin-nít*. Đây là tổ chức có khuynh hướng cộng sản và có liên hệ với Đảng Công nhân Quốc tế Pháp. Lập trường của nhóm này là thực hiện cách mạng giải phóng dân tộc và ủng hộ đấu tranh giải phóng giai cấp, trong đó giai cấp vô sản đóng vai trò chủ đạo. Họ tin tưởng tuyệt đối vào thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản thế giới.

- Nhóm *Groupe de langues*, thực chất là nhóm của những người Cộng sản nước ngoài nổi tiếng ở Pháp do luật sư Phan Nhuận phụ trách.

- *Các ủy ban đại diện các cấp, các cơ sở, các trại công binh*. Bên cạnh các ủy ban này còn có các nhóm thanh niên, tự vệ, công nông đoàn, xóa nạn mù chữ...

- *Tổng Ủy ban đại diện chính thức thay mặt cộng đồng người Việt ở Pháp*. Tổ chức này thành lập vào ngày 16/9/1944.

- Nhóm *Đảng viên Việt Nam thuộc Đảng Cộng sản Pháp*.

- Nhóm *Việt Nam đồng chí*.

- Nhóm *Văn hóa độc lập* theo xu hướng chống Pháp.

- Hội *Hướng đạo*, thành lập vào khoảng những năm 1942- 1944 có tổ chức một gánh hát lưu động.

- *Câu lạc bộ các quan chức*, thành lập năm 1944, chủ trương hợp tác với Pháp.

- Nhóm *Thanh niên*, thành lập năm 1945...

Trong giai đoạn 1944 - 1945, ở Pháp có hai tổ chức của người Việt Nam tại đây thực sự đáng lưu ý đó là *Tổng Ủy ban Đại diện Việt Nam Lâm thời* và *Tổng Ủy ban Đại diện Avignon*.

Sau ngày nước Pháp giải phóng, Chính phủ lâm thời của tướng De Gaulle muốn khôi phục lại sự thống trị của thực dân Pháp tại các thuộc địa của mình, trong đó có Đông Dương. Chính sách này của Chính phủ De Gaulle đã nhận được sự phản đối từ người Việt Nam tại Pháp.

Một số nhỏ lao động và trí thức Việt kiều tại Paris đã vận động cho sự thành lập một cơ quan thay mặt người Việt Nam tại Pháp. Ngày 16/9/1944, tại *Hội quán Ái hữu*, số 11 đường Jean Beauvais, Paris, một cơ quan như vậy đã được thành lập. Cơ quan này lấy tên là: *Tổng Ủy ban Đại diện Việt Nam lâm thời tại Pháp*. Tổ chức này bao gồm 12 thành viên, trong đó có một số nhân vật đáng lưu ý: Bửu Hội, Trần Đức Thảo, Hoàng Xuân Mãn, Bùi Thạnh, Phạm Quang Lễ... Tổ chức này nhằm hai mục đích: Thứ nhất, đòi hỏi quyền lợi cho lao động Việt kiều; Thứ hai, ngăn chặn sự thành lập Chính phủ lưu vong Nguyễn Quốc Định.

Tổ chức này đã có tiếng nói nhất định khiến cho Chính phủ Pháp phải có những cải thiện trong cách cư xử với người Việt Nam tại Pháp.

Mặc dù *Tổng Ủy ban Đại diện Việt Nam lâm thời tại Pháp* đã được thành lập và có nhiều hoạt động nhưng với tính chất lâm thời, tổ chức này còn nhiều hạn chế. Do nhu cầu tất yếu của Việt kiều nói chung, trong 3 ngày: 15, 16, 17 tháng 12 năm 1944, Hội nghị đại biểu toàn thể các giới của người Việt Nam tại Pháp đã diễn ra tại thành

phố Avignon với hơn 200 đại biểu đại diện cho tất cả các thành phần người Việt Nam tại Pháp. *Tổng Ủy ban đại diện Avignon* ra đời đã trở thành tổ chức chính thức thay mặt cho hơn 2 vạn Việt kiều tại Pháp lúc bấy giờ. Cơ quan này gồm 40 thành viên, trong đó có 22 người đại diện cho giới trí thức, số còn lại đại diện cho lính thợ, lính chiến. Ban Trung ương gồm 15 người, trong đó đáng lưu ý có: Bửu Hội, Trần Đức Thảo, Hoàng Xuân Mãn, Phạm Quang Lễ, Bùi Thạnh, Võ Quý Huân, Hoàng Đôn Trí... *Tổng Ủy ban đại diện Avignon* phân thành 6 ban trị sự hàng tỉnh, mỗi ban có một nhân viên đảm nhiệm. [94, tr.55, 56, 60]

Theo đánh giá của tài liệu của Công binh chi đoàn Fontenay: “*Tổng Ủy ban Đại diện ra đời không được Chính phủ Pháp công nhận, nhưng được lòng tin nhiệm của toàn thể đồng bào... Nhờ có sức ủng hộ của 25 ngàn đồng bào và sức mạnh có tổ chức và giác ngộ của 14 ngàn công binh nên Tổng Ủy ban Đại diện có thể đương đầu được với Chính phủ Pháp và đã làm được những việc vẻ vang đối với nền độc lập nước nhà*” [94].

Căn cứ vào các tài liệu, tư liệu có được, tác giả có thể đưa ra nhận định, *Tổng Ủy ban đại diện Avignon* là tổ chức mang tính chất chính thức nhất đại diện cho người Việt Nam ở Pháp vào giai đoạn này. Thành phần trong ban lãnh đạo của Tổ chức này từ trung ương đến địa phương bao gồm nhiều thành phần cũng như nhiều khuynh hướng chính trị. Đặc điểm này đã khiến cho *Tổng Ủy ban đại diện Avignon* thực sự trở thành một mặt trận chung dành cho người Việt Nam tại Pháp – những người quan tâm đến vận mệnh của dân tộc và tha thiết đóng góp sức mình cho mục tiêu độc lập, tự do của đất nước.

Cũng trong giai đoạn này, thông qua việc sưu tập và nghiên cứu các tài liệu, tư liệu, tác giả đưa ra phán đoán rằng, vào thời điểm trước thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, sự phân hóa về lập trường chính trị trong nội bộ người Việt Nam ở Pháp nói chung và *Tổng Ủy ban đại diện Avignon* nói riêng chưa thực sự rõ rệt.

Do nhiều lý do khách quan và chủ quan của lịch sử, cộng đồng người Việt Nam tại Pháp đã không ngừng được tăng thêm về số lượng. Ngoài lực lượng là binh lính thuộc địa, người lao động, đã có thêm học sinh, sinh viên. Tuy số lượng không nhiều trong tổng số, nhưng đây là nhân tố xã hội rất quan trọng góp phần nâng cao dân trí, từ đó giác ngộ đồng bào mình ý thức, trách nhiệm công dân trước vận mệnh của quốc gia dân tộc. Cộng đồng người Việt tại Pháp từng lúc, từng nơi đã không ngừng nghỉ đóng góp công sức mình cho Tổ quốc, đồng thời là sợi dây kết nối dân tộc Việt Nam, truyền bá ảnh hưởng tốt đẹp của dân tộc Việt Nam đến với bạn bè quốc tế.

### **2.2.2. Hoạt động của cộng đồng người Việt Nam ở Pháp**

Để có hiệu quả, cộng đồng người Việt Nam ở Pháp đã có những sáng tạo trong hoạt động của mình, thể hiện ở 3 hình thức:

#### **2.2.2.1. Đoàn kết cộng đồng**

Sống ở Pháp, cộng đồng người Việt trên thực tế đều mong muốn được yên ổn làm ăn, sinh sống và học tập. Nhưng khi xảy ra những biến cố không có lợi, họ luôn

đoàn kết, chung sức, chung lòng giải quyết những vấn đề mà họ cho là lẽ phải, không chịu cúi đầu, mất thể diện. Vì vậy, trong nội bộ, tinh thần đoàn kết, tự tôn dân tộc, giúp đỡ nhau khi hoạn nạn, tránh làm những việc dễ cho người nước ngoài coi thường được đề cao. Hoạt động này còn nhằm hạn chế những phần tử phản động làm tay sai, chỉ điểm cho chính quyền thực dân chống lại cộng đồng mình trên đất Pháp.

Đối với bên ngoài. Trước hết là với chính quyền Pháp, kiều bào luôn ý thức, sống ở một đất nước mà pháp quyền được đề cao trong đời sống xã hội thì trước hết phải tìm hiểu, học hỏi để nắm rõ luật pháp, sau đó vận động nhau tuân thủ pháp luật một cách nghiêm chỉnh, không khiêu khích để họ lấy cớ đàn áp, theo đó có thể tự bảo vệ mình khi cần cãi lý. Với nhân dân Pháp, cố gắng tranh thủ sự đồng tình của họ thông qua Tổng Công hội Pháp, Cứu tế Đỏ, Đảng Cộng sản Pháp cũng như những nhân vật có uy tín trong xã hội như nhà văn, nhà báo... để có được sự ủng hộ về dư luận xã hội. Ngoài ra đối với anh em binh lính, thủy thủ là người các nước thuộc địa khác, đồng bào ta hết sức thông cảm, nên khi có điều kiện thì sẵn sàng giúp đỡ trên tinh thần tương thân tương ái của những người dân chung thân phận bị mất nước.

Trong giới học sinh, sinh viên Việt Nam ở Pháp thường có phong trào tổ chức trại hè. Vào dịp đó, họ thường mời những trí thức có uy tín tới diễn thuyết. Ví như, họ đã đón ông Nguyễn An Ninh tới diễn thuyết tại trại hè sinh viên ở Aix-en-Provence được tổ chức vào tháng 8/1927. Những buổi nói chuyện, diễn thuyết của các trí thức Việt Nam hay những trí thức tiến bộ Pháp không chỉ lôi kéo được tầng lớp sinh viên mà Việt kiều yêu nước nói chung cũng nhiệt tình tham dự và hưởng ứng. Việt kiều vẫn thường tổ chức những cuộc gặp mặt chung để củng cố, tăng cường tinh đoàn kết, nâng cao hiểu biết cho mọi thành viên của cộng đồng.

Bên cạnh đó, các dịp lễ tết cổ truyền của dân tộc, đặc biệt là Tết Nguyên đán, bà con Việt kiều, tùy từng địa phương đều tổ chức ăn tết với những món ăn quê hương: bánh chưng, giò, chả cùng các bộ quần áo dân tộc. Hành động đó không chỉ tăng cường tinh thần đoàn kết trong cộng đồng nơi đất khách quê người mà còn có giá trị giáo dục, nhất là đối với thế hệ trẻ tình cảm nhớ về cội nguồn.. Những bức ảnh được lưu trong *Hồ sơ Mật thám Pháp số 493/SG, ngày 30/9/1938* chụp khoảng 25 kiều bào Việt Nam đã cùng nhau ăn tết, sau đó còn tổ chức diễu hành ngày 13/2/1938 và ảnh Việt kiều tổ chức ăn Tết ở Marseille trong tháng 2/1938 cho biết, mặc dù chỉ là những hoạt động hợp pháp, nhưng cảnh sát Pháp cũng thường để mắt tới [19].

Mùa xuân năm 1939, *Hội tương tế và văn hóa* đã tổ chức Hội chợ tết tại Paris. Tham dự có nhiều người đến từ nhiều ngành nghề khác nhau. Họ cùng nhau trao đổi kinh nghiệm làm ăn, mở rộng thị trường buôn bán, làm cho tình cảm quê hương gắn bó hơn. Nhân dịp đó, kiều bào dự định mời các ông: M.Moutet, Francis Jourdain, ông Lozeray và bà A.Viollis tới dự. Cảnh sát Pháp đã theo dõi và ghi rõ trong hồ sơ như sau: “*Tham sự bàn bạc về hội chợ này có Bùi Đình Sơn, đang thất nghiệp; Nguyễn Văn Thiệu, thợ sơn; Nguyễn Văn Tinh, nấu bếp; Diệp Văn Vàng, cảnh sát mới từ Tây Ban Nha về; Nguyễn Văn Tịnh, sinh viên trường Stalin...*” [89].

Một trong những đóng góp lớn của Việt kiều ở Pháp (chủ yếu là các thủy thủ) là vận chuyển, phân phát các truyền đơn, sách báo tiên bộ, sách báo của Đảng Cộng sản Pháp, của Quốc tế Cộng sản về nước và đến với nhân dân các thuộc địa Pháp. Ví như, từ khi tờ *Le Paria* xuất bản, thông qua đội ngũ thủy thủ, Nguyễn Ái Quốc gửi 500 số đi Madagatxca, 400 số đi Đahômây, 200 số đi Bắc Phi, 100 số đi Châu Đại Dương, 200 số về Việt Nam. Ông Nguyễn Việt Ty, một thủy thủ kể lại: “*Chúng tôi giấu báo chí, tài liệu trong sọt đựng trứng, đưa xuống tàu, giữa là rom, trên cùng là trứng. Chúng tôi còn lấy bột bánh mì nhào nước nhét tài liệu vào trong*” [129, tr.285]. Trong số các chiến sĩ giao thông này phải kể đến những thủy thủ tiêu biểu: Lê Văn Đản, Hoàng Đình Lộc, Lê Văn Hiền, Nguyễn Việt Ty, Khang “tắc kè”, Nguyễn Đắc Quyên. Thủy thủ Việt Nam còn vận động thủy thủ Trung Quốc, Pháp, Nga giúp chuyển báo chí, tài liệu đến các cảng và cả nhà tù Côn Đảo. Mặc dù bị mật thám Pháp săn lùng và tịch thu, nhưng những tài liệu đó vẫn được chuyển đến đúng địa chỉ một cách an toàn. Nhà nghiên cứu Daniel Hémerly cho rằng, con đường đó được mệnh danh là con đường chủ nghĩa Cộng sản trên biển Đông Dương. Theo đó, vượt qua mọi sự kiểm soát gắt gao của cảnh sát Pháp, những tài liệu mang tư tưởng vô sản đã được chuyển về nước, góp phần từng bước giác ngộ và tuyên truyền chủ nghĩa Mác- Lênin trong giai cấp công nhân và phong trào công nhân trong nước. Ngoài ra, để tỏ rõ sự đoàn kết với giai cấp vô sản Pháp, Việt kiều còn tổ chức một đoàn đại biểu khoảng 20 người có mang theo một vòng hoa lớn mua từ tiền quyên góp của người Việt ở vùng Paris gửi đến đi dự và phúng viếng đại biểu Cộng sản Vaillant Couturier, Tổng biên tập báo *L’Humanité*, cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp.

#### 2.2.2.2. Đấu tranh đòi quyền lợi diễn ra mạnh mẽ

Trong cộng đồng người Việt Nam tại Pháp, trừ một số trí thức, học sinh, sinh viên con nhà giàu sang Pháp học, phần lớn còn lại là lính chiến, lính thợ, một số bồi bếp, người đi buôn. Đời sống của họ vô cùng khó khăn. Người lao động thì bị bóc lột thậm tệ. Binh lính thì sống chết trong gang tấc.

Đây lại là thời gian đang diễn ra cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 trong lòng các nước tư bản, trong đó có nước Pháp. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã khiến cho Chính phủ Pháp gặp nhiều khó khăn. Đó là lý do họ đã đưa ra chính sách giảm thợ, buộc hồi hương đối với những người lao động từ các thuộc địa của Pháp, trong đó có lao động Đông Dương. Hậu quả là, nạn thất nghiệp đã xảy ra ở khắp nơi.

*Báo Vô sản* (số 13 ra tháng 6 năm 1932) viết:

“*Le Havre, nạn thất nghiệp. Có 29 chiếc tàu đậu không tại bến. Mỗi tàu có một thủy thủ canh gác, 5 tàu có một quan hai trông nom. Thủy thủ thất nghiệp rất đông, trong đó có 50 người Đông Dương*” [95].

Còn Hồ sơ Tổng công đoàn cũng xác nhận: “*Marseille, nạn thất nghiệp. Bây giờ Marseille có hơn 200 người thất nghiệp...*” [26].

Trước tình hình đó, nhờ sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp và Tổng Công hội Pháp, các tổ chức Việt kiều đã nhiều lần lên tiếng cực lực phản đối việc giảm thợ và

đòi tiền trợ cấp thất nghiệp cho anh em. Thủy thủ Việt Nam cùng thủy thủ Pháp, Ả Rập, Senegal họp hội nghị thông qua các quyết định:

- Thống nhất tất cả các công đoàn.
- Phản đối giảm tiền lương.
- Đòi tăng phụ cấp khi thủy thủ lên bờ lên 10%.

Quyết nghị này được in thành truyền đơn, dịch ra tiếng Việt, phân phát cho 50 chiếc tàu đậu ở cảng Le Havre vào cuối năm 1931.

Ngày 6/12/1931, tất cả thủy thủ Việt Nam đã sát cánh cùng với thủy thủ các nước khác gồm gần 2.500 người hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng Cộng sản Pháp, hô hào tham gia cuộc bãi công trên toàn nước Pháp, nhất là ở các cảng: Le Havre, Marseille, Bordeaux, Rouen, Dunkerque... [89, tr.52].

Cũng trong ngày 6/12/1931, thủy thủ Việt Nam ở Le Havre đã rải truyền đơn kêu gọi những người Cộng sản Pháp hưởng ứng cuộc đấu tranh của thủy thủ Việt Nam, phản đối chính sách khủng bố của thực dân, đòi thực dân phải thả Nguyễn Ái Quốc và Nguyễn Văn Tạo đang bị chúng bắt giam.

Trong thời gian Mặt trận Bình dân Pháp<sup>1</sup> lên cầm quyền, phong trào đấu tranh của Việt kiều đã có điều kiện phát triển mạnh hơn. Tháng 12/1931, thủy thủ Việt Nam ở Bordeaux cùng thủy thủ các nước thuộc địa khác tổng bãi công phản đối việc chuyên chở vũ khí sang Trung Quốc, tiếp tay cho bọn phản động. Ngày 24 và 26/6/1937, khoảng 60 thủy thủ Việt Nam ở Marseille đã họp để thảo ra bản yêu sách với các nội dung đòi quyền lợi lao động và kinh tế, đòi một số quyền tự do cho người lao động giao cho Tổng thư ký Tổng Công hội Pháp. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau, những yêu sách của thủy thủ Việt kiều không được giải quyết thấu đáo như mong muốn [89, tr.53].

Các hoạt động đấu tranh của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn này cũng được sự ủng hộ và hậu thuẫn từ Đảng Cộng sản Pháp. Đảng Cộng sản Pháp đã nhiều lần có sự hô hào, kêu gọi tinh thần đấu tranh của người Việt Nam tại Pháp:

*“Đảng Cộng sản Pháp là đảng thay mặt cho giai cấp vô sản Pháp kêu gọi tất cả anh em lao động Đông Dương đứng dưới cờ Đảng Cộng sản Đông Dương và Quốc tế Cộng sản mà đánh kẻ thù chung của chúng ta là đế quốc Pháp”* [1].

Quốc tế lao động (1/5) hàng năm, là dịp để Đảng Cộng sản Pháp và người lao động Việt Nam ở Pháp thể hiện sự đoàn kết trong các hoạt động đấu tranh của mình:

*“Đảng Cộng sản Pháp sẽ gọi lao động Pháp ra tranh đấu trong ngày Quốc tế tranh đấu (1/5) để đòi những quyền lợi cần thiết...”*

*An hem lao động và quân lính Đông Dương tại Pháp phải hết sức lưu tâm ... và cố sức tham dự vào cuộc hành động cách mạng của vô sản Pháp...”* [2].

---

1 Mặt trận Bình dân Pháp (tiếng Pháp: *Front populaire*) là một liên minh chính trị của các lực lượng cánh tả ở Pháp, bao gồm Đảng Xã hội Pháp, Đảng Cộng sản Pháp, Chi hội Pháp của Công nhân Lao động Quốc tế (SFIO) và các chính đảng, tổ chức chính trị khác trong thời kỳ 1935 - 1938.



Sự ủng hộ và hậu thuẫn của Đảng Cộng sản Pháp đã tạo những điều kiện thuận lợi để các hoạt động đấu tranh đòi quyền lợi của người Việt Nam tại Pháp phát triển và có hiệu quả.

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Tháng 6-1940, nước Pháp thua trận và mất nước. Nội bộ chính trị nước Pháp có những biến động nghiêm trọng. Đảng Cộng sản Pháp bị đàn áp, Tổng Bí thư và nhiều Ủy viên Trung ương khác bị bắt. Cùng lúc đó, Tổng liên đoàn Lao động Pháp có sự chia rẽ lớn. Một phái giữ vững hoạt động vì lợi ích công nhân, một phái thỏa hiệp với tư bản Pháp và phát xít Đức phản bội lại quyền lợi của đồng nghiệp mình.

Năm 1941, Chính phủ phản động của Thủ tướng Philippe Pétain đã buộc 5.000 lính chiến và lính thợ Việt Nam hồi hương. Số còn lại, bị gửi đi làm thuê cho các tư gia, hãng thầu, kể cả việc đi làm cho phát xít Đức. Số thợ không chuyên nghiệp, trong những năm 1941- 1942 được chia cho các “đạo” (có số tổ chức quân sự):

- Đạo Nhất, gồm 12 cơ- 2486 người ở Le Clève;
- Đạo Hai, gồm 13 cơ- 3224 người ở Bergerac;
- Đạo Ba, gồm 14 cơ- 3451 người ở Sorgues;
- Đạo Tư, gồm 10 cơ- 2116 người ở Toulouse;
- Đạo Năm, gồm 11 cơ- 3093 người ở Marseille.

Suốt trong 4 năm từ tháng 5/1940 đến tháng 8/1944, đời sống của lính thợ Việt Nam cũng như của chiến binh Việt Nam trong thời Pháp bị Đức chiếm đóng còn đói rét, khổ ải hơn cả người dân Pháp khi bị Đức đô hộ. Nhiều người bị ốm đau, lao phổi. Có người phải tự tử. Đã vậy bọn chủ còn liên kết với nhà cầm quyền thực hiện “quy chế thời chiến”, đặt ra những hình phạt nặng nề nếu thợ bãi công, đình công, chống đối. Quy chế đó buộc Việt kiều phải phản ứng phòng vệ dù không muốn, dẫn tới có người bị tù tội, có người bị đuổi việc. Để cứu mình, cuộc đấu tranh với hình thức đình công bãi thực của 1.000 lính thợ trại Phạm Quỳnh kéo dài 48 giờ đồng hồ để phản đối việc cắt giảm khẩu phần lương thực của lính thợ vào tháng 6/1944 diễn ra quyết liệt. Cuộc đấu tranh đã thắng lợi, gây tiếng vang trong dư luận [89, tr.55].

Trong những năm bị phát xít Đức chiếm đóng, nhân dân Pháp đã đấu tranh giành độc lập dưới ngọn cờ của Chính phủ kháng chiến Charles de Gaulle. Chiến binh người Việt trốn được cũng tham gia kháng chiến cùng nhân dân Pháp, thường là họ gia nhập các đội du kích F.F.I. Một bộ phận Việt kiều tại miền Nam nước Pháp đã tình nguyện đứng vào hàng ngũ du kích Pháp, chiến đấu ngoan cường chống phát xít Đức, đánh mìn lật đổ các đoàn tàu Đức, làm giao thông liên lạc... Trường hợp ông Huỳnh Khương Anh bị bắt và bị phát xít Đức xử bắn ở Mont Valérien đã cho thấy sự nhiệt tình của Việt kiều trong công cuộc bảo vệ nước Pháp cùng nhân dân Pháp. Năm 1944, một binh đoàn chiến binh Việt Nam tham gia cùng quân giải phóng Pháp truy kích địch đến ngày Chính phủ Đức Quốc xã đầu hàng không điều kiện. Sau đó họ được điều sang đóng ở vùng Constance.

Sau khi nước Pháp giải phóng, Đảng Cộng sản Pháp cũng sa vào chủ nghĩa dân tộc ích kỷ, hẹp hòi, muốn tư bản Pháp hùng cường nên đã ủng hộ chủ trương giữ thuộc

địa cũ. Trên tờ *L'Humanité* số ra ngày 30/8/1944, ông Magnien, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Pháp đã công khai: “*Dân chúng Pháp muốn rằng Đông Dương cũng như những thuộc địa khác của Pháp sẽ trọn vẹn không bị mất một mảnh nào*” [84, tr.76]. Năm 1945, trên tờ *Ce soir* có đoạn viết: “*Là một đại cường quốc, nước Pháp phải được tham gia vào chiến tranh Thái Bình Dương, phải giữ lấy thuộc địa ở khắp nơi và tái chiếm Đông Dương*” [84, tr.76]. Ngay cả J. Stalin, người đứng đầu nhà nước Xô viết lúc đó đã cùng Charles de Gaulle ký Hiệp ước Pháp- Xô, trong đó, khoản 6 cam kết: “*Hai bên không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau*” [84, tr.77]. Với cam kết này, có nghĩa là trong chính sách đối ngoại của mình, Chính phủ Xô Viết cũng đương nhiên thừa nhận chủ trương giữ thuộc địa cũ của Chính phủ Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Vì vậy, chưa kịp chia vui cùng nhân dân Pháp, Việt kiều lại bước vào một cuộc đấu tranh mới khó khăn hơn vì có sự xung khắc chính trị với Đảng Cộng sản Pháp.

Trong chính sách khôi phục sự thống trị của mình tại Đông Dương của Chính phủ Pháp lúc này, họ đang muốn thực hiện kế hoạch dựng lên một Chính phủ Việt Nam hải ngoại để sau này đưa chính phủ đó về Việt Nam làm Chính phủ bù nhìn cho thực dân Pháp. Nguyễn Quốc Định là người được thực dân Pháp lựa chọn để thực hiện kế hoạch trên.

Sớm nhìn nhận ra bản chất thực dân của Chính phủ Pháp, *Tổng Ủy ban Đại diện Việt Nam lâm thời* đã nêu rõ mục đích của tổ chức này: “*Ngăn chặn sự thành lập chính phủ lưu vong Nguyễn Quốc Định*” [94, tr.56].

Từ ngày 15 đến ngày 17/12/1944, Đại Hội đại biểu cộng đồng người Việt Nam tại Pháp đã diễn ra và thành lập *Tổng đại diện Việt Nam* (Délégation Générale des Indochinois). Kết thúc Đại hội, *Bản tuyên ngôn* đã được thông qua. *Bản Tuyên ngôn* đã xác định cùng lúc mối quan ngại của người Việt Nam tại Pháp trong việc khẩn trương cải thiện tình trạng của các lính thợ Việt Nam tại Pháp và nhận định về tình hình tại Việt Nam:

“*Đại hội đã khẳng định cương quyết tiến hành hoạt động để thực hiện ngay lập tức những cải tổ cực kỳ khẩn cấp đối với tình trạng tệ hại ở Nha Nhân công Bản xứ M.O.I ... Đại hội giao nhiệm vụ cho Ban Tổng đại diện phải tác động mạnh mẽ đến giới chức trách hữu quan, sao cho người lao động Đông Dương được hưởng quyền lợi giống như người lao động Pháp, đặc biệt là quyền lợi nghiệp đoàn.*”

*Đại hội đã nhất trí thông qua cương lĩnh chính trị yêu cầu thiết lập chế độ dân chủ ở Đông Dương. Chỉ có một chính quyền được tín nhiệm thông qua cuộc phổ thông đầu phiếu mới có thể đảm bảo các quyền tự do cơ bản mà quân Đồng minh đã chiến đấu để mang lại*” [147, tr.248].

Sự đấu tranh chính trị mạnh mẽ và có sự thống nhất cao của người Việt Nam tại Pháp dưới sự lãnh đạo của *Tổng Ủy ban đại diện Avignon*, lá bài Nguyễn Quốc Định của Chính phủ Pháp đã thất bại. Nhưng Bộ Thuộc địa Pháp vẫn tiếp tục kế hoạch với việc đỡ đầu Trần Hữu Khương, Đoàn Hữu Giám, Friedtesdt... lập ra *Hội Pháp – Việt*

có mục đích quảng bá cho chính sách thực dân của họ. Tuy nhiên, với sự thống nhất cao của hơn 2 vạn Việt kiều xung quanh *Tổng Ủy ban đại diện Avignon*, kế hoạch trên của thực dân Pháp cũng không thể thực hiện.

### 2.2.2.3. Hoạt động báo chí

Do nhiều lý do, đến sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, cộng đồng người Việt Nam ở Pháp vẫn chưa có tờ báo riêng làm cơ quan ngôn luận của mình. Xuất phát từ mục đích đánh thức lòng yêu nước của đồng bào, Nguyễn Ái Quốc đã có sự chuẩn bị để một tờ báo của riêng người Việt ra đời tại Pháp. Nếu coi truyền đơn cũng là một dạng báo chí thì bản “*Việt Nam yêu cầu ca*” là sản phẩm mang tính báo chí của riêng Nguyễn Ái Quốc. Vì thế, Nguyễn Ái Quốc chính là người đầu tiên đặt nền móng cho nền báo chí của Việt Nam ở Pháp. Nhưng với Nguyễn Ái Quốc, để trở thành một nhà báo thực sự là một vấn đề không đơn giản. Song với lòng nhiệt thành, sự quyết tâm và cả trí thông minh, Nguyễn Ái Quốc đã nỗ lực không ngừng qua quá trình thực hành trong thực tiễn, đặc biệt được sự giúp đỡ của bè bạn: Marcel Cachin, Jean Longuet, P.Vaillant Couturier, Gaston Montmousseau. Từ sự nỗ lực đó, những sản phẩm báo chí mang tính chính luận như bài báo “*Vấn đề dân bản xứ*” được đăng ngày 2/8/1919 và bài “*Ở Đông Dương*” đăng ngày 4/11/1920 trên tờ *L’Humanité (Nhân đạo)*- cơ quan ngôn luận của Đảng Cộng sản Pháp. Bài báo cực lực phản đối việc đưa lính An Nam sang Syria, tố cáo nước Pháp đang để cho hàng triệu người dân ở Đông Dương chết đói... Theo nội dung của bài báo, chúng ta có cơ sở để đánh dấu một cột mốc: từ đây trở đi, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành nhà báo thực sự với bút danh rất ấn tượng và có uy tín với độc giả.

Trong những năm tiếp theo, những bài báo mang bút danh Nguyễn Ái Quốc được đăng trên các tờ *Đời sống công nhân*, *Tạp chí cộng sản*, hoàn toàn thuộc bản quyền của riêng mình. Luôn ấp ủ một mong muốn có tờ báo cho riêng dân tộc mình và các dân tộc thuộc địa, vậy nên, dựa vào *Hội liên hiệp thuộc địa* mà mình là thành viên đồng sáng lập, Nguyễn Ái Quốc cho ra đời tờ báo *Le Paria (Người cùng khổ)*, một tờ báo vì lợi ích của công lý, sự thật và tiến bộ. Ngày 1/4/1922, tại các quán sách báo ở Paris, xuất hiện tờ *Le Paria* bằng tiếng Pháp, chữ Ả Rập và chữ Hán. Qua nhiều lần đổi tên, cuối cùng tờ báo có tiêu đề “*Cơ quan của Hội liên hiệp thuộc địa*”. Cho đến nay, tờ *Le Paria* vẫn được coi là tờ báo đầu tiên của các dân tộc thuộc địa trên thế giới, ít ra cũng là các dân tộc thuộc địa của Pháp và là tờ báo cách mạng Việt Nam đầu tiên của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp. Báo có hạn chế là viết bằng tiếng Pháp nên nhiều người chưa đọc trực tiếp được, nhưng có chất lượng cao về nội dung bởi các tác giả danh tiếng: Nguyễn Ái Quốc, Trần Xuân Hộ, Nguyễn Thế Truyền, Phan Văn Trường... *Le Paria* tự coi mình là “vũ khí chiến đấu” và đặt cho mình sứ mạng rõ ràng là “giải phóng con người”. Không chỉ đối với Việt kiều, tờ *Le Paria* còn có tác dụng giúp cho nhân dân Pháp, những người tiến bộ và yêu chuộng hòa bình hiểu được bản chất xấu xa của chủ nghĩa thực dân và thông cảm với sự khốn cùng của người dân các nước thuộc địa. Báo *Le Paria* được gửi đều đặn về Việt Nam và được những trí thức,

học sinh, sinh viên ở quê nhà rất quan tâm và đón đọc. Nhận định ảnh hưởng của tờ *Le Paria*, Nguyễn Ái Quốc đã viết:

“*Le Paria* làm cho nước Pháp, nước Pháp chân chính hiểu rõ bọn cá mập thực dân đã lợi dụng tên tuổi và danh dự nước Pháp để gây nên những tội ác không thể tưởng tượng được. Nó đã thức tỉnh đồng bào chúng ta. Đồng thời nó cũng khiến cho đồng bào chúng ta nhận rõ nước Pháp tự do, bình đẳng và bác ái. Nhưng chúng ta còn phải làm nhiều hơn” [124, tr.51-54].

Tác giả Daniel Hémerly nhận xét: “*Le Paria* xuất bản một lần hai nghìn bản, trong đó có một nghìn phân phát đến các thuộc địa châu Phi và Đông Dương... Tiếng vang của nó thực là rõ đối với Việt Nam, thể hiện qua những món tiền đặt trước cho tờ báo đăng trên mục rao vặt của nhiều tờ báo tiếng Pháp ở Sài Gòn” [145, tr.41].

*Le Paria* đã hoạt động rất tích cực, có nhiều cống hiến cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc trên thế giới, góp phần tích cực trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam và một số thuộc địa khác, thức tỉnh các dân tộc bị áp bức vùng dậy đấu tranh tự giải phóng. Tháng 4/1926, Báo *Le Paria* ra số 38, đăng lời giới thiệu cuốn *Bản án chế độ thực dân Pháp của Nguyễn Ái Quốc*. Đây là số cuối cùng của báo. Khi *Hội liên hiệp thuộc địa* chấm dứt vào tháng 4/1926, *Le Paria* cũng coi như hoàn thành sứ mệnh của mình.

Tháng 1/1926, báo *Việt Nam hồn* được viết bằng tiếng Việt do Nguyễn Thế Truyền làm chủ nhiệm kiêm chủ bút ra đời. Tòa soạn đặt tại số 7, phố Gadrô, quận 20 Paris. Do sự cấm đoán của thực dân Pháp, báo nhiều lần phải đổi tên. Mặc dù tháng 8/1926 thì bị chính quyền Pháp cấm, nhưng báo vẫn ra bất hợp pháp cho đến tháng 9/1927. Trong thời gian tồn tại của mình, báo *Việt Nam hồn* đã đồng hành cùng nhiều phong trào yêu nước của Việt kiều: Phong trào đòi thả Nguyễn An Ninh, Lâm Hiệp Châu, để tang Phan Châu Trinh, chống lại những kẻ thực dân hiếu chiến. Báo *Việt Nam hồn* là tiếng nói yêu nước của Việt kiều ở Pháp được in bằng tiếng mẹ đẻ.

Cũng trong năm 1926, còn có một tờ *Phục Quốc* (Restauration Patrie) cũng được xuất bản ở Paris.

Theo thống kê, có thể chưa đầy đủ, từ năm 1927 đến năm 1946 có gần 25 tờ báo được xuất bản. Năm 1927 có 7 tờ. Năm 1928 có 8 tờ. Năm 1929 có 2 tờ. Từ 1930 đến 1946 có khoảng 6, 7 tờ. Bao gồm một số tờ báo nổi bật:

- *Nhật báo của sinh viên Việt Nam* (Journal des étudiants annamites) do sinh viên Việt Nam ở Toulouse xuất bản.

- *Hồn AnNam* (L'Âme annamite).

- *Việt Nam tự do diễn đàn* của người Việt tại cảng Havre.

- *L'annamite scolaire*. Chủ nhiệm là Liêu Sanh Trân, báo là cơ quan ngôn luận của sinh viên Việt Nam tại Aix-en-Provence. Tờ báo được xuất bản từ tháng 4/1927 và hoạt động đến tháng 7/1928 thì chấm dứt.

- *L'AGEI* (Viết tắt của Association générale des étudiants Indochinois- Tổng hội sinh viên Đông Dương). Báo xuất bản bằng tiếng Pháp do một nhóm sinh viên AGEI chủ trương, số 1 ra tháng 7 năm 1927, đến số 11 tháng 8/1928 thì ngừng xuất bản.

- *An Nam độc lập* (*L'Indépendance annamite*) của một nhóm người Việt (chưa rõ khuynh hướng). Khổ 260x180mm, đánh máy.

- *Tạp chí sinh viên An Nam* (*Journal des étudiants annamites*) do nhóm sinh viên ở Toulouse chủ trương. Báo này tuyên truyền tinh thần yêu nước, khuyến học thành tài để cứu nước.

- *Diễn đàn An Nam* (*La Tribune Annamite*) của nhóm trí thức có xu hướng lập hiến, cùng xu hướng này còn có tờ *Diễn đàn bản xứ* (*La Tribune indigène*).

- *Sinh viên Đông Dương* (*Les étudiants Indochinois*)

- *Người hoa tiêu* (*La Vigie*). Đây là tờ báo của chi bộ cộng sản thủy thủ Marseille.

- *Tương lai An Nam* (*L'Annam de demain*) của nhóm sinh viên ở Toulouse. Tiền thân của báo này là *Tạp chí sinh viên An Nam* (*Journal des étudiants annamites*).

- Tháng 7 năm 1928, nhóm sinh viên gồm Nguyễn Văn Luân, Tạ Thu Thâu, Bùi Ái... ra tờ nguyệt san tiếng Pháp: *Tái Sinh* (*La Résurrection*). Trụ sở đặt ở số 84, phố Pascal, Cachan, Seine. Măng sét có tựa đề: "*Cơ quan của thanh niên cách mạng An Nam*".

- *Sinh viên An Nam* (*L'étudiants annamite*) do một nhóm sinh viên phụ trách, in năm 1929.

- *Tân học sinh*, cơ quan ngôn luận của Hội liên hiệp sinh viên tại Pháp, xuất bản năm 1929.

- *Tiền phong*, cơ quan ngôn luận của Hội liên hiệp sinh viên tại Pháp, xuất bản năm 1929.

- *Lao động An Nam*. Báo này là cơ quan ngôn luận của *Hội bảo vệ lao động An Nam*, xuất bản tại Marseille.

- *Vô Sản* là cơ quan ngôn luận của lao động Đông Dương tại Pháp. Báo này in ở Paris bằng tiếng Việt, in kẽm, chụp bản đánh máy. Số đầu tiên ra vào năm 1930.

- *Lao Nông*. Báo này xuất bản trong thời gian 1928- 1930. Đây là "tiếng nói của một nhóm người Việt Nam trên đất Pháp".

- Có một tờ báo khác cũng lấy tên *Lao Nông*. Đây là cơ quan ngôn luận của nhóm cộng sản Việt Nam đầu tiên trên đất Pháp.

Từ năm 1930 đến năm 1941, ngoài tờ *Vô Sản*, số đầu ra từ năm 1930 và tiếp tục cho đến năm 1934 còn có tờ *Bạn hải thuyền* của *Hải viên công hội*. Tờ báo kêu gọi thủy thủ Việt Nam gia nhập Đảng Cộng sản Pháp và Tổng liên đoàn Lao động thống nhất Pháp, nhằm mưu lợi ích cho anh em hội viên, đòi những quyền lợi cần thiết cho anh em, đoàn kết với anh chị em lao động... Cùng với tờ *Bạn hải thuyền*, còn có *Thủy thủ báo; Tiếng Gọi* (*L'Appel*) do Phan Tấn Ton làm thư ký tòa soạn giữa năm 1937 [89].

- Cuối năm 1941 đến năm 1942, các đơn vị công binh người Việt Nam ở Pháp có tờ *Công binh tạp chí*. Cùng với nó có tờ *Công binh học báo*, vận động anh em học

tập, xóa nạn mù chữ, nâng cao trình độ hiểu biết. Anh em công binh còn xuất bản tờ *Tiếng Thơ* chuyên đăng các bài về văn nghệ...

Tháng 8/1944, nước Pháp giải phóng. Báo chí của Việt kiều được xuất bản nhiều để thông báo tình hình, xác định thái độ, nhiệm vụ trước thời cuộc mới.

Năm 1945, sau một thời gian hoạt động, *Nhóm Bôn-sê-vích Lêninnít* gồm một số trí thức Việt kiều khuynh hướng tả, cho ra tờ *Tranh Đấu*. Một số trí thức khác như: Nguyễn Khắc Viện, Võ Quý Huân, Hoàng Xuân Mãn, Trần Hữu Phương, Bùi Thạch chủ trương ra tờ *Nam Việt*, số đầu phát hành từ năm 1943. Tòa soạn đặt tại Place Panthéon. Ban đầu viết tay, sau đánh máy, in kèm khổ 42x27, đóng thành tạp chí từ 16 đến 32 trang. Tờ *Nam Việt* có khuynh hướng đấu tranh để thay đổi chính sách cai trị của Pháp, phản đối chế độ thực dân Pháp.

Ngoài hai tờ báo trên, suốt thời gian Pháp bị chiếm đóng, trong tổng số 3 vạn Việt kiều ở Pháp còn lưu hành tờ *Tiếng vọng hải ngoại* (L'Echo d'Outre mer) của Bộ thuộc địa Pháp.

### **2.3. Bối cảnh mới và những hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945 - 1946**

#### **2.3.1. Bối cảnh lịch sử mới và chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương giai đoạn 1945 - 1946**

##### *2.3.1.1 Bối cảnh lịch sử sau Cách mạng Tháng Tám 1945*

Dưới sự lãnh đạo của *Đảng Cộng sản Đông Dương* và *Mặt trận Việt Minh*, nhân dân Việt Nam đã tiến hành thắng lợi cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. Cuộc cách mạng đã giành lại chính quyền từ tay phát xít Nhật, chấm dứt hơn 80 năm Pháp thuộc và hàng ngàn năm phong kiến. Ngày 2/9/1945, thay mặt *Chính phủ Cách mạng Lâm thời*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, trình trọng tuyên bố trước quốc dân và quốc tế, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) ra đời. Trong buổi lễ lập quốc, Chính phủ mới của nước Việt Nam độc lập cũng ra mắt quốc dân. Một trang mới của lịch sử Việt Nam được mở ra.

Sau khi thành lập nước, công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước đứng trước bối cảnh vừa có những thuận lợi rất cơ bản, vừa phải đương đầu với những khó khăn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm là những hiểm họa đối với chế độ mới, vận mệnh dân tộc ở vào tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Tổ quốc lâm nguy.

Khó khăn lớn nhất trên lĩnh vực chính trị lúc này đối với Chính phủ nước VNDCCH là nguy cơ giặc ngoại xâm.

Theo *Tuyên bố chung* của *Hội nghị Postdam* (26/7/1945), việc giải giáp quân đội Nhật ở Việt Nam sẽ do hai lực lượng đồng minh đảm nhiệm: quân đội Trung Hoa dân quốc từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc và quân đội Anh Quốc từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam. Tuy nhiên, giải giáp quân đội Nhật không phải là mục tiêu chính của hai lực lượng trên. Âm mưu của họ phức tạp và rất thâm hiểm.

Trong lúc tình hình kinh tế - xã hội của Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn thì: *“quân đội Tưởng Giới Thạch cùng các lực lượng tay sai của chúng vào đất nước ta, gây sức ép về nhiều mặt, rêu rao “Hồ Chí Minh thập trọng tội” để gây rối và lật đổ đã rõ ràng”* [84, tr 43].

Ngày 6/9/1945, chỉ bốn ngày sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập cho Việt Nam, phái bộ quân sự Anh cùng hai vạn quân đội đã có mặt ở Sài Gòn. Với danh nghĩa tước khí giới của phát xít Nhật theo lệnh Đồng Minh, nhưng thực chất, âm mưu của họ là tạo điều kiện cho quân Pháp vào Nam Bộ. Vì vậy, mọi hành động của lực lượng này đều đi ngược với nhiệm vụ mà họ phải làm: *“Thay vì tước khí giới, họ lập tức cho quân Nhật làm nhiệm vụ cảnh sát trong thành phố và đòi lực lượng vũ trang của ta giao nộp vũ khí. Chúng ngang nhiên cấm báo chí của ta không được xuất bản và thiết quân luật, bắt Ủy ban nhân dân Nam Bộ khai số quân ta có bao nhiêu, ai trái lệnh sẽ bị xử tử nhanh chóng”* [10].

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, nền kinh tế của nước Anh gặp nhiều khó khăn, để giảm chi phí quân sự, cải thiện đời sống của nhân dân, phong trào đòi rút quân đội Anh từ khắp nơi về nước của nhân dân Anh đang phát triển. Trong bối cảnh đó, quân đội Anh Quốc vẫn phải làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật ở Đông Dương, vậy nên chi phí quân sự ngày càng nặng đối với họ. Đó là những lý do chính khiến Chính phủ Anh quốc muốn giao lại Đông Dương cho Pháp – những người đang muốn giành lấy Đông Dương lần thứ hai. Ngày 24/10/1946, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Anh đã tuyên bố trước Quốc hội Anh: *“Chính phủ Anh không muốn có sự tham gia không cần thiết vào chính quyền hoặc công việc chính trị ở những lãnh thổ không phải là của Anh và mục tiêu là rút quân đội Anh càng sớm càng tốt”* [25]. Ngày 09/10/1945, Anh và Pháp ký Hiệp định London, qua đó giao cho Pháp quyền tước vũ khí quân đội Nhật ở Nam Đông Dương và cũng ngày này họ chấp thuận Cục Dân sự Pháp là cơ quan duy nhất ở Đông Dương về phía nam vĩ tuyến 16. Ngày 14/3/1946, Bộ chỉ huy Anh tuyên bố chấm dứt hoạt động của quân đội Anh tại Nam Đông Dương.

Nhất quán với tuyên bố: *“Những điều kiện tổng quát của quy chế Đông Dương sẽ được hưởng”* ngày 24/3/1945 của Charles de Gaulle, tại Hội nghị San Francisco, ngày 2/5/1945, Bộ trưởng Ngoại giao Pháp G.Bidault tuyên bố chỉ có Pháp mới có quyền quyết định tương lai Đông Dương. Ông này khẳng định: *“quyền ủy trị có thể áp dụng trên các thuộc địa khác chứ không thể áp dụng cho Đông Dương”* [140, tr.228 - 229]. Nhưng: *“Pháp không được tham gia vào cuộc thương lượng giữa Trung Quốc và Nhật về việc Nhật đầu hàng Đồng Minh vì Pháp không tham gia vào chiến tranh Thái Bình Dương chống Nhật”* [140, tr.554 - 555].

Những diễn biến trên đây chứng minh, mưu đồ quay trở lại Việt Nam của thực dân Pháp chỉ là vấn đề thời gian. Chính phủ lâm thời của nước Cộng hòa Pháp muốn khôi phục lãnh thổ Đông Dương với cơ chế tự trị. Ngày 19/9/1945, Pháp tuyên bố sẽ lập chính quyền tại miền Nam. Ngày 23/9/1945, với sự giúp đỡ của quân đội Anh Quốc, thực dân Pháp nổ súng chiếm Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt

Nam lần thứ hai. Đáp trả tiếng súng của quân xâm lược, nhân dân Nam bộ cũng bắt đầu cuộc kháng chiến giữ nước.

Muru đồ của các nước đế quốc đã quá rõ ràng. Với danh nghĩa Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, nhưng thực chất vì quyền lợi của riêng mình, các lực lượng này đều có một mục tiêu chung: tiêu diệt nền cộng hòa non trẻ của VNDCCH, đưa dân tộc Việt Nam trở về thân phận nô lệ một lần nữa. Nước Việt Nam vừa giành được độc lập đã phải đối đầu với nhiều thế lực thù địch quốc tế.

Sau chiến tranh, được nhân dân ủng hộ do có nhiều công lao trong kháng chiến chống phát xít, nhiều đảng viên của Đảng Cộng sản Pháp được giữ những chức vụ quan trọng trong Chính phủ Pháp. Đặc biệt Tổng bí thư Maurice Thorez giữ chức Phó Thủ tướng; các đảng viên khác giữ chức Bộ trưởng các bộ Lao động; Y tế; Thứ trưởng bộ Quốc phòng. Thực ra đã từ lâu, Đảng Cộng sản Pháp đã hết lòng ủng hộ cách mạng Việt Nam, “*nhưng ở thời điểm này vì quyền lợi dân tộc của họ, các đảng viên Đảng Cộng sản Pháp chỉ ủng hộ Việt Nam trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp*” [72].

Những diễn biến phức tạp của tình hình chính trị quốc tế cũng như trong nước đã đặt Chính phủ VNDCCH vào một tình thế hết sức khó khăn. Cùng một lúc phải đối phó với nhiều kẻ thù, trong bối cảnh bị bao vây tứ phía và chưa có một quốc gia nào chính thức công nhận.

### 2.3.1.2. Đường lối của Đảng Cộng sản Đông Dương

Trước tình hình mới, ngay phiên họp Hội đồng Chính phủ chiều ngày 3/9/1945, những nhiệm vụ vừa mang tính chiến lược lâu dài, vừa cấp bách đã được thông qua, trong đó nhấn mạnh phải giải quyết ba loại giặc giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm.

Ngày 25/11/1945, Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua bản *Chỉ thị Kháng chiến – Kiến quốc*.

Trên cơ sở nhận định đúng những biến động của tình hình chính trị ở cả 2 bình diện quốc gia và quốc tế, bản *Chỉ thị* xác định rõ nhiệm vụ chiến lược cách mạng cơ bản:

Thứ nhất, xác định nhiệm vụ chiến lược: “*Cuộc cách mạng Đông Dương lúc này vẫn là cuộc cách mạng dân tộc giải phóng. Cuộc cách mạng ấy đang tiếp diễn, nó chưa hoàn thành, vì nước ta chưa được hoàn toàn độc lập*”. Theo đó, khẩu hiệu chiến lược vẫn là: “*Dân tộc trên hết, tổ quốc trên hết*”.

Thứ hai, xác định kẻ thù chính, kẻ thù nguy hiểm nhất của cách mạng Việt Nam: “*Kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng*” [67, tr26].

Thứ ba, xác định chiến thuật: “*Lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp xâm lược. Mở rộng Việt Minh cho nó bao gồm mọi tầng lớp nhân dân...*” [67, tr26].

Từ đó, *Chỉ thị* nêu nhiệm vụ cần kíp: “*... Nhiệm vụ riêng trong nước là phải củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân*” [67, tr26-27].

Những nội dung trên được Đảng tập trung chỉ đạo thực hiện trên thực tế với tinh thần kiên quyết, khẩn trương linh hoạt, sáng tạo, trước hết là trong giai đoạn từ



tháng 9-1945 đến cuối 1946 rất hiệu quả: Bầu cử Quốc hội (6-1-1946), lập Chính phủ chính thức, thành lập Chính phủ Liên hiệp kháng chiến bao gồm 12 thành viên tại phiên họp thứ nhất (2/3/1946); bầu Chính phủ kháng chiến gồm 14 thành viên và ban hành Hiến pháp tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa 1 (11-1946) tạo thể hợp hiến, hợp pháp cho Nhà nước; xây dựng các đoàn thể nhân dân, xây dựng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất; khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân, xóa nạn mù chữ...

Để đối phó với âm mưu của các lực lượng ngoại bang trên đất nước ta, đặc biệt là hai đối tượng chính: quân đội Tưởng Giới Thạch và quân đội Pháp, Trung ương Đảng đã xác định một sách lược ngoại giao mềm dẻo trên nguyên tắc “dĩ bất biến, ứng vạn biến”, cứng rắn về chiến lược:

*“Về ngoại giao, kiên trì chủ trương ngoại giao với các nước theo nguyên tắc bình đẳng và tương trợ... Đối với Tàu, vẫn chủ trương Hoa - Việt thân thiện, coi Hoa kiều như dân tối huệ quốc. Đối với Pháp, độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế”* [67, tr.26, 27].

Sách lược ngoại giao trên là cơ sở quan trọng để VNDCCH thực hiện chính sách hòa với Chính phủ Trung Hoa dân quốc, có điều kiện tập trung đánh thực dân Pháp xâm lược tại Miền Nam. Thực tế đã chứng minh, chủ trương của Đảng Cộng sản Đông Dương là đúng đắn và hoàn toàn phù hợp với tình thế khi đó. Đánh giá ý nghĩa của sách lược này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: *“...Tình hình lúc đó rất rối ren. Ngoài thì thực dân Pháp, thực dân Anh uy hiếp, trong thì Quốc dân Đảng phá... Phải cân nhắc kỹ lợi hại, chọn cái nào ít hại nhất mà làm. Phải làm như thế không thì bị kẹp cả hai phía: Bọn Pháp và Bọn Quốc dân Đảng”* [83, tr.10].

Lựa chọn hòa hoãn với Trung Hoa dân quốc để tập trung đánh thực dân Pháp trong giai đoạn này còn xuất phát từ sự phân tích sắc xảo của Trung ương Đảng về khả năng hiện diện lâu dài tại Việt Nam của từng lực lượng. Việc phải tập trung đối phó với cách mạng Trung Quốc do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo sẽ buộc Tưởng Giới Thạch rút 20 vạn quân ở Việt Nam về nước. Từ nhận định ấy, Đảng Cộng sản Đông Dương đã lường trước: *“trước sau, Trùng Khánh sẽ bằng lòng cho Đông Dương trở về tay Pháp, miễn là Pháp nhượng cho Tàu nhiều quyền lợi quan trọng”* [67, tr.25].

*Hiệp ước Hoa - Pháp (Hiệp ước Trùng Khánh)* đã được ký kết vào ngày 28/2/1946 giữa nước Cộng hòa Pháp và Trung Hoa dân quốc đã hiện thực hóa sự tiên đoán của Đảng Cộng sản Đông Dương. Theo đó, Pháp được đưa quân ra Bắc thay thế quân Tưởng làm nhiệm vụ giải giáp quân Nhật. Đổi lại Tưởng được Pháp trả lại một số quyền lợi trên đất Trung Quốc, được vận chuyển hàng hóa qua cảng Hải Phòng vào Hoa Nam không phải đóng thuế. Vấn đề đặt ra lúc này là khi Pháp ra Miền Bắc Việt Nam, ta sẽ đánh hay hòa?

Phân tích tình hình, tương quan lực lượng giữa ta và địch, *Thường vụ trung ương Đảng* đã ra *Chỉ thị Tình hình và chủ trương (9-3-1946)*. *Chỉ thị* nhận định:

*“Có thể nói phứt ra rằng: nếu Pháp giữ chủ trương Đông Dương tự trị theo bản tuyên ngôn ngày 23/4/1945, thì nhất định đánh và rất có thể đánh kéo dài theo lối du kích;*

*nhưng nếu Pháp công nhận Đông Dương tự chủ thì có thể hòa, hòa để phá tan âm mưu của bọn Tưởng, bọn phản động Việt Nam và bọn phát xít Pháp còn lại, chúng định hãm ta vào tình thế cô độc, buộc ta phải đánh với nhiều kẻ thù một lúc...”* [67, tr.43].

Qua đó, chúng ta thấy, trước mưu đồ của các thế lực thù địch, tổ chức chính trị tiên phong của cả dân tộc và những người đứng đầu nước VNDCCH không hề ảo tưởng về việc không cần bạo lực mà vẫn giữ được chính quyền, nhưng ở hoàn cảnh lịch sử phức tạp hiện tại thì hòa là thượng sách. Nhưng hòa phải trên cơ sở vấn đề chủ quyền của Việt Nam được bảo đảm. Sự chỉ đạo sáng suốt ấy đã trở thành phương châm hoạt động trong sách lược đàm phán của Chính phủ cách mạng lúc đó:

*“Điều cốt tử trong khi mở cuộc đàm phán với Pháp, không những không ngừng một phút công việc sửa soạn, sẵn sàng kháng chiến bất cứ lúc nào và ở đâu, mà còn phải hết sức xúc tiến việc sửa soạn ấy và nhất định không để cho việc đàm phán với Pháp làm nhụt tinh thần quyết chiến của dân tộc ta. Lập trường giảng hòa của ta đi với Pháp là độc lập nhưng liên minh với Pháp. Pháp phải thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của dân ta “Chính phủ, quân đội, nghị viện, tài chính, ngoại giao...” và “sự thống nhất quốc gia của ta”* [67, tr.46].

Với chủ trương đó, ngày 6/3/1946 tại số nhà 38, phố Lý Thái Tổ, Hà Nội, *Hiệp định Sơ bộ* về vấn đề đình chiến đã được ký kết giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện Chính phủ nước VNDCCH và J. Sainteny đại diện Chính phủ nước Cộng hòa Pháp.

Một trong những nội dung cơ bản của bản *Hiệp định* đó là, *“Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính của mình và là một phần tử trong Liên bang Đông Dương ở trong Liên hiệp Pháp”* [55, tr.69].

Lịch sử đã chứng minh, *Hiệp định sơ bộ* được ký kết giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cộng hòa Pháp là một sự kiện quốc tế vượt xa khuôn khổ quan hệ Việt - Pháp. Theo đánh giá của nhà nghiên cứu Achimedes L.A. Patti thì *“Hiệp định sơ bộ Pháp – Việt chỉ mang tính chất là khung pháp lý chứ chưa phải là văn bản pháp lý chính thức”* [140, tr. 622]. Tuy nhiên, *Hiệp định* này đã mở ra một hành lang pháp lý cho cuộc thương lượng Việt - Pháp tiếp theo, tạo cơ sở cho cuộc đấu tranh ngoại giao của nhà nước VNDCCH. Vừa đánh vừa đàm và *Hiệp định sơ bộ* đã góp phần khẳng định vai trò của Chính phủ cách mạng, đồng thời mở ra cơ hội cho một cuộc đàm phán chính thức sau này giữa Chính phủ VNDCCH và Chính phủ Pháp tại chính nước Pháp và cùng với đó là tư thế “thượng khách” của Chủ tịch Hồ Chí Minh với nước Pháp.

*Hiệp định Sơ bộ* nhất định không thể bảo đảm về một giải pháp hòa bình, vì vậy cần phải có một hòa ước được đưa ra từ một hội nghị chính thức. Tướng Charles de Gaulle đã trách móc Leclerc- Tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương thế này: *“Nếu tôi mà đồng ý mấy thứ nhảm nhí này thì đế quốc Pháp đã tiêu vong từ lâu rồi. Hãy đọc thật kỹ câu chữ trong tuyên bố tháng 3 của Pháp về Đông Dương”* [148, tr.96] khi ông này đề nghị đàm phán. Tướng D’Argenlieu vẫn thể hiện thái độ hiếu chiến rất cứng rắn.

Ông ta không muốn thừa nhận *Hiệp định sơ bộ* đúng với thực chất của nó. Ông ta cũng không muốn đàm phán chính thức ngay và càng không muốn thực hiện chuyện này tại Pháp. Nhưng trước sự cứng rắn và quyết liệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh, D'Argenlieu đã chấp nhận việc sẽ có một đàm phán chính thức tại Pháp, nhưng không phải ở thủ đô Paris mà chuyển sang Lâu đài Fontainebleau, nơi cách Paris 60km.

Mục đích sang Pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh lần này là để đòi Pháp công nhận nước Việt Nam là một nước độc lập; đòi nước Việt Nam là một nước thống nhất. Nam Bộ thuộc Việt Nam. Trung-Nam-Bắc là một nhà. Trước sự việc này, đồng bào Nam Bộ rất ‘*bâng khuâng*’ vì *chưa biết tương lai của Nam Bộ ra sao*’. Ngày chia tay đồng bào lên đường đi Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định:

“*Đồng bào Nam Bộ đã hy sinh tranh đấu mấy tháng trường, để giữ gìn non sông cho toàn nước Việt Nam. Cho nên đồng bào cả nước đều phải nhớ ơn đồng bào Nam Bộ.*

*Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam.*

*Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi*” [98, tr. 246].

Từ sân bay Gia Lâm, chuyến bay đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh từ Việt Nam tới Pháp kéo dài từ ngày 31/5/1946 đến ngày 12/6/1946. Cuộc đàm phán chính thức Việt – Pháp ở Fontainebleau diễn ra từ 6/7/1946 đến 1/8/1946. Do quan điểm của hai bên cách nhau quá xa nên Hội nghị đã không thể đem lại một hòa ước chính thức. Tuy nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nỗ lực để tìm kiếm một giải pháp hòa bình, dù chỉ là tạm thời. Ngày 14/9/1946, *Tạm ước Pháp – Việt* đã được ký kết giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và Bộ trưởng Hải ngoại Pháp M.Moutet.

*Tạm ước 14/9* ghi nhận tạm thời cam kết của hai bên trên cơ sở *Hiệp định Sơ bộ*, nhằm giải quyết những vấn đề bức thiết đặt ra trong quan hệ hai nước, khẳng định cần phải ngừng ngay mọi xung đột. Cuộc đàm phán chính thức sẽ được triệu tập lại vào tháng 1/1947. Phía Pháp đảm bảo thực hiện các quyền tự do dân chủ ở Nam Bộ, thả những người Việt Nam bị Pháp bắt và phía VNDCCH nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hóa ở Việt Nam.

Chủ tịch Hồ Chí Minh một mặt nỗ lực tìm giải pháp cứu vãn hòa bình nhưng mặt khác đã không hề ảo tưởng vào thiện chí từ những kẻ muốn trở lại nô dịch Tổ quốc mình. Chính vì vậy, những cố gắng tạm hòa hoãn với thực dân Pháp cũng là sự tranh thủ thời gian chuẩn bị mọi điều kiện cho một cuộc kháng chiến lâu dài: “*...Ta biết âm mưu của chúng nên cũng rất tranh thủ thời gian để chuẩn bị. Do đó, sau khi anh Đồng (Phạm Văn Đồng) về, Bác ký với Pháp Tạm ước 14/9 nhưng như vậy tranh thủ cũng không được nhiều, vì chỉ có được từ tháng 9 đến tháng 12 thì cuộc kháng chiến toàn quốc của chúng ta bùng nổ*” [83, tr.11].

Dân tộc Việt Nam từ ngàn đời luôn phải đối đầu với các thế lực ngoại xâm mạnh hơn rất nhiều lần, vì vậy, lối ứng xử rất khôn khéo trong ngoại giao và phương châm biết thắng từng bước đã được nâng lên thành nghệ thuật trong những cuộc chiến tranh giữ nước. Kế thừa truyền thống, trước vận nước lâm nguy, những chủ trương của VNDCCH

là vô cùng sáng suốt. Theo đó, cách mạng đã đẩy đi được thế lực Trung Hoa dân quốc có dã tâm xâm lược để tập trung đối phó với kẻ thù chiến lược là thực dân Pháp. Những cố gắng tạm hòa hoãn với Pháp của Chính phủ VNDCCH và Chủ tịch Hồ Chí Minh không những tạo ra cơ hội quan trọng để cách mạng tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng cho cuộc trường kỳ kháng chiến mà còn thể hiện được khát vọng hòa bình chính đáng của VNDCCH cũng như những nỗ lực khẳng định vị thế của Việt Nam đối với quốc tế.

Đánh giá về chủ trương, sách lược của Đảng Cộng sản Đông Dương trong giai đoạn 1945 - 1946, cố Tổng Bí thư Lê Duẩn đã khẳng định: “...*Những biện pháp cực kỳ sáng suốt đó đã được ghi vào lịch sử cách mạng nước ta như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược Lêninnít về lợi dụng những mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch và về sự nhân nhượng có nguyên tắc*” [64, tr.31].

### **2.3.2. Những hoạt động cụ thể của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945-1946**

#### *2.3.2.1. Hoạt động yêu nước của lính thợ Việt Nam tại Pháp*

Lính thợ Việt Nam tại Pháp đã có những đóng góp nhất định cho công cuộc giải phóng của chính nước Pháp. Tuy vậy, sau khi nước Pháp được giải phóng, thân phận của họ không có gì thay đổi. Mong muốn lớn nhất của họ là được hồi hương, đoàn tụ với gia đình, song nguyện vọng chính đáng này đã không được đáp ứng, đặc biệt khi chiến tranh Pháp - Việt xảy ra.

Có 2 lý do, một mặt phía Pháp quan ngại rằng, khi được về nước, những người lính thợ sẽ tham gia vào cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam; mặt khác muốn lôi kéo bộ phận này tham gia quân đội viễn chinh chống lại chính Tổ quốc của mình.

Nhà nghiên cứu Pierre Daum đã viết:

*“Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố nước Việt Nam độc lập. Sau nhiều nỗ lực hòa giải bất thành, cuối cùng chiến tranh lại bùng phát vào tháng 12/1946. Lúc ấy tướng Leclerc đã đề nghị chính phủ giữ lại 25.000 thợ và quân nhân Đông Dương đang có mặt ở chính quốc, vì ông ta sợ một khi trở về đất nước của mình, họ sẽ khiến hàng ngũ quân du kích lớn mạnh thêm”* [108, tr.231].

Trên thực tế, cũng có những người lính thợ Việt Nam chấp nhận tham gia vào đạo quân viễn chinh xâm lược Tổ quốc mình. Tuy nhiên thật khó để xác định con số chính xác. Nhưng theo tác giả Pierre Angeli thì *“rất nhiều người trong số này sau đó đã thay đổi ý định, và vì lo ngại sẽ xảy ra những sự cố đáng tiếc..., giới chức quân sự đã tạo điều kiện cho những người thợ đã đăng ký nhập ngũ này được trở về các cơ”* [143, tr.78]. Có thể hiểu được nỗi khát khao hồi hương của những người lính thợ Việt Nam, Pierre Angeli còn cho rằng động cơ chính của những người này chủ yếu là muốn được trở về quê hương, mà lúc đó tham gia vào đội quân viễn chinh để trở về có thể là giải pháp có tính khả thi.

Mặc dù không thể khẳng định được số lượng cụ thể lính thợ Việt Nam tham gia đội quân xâm lược của thực dân Pháp, nhưng có thể thấy, số lượng đó cũng không nhiều, mặc dù phần lớn chấp nhận giải pháp “cực chẳng đã” này chỉ để có cơ hội trở

về quê hương trong bối cảnh Chính phủ Pháp không có bất kỳ một động thái nào để tri ân cho công lao của họ đối với chính quốc.

Từ năm 1945 đến cuối năm 1947 chỉ có khoảng 1000 lính thợ Việt Nam được chọn trong số những người đầu yếu nhất lên đường về nước, trong khi vào năm 1939 chỉ cần 6 tháng để Chính phủ Pháp đưa một lượng người gấp 20 lần từ Đông Dương tới Pháp để phục vụ chiến tranh [108, tr.231].

Theo đó, từ năm 1945 đến cuối năm 1947, số lượng lính thợ Việt Nam vẫn chiếm một tỷ lệ đông trong cộng đồng người Việt Nam tại Pháp. Và trước hoàn cảnh mới, những hoạt động tích cực của họ lại tiếp tục, góp phần làm phong phú thêm phong trào yêu nước, ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc trong cộng đồng người Việt Nam ở Pháp.

Tuy sống ở Pháp, nhưng cũng như mọi đồng bào của mình, lính thợ Việt Nam luôn nhận thức rõ thân phận của người dân mất nước. Họ đều mong mỏi chủ quyền đất nước được khôi phục. Vì vậy, khi nghe tin nước nhà được độc lập, cộng đồng người Việt Nam ở Pháp nói chung và bộ phận lính thợ Việt Nam nói riêng thực sự phấn khởi. Niềm tin và niềm tự hào của họ đối với chính quyền cách mạng và đặc biệt đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh cứ dần được củng cố vững chắc. Cụm từ “độc lập” đã nhanh chóng kết nối tất cả họ lại tại các trại.

Ông Nguyễn Văn Liên, một cựu lính thợ Việt Nam có mặt tại Pháp lúc đó hồi tưởng:

*“Ở trại Bergerac, chúng tôi chỉ toàn bàn đến chuyện nước Việt Nam độc lập. Từ “độc lập” biểu thị một điều gì đó thật kỳ diệu... Sau ngày nước Pháp giải phóng, chúng tôi đã tổ chức nhiều cuộc biểu tình ở Bergerac nhằm đòi độc lập cho nước Việt Nam. Những người cầm đầu biểu tình đều bị bắt giam ở nhà lao Tarbes...”* [108, tr.241, 242].

Ngày 10/10/1945, anh em lính chiến hưởng ứng phong trào đình công tuyệt thực của lính thợ nên bị chính quyền bắt hơn 300 người. Trong đó 4 người bị đánh trọng thương, 20 người bị thương [90, tr.56]. Thời gian tiếp theo, nhiều anh em lính chiến, Việt kiều vẫn tiếp tục phản đối nhà cầm quyền nên đã bị thả hơi cay hoặc bắt giam.

Ngày 23/9/1945, quân đội Pháp đã nổ súng tấn công Sài Gòn, mở đầu cuộc xâm lược lần thứ hai của họ ở Việt Nam. Hành động xâm lược của thực dân Pháp đã gặp phải sự phản đối kịch liệt của lực lượng lính thợ Việt Nam ở Pháp lúc này. Mặc dù lực lượng còn non yếu nhưng đội ngũ này đã đấu tranh ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào tại Miền Nam Việt Nam chống lại sự xâm lăng của kẻ thù. Những cuộc đấu tranh được thực hiện bằng những biện pháp ôn hòa: rải truyền đơn, in báo, tổ chức mittinh và biểu tình, đình công, bảo vệ lá quốc kỳ Việt Nam trong các doanh trại..., nhìn chung không mang tính chất bạo động để khỏi gây thiệt hại về người và của. Tuy nhiên, chính quyền Pháp vẫn có sự đàn áp khốc liệt vào những phong trào này. Cảnh sát canh giữ chặt chẽ, cấm đoán tụ họp và biểu tình. Những người đứng đầu các cuộc đấu tranh thì bị cảnh sát bắt giam.

Ngoài các cuộc biểu tình do chính mình tổ chức, lực lượng lính thợ Việt Nam còn tham gia cùng nhân dân lao động Pháp trong các phong trào: cuộc tuần hành lớn nhân ngày Quốc tế Lao động 1/5 với đội hình và khẩu hiệu riêng.

Ở Marseille, ngày 1/5/1946, có khoảng 4000 lính thợ Việt Nam tham gia cuộc diễu hành với người lao động Pháp với các biểu ngữ: “*Bãi bỏ chế độ đối với người bản xứ!*”; “*Quyền bầu cử cho người Đông Dương!*”; “*Đả đảo thực dân*” [42].

Sau *Hiệp định Sơ bộ* (6/3/1946), theo thỏa thuận giữa Chính phủ Pháp và Chính phủ VNDCCH, sẽ có một cuộc đàm phán chính thức để đi tới một giải pháp hòa bình chính thức. Theo đó, Hội nghị Fontainebleau đã được triệu tập.

Ngày 27/6/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh với tư cách khách mời danh dự của nước Pháp cùng phái đoàn đàm phán VNDCCH do ông Phạm Văn Đồng dẫn đầu đã đến sân bay Bourget. Hàng trăm lính thợ Việt Nam từ khắp nơi trên nước Pháp cùng với Việt kiều tại Pháp đã đến để chào đón vị anh hùng của mình. Trong hơn ba tháng trên đất Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp gỡ lực lượng lính thợ Việt Nam ở đây. Các doanh trại công binh người Việt Nam đều cử đại biểu đến Biarritz hoặc tới Paris để bày tỏ lòng tôn kính và sự ủng hộ của mình đối với nhà lãnh đạo đại diện cho dân tộc.

Sự kiện lớn nhất là cuộc mít tinh đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh của những người lính thợ Việt Nam được tổ chức ở doanh trại Mazagues (Marseille) ngày 17/9/1946. Hàng trăm lính thợ người Việt đã đến chào mừng vị Chủ tịch nước ở nhà ga Saint – Charles và tập trung thành một đám rước lớn đưa ông về trại Mazargues, nơi có khoảng 3000 công binh đang chờ đón ông. Trong trại lúc ấy có ông Hoàng Tuấn Nhã (người vẽ minh họa báo). Ông Nhã có kể lại:

“... Chúng tôi gồm khoảng 100 đại biểu đến gặp Bác. Tất cả lính thợ ở trại đều có mặt. Cuộc gặp gỡ diễn ra ở Marseille và kéo dài nửa ngày. Chúng tôi đã đồng thanh bày tỏ lòng tin tưởng vào cách mạng, chống chủ nghĩa thực dân và lên án chiến tranh. Bác Hồ đã bảo đảm với chúng tôi rằng với tinh thần cả nước đoàn kết một lòng, chúng ta nhất định sẽ thắng...” [108, tr248].

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về Việt Nam, phong trào đấu tranh của lính thợ người Việt tại Pháp tiếp tục sôi nổi. Các cuộc mít tinh trong các doanh trại cùng những cuộc biểu tình trên đường phố ngày càng được nhân rộng ở khoảng 15 thành phố nơi có các doanh trại trú đóng với các biểu ngữ bằng cả tiếng Việt và tiếng Pháp với nội dung “Độc lập toàn vẹn cho Việt Nam muôn năm!”; “Hồ Chí Minh muôn năm!”

#### 2.3.2.2. Hoạt động đấu tranh của những thành phần Việt kiều khác

**\* Chính sách ngăn cấm của Chính phủ Pháp đối với phong trào yêu nước của Việt kiều tại Pháp và sự ra đời của Việt kiều Liên minh.**

Ngay sau khi được thành lập, *Tổng Ủy ban đại diện Avignon* đã thay thế *Tổng Ủy ban đại diện Việt Nam lâm thời* lãnh đạo phong trào yêu nước của Việt kiều tại Pháp.

Sau khi kế hoạch sử dụng lá bài Nguyễn Quốc Định để lập nên Chính phủ Việt Nam Hải ngoại không thành công, thực dân Pháp tiếp tục đưa ra kế hoạch thành lập *Hội Việt – Pháp* để làm tiền đề cho sự ra đời của một Tổng ủy ban đại diện thứ hai cho

người Việt Nam tại Pháp, nhằm đối chọi với *Tổng Ủy ban đại diện Avignon*. Nhưng với uy tín và sự chân chính của mình, *Tổng Ủy ban đại diện Avignon* đã nhận được sự ủng hộ của hơn 2 vạn kiều bào tại Pháp. Theo tư liệu của Công binh chi đoàn Fontenay đánh giá:

“ *Tổng Ủy ban đại diện ra đời không được Chính phủ Pháp công nhận, nhưng được lòng tin nhiệm của toàn thể đồng bào, đã làm được những việc rất hợp thời là phá tan cái mưu mô của Bộ Thuộc địa dùng bọn Việt gian muốn đứng ra xưng danh cho 25 ngàn đồng bào hô hào trung thành với đế quốc Pháp và mưu lập lên một chính phủ Việt Nam tạm thời ở Pháp. Cản trở được sự vận động của Bộ Thuộc địa lập đạo quân để sau này sang chiếm cứ lại Đông Dương...* ” [95, tr.94]

Trước việc các mưu đồ của mình liên tục bị “ngáng chân” bởi *Tổng Ủy ban đại diện Avignon*, Chính phủ Pháp liên tục có những hành động tấn công vào tổ chức đại diện cho Việt kiều.

Trước hết, họ khủng bố lính chiến và lính thợ Việt kiều. Ngày 20/1/1945, 13 nhân viên ban trị sự công binh cơ 14 bị chính quyền Pháp bắt giam. Ngày 6/2/1945, một lính thợ người Việt Nam là Nguyễn Văn Nha bị lính Pháp bắn chết tại trại Bergerac, đồng thời 18 thành viên ban trị sự cơ 64 cũng bị bắt tại đây. Trong 3 ngày (3,4,5/10/1945), 47 Việt kiều tại Paris bị Chính quyền bắt. Đến ngày 18/10/1945, một số thành viên *Ban Trung ương* của *Tổng Ủy ban đại diện Avignon* bị bắt và khám nhà. Đến ngày 19/10/1945, tờ *Công báo* số 24 ra ngày 19/10/1945 đăng *Nghị định giải tán Tổng Ủy ban đại diện Avignon* [94, tr.61].

Đáp lại những biện pháp trái dân chủ mang tính chất cực đoan của Chính phủ Pháp nhằm vào tổ chức đại diện cho mình, Việt kiều trên toàn nước Pháp đã có những hành động phản đối kịch liệt. Lính thợ và lính chiến mở các cuộc họp bất thường, mít tinh, gửi kiến nghị cho Văn phòng Chủ tịch Chính phủ Pháp, cho các giới cầm quyền địa phương và báo chí. Có nơi đình công, biểu tình, bãi thực.

Trước sự tấn công chính trị của Chính phủ Pháp về phía mình cũng như thái độ công phần của Việt kiều, *Tổng Ủy ban đại diện Avignon* vẫn rất bản lĩnh và tinh táo trong việc định hướng phương pháp đấu tranh khi hoàn cảnh khó khăn ập đến. Ngày 20/10/1945, tổ chức này gửi tờ *Thông cáo* tới Việt kiều trên toàn nước Pháp. *Thông cáo* khẳng định:

“ *Chúng ta phản đối nhưng chúng ta không bạo động, đó là phương pháp của toàn thể đồng bào ta đã theo và còn phải theo khi còn ở đất Pháp...*”

*Ban Đại diện xin anh em xa gần phải luôn luôn trực tiếp với quần chúng và báo chí Pháp. Hai dân tộc Pháp và Việt không có thù hiềm gì riêng đối với nhau cả... Anh em phải tiếp xúc với họ, nói cho dân Pháp biết rằng dân Việt yêu chuộng tự do, mến hòa bình và muốn sống một đời sống như dân Pháp...*

...*Tổng Ủy ban Đại diện Việt Nam là của 25 nghìn người Việt Nam cử lên..., thì chỉ có 25 nghìn người Việt Nam đồng thuận phé bỏ, khi ấy Tổng Ủy ban đại diện Việt Nam mới không còn nữa.*

*Vậy sắc lệnh giải tán ban Đại diện ra ngày 19 đối với ban Đại [94, tr.63].*

Thông cáo trên đã khẳng định sự tiếp tục tồn tại của *Tổng Ủy ban Đại diện Avignon*. Điều ấy cũng khẳng định phong trào yêu nước của Việt kiều tại Pháp không hề lụi tàn. Tuy nhiên, trước tình hình mới với nhiều khó khăn đến từ chính sách đàn áp của Chính phủ Pháp, *Tổng Ủy ban Đại diện Avignon* hiểu rằng đã đến lúc cần có một tổ chức khác được lập ra để thay thế mình, đồng thời có thể tránh mũi nhọn tấn công từ Chính phủ Pháp.

Tháng 12/1945, thay mặt 25.000 đồng bào ở Pháp, 105 đại biểu về họp đại hội ở Marseille thành lập *Việt kiều liên minh* ủng hộ Chính phủ cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh và ủng hộ đồng bào kháng chiến chống thực dân ở Nam Bộ. Đại hội cử ra 32 ủy viên. *Ban Thường trực* (trung ương) gồm 13 người. Trong đó có các ông: Hoàng Xuân Mãn, Đặng Chấn Liêu, Nguyễn Trọng Đắc, Lâm Ngọc Huân, Huỳnh Ngọc Châu, Trương Văn Thụy, linh mục Quang... [94, tr.65].

Trong giai đoạn này, khi Chính phủ Pháp thực hiện các biện pháp đàn áp chính trị đối với *Tổng Ủy ban Đại diện Avignon* – cơ quan đại diện của Việt kiều tại Pháp, sự ủng hộ của Đảng Cộng sản Pháp đối với phong trào yêu nước của người Việt tại đây là điều đã không được thể hiện như thời kỳ trước. Khi kiến nghị của Việt kiều, đặc biệt là lính thợ được gửi tới chính quyền sở tại và báo chí để thể hiện sự phản đối đối với chính sách cực đoan của Chính phủ Pháp dành cho tổ chức đại diện của mình, những cơ quan báo chí, hoặc trung ương, hoặc hàng vùng của Đảng Cộng sản Pháp chỉ thoáng qua ít hàng về “*những người lao động Đông Dương bị bắt*” [94, tr.62]. Rõ ràng đây là một khó khăn không nhỏ cho sự phát triển của phong trào yêu nước của Việt kiều tại đây.

**\* Hoạt động yêu nước của các thành phần Việt kiều khác**

Những ngày đầu tháng 9/1945, báo chí Pháp và quốc tế đưa tin tức về tình hình Việt Nam: thắng lợi của Cách mạng tháng Tám và sự ra đời của Nhà nước VNDCCH do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch với quốc kỳ là cờ đỏ sao vàng. Toàn thể đồng bào Việt Nam ở Pháp phấn khởi chào đón tin này và tuyên bố nhiệt liệt ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh. Niềm vui chưa được bao lâu thì tin dữ từ quê hương ập đến. Ngày 23/9/1945, được sự dung túng của quân đội Anh quốc, thực dân Pháp nổ súng tấn công Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam lần thứ 2. Cùng với tiếng súng xâm lược của kẻ thù, nhân dân Nam Bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng thông qua Ủy ban kháng chiến Nam Bộ cũng bắt đầu cuộc kháng chiến bảo vệ nền độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Nhận rõ vai trò quan trọng của Việt kiều tại Pháp đối với cuộc kháng chiến của dân tộc, ngày 5/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi kiều bào Việt Nam ở Pháp. Trong Lời kêu gọi, Người nhấn mạnh:

*“Đồng bào hãy làm cho thế giới văn minh và nhất là dân tộc Pháp nghe thấy tiếng nói của Tổ quốc... Lịch sử nước nhà chưa bao giờ trông thấy chúng ta đoàn kết chặt chẽ như ngày nay để biểu dương ý chí mạnh mẽ của một dân tộc thích chết tự do hơn sống nô lệ”* [98, tr.101].



Không có điều kiện trực tiếp cảm hứng bảo vệ Tổ quốc, Cộng đồng người Việt Nam yêu nước tại Pháp vẫn nghe thấy tiếng gọi của non sông, của cách mạng nên ngay lập tức đã xác định được tinh thần đấu tranh.

Nhận được tin thực dân Pháp mưu đồ quay trở lại xâm lược Việt Nam, *Ban Tổng đại diện Việt Nam* của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp đã ra chỉ thị lấy ngày 18/9 là ngày đình công của tất cả binh lính người Việt nói chung trên đất Pháp để phản đối chính sách xâm lược Việt Nam của chính phủ thực dân Pháp. Đầu tháng 10/1945, *Ban Tổng đại diện Việt Nam* bị nhà cầm quyền Pháp cấm hoạt động [147, tr.252].

Tháng 12/1945, *Việt kiều liên minh* ra đời. Ngày 23 và 24 tháng 12 năm 1945, tại Bergerac, 200 công binh quê Hà Nam đã họp đại hội quyết nghị tín nhiệm và hoàn toàn ủng hộ *Việt kiều liên minh*. Đại hội cũng bầu ra Ban trị sự. Ban trị sự gồm: Chu Văn Bình, Đặng Văn Hệ, Thiều Văn Dương, Nguyễn Văn Pha, Nguyễn Văn Tư, Nguyễn Văn Ngọ.

Trong Hội nghị về công nông tương tế Hà Nam tại Bergerac cuối năm 1945, có đăng Bức thư Bắc Phi Châu:

*...Hôm mồng 6 tháng chạp vừa qua, Chính phủ Pháp có cho thêm lon, thì trong tỉnh ta, có cả thầy từ cai cho đến đội bốn, được 8 người, nhưng đều không nhận cả, xin cảm ơn và nói là chúng tôi giúp Chính phủ Pháp đuổi kẻ thù xong rồi, nay bên Đông Dương vẫn còn chiến tranh, nên bốn phận chúng tôi là người dân Việt, không dám nhận chức đó nữa và xin đừng bắt chúng tôi về đánh Đông Dương [130, tr.307].*

Vào dịp Giáng sinh năm 1945, người lao động Đông Dương trên toàn nước Pháp đã đồng loạt gửi tới chính quyền những văn bản yêu sách, thể hiện nguyện vọng chính đáng của mình.

Ngày 26/12/1945, tổ chức người lao động Đông Dương ở miền Nam nước Pháp đã gửi yêu sách tới Tổng thống Pháp. Trong yêu sách ghi rõ:

“ 1. Trả tự do cho những binh lính và người lao động Đông Dương bị cảnh sát bắt trong các cuộc biểu tình ;

2. Chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương và đàm phán với Chính phủ Việt Minh;

3. Thành lập một tổ chức để hỗ trợ cho những người Việt Nam nghèo nói riêng và người nghèo nói chung ở Pháp ” [47].

Cũng trong ngày 26/12/1946, một yêu sách được ghi ngày 24/12/1945 của người lao động Đông Dương tại Bordeaux được gửi tới Tổng thống Pháp. Yêu sách nêu rõ 3 đề nghị :

“ 1. Chấm dứt ngay sự thù địch ở Đông Dương ;

2. Quân đội Pháp phải rút khỏi Đông Dương ;

3. Công nhận Chính phủ nước Cộng hòa An Nam (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ” [30].

Bộ phận binh lính người Đông Dương tại Surgères cũng gửi yêu cầu tới Chính phủ Pháp và thể hiện quan điểm: “Phản đối sự bắt giữ tùy tiện đối với người lao động Đông Dương tại Pháp ” [46].

Trong dịp Tết Nguyên đán năm 1946, Cộng đồng người Việt Nam tại Pháp đã tranh thủ đấu tranh kết hợp những quyền lợi chính đáng của mình với các mục tiêu yêu nước.

Trong hồ sơ lưu trữ của Bộ Quốc phòng Pháp đã ghi nhận 4 bức thư của người lao động Đông Dương gửi tới chính quyền các địa phương : Decimes Charpieu, Montauban, Ornodac - Ussat - Les - Bains, Toulouse vào cùng ngày 2/2/1946. Trong những bức thư này đều yêu cầu :

*“ Có ngày nghỉ tết Nguyên đán đối với người lao động An Nam ;*

*Công nhận Chính phủ An Nam mới ;*

*Án xá cho tất cả những người hoạt động chính trị An Nam bị Chính quyền Pháp bắt giữ ” [12].*

Trong hai ngày 30 và 31 tháng 3 năm 1946, có mặt ông Hoàng Xuân Mãn, đại diện *Việt kiều liên minh*, 74 đại biểu thay mặt cho những người quê quán ở 54 tỉnh trong nước họp Đại hội nghị quốc gia công nông đoàn để phản đối âm mưu chia cắt Nam Bộ ra ngoài nước Việt Nam. Đại hội tuyên bố tín nhiệm Chính phủ của Hồ Chủ tịch và phong trào kháng chiến đưa nước Việt Nam đến hoàn toàn độc lập.

Trong *“Tuyên ngôn của Đại Hội nghị quốc gia Việt Nam công nông đoàn”* ngày 3/3/1946 có đoạn viết:

*“ Sau khi suy nghĩ đến sự hy sinh và chiến đấu của 25 triệu đồng bào ở bên nhà. Tuyên bố tín nhiệm Chính phủ Hồ Chí Minh và ủng hộ phong trào kháng chiến để đem nước Việt Nam đến cuộc hoàn toàn độc lập. Cự lực phản đối âm mưu chia rẽ Nam bộ ra ngoài nước Việt Nam. Yêu cầu Chính phủ Pháp rút quân ra khỏi nước Việt Nam để cho sự hoàn hảo giữa hai dân tộc Pháp Việt được kết quả. Phản đối sự giam cầm các anh em Việt Nam ở Pháp và Bắc Phi Châu vì đã ủng hộ cho nền độc lập nước nhà. Yêu cầu Chính phủ Pháp lập tức thả những anh em bị giam cầm ra ” [94, tr.307].*

Có một số tờ báo của người Việt Nam đã đưa nhiều tin tức về các hoạt động, đấu tranh của cộng đồng người Việt Nam yêu nước trong thời gian này. Ví dụ như:

*“ Cuộc chào lá cờ đỏ sao vàng của 2000 Việt kiều đủ mọi thành phần với y phục gọn gàng, ca hát với bước đi oai vệ sáng 31 tháng 3 năm 1946 tại cổng trại Việt Nam ở Marseille.*

*Hoặc Ngày 21/4/1946, anh em Nam Bộ có tổ chức một cuộc biểu tình ở trại Việt Nam tại Marseille để kháng cự việc âm mưu chia rẽ Nam Bộ... Hơn 2.000 bà con Việt kiều sắp hàng tề chỉnh nghe các diễn giả bàn giải: Nam Bộ phải ở trong nước Việt Nam..., hay là việc binh lính Việt Nam tại Pháp có những việc làm thiết thực để chào mừng ban đại biểu ở bên nhà mới sang và để tỏ lòng trung thành với Chính phủ Hồ Chí Minh...*

*Và chiều ngày mồng 10 tháng 5 năm 1946 Việt kiều ở Paris có đi phát truyền đơn ở các cửa Métro, tố cáo nhà chức trách Pháp không chịu thi hành các điều đã định trong bản Hiệp định Sơ bộ và âm mưu tách biệt Nam Bộ khỏi lãnh thổ Việt Nam của họ ” [94, tr. 308].*

Ngày 21/4/1946, *Phụ nữ liên đoàn* họp đại hội tại Marseille và bầu Ban chấp hành gồm các bà: Phạm Gia Quân, Hoàng Thị Tịnh (Đào Văn Yết), Phương Tiếp (Đào Văn Châu). Sau đó, bà Đào Văn Châu - Chủ tịch Việt Nam phụ nữ liên đoàn Hội Kiều bào Việt Nam yêu nước ở Pháp đã có một bài diễn văn chào mừng phái đoàn của Chính phủ VNDCCH. Bài Diễn văn thể hiện lòng yêu nước sâu xa của phụ nữ Việt Nam mặc dù họ vẫn còn đang phải sống xa Tổ quốc.

Trong hai ngày kế tiếp là 30/4 và 1/5 năm 1946, cũng tại Marseille, các hội tương tế họp đại hội và quyết định đổi tên là *Việt Nam công nông đoàn*.

Trong những tháng cuối năm 1945 và đầu năm 1946, phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp không phân biệt chính kiến, tôn giáo, tuổi tác, thành phần đã đoàn kết ủng hộ Chính phủ nước VNDCCH và phản đối cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa của thực dân Pháp tại Việt Nam. Phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp cũng đã có những tác động cụ thể tới chính sách xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương. Trong báo cáo của mình tới Đảng Cộng sản Đông Dương, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ghi nhận điều này:

*“Ngày càng rõ ràng rằng người Đông Dương ở Pháp đã có những đóng góp bởi hoạt động tuyên truyền của họ vào chính sách của Pháp đối với Đông Dương. Điều này khiến Pháp phải thỏa hiệp với Việt Minh để tránh một phong trào quá mạnh mẽ của người Đông Dương tại Pháp và điều này đã bắt đầu gây ảnh hưởng đến dư luận”* [33].

Thực tế trên khẳng định, dù sống ở bất kỳ nơi đâu, trong hoàn cảnh nào, tinh thần yêu nước và chủ nghĩa dân tộc chân chính của người Việt Nam vẫn lan tỏa. Nhận xét về điều này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: *“Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài. Nhưng ngắn dài đều hợp nhau lại nơi bàn tay. Trong mấy triệu người cũng có người thế này, thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta...Ta phải nhận rằng đã là con Lạc, cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc”* [98, tr.246].

#### **\* Đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn đàm phán tại Hội nghị Fontainebleau**

Nhận thức được âm mưu của từng kẻ thù đang ở Việt Nam, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra sách lược hòa hoãn khôn khéo trong quan hệ ngoại giao nhằm tránh tình trạng phải đối đầu với nhiều loại kẻ thù cùng lúc. Từ cuối tháng 9/1945 đến ngày 6/3/1946, Chính quyền cách mạng đã kiên trì sách lược nhân nhượng với Tưởng để tập trung đánh Pháp ở miền Nam. Ngày 28/2/1946, Pháp và Tưởng có với nhau bản *Hiệp ước Trùng Khánh*. Theo Hiệp ước này, quân đội Tưởng sẽ rút khỏi Việt Nam trở về Trung Quốc. Thế vào đó, quân Pháp sẽ ra miền Bắc. Và *Hiệp định sơ bộ 6-3-1946* được ký kết giữa Ngoại trưởng Pháp J. Sainteny - đại diện của Chính phủ nước Cộng hòa Pháp với Chủ tịch Hồ Chí Minh - đại diện Chính phủ VNDCCH đã mở ra một khả năng hòa bình bằng giải pháp thương lượng cho cả hai dân tộc. Có thể thấy kế sách hòa hoãn đã phát huy tác dụng.

Để có được một hiệp ước mang tính pháp lý quốc tế, phái đoàn của VNDCCH do ông Phạm Văn Đồng - Phó Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội làm trưởng đoàn

đã được thành lập và bắt đầu sang Pháp từ đầu tháng 6-1946, nhằm tìm kiếm một giải pháp hòa bình và giải quyết những vấn đề dân tộc cơ bản cho người Việt Nam. Phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp lại được kích thích và diễn ra rất sôi động bằng những hoạt động thể hiện sự chào đón, kính yêu và ngưỡng mộ Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị thượng khách của Chính phủ Pháp và ủng hộ Phái đoàn đàm phán.

Ngày 12/6 Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tới nước Pháp, dừng chân tại thành phố Biarritz trước khi tới Paris. Biarritz là một thành phố nằm ở phía Tây nước Pháp, gần Tây Ban Nha. Ngày 13/6, kiều bào Việt Nam từ nhiều nơi đã đến Biarritz chào Hồ Chủ tịch. Có người đưa theo cả vợ con. *“Nhiều đồng bào quyên tiền nhờ phái đoàn chuyển giúp về nước. Từ khắp nước Pháp, kiều bào ta gửi điện về chào mừng vị lãnh tụ của mình”* [70, tr.57].

Trên báo *“Đoàn kết”*, số 380, tháng 5/1986, bà Phương Tiếp, nguyên Chủ tịch Liên đoàn phụ nữ Việt kiều tại Pháp đã kể lại:

*Một ngày đầu tháng 6 năm 1946, được tin Bác Hồ cùng với phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sang Pháp đàm phán và sắp sửa tới Biarritz, hội Ái hữu Việt kiều cử cụ Nguyễn Văn Ty, kỹ sư Trần Thế Quang và tôi xuống để đón Bác và phái đoàn. Cùng đi xuống dưới ấy, còn có anh Bửu Hội, anh Mai Thứ và một vài người khác nữa, nhưng những người này đi riêng và với một tính cách khác... [9].*

Cộng đồng người Việt Nam tại Pháp đã kịp thời tiếp nhận tình hình trong nước và có những quan điểm đúng đắn khi ủng hộ Chính phủ cách mạng; chủ trương đàm phán của Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh được cộng đồng người Việt Nam yêu nước tại Pháp đón tiếp nồng nhiệt bằng một phong trào yêu nước được chuẩn bị rất chu đáo với tất cả sự yêu nước nhiệt thành và lòng tự tôn dân tộc.

16 giờ 15 phút ngày 22/6, chiếc máy bay chở Chủ tịch Hồ Chí Minh mang Quốc kỳ của 2 nước Việt - Pháp đã hạ cánh xuống sân bay Le Bourget (Paris). Chính phủ Pháp đã chuẩn bị một nghi lễ trọng thị để nghênh tiếp người đứng đầu nước VNDCCH. Bộ trưởng Bộ Hải ngoại Pháp: M.Moutet đã có mặt tại sân bay để đón Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, sự kiện Chủ tịch nước VNDCCH tới nước Pháp với tư cách thượng khách cũng thu hút được sự chú ý của dư luận Pháp. Đại diện cho các cơ quan chính quyền, đảng phái, tổ chức, đoàn thể, báo chí cũng có mặt để chứng kiến sự kiện này.

Cộng đồng người Việt Nam tại Pháp cũng không bỏ lỡ cơ hội thể hiện sự kính trọng của mình đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khoảng trên 1000 đại biểu Việt kiều đã có mặt tại sân bay Le Bourget. Cờ đỏ sao vàng và hoa đã được họ chuẩn bị để thể hiện sự tôn kính và tin tưởng của mình vào vị Chủ tịch đầu tiên của đất nước. Sự ủng hộ và niềm tin ấy được thể hiện trong các khẩu hiệu: *“Hồ Chí Minh muôn năm”*, *“Nam Bộ của người Việt Nam”*.

Trả lời câu hỏi của một phóng viên thông tấn xã Pháp ngay tại sân bay, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: *“Cảm ơn Chính phủ và dân chúng Pháp tiếp đón tôi một cách long trọng. Mong sau này hai dân tộc Việt và Pháp cộng tác một cách bình đẳng, thật thà và thân thiết”* [70, tr 64].

Cụ Nguyễn Văn Ty, một cựu Việt kiều yêu nước ở Pháp, từng tham gia Ban chấp hành *Hội Liên hiệp phụ lão Việt kiều* kể lại:

*“Chưa bao giờ có cảnh tượng đông vui của Việt kiều đến như thế. Sân bay Buốc-giê đông nghịt người. Các quan chức Pháp ra rất đông. Trông thấy Việt kiều, Bác giơ tay vẫy chào. Chúng tôi reo mừng hoan hô Bác, Chủ tịch của nước ta. Bác đưa mắt nhìn chúng tôi tươi cười rạng rỡ”* [70, tr.60].

Ngày 22/6, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tới Paris nhưng phải đợi tới 2/7 mới bắt đầu diễn ra các cuộc tiếp xúc chính thức giữa Chủ tịch nước VNDCCH với Chính phủ Pháp. Trong thời gian đó, cộng đồng người Việt Nam tại đây bao gồm nhiều tổ chức đại diện cho các giới, ngành, nghề luôn dành cho Hồ Chủ tịch sự kính trọng và ngưỡng mộ. Họ luôn tận dụng cơ hội để được gặp, để được nghe tình hình cách mạng trong nước cũng như tiếp thu những góp ý từ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Theo cuốn *“Nhật ký hành trình sang Pháp của Chủ tịch Hồ Chí Minh”* do ông Đỗ Đình Thiện, thư ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh ghi lại đã được Bảo tàng Cách mạng Việt Nam xuất bản, chúng ta càng thấy rõ hơn sự quan tâm của cộng đồng người Việt trên đất Pháp đối với lãnh tụ của mình.

Mặc dù có rất nhiều việc ở bình diện quốc gia cần phải giải quyết trong chuyến thăm nước Pháp, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành nhiều thời gian gặp gỡ, thăm hỏi và tiếp đón bà con Việt kiều. Chỉ tính từ ngày 22/6 đến ngày 22/7/ 1946, Hồ Chí Minh đã có nhiều cuộc tiếp xúc với các đoàn đại biểu đại diện cho các tổ chức, ngành nghề và các giới của Việt kiều, cụ thể:

Thời gian	Sự kiện
Ngày 23/6/1946	Chủ tịch Hồ Chí Minh có cuộc tiếp xúc với đoàn đại biểu trí thức của Việt kiều.
8 giờ 30 phút ngày 24/6/1946	Trên 100 đại biểu các giới Việt kiều ở Nam Bộ đã đến để ra mắt và chào mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh
10 giờ sáng ngày 26/6/1946	Các đại biểu Liên đoàn Ái hữu người Việt ở Marseille, Bordeaux, Toulouse và các tỉnh khác đến chào Chủ tịch Hồ Chí Minh và báo cáo tình hình của kiều bào ở Pháp.
Sáng sớm ngày 1/7/1946	Chị Thủy và mấy chị em kiều bào thay mặt chị em phụ nữ đến chào Chủ tịch Hồ Chí Minh.
Chủ nhật, ngày 7/7/1946	Nhiều kiều bào tới thăm chào Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có cả giới lính chiến, lính thợ ở các nơi xa đến. Giới trí thức cũng đến đông.
8 giờ sáng ngày 11/7/1946	Một số kiều bào Nam, Bắc đến chào và ăn cơm với Chủ tịch Hồ Chí Minh.
9 giờ sáng ngày 12/7/1946	Các kiều bào làm nghề y, dược đến chào Chủ tịch Hồ Chí Minh.
8 giờ sáng ngày 22/7/1946	Chị em phụ nữ kiều bào đến thăm Chủ tịch Hồ Chí Minh.
7 giờ sáng ngày 27/7/1946	Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm lính thợ Việt Nam tại Pháp tại Paris.

**Bảng 3 : Bảng thống kê các hoạt động tiếp xúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Việt kiều tại Pháp năm 1946**

[Số liệu do nghiên cứu sinh tổng hợp từ các tài liệu: 70, 77, 93]

Tại các buổi tiếp xúc ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận được tình cảm và sự ủng hộ của Việt kiều tại Pháp. Điều khiến Chủ tịch Hồ Chí Minh cảm động và tin tưởng những đồng bào xa xứ của mình nhất đó là tâm nguyện muốn đóng góp sức mình cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của họ. Họ là những trí thức, phần nhiều là bác sĩ, kỹ sư, luật sư, ... tha thiết được về nước để phục vụ Tổ quốc và nhân dân. Kiều bào Nam bộ thì biểu thị lòng căm phẫn và nổi đau đối với những tội ác man rợ của thực dân Pháp ở Việt Nam, đặc biệt là ở Miền Nam. Giới trí thức Việt kiều cũng bày tỏ quyết tâm đóng góp sức lực và trí tuệ của mình cho sự nghiệp cách mạng chung của đất nước dù trên đất Pháp hay trở về quê hương cùng người thân chiến đấu. Mọi người đã vô cùng xúc động khi nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về Tổ quốc đang bị giặc xâm lăng. Các đại biểu Việt kiều Nam Bộ đã đồng thanh hứa với Hồ Chủ tịch sẽ trung thành với Tổ quốc và ra sức ủng hộ Chính phủ để làm cho nước nhà độc lập và thống nhất.

Ngày 14/7/1946, Chính phủ Pháp đã mời Chủ tịch Hồ Chí Minh tới dự lễ duyệt binh nhân kỷ niệm Quốc khánh nước Cộng hòa Pháp. Vào những ngày này, đặc biệt tại các dịp có sự kiện kỷ niệm, nhân dân Pháp thường tổ chức những cuộc mít tinh hoặc biểu tình. Trong các sự kiện ấy, kiều bào Việt Nam cũng luôn tham gia cùng nhân dân Pháp để đấu tranh cho quyền lợi của dân tộc mình. Trưa hôm đó có một cuộc biểu tình của đông đảo dân chúng. Việt Kiều cũng tham gia bằng một đoàn biểu tình. Đoàn người Việt kiều đã giơ khẩu hiệu ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn đàm phán Việt Nam tại Hội nghị Fontainebleau. Đoàn biểu tình của Việt kiều đã được dân chúng Pháp nhiệt tình ủng hộ.

Sự kiện rất đáng lưu ý của Việt kiều tại Pháp trong dịp Chủ tịch Hồ Chí Minh ở thăm nước Pháp là cuộc mít tinh lớn tại quảng trường Palais des Mutualités vào 9 giờ tối ngày 15/7/1946 do 2000 kiều bào trong cộng đồng người Việt Nam yêu nước tại Paris tổ chức. Cuộc mít tinh này của kiều bào nhằm mục đích gặp gỡ Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn đàm phán của nước VNDCCH tại Hội nghị Fontainebleau. Buổi mít tinh được chuẩn bị rất trang trọng. Mỗi người đến đều được Ban tổ chức gắn 1 ngôi sao vàng lên ngực áo. Tại Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chuyển tới cho Việt kiều tình hình trong nước. Đồng thời, Người cũng kêu gọi kiều bào: một là thân ái đoàn kết, hai là ủng hộ Tổ quốc và Chính phủ. Kế đến, Phạm Văn Đồng, Dương Bạch Mai và Đặng Phúc Thông báo cáo tình hình. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng trao cờ và thư các đoàn thể trong nước gửi tặng các đoàn thể kiều bào. Lại vỗ tay và hoan hô nhiệt liệt. Trước khi buổi lễ kết thúc, toàn thể kiều bào đứng dậy hô khẩu hiệu: *Việt Nam độc lập muôn năm! Nam Bộ là đất nước Việt Nam!* Khi Hồ Chủ tịch ra về, kiều bào đồng thanh hát bài "*Hồ Chí Minh muôn năm*".

Ngày 27/7, Người Việt Nam ở Pháp đã tổ chức một buổi tiệc tại Vườn Hồng Bagatelle ở Paris để chào mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông Raymond Aubrac cũng dự buổi chiều đãi. Sau đó, ông mời Bác về ở nhà mình, ở ngoại ô Paris.

Từ đầu tháng 8 đến giữa tháng 9-1946, Hồ Chí Minh đến ở nhà ông Raymond Aubrac 6 tuần. Trong thời gian ở cùng gia đình, lúc đầu bà Aubrac và mẹ bà nấu cho

Bác ăn. Nhưng sau này thấy bận và Bác có nhiều khách, nên anh em đã cử ông Nguyễn Văn Ty, một Việt kiều yêu nước đến nấu ăn cho Bác. Ông Ty có một cửa hàng ăn ở khu sinh viên Quartier latin, nhưng ông đã đóng cửa, đến phục vụ Bác.

Trong những ngày ở thăm nước Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Phái đoàn Chính phủ VNDCCH đã được đại úy Phạm Ngọc Xuân vốn là cựu sĩ quan của không lực hải quân Pháp, một chiến sĩ hoàn toàn tự nguyện, theo phong trào kháng chiến chống Pháp đã xin từ chức trong quân đội Pháp, theo phong trào kiều bào ở Pari tháp tùng và bảo vệ Bác. Người cũng gặp họa sĩ Lê Phổ, thạc sĩ Trần Đức Thảo, bác sĩ Trần Hữu Tước và nhiều Việt kiều yêu nước khác. Việc Chính phủ Pháp thu xếp nơi ăn chốn ở cho Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn ta đàng hoàng, xứng đáng với tư cách là đại diện cho một quốc gia độc lập và là thượng khách của Chính phủ Pháp cũng phần nào xuất phát từ ý kiến của một số Việt kiều có uy tín tác động đến nhà cầm quyền Pháp. Cùng với một số người khác vì yêu nước và ngưỡng mộ Chủ tịch Hồ Chí Minh, họa sĩ Lê Phổ đã xin được về Tổ quốc tham gia kháng chiến. Song bằng tình cảm và sự thấu hiểu của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khuyên: *“Chú Lê Phổ và chú Phạm Huy Thông đã có vợ là người Pháp ở đây rồi ... Các chú cứ ở lại đây và giúp nước, ủng hộ kháng chiến bằng cách của các chú”*. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng họa sĩ Lê Phổ bức chân dung của mình, phía trên tấm ảnh, Người ghi: *“Tặng chú Lê Phổ. Chào thân ái”*. Phía dưới, bên trái là dòng chữ Aout 46, bên phải là chữ ký Hồ Chí Minh” [129, tr. 14].

Hội nghị Fontainebleau bắt đầu làm việc từ ngày 6/7/1946. Sau hơn 2 tháng, từ 6/7 đến 10/9/1946, có một lần gián đoạn, Hội nghị Fontainebleau đã thất bại bởi thái độ hiếu chiến của phía Pháp. Đúng như Henri Azot đã viết:

*“Chính phủ Pháp đã quyết làm thất bại Hội nghị, không muốn cam kết gì với Chính phủ Hồ Chí Minh, muốn Chính phủ này biến đi và đàm phán với những người khác không phải là cộng sản, như Cựu hoàng đế Bảo Đại chẳng hạn”* [142, tr.71].

Một lần nữa, tiếp tục sách lược nhân nhượng có nguyên tắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa ký với Marius Moutet, đại diện nước Cộng hòa Pháp bản *Tạm ước* 14/9/1946. *Tạm ước* này có thể coi là thành quả mà hai bên Pháp- Việt đạt được tại Hội nghị Fontainebleau tuy hội nghị chính không mang lại thỏa thuận.

Ngày 16/9/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh và những người giúp việc lên xe ra ga Lyon đến cảng Toulon để lên chiến hạm Dumont d'Urville về Việt Nam, kết thúc chuyến thăm hữu nghị nước Cộng hòa Pháp với niềm hy vọng và tin tưởng Chính phủ Pháp sẽ thực hiện lời hứa- một Hội nghị mới sẽ diễn ra vào tháng 1-1947.

Việt kiều và nhiều bạn Pháp đến đây từ rất sớm. Tất cả đều lưu luyến tiễn chân Người.

Hơn 4 tháng hoạt động tại Pháp, với tiêu chí: *đất nước được độc lập, thống nhất, đồng bào được tự do, hòa bình* của phái đoàn đàm phán Chính phủ VNDCCH và Chủ tịch Hồ Chí Minh, cộng đồng người Việt Nam tại Pháp đã hiểu sâu sắc hơn tấm lòng vì nước, vì dân của những người cách mạng, của lãnh tụ Hồ Chí Minh, theo đó niềm tin tưởng vào sự nghiệp kháng chiến – kiến quốc của dân tộc được củng cố. Truyền thống yêu nước,

đoàn kết dân tộc được phát huy, biến thành những hành động dũng cảm thấm đẫm chất văn hóa Việt Nam cao đẹp. Nhiều kiều bào đã tự nguyện phục vụ Chủ tịch Hồ Chí Minh và Phái đoàn trong những tháng ngày ở Pháp. Đó là Bác sĩ Lê Văn Cưu, chuyên lo sức khỏe; giáo sư Phạm Huy Thông, thư ký riêng; cụ Nguyễn Văn Ty, nấu ăn; họa sĩ Vũ Cao Đàm, tạc tượng Hồ Chủ tịch; kỹ sư Trần Thanh Xuân, thư ký Phái đoàn; họa sĩ Mai Trung Thứ thực hiện một bộ phim tài liệu về hoạt động của Phái đoàn Chính phủ; giáo sư Nguyễn Văn Chi, luật sư Phan Nhuận... Những hành động đó không chỉ làm cảm động, ấm áp lòng người chung huyết tộc; tạo niềm tin sâu sắc cho Đảng Cộng sản Đông Dương, cho lãnh tụ mà còn làm cảm động cả những người Pháp có lương tri nói riêng và nhân dân thế giới nói chung. Ngày 2-9-1946, trong diễn văn đọc tại lễ kỷ niệm lần thứ nhất ngày Quốc khánh nước VNDCCH do Hội Liên hiệp Việt kiều và Hội Hữu nghị Pháp - Việt tổ chức tại Pari, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định:

*“ ... Tôi rất sung sướng nhận thấy rằng, đồng bào, những người đang sống trên đất Pháp, dù đến đây vì kẻ sinh nhai, để hoàn thành việc học hành hay để đóng góp cho cuộc kháng chiến của nước Pháp đồng bào đều biết xử sự như người con của một dân tộc đã có nền văn hoá lâu đời, nhưng lại có đủ khả năng để trở lại. Tôi tin chắc rằng, với sự lịch thiệp và sự đối xử thân tình của mình, đồng bào có thể tranh thủ được sự quý mến và cảm tình của nhân dân Pháp đối với nước Việt Nam ta... ”* [142, tr.273].

Theo tinh thần mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn trước khi về nước, Việt kiều tại Pháp đã rất nỗ lực trong việc trau dồi tri thức, chuyên môn, nghề nghiệp để phụng sự công cuộc xây dựng đất nước sau này. Đội ngũ trí thức Việt kiều tại Pháp đã có sáng kiến tổ chức các nhóm sưu tầm tài liệu về kinh tế, khoa học kỹ thuật, xã hội và văn hóa tiên tiến, gửi về nước, góp phần vào công cuộc kiến thiết nước nhà. Những kiều bào có chuyên môn đứng ra mở lớp dạy nghề cho kiều bào chưa có nghề nghiệp, để khi có điều kiện trở về Tổ quốc sẽ góp phần xây dựng đất nước. Ngoài ra, kiều bào còn quyên góp được 10.000 quan để mua thuốc và dụng cụ y tế gửi về nước.

### 2.3.2.3. Hoạt động trên lĩnh vực báo chí

Báo chí là cơ quan ngôn luận, là tiếng nói riêng phản ánh quan điểm và nguyện vọng của mọi lực lượng chính trị trong xã hội. Vì vậy, báo chí có khả năng trợ giúp rất đắc lực và hiệu quả công tác tuyên truyền trong hoạt động văn hóa – xã hội của nhân loại. Theo đó, trong quá trình hoạt động và đấu tranh chính trị, báo chí là lĩnh vực phải được quan tâm và phát triển. Nhận thức được tầm quan trọng của báo chí, cộng đồng người Việt Nam yêu nước tại Pháp đã có nhiều hoạt động tích cực trên lĩnh vực này để bảo vệ những quan điểm của mình. Đồng thời, nhờ hoạt động báo chí, nhân dân và dư luận Pháp hiểu nguyện vọng hòa bình và độc lập của dân tộc Việt Nam, trên cơ sở đó sẽ có sự ủng hộ và giúp đỡ nhất định cho cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc Việt Nam. Dưới đây là một số hoạt động báo chí của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp trong những năm 1945- 1946.



Cuối năm 1944, đầu năm 1945, *Tổng Ủy ban đại diện Avignon* cho ra tờ *Việt Nam công đoàn* thay mặt một cách chính thức cho toàn thể đồng bào Việt Nam tại Pháp đề đòi hỏi những quyền lợi về chính trị và xã hội. *Tổng Ủy ban* này có 40 đại biểu với 22 đại biểu thay mặt cho trí thức. *Tổng Ủy ban đại diện* nhân dân Việt Nam bị Chính phủ Pháp đàn áp. Ngày 19/10/1945, cơ quan này bị giải tán và tờ *Việt Nam công đoàn* cũng kết thúc tại đây. Tuy nhiên, trên thực tế *Tổng Ủy ban* đại diện cho 25 ngàn người Việt Nam tại Pháp vẫn tồn tại.

Trong năm 1945, Tổ chức *Thường dân chính đạo Đảng* của cựu hoàng Duy Tân xuất bản tờ *Cờ tự lập*. Nhóm *Việt Minh đồng chí* tại Pháp xuất bản *Trang sử mới*. Để thu hút được Việt kiều của 54 tỉnh, thành phố ở Việt Nam có mặt tại Pháp, *Tổng Ủy ban đại diện Avignon* chủ trương xuất bản các tờ *Thông tin tương tế* ở từng địa phương. Việt kiều của 20 tỉnh ở Nam Bộ tại Pháp ra riêng tờ *Việt Hưng*, sau đổi thành *Việt Hưng công nông đoàn Nam Bộ*. Tờ *Thông tin tương tế Quảng Nam* ra ngày 15/10/1945 viết: “Anh em lính và thợ đã nhận thấy các mãnh lực của đoàn thể, cái cần thiết phải có tổ chức để đương đầu với bọn cầm quyền”. *Thông tin tương tế Nghệ An* số ra ngày 13/9 năm 1945 tin chắc phong trào tương tế ở Pháp sau này sẽ phát triển rộng ở Việt Nam [94, tr. 83, 84, 85].

Cuối tháng 3 năm 1946, Việt kiều đồng bào 54 tỉnh ở quê nhà đã họp mặt và ra quyết nghị xuất bản tờ *Việt Nam công nông đoàn*. Số 1 phát hành vào ngày 16/4/1946. Cùng với đó, tờ *Công nông học báo* cũng được ra đời. *Công nông học báo* giúp tài liệu cho người đi dạy trong các trại lính và trại thợ. Từ số 1 đến số 6, Việt Nam công nông đoàn xuất bản 12.000 tờ, nghĩa là trung bình từ 2 đến 3 Việt kiều có 1 tờ. Từ số 7 đến số 10, do kinh tế eo hẹp, rút xuống 6000 tờ. Đến số 11- 12 còn lại 5000 tờ. Từ số 13 chỉ có thể in 3000. Cuối năm 1946 đến 1947, *Công nông học báo* ra đến số 18, in tổng cộng 124.000 bản. Sau đó báo này ngừng xuất bản.

Ngoài những báo trên, người Việt Nam ở Pháp còn có các tờ:

- *Nam Việt*: Báo này do *Ban Trung ương Việt kiều liên minh* chủ trương. Báo đề cập đến các vấn đề xã hội, chính trị, văn nghệ, khoa học. Báo được xuất bản tại Paris trong những năm 1945- 1946.

- *Thủy Thủ*: Tờ *Thủy Thủ* là cơ quan thông tin của *Liên đoàn thủy thủ Việt Nam yêu nước*. Báo phát hành tại Paris. Số đầu tiên ra vào năm 1945.

- *Văn hóa liên hiệp*: Báo này do một số trí thức chủ trương. Báo in và phát hành tại Paris. Số đầu tiên ra vào năm 1945.

- *Công đoàn*: Đây là cơ quan ngôn luận của anh em lính công binh trại Marseille, thuộc quận Bouche du Rhône. Báo in giấy sếp. Số đầu tiên phát hành vào tháng 9/1945 [94, tr.94, 95].

Sau khi được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh đại diện cho Chính phủ nước VNDCCH ký *Hiệp định Sơ bộ* ngày 6/3/1946 và sau đó là *Tạm ước* ngày 14/9/1946, báo chí của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp ban đầu còn có quan điểm chưa nhất trí với Chính phủ VNDCCH. Tuy nhiên, sau đó các cơ quan ngôn luận của người Việt Nam tại Pháp cũng nhận ra được rằng đó là những chính sách ngoại giao đúng đắn và

phù hợp với hoàn cảnh lịch sử và cách mạng ở Việt Nam. Những tờ báo của Việt kiều dần dần tán thành lập trường của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thay mặt 14.000 ONS, *Ban Trung ương Công binh* đã tuyên bố quyết nghị:

- “1. Phong trào Duy Tân là một phong trào quân chủ phản động.
2. Cơ quan Cờ tự lập là cơ quan đã bênh vực cho cái thuyết “Pháp quốc đại đồng” trái hẳn với nguyện vọng được hoàn toàn độc lập của nước Việt Nam.
3. Hội Việt Minh đồng chí tại Pháp là một bọn xu thời, phỉnh nịnh, theo đóm ăn tàn.
4. Chỉ công nhận Việt kiều liên minh là một cơ quan thay mặt cho 25.000 Việt kiều ở Pháp để ủng hộ cho Chính phủ Việt Nam ở nước nhà.
5. Tín nhiệm Chính phủ Hồ Chí Minh để phấn đấu cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập” [95, tr.69].

Nhận thấy tình trạng báo chí của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp trong thời gian này chưa được thống nhất, còn phân tán và quan điểm chưa được đồng thuận, ngày 25/7/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời tất cả các nhà viết báo ở Paris, trong đó có các báo của người Việt Nam đến cùng trao đổi. Với chủ trương đoàn kết nhằm quy tụ các nhà báo, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu quan điểm nên tập hợp anh em lại để có tiếng nói chung, nâng cao hơn nữa chất lượng báo chí, định hướng cho phong trào yêu nước của Việt kiều ngày càng phát triển và có hiệu quả hơn trong những giai đoạn tiếp theo.

Do hoàn cảnh lịch sử nói chung cũng như tình hình nước Pháp nói riêng, tin tức về cuộc cách mạng và các thông tin khác ở Việt Nam đến với bà con Việt kiều không chỉ hạn chế mà còn nhiều thông tin thiếu tính khách quan bởi sự xuyên tạc sự thật của những lực lượng phản động trong chính quyền thực dân Pháp. Tuy nhiên nhìn chung, hoạt động trên lĩnh vực báo chí diễn ra khá sôi nổi. Hoạt động đó đã thể hiện được sự đoàn kết của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp mà những tờ báo đại diện cho từng đối tượng (thủy thủ, binh lính, công nhân, trí thức) chính là sợi dây kết nối bền chặt tình đoàn kết ấy. Báo chí của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945- 1946 đã có những đóng góp tích cực nhất định cho cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân của dân tộc ta. Nó là bộ phận hữu cơ và có vị trí xứng đáng trong lịch sử báo chí và tạo điều kiện cho sự phát triển của báo chí cách mạng Việt Nam sau này.

## Tiểu kết chương 2

Cùng với những luồng di cư, cộng đồng người Việt tại Pháp đã được hình thành trải qua những thăng trầm của lịch sử dân tộc và thế giới. Sống nơi đất khách quê người vì mưu sinh hay học tập, trang bị cho mình những tri thức của nhân loại nhằm giúp ích cho đời, trừ những kẻ cam tâm phản quốc, cộng đồng người Việt vẫn một lòng một dạ hướng về quê hương. Bằng những hoạt động và đấu tranh trong tình đoàn kết của những người chung huyết tộc, người Việt tại Pháp đã tỏ rõ thái độ thương yêu nhau và cao hơn hết là truyền thống yêu nước không bao giờ cạn kiệt.

Trong Chương 2, các hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp được chia thành hai giai đoạn: giai đoạn trước năm 1945 và giai đoạn 1945 – 1946.

Trong giai đoạn trước năm 1945, hoạt động yêu nước của người Việt Nam được đặt nền móng từ các hoạt động của những nhà yêu nước Việt Nam đầu tiên đặt chân đến Pháp: Phan Văn Trường, Phan Châu Trinh, Nguyễn An Ninh... Sau khi trở về Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã tham gia phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp trên tất cả các lĩnh vực rất có hiệu quả, theo đó phong trào đã có sự phát triển về chất rất rõ rệt.

Với những nền tảng quan trọng như vậy, phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp tiếp tục được duy trì và phát triển trong những năm tiếp theo với nhiều hình thức hoạt động và đấu tranh phong phú, trên nhiều bình diện. Và chính nó cũng thực sự đặt nền móng, gắn kết cảm tình cần thiết của nhân dân Pháp đối với dân tộc Việt Nam. Hơn hết tạo ra những cơ sở xã hội phong phú để những đóng góp của cộng đồng người Việt tại Pháp cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược sau này hiệu quả hơn.

Trong giai đoạn trước năm 1945, các hoạt động của người Việt Nam tại Pháp chủ yếu hướng tới mục đích đoàn kết cộng đồng và đòi những quyền lợi về kinh tế, chính trị của bản thân họ. Các hoạt động hướng tới đòi hỏi quyền lợi cho dân tộc đã có nhưng chưa thực sự rõ nét.

Trong giai đoạn 1945 – 1946, các hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp được đặt dưới sự lãnh đạo của *Tổng Ủy ban đại diện Avignon*. Đây là giai đoạn chứng kiến âm mưu xâm lược Việt Nam lần thứ hai của thực dân Pháp. Khi quyền lợi dân tộc lâm nguy, các hoạt động của người Việt Nam tại Pháp hướng tới đòi quyền lợi dân tộc đã thể hiện rõ rệt hơn với các hoạt động cụ thể: treo cờ đỏ sao vàng, phản đối các âm mưu xâm lược của thực dân Pháp, giúp đỡ phái đoàn đàm phán của VNDCCH tại Hội nghị Fontainebleau.

Phương pháp đấu tranh của phong trào yêu nước của người Việt Nam trong toàn bộ thời kỳ này chủ yếu là các hình thức công khai, hợp pháp, phối hợp với hình thức đấu tranh trên mặt trận báo chí. Trong giai đoạn này, phong trào của bộ phận lãnh đạo Việt Nam tại Pháp đóng vai trò chính và được thể hiện rõ nét nhất.

### **Chương 3. HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TẠI PHÁP GIAI ĐOẠN 1946 -1954**

#### **3.1. Hoàn cảnh lịch sử sau Tạm ước 14/9/1946 và Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng Cộng sản Đông Dương**

##### **3.1.1. Hoàn cảnh lịch sử sau Tạm ước 14/9/1946**

###### **3.1.1.1. Thái độ của Chính phủ Pháp sau Tạm ước 14/9/1946**

Như đã đề cập, sau Chiến tranh thế giới thứ hai, mặc dù là nước thắng trận nhưng do bị chiến tranh tàn phá nên kinh tế nước Pháp trở nên kiệt quệ. Thời kỳ này, Pháp đã tăng cường vai trò của nhà nước trong nền kinh tế nên đã hình thành mô hình kinh tế kiểu Pháp. Kế hoạch 5 năm đầu tiên của Pháp (1947 – 1951) được thực hiện nhằm mục tiêu khôi phục kinh tế sau chiến tranh. Năm 1948, thực hiện kế hoạch *Phục hưng châu Âu* do Ngoại trưởng Mỹ Marshall đề ra, Mỹ đã tăng cường viện trợ cho Pháp. Đó là lý do nền kinh tế của nước Pháp có những bước phát triển mới nhưng bị phụ thuộc vào Mỹ.

Cùng với sự phục hồi nền kinh tế, tình hình chính trị - xã hội Pháp cũng có nhiều biến động. Tháng 9/1946, nền Cộng hòa thứ tư được thành lập thông qua Quốc hội Lập hiến và Hiến pháp mới. Nền cộng hòa thứ tư chứng kiến thời đại tăng trưởng kinh tế tại Pháp và sự hồi phục của các thiết chế xã hội và nền công nghiệp quốc gia sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cũng như đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển quá trình hội nhập châu Âu, điều đã thay đổi lục địa này một cách lâu dài. Thành tựu đáng kể nhất của nền Cộng hòa thứ tư là cuộc cải cách xã hội và phát triển kinh tế. Vào năm 1946, chính phủ thành lập một hệ thống an sinh xã hội toàn diện để đảm bảo bảo hiểm thất nghiệp, trợ cấp cho người tàn tật và người già, cũng như dịch vụ chăm sóc sức khỏe tới tất cả mọi người [136].

Bên cạnh đó, các quyền tự do dân chủ được mở rộng hơn, tiến bộ hơn. Trong khi đó quyền hạn của Tổng thống giảm đi nhiều so với trước chiến tranh. Chính phủ Pháp được thành lập trong đó Đảng Cộng sản Pháp có 5 thành viên giữ những chức vụ quan trọng như: Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Lao động, Bộ trưởng Bộ Y tế. Trong khuôn khổ của một Chính phủ mới với Hiến pháp tiến bộ đã mở ra khả năng tiến hành những cải tạo kinh tế - xã hội sâu sắc ở Pháp.

Mặc dù, vào cuối năm 1946 ở Pháp có một vài thay đổi trong chính phủ, cũng đã xuất hiện ý kiến dàn xếp hòa bình vấn đề Việt Nam nhưng “*bộ ba hiếu chiến*”<sup>2</sup> đang nắm quyền ở Đông Dương cố tình thúc đẩy chiến tranh.

Trên thực tế, dưới sức ép của Mỹ, Thủ tướng Pháp Paul Ramadier (thuộc Đảng Xã hội cánh hữu) đã gạt những người Cộng sản ra khỏi Chính phủ. Cũng từ đó, Chính phủ Pháp ngày càng thiên hữu, thực hiện những chính sách đối nội, đối ngoại ngược lại với lợi ích của nhân dân Pháp.

<sup>2</sup> “Bộ ba hiếu chiến” bao gồm: Đô đốc D’ Argenlieu – Cao ủy nắm toàn quyền, tướng Valluy – Tổng tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương và Pignon - Ủy viên Liên bang phụ trách những vấn đề chính trị. Nhóm này được sự ủng hộ của phái bảo thủ ở Paris, ra sức phá hoại việc thương lượng và ráo riết chuẩn bị chiến tranh.

Về đối nội, Chính phủ Pháp đã thu hẹp các quyền tự do dân chủ của nhân dân, xóa bỏ những cải cách tiến bộ đã thực hiện trước đây, tăng thuế, giảm trợ cấp phúc lợi xã hội...

Về đối ngoại, giới cầm quyền nước Pháp tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược thực dân hao người, tốn của, đặc biệt là cuộc chiến tranh xâm lược Đông Dương lần thứ hai và xâm lược Algérie. Bên cạnh đó, Pháp cũng gia nhập khối quân sự NATO, đồng ý cho Mỹ đóng quân và thiết lập các căn cứ quân sự trên lãnh thổ Pháp. Chính phủ Pháp cũng tán thành tái vũ trang cho Tây Đức và phục hồi chủ nghĩa quân phiệt phục thù Tây Đức, trong khi họ vốn là kẻ thù nguy hiểm của nước Pháp...

Cuộc chiến tranh ở Việt Nam mà thủ phạm là thực dân Pháp trở thành vấn đề nóng bỏng nhất trong các chương trình nghị sự tại Quốc hội Pháp. Do bản chất hiếu chiến của đa số phần tử trong Chính phủ Pháp, nên Quốc hội nước này đã thông qua đề nghị của Thủ tướng P. Ramadier và Bộ trưởng Bộ Hải ngoại M.Moutet về việc điều đình với “đại diện của nhân dân Việt Nam” tức chính quyền Bảo Đại, đồng thời bác bỏ đề nghị của các nghị sĩ cộng sản phái dân chủ yêu cầu ủng hộ, đòi thương lượng trực tiếp với Chính phủ VNDCCH do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu.

### 3.1.1.2. Tình hình Việt Nam sau Tạm ước 14/9/1946

Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Bộ trưởng Bộ Hải ngoại Pháp M.Moutet đã ký bản *Tạm ước* vào đêm 14/9/1946. Theo bản *Tạm ước*, hai bên sẽ đình chỉ xung đột, trao trả tù binh, thỏa thuận đặt đồng bạc Đông Dương nằm trong khu vực đồng Franc của Pháp. Các quyền lợi kinh tế, văn hóa của Pháp ở Việt Nam được đảm bảo, các kỹ thuật gia người Pháp được ưu tiên sử dụng, tiếng Pháp được coi là ngoại ngữ chính... Tinh thần của bản *Tạm ước* này là góp phần tạo nên không khí yên tĩnh, tin cậy để trong tương lai gần (không quá tháng 1/1947) sẽ tiếp tục thương lượng để đi đến bản hiệp ước chính thức [65, tr.531].

Sau khi ký *Tạm ước 14/9*, Chủ tịch Hồ Chí Minh kết thúc chuyến thăm nước Pháp và lên đường về nước trên chiếc chiến hạm Dumont d'Urville. Ngày 22/10/1946, chiến hạm đã cập bến cảng Hải Phòng, hoàn thành nhiệm vụ đưa Chủ tịch Hồ Chí Minh về nước an toàn.

Lợi dụng tình hình nước Pháp chưa có Chính phủ mới, thực dân Pháp ở Đông Dương toan tính thực hiện “việc đã rồi”, tăng cường hoạt động quân sự ở Việt Nam. Tại Miền Bắc, tháng 11/1946, quân Pháp đánh chiếm Hải Phòng và Lạng Sơn.

Trước các hành động bội ước của thực dân Pháp, ngày 30/11/1946, Chính phủ nước VNDCCH đã gửi điện khẩn cấp đến Quốc hội nước Cộng hòa Pháp, yêu cầu có biện pháp giải quyết tình hình nguy hiểm ở Đông Dương và đề nghị sự có mặt của một đoàn điều tra của Pháp tại Đông Dương.

Theo đó, ngày 6/12/1946, J.Sainteny - Ngoại trưởng nước Cộng hòa Pháp đã gặp Bộ trưởng Ngoại giao VNDCCH Hoàng Minh Giám. Hai bên đã sớm đạt được cam kết giải quyết ổn thỏa các cuộc đụng độ địa phương, thực hiện nhanh chóng các thỏa hiệp đã đạt được theo *Tạm ước 14/9/1946* và những xung đột khác có thể xảy ra trong tương lai.

Trong khi phía VNDCCH nghiêm chỉnh thi hành những điều khoản của các thỏa thuận, thì thực dân Pháp tiếp tục lật lọng. Tháng 12/1946, quân đội Pháp tấn công Đồ Sơn, Đình Lập; thực hiện các vụ ném lựu đạn vào nhiều khu vực dân cư thành phố. Từ giữa tháng 12 trở đi, quân Pháp gây hấn nhiều nơi ở Hà Nội, đặc biệt là gây ra vụ thảm sát nhân dân Việt Nam ở phố Hàng Bún và phố Yên Ninh. Những hành động đó báo trước nguy cơ một cuộc chiến tranh xâm lược với quy mô lớn sắp sửa xảy ra.

Đỉnh điểm của thái độ bội ước từ phía thực dân Pháp là hai sự kiện: ngày 18 và 19/12/1946, họ đã liên tiếp gửi tới hậu thư đòi Chính phủ cách mạng phải phá bỏ công sự trong thành phố và cho chúng quyền kiểm soát, giữ gìn trật tự Hà Nội. Họ cũng cảnh báo, nếu Chính phủ cách mạng không đáp ứng những yêu cầu trên, sẽ dùng bạo lực. Chính phủ Pháp đã không thực hiện lời hứa, họ bội ước, không thực hiện lời hứa với Chủ tịch Hồ Chí Minh và không có một cuộc đàm phán nào sau đó nữa. Theo J.Sainteny kể lại:

*“Cuối cùng tất cả mọi việc đều dẫn dắt tôi đến với Hồ Chí Minh. Đó là con người chúng ta cần phải gặp, chúng ta phải thương lượng với con người ấy”* [138, tr.101].

Tuy vậy, mọi cánh cửa hòa bình đã bị người Pháp khóa chặt. Cuộc chiến tranh mới do người Pháp khơi mào bắt đầu.

Để tránh cho hai dân tộc một cuộc chiến tranh và bảo vệ hòa bình, phía VNDCCH đã nhân nhượng, nhưng trước diễn biến mới, không thể tiếp tục nhân nhượng nữa. Trong 2 ngày 18 và 19/12/1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã kịp thời tiến hành dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại làng Vạn Phúc (Hà Đông). Hội nghị sáng suốt nhận định tình hình mới, phân tích tương quan lực lượng giữa hai bên; quyết định phát động Toàn quốc kháng chiến; đề ra những vấn đề cơ bản thuộc về chiến lược và sách lược của cuộc kháng chiến; đồng thời thông qua *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chiều ngày 19/12, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Võ Nguyên Giáp ra lệnh cho các đơn vị vũ trang sẵn sàng chiến đấu theo thời gian đã quy định. 20 giờ ngày 19/12/1946, mệnh lệnh chiến đấu ban ra. Từ Pháo đài Láng, quân dân Thủ đô Hà Nội đã nổ súng mở đầu cuộc kháng chiến trong toàn quốc.

Sáng ngày 20/12/1946, từ hang Trầm, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Đông, qua làn sóng điện của Đài tiếng nói Việt Nam, *“Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”* của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được đến với đồng bào cả nước.

Mặc dù chiến tranh đã bùng nổ, nhưng trong những tháng đầu năm 1947 vẫn chứng kiến nỗ lực cứu vãn hòa bình của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ VNDCCH. Trong thư gửi Chính phủ Pháp ngày 25/1/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: *“Chúng tôi cần trịnh trọng nhắc lại lập trường từ xưa tới nay không thay đổi của nước Việt Nam, có thể tóm lại trong hai điểm sau đây: 1. Độc lập và thống nhất quốc gia; 2. Cộng tác thân thiện với nước Pháp trên căn bản bình đẳng và tôn trọng những thỏa hiệp tự do ký kết”* [99, tr.12].

### 3.1.2. Đường lối toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng Cộng sản Đông Dương

Đường lối toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng Cộng sản Đông Dương được hoàn chỉnh và thể hiện tập trung trong 3 văn kiện lớn:

- Chỉ thị *Toàn dân kháng chiến* của Trung ương Đảng (12/12/1946);
- *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/12/1946) -
- Tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của Trường Chinh (7-1947).

Đường lối khẳng định:

Thứ nhất, *Mục đích của cuộc kháng chiến*: Kế tục và phát triển sự nghiệp Cách mạng tháng Tám, “Đánh phản động thực dân Pháp xâm lược; giành thống nhất và độc lập” [67, tr. 150].

Thứ hai, *Tính chất kháng chiến*: “*Là một cuộc chiến tranh tiến bộ vì tự do, độc lập, dân chủ và hòa bình*”; “*Cuộc kháng chiến của dân tộc ta là một cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa...*”; Đó là cuộc kháng chiến có tính chất dân tộc giải phóng và dân chủ mới.

Thứ ba, *Phương châm tiến hành kháng chiến*: *Tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính* [67, tr. 160].

Đường lối kháng chiến là sản phẩm của sự kế thừa những kinh nghiệm truyền thống trong các cuộc chiến tranh giữ nước của tổ tiên được phát triển ở thời hiện đại, đồng thời vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản về chiến tranh và chiến tranh cách mạng; về chiến tranh và bảo vệ hòa bình của Chủ nghĩa Mác- Lênin. Theo đó tính đúng đắn rất cao, phù hợp với hoàn cảnh thực tế của đất nước. Đường lối kháng chiến của Đảng được công bố sớm đã có tác dụng đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng đi vào ổn định và phát triển đúng hướng, từng bước đi tới thắng lợi.

Kế thừa quan điểm “Bách tính vi binh” (trăm họ đều là binh) của nghệ thuật chiến tranh giữ nước trong lịch sử dân tộc, tính toàn dân được Đảng vận dụng và phát triển sáng tạo thành điểm cốt lõi của đường lối kháng chiến và cũng là nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Đảng. Toàn thể nhân dân Việt Nam đều phải tham gia vào sự nghiệp chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc. Với điểm cốt lõi này, một lực lượng rộng lớn và hùng hậu sẽ được tập hợp xung quanh Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong đó Mặt trận dân tộc thống nhất với hai hình thức: Mặt trận Việt Minh và Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam là cái vỏ vật chất chứa đựng khối đại đoàn kết dân tộc rộng rãi.

*Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “*Bất kỳ đàn ông, đàn bà, bất kỳ người già, người trẻ, không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc. Hễ là người Việt Nam thì phải đứng lên đánh thực dân Pháp*” [98, tr.480]. Với quan điểm đó, toàn thể “con Lạc cháu Hồng” trong đó có cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài nói chung và cộng đồng người Việt Nam ở Pháp nói riêng đương nhiên là một lực lượng trong mặt trận chống thực dân Pháp xâm lược. Để tranh thủ sự ủng hộ của dư luận tiến bộ Pháp nói riêng và nhân dân thế giới nói chung, Chỉ thị *Toàn*

*dân kháng chiến* của Đảng đã phân biệt rõ: “Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp” [67, tr.51]. Có thể thấy, trong cuộc chiến tranh vệ quốc này, phía VNDCCH xác định rõ chỉ đánh lại thực dân Pháp xâm lược. Còn đối với nhân dân Pháp, những lực lượng yêu chuộng hòa bình và tiến bộ Pháp thì chúng ta phải đoàn kết với họ, phải tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của họ. Như vậy, quan điểm phân biệt bạn - thù rõ ràng trong quan hệ đối ngoại - đoàn kết quốc tế của Hồ Chí Minh được hình thành từ những năm tháng tìm đường cứu nước đã được kế thừa và trở thành phương châm ứng xử chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ VNDCCH.

Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, lực lượng giữa VNDCCH với quân Pháp thực sự quá chênh lệch, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát tương quan lực lượng giữa 2 bên bằng một hình tượng rất cụ thể “Châu chấu đá voi”.

Theo so sánh, sự chênh lệch lên tới hàng trăm lần. Trong quá trình của cuộc chiến, thực dân Pháp còn được Mỹ chi viện rất nhiều nên độ chênh lệch càng lớn.

Tuy vậy, bằng chủ nghĩa yêu nước chân chính và lòng khát khao với độc lập dân tộc, toàn thể nhân dân Việt Nam – trong đó có cả cộng đồng người Việt ở nước ngoài đã đoàn kết một lòng, đưa cuộc kháng chiến vượt qua khó khăn, từng bước giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt trên mặt trận quân sự, dẫn tới thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến

### **3.2. Hoạt động yêu nước hướng tới ủng hộ cuộc kháng chiến của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1946 - 1950**

#### ***3.2.1. Sự ra đời của Phái đoàn thường trực đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Pháp***

Thực dân Pháp hiểu rõ sức mạnh của Chính phủ Hồ Chí Minh, họ dùng nhiều thủ đoạn, vừa chia rẽ về chính trị, vừa tấn công về quân sự, theo kế: “*Đánh vào ngọn hệ thống hình tháp Việt Minh*” mà vũ khí là “*về mặt chính trị cần phải có hệ thống hình tháp Bảo Đại*”. Theo đó Chính phủ Pháp đã áp ủ một kế hoạch. Thủ tướng P. Ramadier muốn dựng một chính quyền tay sai ở Việt Nam để thương lượng với chính quyền đó. Để thực hiện, họ sử dụng cựu hoàng Bảo Đại như một con bài chính trị ở Việt Nam. Tháng 9/1947, cựu hoàng Bảo Đại đã về nước, lập Chính phủ Việt Nam Quốc gia, danh nghĩa là đại diện cho quốc gia Việt Nam, nhưng thực chất không khác gì một chính quyền bù nhìn. Đó là một chính phủ thân Pháp, vượt qua Chính phủ VNDCCH mà đàm phán với Pháp. Nếu Chính phủ VNDCCH không nghe, Pháp sẽ tổ chức cho chính phủ đó một đội quân (đội an ninh) dùng lối ám đánh VNDCCH hòng tạo ra “*nội chiến giả*” ở Việt Nam, đó là “*giữa nhân dân Việt Nam (mà chính phủ bù nhìn thay mặt) và “quân phiến loạn Việt Minh”*” [67, tr. 294].

Trước âm mưu ấy của thực dân Pháp, nhiệm vụ của Chính phủ VNDCCH lúc này đối với Việt kiều tại Pháp là giúp họ nhận thức đúng những vấn đề của thời cuộc. Qua đó, chống lại âm mưu chia rẽ của kẻ thù, ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa



của dân tộc, sự hợp hiến, hợp pháp của Chính phủ VNDCCH là những nội dung Việt kiều tại Pháp cần nắm vững.

Sau khi ký Tạm ước 14/9, Chủ tịch Hồ Chí Minh rời Paris về nước. Người đã cử ra một Phái đoàn thường trực đại diện Chính phủ VNDCCH tại Pháp. Ông Trần Ngọc Danh<sup>3</sup> là trưởng Phái đoàn này. Tổng thư ký của Phái đoàn là ông Trần Thanh Xuân.

Trong tập tài liệu *“Ghi chép về phái đoàn thường trực của Việt Nam ở Paris”* do Bộ Ngoại giao Pháp ghi lại, được lưu tại Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng Pháp có đề cập đến nội dung trên:

*“Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn cử ra một phái đoàn thường trực do ông Hoàng Minh Giám làm trưởng đoàn và ông Trần Ngọc Danh làm Phó trưởng đoàn nhưng Chính quyền Pháp không cho phép. Tuy nhiên Chính quyền Pháp đồng ý tiếp đón đối với Hoàng Minh Giám và Trần Ngọc Danh...”*

*Hoàng Minh Giám sau đó về Đông Dương để làm Thứ trưởng Bộ Ngoại Giao. Dương Bạch Mai thay thế”* [35].

Nhưng sau đó, theo các văn bản số 244 AS của Chính phủ Pháp công nhận Trần Ngọc Danh là người đại diện cho Phái đoàn thường trực Việt Nam ở Pháp.

Trong văn bản do Bộ Ngoại giao Pháp gửi cho Tổng thư ký Ủy ban Đông Dương đã xác nhận: *“Công nhận ông Trần Ngọc Danh là đại biểu chính thức cho Phái đoàn thường trực Việt Nam ở Pháp”* [15].

Nội dung này được xác nhận lại trong công văn do Tổng thư ký Ủy ban Đông Dương gửi cho Cao ủy Pháp ở Đông Dương: *“Công nhận ông Trần Ngọc Danh đại diện cho Chủ tịch Hồ Chí Minh”* [16].

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của phái đoàn là tiếp cận và tuyên truyền, giác ngộ để cộng đồng người Việt Nam tại Pháp nói chung nhận ra bộ mặt thật của chính quyền Bảo Đại, sự hợp hiến, hợp pháp của Chính phủ VNDCCH, từ đó thấu hiểu được những chủ trương, chính sách của Đảng Cộng sản Đông dương và Chính quyền cách mạng để có sự ủng hộ cuộc kháng chiến của dân tộc.

Trước âm mưu của thực dân Pháp, để ổn định tư tưởng và an dân không chỉ trong nước mà cả cộng đồng người Việt ở nước ngoài, Đảng Cộng sản Đông Dương nhanh chóng đưa ra lập trường của mình:

- Thứ nhất, Việt Nam phải là một nước độc lập và thống nhất thực sự. Độc lập và thống nhất thực sự có nghĩa là: Có Chính phủ riêng, Quốc hội riêng, Hiến pháp riêng, do nhân dân Việt Nam bỏ phiếu bầu; Có quân đội riêng; Có ngoại giao ở nước ngoài; Có tiền tệ và thuế quan riêng; Ba kỳ đặt dưới quyền một Chính phủ Trung ương, ba kỳ thống nhất là một tất yếu, không cần trung cầu dân ý.

- Thứ hai, Việt Nam nhận đứng trong Liên hiệp Pháp nhưng phải có quân đội riêng, có quyền ngoại giao với các nước. Khối Liên hiệp Pháp phải là hình thức hợp

---

<sup>3</sup> Ông Trần Ngọc Danh là em trai cố Tổng bí thư Trần Phú.

tác thân thiện và bình đẳng giữa các dân tộc có chân trong đó, chứ không thể là hình thức đè nén, bóc lột.

- Thứ ba, Pháp muốn giải quyết xung đột bằng đàm phán thì chỉ có một cách là đàm phán với Chính phủ Hồ Chí Minh trên nền tảng “độc lập, thống nhất trong khối Liên hiệp Pháp”. Việt Nam không công nhận bất kỳ sự đàm phán nào của Pháp với bất cứ một tổ chức bù nhìn người Việt nào khác.

Quan điểm đó của Đảng đã kịp thời định hướng cho hoạt động yêu nước của Việt kiều tại Pháp.

### **3.2.2. Hoạt động đấu tranh của lực lượng lính thợ Việt Nam tại Pháp**

*3.2.2.1. Hoạt động phản đối việc thực dân Pháp bội ước, mở rộng chiến tranh ở Việt Nam.*

Cộng đồng người Việt Nam tại Pháp bao gồm nhiều thành phần khác nhau:

Chiếm số đông là những lính thợ bị bắt sang phục vụ cho cuộc chiến tranh từ thời kỳ 1939-1940. Sau chiến tranh họ ở lại làm công nhân tại các xí nghiệp tư bản Pháp với số lượng khoảng hàng chục ngàn người.

Học sinh, sinh viên sang Pháp học tập. Bộ phận này sau đó ngày càng đông do phong trào du học vào những năm 1947- 1950.

Một số trí thức trong nước sang sau năm 1946 như: Nguyễn Mạnh Hà (từng là Bộ trưởng của VNDCCH giai đoạn 1945- 1946), Nguyễn Ngọc Bích, Hoàng Xuân Hãn.

Một số người là thủy thủ và buôn bán. Cộng đồng người Việt Nam tập trung đông nhất ở thủ đô Paris.

Dù thuộc nhiều thành phần khác nhau, nhưng với Chủ tịch Hồ Chí Minh, họ đều là “đồng bào” của mình và luôn đặt niềm tin vào lòng yêu nước thương nòi của họ. Vậy nên, trước khi trở về Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư tới, căn dặn toàn thể kiều bào Việt Nam ở Pháp những điều rất cụ thể:

“ ...

1. Phải triệt để đoàn kết,

2. Ra sức tuyên truyền và ủng hộ bằng mọi phương diện cho Tổ quốc,

...

4. Mỗi người cần biết thạo một nghề để mai sau về nước giúp ích cho cuộc xây dựng nước Việt Nam mới” [98, tr.287].

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp còn gặp khó khăn lớn hơn nữa bởi bị bao vây từ nhiều phía, tình thế đơn độc vẫn chưa được phá vỡ. Chính vì vậy, hoạt động đối ngoại, đặc biệt là ngoại giao nhân dân cần được củng cố với nhiệm vụ góp phần phá thế bị cô lập.

Nhất quán quan điểm đối ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ VNDCCH là “*Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống bọn phản động thực dân Pháp*” [64, tr.151], ngày 21/12/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến nhân dân và Chính phủ Pháp cùng các nước Đồng minh, kêu gọi họ có hành động để chấm dứt ngay chiến tranh và rút những kẻ thực dân về nước.

Tiếp theo, để khẳng định chính sách ngoại giao hòa bình và thúc đẩy xu hướng chống chiến tranh Đông Dương trong dư luận Pháp, ngày 7/1/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ VNDCCH gửi đến Quốc hội, Chính phủ và nhân dân Pháp thông điệp nêu rõ 7 điểm về lập trường hòa giải của nhân dân Việt Nam. Bức thư nêu rõ:

*“Nhân dân Việt Nam chỉ đòi độc lập và thống nhất quốc gia trong Khối Liên hiệp Pháp, một khối liên hiệp do sự tự do thỏa thuận tạo nên... Nhân dân Việt Nam chỉ muốn có hòa bình thực sự, để kiến thiết quốc gia với sự cộng tác của những người bạn Pháp chân chính”* [99, tr.11].

Thông điệp nêu ra 3 biện pháp trước mắt để đình chỉ xung đột: đình chỉ chiến sự; xúc tiến ngay các ủy ban thi hành Tạm ước 14/9; nhóm họp lại Hội nghị Fontainebleau.

Ngày 18/2/1947, trong thư gửi Chính phủ và nhân dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp tục khẳng định lập trường hòa bình chính đáng của VNDCCH và đề nghị Chính phủ Pháp chấm dứt cuộc chiến, đồng thời kêu gọi nhân dân Pháp tỏ thái độ đúng đắn với cuộc chiến tranh phi nghĩa mà Chính phủ của họ đang theo đuổi:

*“Chúng tôi không tin rằng nước Pháp lại muốn tiếp tục cuộc chiến tranh trái Hiến pháp, tai hại và không vinh dự này.*

*Chúng tôi yêu cầu Chính phủ Pháp tuyên bố rõ rệt chính sách của mình đối với nước Việt Nam. Chúng tôi yêu cầu nhân dân Pháp tỏ bày ý kiến về cuộc xung đột đẫm máu và vô lý này”* [99, tr.52].

Những thông điệp hòa bình và chính đáng của Chính phủ VNDCCH đã không được Chính quyền Pháp đáp lại một cách thiện chí. Việc Chính phủ Pháp liên tục bội ước, trắng trợn gây chiến hòng đưa dân tộc Việt Nam trở lại nô lệ một lần nữa đã khiến đại đa số Việt kiều ở Pháp thực sự phẫn nộ, đặc biệt là đội ngũ những người lính thợ Việt Nam tại Pháp. Thực hiện đúng lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cuộc đấu tranh của người Việt Nam tại Pháp để phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam và ủng hộ cuộc kháng chiến của dân tộc liên tục diễn ra vào giai đoạn sau ngày 19/12/1946, trong đó phong trào đấu tranh của lính thợ người Việt tiếp tục sôi nổi.

Lính thợ ở Sorgues và Valréas (tỉnh Vaucluse) đã tổ chức một cuộc tuyệt thực để phản đối *“cuộc chiến tranh do nước Pháp dân chủ tiến hành chống lại Tổ quốc Việt Nam thân yêu của chúng tôi”* [18].

Ngày 12/2/1947, ba lính thợ ở trại Sorgues đã phân phát truyền đơn có nhan đề “Đông Dương SOS” trên con đường Dân chủ ở Avignon. Truyền đơn cảnh báo và kêu gọi: *“Giai cấp công nhân Pháp sẽ phải trả giá gấp bội bằng mồ hôi nước mắt của mình cho các tổn thất của một cuộc chiến tranh đẫm máu mà một nhóm những tên tư bản đế quốc đã gây nên... Hỡi những người lao động Pháp, sự nghiệp của chúng tôi cũng chính là sự nghiệp của các bạn! Vũ khí gửi đi để chống lại Việt Nam sẽ quay trở lại chống các bạn... Tình hữu nghị hai dân tộc Pháp Việt muôn năm!”* Ký tên: Cộng đồng người Việt Nam tại Pháp [18].

Phong trào phản đối cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa mà thực dân Pháp tiến hành ở Việt Nam của Việt kiều tại Pháp, đặc biệt là của bộ phận lính thợ Việt Nam trong giai đoạn (1946 - 1947) diễn ra vô cùng sôi nổi. Thông tin về những cuộc đấu tranh này được tập hợp đầy đủ trong hồ sơ lưu trữ ở các địa phương thuộc miền Nam nước Pháp hiện nay. Điều đó chứng tỏ, chính quyền Pháp giám sát rất chặt chẽ hoạt động đấu tranh của người Việt Nam. Từ năm 1947 trở đi, nhiều thông tư cấp tỉnh được ban hành có nội dung cấm đoán và ngăn chặn các cuộc đấu tranh của lính thợ. Ngày 25/3/1947, những người lao động Đông Dương ở trại Sorgues kéo đến Avignon để biểu tình đã bị cảnh sát giải tán. Trước ngày 1/5/1947, Chính phủ Pháp đã gửi thông tư đến tất cả các tỉnh trưởng, yêu cầu “*ngăn cấm bọn An Nam tập hợp thành đội ngũ để tham gia vào cuộc biểu tình của Tổng Liên đoàn Lao động Pháp*” [14].

Ngày 30/8/1947 ở Marseille, số người Việt Nam được Tòa tỉnh trưởng duyệt tham dự cuộc diễu hành chào mừng ngày giải phóng nước Pháp được ấn định tối đa là 40 người. Vài hôm trước đó, một lá thư của tỉnh trưởng Vaucluse đề ngày 12/8/1947 gửi đại tá Dorin, chỉ huy các trại Đông Dương ở Marseille, cho thấy mối quan ngại của Nhà nước Pháp: “*Tôi thường xuyên quan tâm đến những vụ rắc rối hay các cuộc biểu tình do các phần tử người Đông Dương trong trại Badaffier ở Sorgues khởi xướng. Trên thực tế, đại bộ phận người An nam đã công khai bày tỏ tình cảm ủng hộ các đạo quân Việt Nam đang chiến đấu chống lại đất nước chúng ta, và do đó chúng không còn tuân theo trật tự kỷ luật của cấp chỉ huy bao gồm các sỹ quan Pháp nữa.*” [31].

3.2.2.2. *Đấu tranh đòi Chính quyền Pháp thả Dương Bạch Mai và Trần Ngọc Danh.*

Tinh thần tôn trọng hòa bình và Tạm ước 14/9 của Chính phủ VNDCCH còn được thể hiện trong định hướng của Phái đoàn đại diện Chính phủ VNDCCH tại Pháp đối với hoạt động của Việt kiều tại đây.

Ngày 28/11/1946, trưởng Phái đoàn đại diện lúc này là Dương Bạch Mai đã họp với sinh viên, trí thức Việt kiều tại Pháp. Cuộc hội họp này đã được tờ *Thông tin* của *Nhóm Trót - kít Việt kiều Paris* ghi lại như sau:

“...ông Mai khuyên anh em chớ nên làm gì cả, chỉ nên viết thơ nói chuyện, viết thơ riêng cho mỗi người bạn Pháp, tin cho họ biết rằng: quân Pháp đã đánh dân Việt!...” [94, tr. 179].

Tất cả các thông điệp thể hiện sự tôn trọng hòa bình cũng như các vấn đề được ký trong bản *Tạm ước 14/9* của Chính phủ VNDCCH đã không được Chính phủ Pháp đáp lại một cách thiện chí. Không những vậy, mặc dù có thái độ rất ôn hòa nhưng *Phái đoàn đại diện Chính phủ VNDCCH tại Pháp* vẫn bị Bộ Nội vụ Pháp ra lệnh trục xuất khỏi nước Pháp. Bản thân trưởng *Phái đoàn đại diện Dương Bạch Mai* cũng bị nhà cầm quyền bắt giam.

Cách cư xử thiếu dân chủ của Chính phủ Pháp vấp phải sự phản đối kịch liệt từ đội ngũ lính thợ Việt Nam tại đây. Trưa ngày 24/3/1947, hơn 3000 công binh trại Hôli hương và Việt Nam tổ chức biểu tình từ làng Mazargues tới nhà Đốc lý Marseille để

phản đối vụ bắt giam Dương Bạch Mai. Cùng lúc đó, 14000 lính thợ các cơ, các đạo đã họp Hội đồng, làm mít - tinh, gửi quyết nghị cho báo giới và các cơ quan chính quyền Pháp đòi thả Dương Bạch Mai [94, tr.179].

Tờ *Vô sản* số 13 - 14 ra ngày 7/4/1947 đã tường thuật về cuộc biểu tình trên:

*“3000 thợ Việt kiều rất có trật tự đi khắp các phố lớn ở Marseille... Anh em công sản quốc tế Pháp vùng Marseille, mặc dù thiếu vật liệu và thời giờ gấp rút đã in được truyền đơn để ủng hộ cuộc biểu tình. Tờ truyền đơn đại để: Quân chúng lao động... và các chiến sĩ của các cơ quan thợ thuyền hãy liên kết lại để đòi thả ông Dương Bạch Mai và để cùng chiến đấu cho ông Mai ra khỏi nanh vuốt của bọn thực dân...”* [94, tr.179].

Những hoạt động chính đáng của lính thợ Việt Nam đã nhận lại “sự trừng phạt” từ Chính phủ Pháp. Bộ Nội vụ và Bộ Thuộc địa Pháp đã sử dụng Ban Giám đốc thợ Đông Dương (D.T.I)<sup>4</sup> để giảm bớt quyền lợi xã hội, sau đó là đàn áp về chính trị đối với lính thợ Việt Nam. Từ cuối 1947, những cuộc đụng đầu giữa lực lượng lính Cộng hòa Pháp và tinh thần đấu tranh của đoàn thể lính thợ Việt Nam tại Pháp thực sự khởi đầu trên mặt trận chính trị - xã hội.

Mặc dù Chính phủ Pháp không đáp lại thiện chí, song việc khẳng định lập trường hòa bình chính đáng của VNDCCH đã góp phần thúc đẩy xu hướng chống chiến tranh Đông Dương trong dư luận Pháp. Để khuấy động xu hướng đó, các hoạt động yêu nước của lính thợ Việt Nam tại Pháp lúc này đã đóng một vai trò không nhỏ.

Ngày 29/1/1948, Bộ Tư pháp Pháp đã ra quyết định bắt giam Trần Ngọc Danh, trưởng *Phái đoàn đại diện Chính phủ VNDCCH tại Pháp* lúc đó. Ông Trần ngọc Danh bị giam tại nhà tù La Sante. *Ban Chấp hành Trung ương Công binh* ở Marseille đã gửi thông cáo:

*“...đứng trước cuộc tấn công của chính quyền phản động Pháp bắt ông Danh, Chấp hành Công binh ra chỉ thị cho toàn thể công binh phải tuyệt thực 24 giờ ngày 30/1/1948 để phản đối thủ đoạn trái dân chủ của nhà cầm quyền Pháp”* [95, tr.180].

Cùng với thông cáo trên, *Chấp hành Trung ương Công binh* gửi quyết nghị cho Văn phòng Chính phủ và các Bộ: Tư pháp, Nội vụ, Thuộc địa cùng các báo giới tố thái độ phản đối vụ bắt giam ông Trần Ngọc Danh.

Sự phản đối của lực lượng lính thợ Việt Nam cùng Việt kiều ở Pháp nói chung đã khiến nhà cầm quyền Pháp phải thả ông Trần Ngọc Danh ngay sau đó.

### 3.2.2.3. Đấu tranh bảo vệ quyền treo cờ đỏ sao vàng

Bên cạnh các cuộc đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả trưởng *Phái đoàn đại diện Chính phủ VNDCCH ở Pháp*, phong trào treo cờ và bảo vệ lá quốc kỳ của dân tộc cũng thể hiện được tinh thần yêu nước của lính thợ Việt Nam.

Vào khoảng thời gian những năm 1946 – 1949, ở các trại của lính thợ Việt Nam tại Pháp, phong trào treo cờ đỏ sao vàng diễn ra rất sôi nổi, đặc biệt là vào những dịp

<sup>4</sup> Sau ngày Paris giải phóng, M.O.I đổi tên thành D.T.I, thuộc Bộ Hải ngoại Pháp, đặc biệt cai quản lính thợ Đông Dương.

lễ kỷ niệm: Quốc khánh nước VNDCCH (2/9) hoặc Quốc tế Lao động (1/5). Phong trào này thực tế đã xuất hiện từ sau Cách mạng Tháng Tám (1945). Cuộc cách mạng giành chính quyền diễn ra thành công và lá cờ đỏ sao vàng trở thành quốc kỳ của nước VNDCCH. Lực lượng lính chiến và lính thợ Việt Nam ở Pháp nhận thức rõ ý nghĩa thiêng liêng của lá quốc kỳ đã yêu cầu nhà cầm quyền Pháp cho treo cờ đỏ sao vàng ngang với quốc kỳ tam sắc của nước Pháp tại các doanh trại của mình. Sau đó, lính thợ và lính chiến Việt Nam hàng ngày đều cử hành nghi lễ kéo cờ và hạ cờ rất trịnh trọng.

Ban đầu nhà cầm quyền Pháp dù không khuyến khích nhưng cũng không ngăn cấm việc treo cờ đỏ sao vàng tại các trại của lính chiến và lính thợ Việt Nam. Tuy nhiên, đến sau ngày quân Pháp tấn công Hải Phòng (tháng 12/1946), Bộ Thuộc địa Pháp đã cấm lính chiến Việt Nam treo cờ đỏ sao vàng tại các doanh trại. Điều này khiến cho lực lượng lính chiến Việt Nam phẫn nộ. Và họ cũng tỏ rõ thái độ với nhà cầm quyền Pháp rằng: “*Không treo được cờ đỏ sao vàng thì cũng nhất định không treo lá cờ tam sắc*” [94, tr.183].

Việc treo cờ đỏ sao vàng chỉ bị Chính quyền Pháp cấm đoán đối với lính chiến. Trong đội ngũ lính thợ, quốc kỳ Việt Nam chưa bị đe dọa nghiêm trọng. Lính thợ Việt Nam vẫn thực hiện treo quốc kỳ vào những dịp lễ kỷ niệm: Cách mạng Tháng Tám (19/8), Quốc khánh nước VNDCCH (2/9), Công xã Paris (18/3), Cách mạng Tháng Mười Nga (24/10) hoặc trong những hoạt động của lính thợ Việt Nam nhằm phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp trên đất nước của mình. Tuy nhiên, khi Chính phủ Pháp thực hiện kế hoạch xây dựng Chính phủ bù nhìn Bảo Đại (đầu năm 1948) thì mọi chuyện thay đổi. Đa số lính thợ Việt Nam tại Pháp không tin nhiệm và bài xích chính phủ này. Điều này dẫn đến một loạt những cuộc bắt bớ của nhà cầm quyền Pháp hướng vào đội ngũ lính thợ. Việc treo cờ đỏ sao vàng lúc này bị Chính quyền Pháp coi là không ủng hộ Chính phủ Bảo Đại mà chỉ ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến lệnh cấm treo cờ Việt Nam đối với công binh được đưa ra bởi D.T.I ngày 23/9/1948 [94, tr.183].

Lệnh cấm đoán trên của D.T.I vấp phải sự kịch liệt phản đối từ lính thợ Việt Nam. Ngày 27/10/1948, từ tiểu đoàn đến *Ban Chấp hành Trung ương Công binh* đã tổ chức tổng bãi công, họp mít - tinh, gửi quyết nghị cho Tổng thống Pháp, Chủ tịch Chính phủ, các cơ quan đại sứ ở Pháp, báo chí. Cùng với đó là truyền đơn kêu gọi nhân dân Pháp cùng các kiều dân khác ủng hộ cuộc tranh đấu của lính thợ Việt Nam.

Trước đó, ngày 15/10/1948, hơn 1000 lính thợ trại Việt Nam làm mít – tinh phản đối chỉ thị thiếu dân chủ của D.T.I và đòi quyền được treo quốc kỳ Việt Nam ở trước công trại.

Ngày 17/10/1948, toàn thể lính thợ đạo Nhất vùng Rhône – Isere tiến hành đình công vô thời hạn. Trong dịp này, Ban Chấp hành đạo phân phát 40 nghìn truyền đơn tố cáo âm mưu phản động của nhà cầm quyền Pháp và cương quyết bảo vệ quyền treo cờ đỏ sao vàng.

Ngày 20/10/1948, lính thợ ở các cơ: 27, 47, 60 (Liên cơ) ở Lyon đã tổ chức đình công. Phong trào này có quyết nghị đình công vĩnh viễn. Trong tờ trình của Chấp hành Đạo Nhất (17/9/1949) cho biết:

*“Phong trào này đã nổ ra một cách đột ngột, Chấp hành Đạo chỉ được biết sau khi nhận được quyết nghị của Liên cơ. Tuy lòng cương quyết của toàn thể công binh đã đưa đến cuộc tranh đấu ấy, song vì cách thức thực hành đã làm cho phong trào ấy bị lẻ loi... Trước tình thế ấy, Đạo đoàn một mặt tìm hết cách huy động dư luận thợ thuyền Pháp ủng hộ, một mặt cử người giao dịch với Trung ương công binh để tìm cách đưa phong trào đến Tổng đình công... Chấp hành Đạo triệu tập Hội nghị bất thường ngày 26/10... Nhận thấy vì điều kiện khách quan không thuận tiện và kêu gọi an hem Liên cơ trở lại đi làm để bảo tồn lực lượng”* [95, tr.184].

Trước tinh thần bảo vệ đến cùng quyền treo cờ quốc kỳ của lính thợ Việt Nam, Chính quyền Pháp đã thẳng tay đàn áp một cách khốc liệt.

Trong hai ngày 13 và 14/10/1948, Quận trưởng Lot et Garonne cho cảnh binh vào trại Montauban hạ cờ Việt Nam hai lần. Lính thợ Việt Nam ở đây cực lực phản đối nhưng không được nên đợi cho cảnh binh rút lui thì cấp tốc may cờ mới treo lên. Đến ngày 16/10, được lệnh cấp trên, 150 cảnh binh lại kéo tới vây trại, cướp cờ, đàn áp lính thợ bằng vũ lực làm 13 lính thợ bị trọng thương. Ngày 5/11, Bộ Nội vụ cho lính CRS đến vây trại Montauban. Lần này, không chỉ cướp cờ mà lính Pháp còn nhổ cả cột cờ mang đi. Nhưng ngay sau đó, khi lính Pháp rút đi, lính thợ Việt Nam lại treo cờ lên đỉnh ba - rắc.

Ngày 10/10/1948, 100 lính CRS tới bao vây cơ 51 ở Tarbes và lấy cờ. Nhưng ngay khi lính CRS rút đi, lính thợ Việt Nam ở đây lại tìm cách treo cờ lên cột cờ hoặc ba - rắc.

Ngày 28/11, lính thợ Cơ 57 ở Toulouse bị 80 lính CRS đến vây trại, nhổ cột cờ, bắt đi 5 lính thợ và Đại biểu cơ đoàn đưa về Marseille áp giải xuống tàu chở về Việt Nam...

Sang năm 1949, việc đàn áp và cấm đoán treo cờ đỏ sao vàng của nhà cầm quyền Pháp đối với lính thợ Việt Nam tiếp tục trở nên căng thẳng.

Ngày 30/1/1949, chính quyền cho 100 lính CRS trở lại vây trại lính thợ Cơ 57 ở Toulouse và lấy cờ. Hôm sau, vẫn toán lính này lại vào trại Toulouse cướp cờ. Lần này, chúng đàn áp lính thợ bằng vũ lực.

Ngày 3/5/1949, lính CRS đàn áp lính thợ Việt Nam ở Bitche và cướp cờ ở đây. Viên chỉ huy lính CRS bắt lính thợ phải cưa cột cờ. Ban Đại diện và toàn Cơ đoàn từ chối. Cuối cùng, *“chúng đánh đập anh em tàn nhẫn, bắt hai nhân viên của Ban Đại diện chở đi giam ở Sac – gơ – min, cách Bitche 30 cây số. Hay tin đó, anh em các nơi gửi quyết nghị phản đối nhà cầm quyền Pháp và bênh vực anh em công binh ở Bitche, đòi quyền treo cờ trong các trại công binh”* [95, tr.185].

Ngày 19/8/1949, khi anh em lính thợ Việt Nam ở trại Belfort treo cờ kỷ niệm Ngày Cách mạng Tháng Tám thành công thì bị cảnh binh tới bắt hạ cờ.

Ngày 28/8/1949, lính Pháp đến vây trại Hồng Việt ở Sorgues và cướp cờ. Ngày hôm sau (29/8), cảnh binh và lính CRS đến vây trại Sorgues (Vaucluse) và Bias (Lot et Garonne) rồi lấy cờ. Tờ trình của Đại biểu đạo Gốc ngày 17/9/1949 có ghi:

*“Cũng ngày 29, lúc giữa trưa, công binh các cơ 37, 43, 73, và Ngoại hạng trong trại Việt Nam bị 300 cảnh binh vào lấy cờ đỏ sao vàng, anh em kéo nhau ra vây bọc lấy trụ cờ, cảnh binh dùng cử chỉ vô nhân đạo đánh đập 50 người bị thương. Chiều tối lại dùng vũ lực đưa 83 công binh đi Chateldon và 30 công binh mới ở Beaumettes (nhà tù) ra bị đưa vào trại Hồi hương”* [95, tr.186].

Những vụ khám xét, cướp cờ, đánh đập, bắt bớ của nhà cầm quyền Pháp tiếp tục được thực hiện ở khắp các Đạo, cơ lính thợ Việt Nam ở Pháp nhằm khuất phục tinh thần bảo vệ cờ đỏ sao vàng đến cùng của lính thợ Việt Nam. Đến trung tuần tháng 9/1949 trở đi, mặc dù khám xét, bắt người vẫn diễn ra nhưng Chính quyền Pháp không còn dùng vũ lực nữa, nhưng họ cũng không công khai thừa nhận quyền treo cờ đỏ sao vàng cho lính thợ Việt Nam. Lý do của sự thay đổi này đó là họ đẩy mạnh chính sách “Trả lính thợ Đông Dương về xứ sở”.

Cuộc đấu tranh bảo vệ quyền treo cờ đỏ sao vàng đã khiến cho lực lượng của lính thợ Việt Nam ở Pháp giảm sút đáng kể. Hàng nghìn người bị bắt, hàng chục người bị thương. Tuy nhiên, xét trên phương diện chính trị thì đó là một thắng lợi đáng tự hào của họ. Trong suốt khoảng một năm kiên trì bảo vệ quyền treo lá cờ đỏ sao vàng, lính thợ Việt Nam dù lực lượng nhỏ bé nhưng được sự ủng hộ của nhân dân lao động Pháp, các kiều dân khác vẫn tiếp tục đấu tranh cho quyền lợi chính đáng để được treo lá cờ thiêng liêng của tổ quốc.

#### *3.2.2.4. Những hoạt động chống lại âm mưu thành lập Chính quyền bù nhìn Bảo Đại của Chính phủ Pháp*

Tháng 2/1947, sau khi trở thành Thủ tướng Pháp, P. Ramadier hứa hẹn sẽ tôn trọng nguyện vọng thống nhất của nhân dân Việt Nam. Để xoa dịu dư luận, P. Ramadier cử nghị sĩ E. Bollaert thay Đô đốc D'Argenlieu làm cao ủy Pháp ở Đông Dương. Thủ tướng P. Ramadier cũng tuyên bố: *“Độc lập trong Liên hiệp Pháp và liên minh của ba nước An Nam, nếu người dân An Nam mong muốn nó”* và *“Pháp sẵn sàng đàm phán hòa giải với những đại diện chân chính của Việt Nam”* [140, tr. 644].

Nhưng Chính phủ Pháp không muốn đàm phán với Chính phủ VNDCCH. “Giải pháp Bảo Đại” được Chính phủ Pháp đặt ra. Chính phủ Pháp muốn đưa Cựu hoàng Bảo Đại về Việt Nam để lập nên một chính phủ Việt Nam do Bảo Đại đứng đầu và họ sẽ đàm phán với chính phủ này chứ không phải Chính phủ VNDCCH.

Ngày 1/7/1949, Chính phủ Lâm thời của Quốc gia Việt Nam được thành lập. Bảo Đại giữ cương vị Quốc trưởng.

Việc thực dân Pháp sử dụng chính quyền bù nhìn Bảo Đại để phủ nhận và chống lại Chính phủ Hồ Chí Minh gây ra một ảnh hưởng tiêu cực không nhỏ đối với cộng đồng người Việt Nam tại Pháp. Một bộ phận người Việt Nam ở đây do không nắm được bản chất của sự việc, lại ở xa đất nước và bị luận điệu lừa phỉnh của thực



dân che mắt nên đã hoang mang, nhầm tưởng rằng chính phủ bù nhìn Bảo Đại mới thực sự là đại diện cho dân tộc Việt Nam. Chính vì thế, họ đã tin và ủng hộ chính phủ Bảo Đại.

Lực lượng lính thợ Việt Nam tại Pháp đã nhận thức đúng vấn đề nên ngay lập tức có quan điểm rõ ràng, họ tuyên bố chỉ ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh và chống lại Chính phủ bù nhìn Bảo Đại. Những quyết nghị, chỉ thị của *Ban Chấp hành trung ương Công binh* hay trong những văn bản của các chi đoàn công binh ở từng địa phương đã thể hiện rõ ràng thái độ đó.

Ngày 16/10/1947, 74 công binh cơ đoàn số 6 tại Bitche (Marseille) đã tiến hành họp và ra quyết nghị gửi *Ban Chấp hành trung ương Công binh* với nội dung cụ thể:

“ 1. Triệt để ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh trường kỳ kháng chiến giành hoàn toàn độc lập của nước Việt Nam.

2. Đả đảo Bảo Đại và phong trào của chúng làm tay sai cho đế quốc.

3. Đả đảo Liên hiệp Pháp lũ đế quốc trá hình.

4. Tuyên bố lập chiến tuyến duy nhất với hết thảy các giới kiều bào thực tâm tranh đấu để:

a. Chống đế quốc chủ nghĩa, chống Bảo Đại.

b. Gành hoàn toàn độc lập của nước Việt Nam... ” [44].

Ngày 2/10/1946, công binh vùng Vesoul đã họp và ra quyết nghị gửi Ban Chấp hành trung ương Công binh. Trong đó, sự ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh và chống lại Chính phủ Bảo Đại cũng được thể hiện rõ ràng:

“ 1. Triệt để ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh để chống đế quốc giành hoàn toàn độc lập nước Việt Nam; đồng thời giải phóng cho giai cấp cần lao.

2. Tin tưởng ý chí cương quyết cuộc trường kỳ kháng chiến của anh chị em quốc nội đánh đuổi đế quốc ra khỏi bờ cõi để lập nên xã hội bình đẳng và bình quyền.

...

5. Đả đảo Chính phủ bù nhìn Bảo Đại và phong trào Bảo Đại làm tay sai cho đế quốc... ” [45].

Tháng 4/1949, Ban Chấp hành Trung ương Tổng Ủy ban Đại diện Công binh đã gửi Chỉ thị tới các cơ, chi, đạo công binh ở từng địa phương, Chỉ thị chỉ đạo thực hiện hai việc: chống Bảo Đại và tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động với các khẩu hiệu:

“a. Đả đảo bù nhìn Bảo Đại.

b. Pháp phải rút quân ra khỏi Việt Nam.

c. Việt Nam hoàn toàn độc lập... ” [13].

Tin tưởng vào thiện chí yêu hòa bình, chán ghét chiến tranh của nhân dân lao động Pháp và giai cấp công nhân Pháp, lực lượng lính thợ Việt Nam tại Pháp cũng đã tranh thủ sự ủng hộ của họ làm hậu thuẫn cho phong trào đấu tranh trở nên rộng lớn và mạnh mẽ hơn.

Trong những năm 1946 - 1948, phong trào đấu tranh của lính thợ Việt Nam tại Pháp trở nên rầm rộ và quyết liệt vì hai lý do chính.

Thứ nhất, cuộc chiến của Chính phủ Pháp nhằm vào Tổ quốc Việt Nam của họ.

Thứ hai, chính cuộc chiến này đã chặn lại con đường hồi hương của lính thợ. Xét về logic, lý do thứ hai là nguyên nhân trực tiếp khiến bộ phận lính thợ vô cùng phẫn nộ. Lẽ ra, họ là những người được các con tàu khởi hành sang Viễn Đông đưa về quê hương, thì giờ đây lại dùng để chở đạo quân viễn chinh tham gia vào cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam. Đó là lý do các khẩu hiệu trong những cuộc biểu tình suốt ba năm này đều mang hai nội dung: Đấu tranh vì nền độc lập và yêu cầu được hồi hương.

Cuối tháng 11 năm 1946, trong một cuộc biểu tình của 700 lính thợ người Việt tại trại Bergerac, khẩu hiệu của họ như sau: “*Ở đây chúng tôi có 700 người. Phần lớn chúng tôi được trưng tập trong thời kỳ chiến tranh... Chúng tôi hiện không có việc làm và phải nhận trợ cấp thất nghiệp. Sự có mặt của chúng tôi ở đây vì thế hoàn toàn vô ích... Chúng ta không cùng chủng tộc, chúng ta không cùng màu da, nhưng chúng ta là đồng chí anh em trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản và chống áp bức. Đó là nơi chúng ta cùng biểu thị sức mạnh và ý chí chiến thắng*” [108, tr.19].

Thực tế cho thấy, phong trào đấu tranh của lực lượng lính thợ người Việt Nam tại Pháp trong những năm 1948-1949 gặp nhiều khó khăn. Có hai lý do chính dẫn tới điều này:

Thứ nhất, do chính sách của Nhà nước Pháp trong việc thực hiện đàn áp thô bạo với phong trào đấu tranh của người lao động Đông Dương ở Pháp.

Thứ hai, bắt đầu từ năm 1949, Chính phủ Pháp đẩy nhanh nhịp độ hồi hương đối với những người lính thợ Việt Nam. Bộ trưởng Bộ Thuộc địa quyết định phải đưa tất cả lao động Đông Dương về nước trước ngày 31/12/1952. Đến kỳ hạn đó, Cục Lao động Đông Dương sẽ được giải thể. Những ai muốn về nước sau kỳ hạn này sẽ phải tự trả tiền cho chuyến đi của mình. Tuy vậy, lính thợ Việt Nam tại Pháp vẫn nỗ lực duy trì phong trào đấu tranh yêu nước hướng về Tổ quốc của mình. Nhưng do những khó khăn ở cả 2 bình diện chủ quan và khách quan, phong trào giai đoạn này có giảm sút so với giai đoạn 1946 - 1947. Đến tháng 6/1950, chỉ còn khoảng gần 20% lính thợ so với số lượng tuyển mộ vào năm 1939 (hơn 2000) ở lại Pháp, mà phần lớn trong số họ đã xây dựng gia đình với phụ nữ Pháp [95, tr.189].

Mặc dù có người trở về Tổ quốc, có người tiếp tục ở lại nước Pháp nhưng từ trong sâu thẳm trái tim mỗi người lính thợ Việt Nam, họ đều luôn luôn ủng hộ cuộc kháng chiến gian khổ mà đồng bào mình đang tiến hành ở quê nhà để bảo vệ độc lập, tự do cho dân tộc. Phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam ở Pháp dần chuyển sang một giai đoạn mới – giai đoạn mà nòng cốt là những người trí thức.

### **3.2.3. Hoạt động yêu nước của trí thức và các thành phần khác trong cộng đồng người Việt nam ở Pháp**

#### **3.2.3.1. Sự biến động về thành phần trong cộng đồng người Việt Nam ở Pháp**

Trước năm 1948, tỷ lệ lính thợ và lính chiến chiếm số đông trong cộng đồng người Việt Nam ở Pháp (Khoảng 90%). Khoảng 10% còn lại là trí thức và lao động, thủ y, thương gia [90, tr.5].

Trong ghi chép của Bộ Ngoại giao Pháp về báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về người Đông Dương ở Pháp với Đảng Cộng sản Pháp thông qua ông Raymond Aubrac thì “*Hầu hết trong số 25.000 người Đông Dương cư trú tại Pháp là công nhân. Hơn 20.000 người trong số họ đã đến Pháp trong chiến tranh. Sau khi đình chiến, họ không thể xuất ngũ và hồi hương. Họ đã được gửi đi trong các trại lao động và một số trong số họ đã được giữ dưới cờ. Số lượng trí thức Đông Dương khoảng một ngàn*” [33].

Bắt đầu vào năm 1948, khi Chính quyền Pháp đẩy nhanh nhịp độ cho hồi hương đối với lính thợ Việt Nam tại Pháp thì tỷ lệ thành phần trong cộng đồng người Việt Nam ở Pháp bắt đầu có sự thay đổi rõ nét.

Như đã phân tích ở trên, tính đến giữa năm 1950, lính thợ Việt Nam tại Pháp chỉ còn khoảng hơn 2000 người. Sự suy giảm về số lượng kéo theo đó là sự lu mờ dần về vai trò của bộ phận lính thợ Việt Nam đối với phong trào yêu nước của Việt kiều tại Pháp.

Nước pháp bị thiệt hại rất lớn sau chiến tranh, và: “*Để bù đắp những mất mát vì chiến tranh và sự yếu kém truyền thống về khả năng sinh đẻ của dân chúng sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Pháp lại kêu gọi phong trào nhập cư của nước ngoài nhằm phục hồi kinh tế*” [73, tr. 121].

Tuy vậy, Chính phủ Pháp vẫn rất hạn chế đưa người Việt Nam sang Pháp. Phần lớn những đợt tổng động viên chỉ nhằm vào việc tuyển mộ lính chiến hay lính thợ để phục vụ cho chiến tranh. Vì vậy, trước Cách mạng Tháng tám 1945, học sinh, sinh viên Việt Nam ở Pháp chiếm một tỷ lệ nhỏ trong cộng đồng Việt kiều. Tình hình trên đã thay đổi bắt đầu từ năm 1947 trở đi.

Ngày 19/12/1946, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trong phạm vi toàn quốc bắt đầu. Hưởng ứng *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cả dân tộc Việt Nam nhất tề đứng dậy thực hiện cuộc chiến tranh vệ quốc. Uy tín của những người Cộng sản ở Việt Nam ngày càng được nâng cao. Đó là điều thực dân Pháp không hề mong muốn, đặc biệt là khi họ đang âm mưu tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam và thực hiện chiến lược chia rẽ quần chúng với cách mạng. Theo họ, những người có học thức là đối tượng cần chia rẽ đầu tiên. Với thủ đoạn tinh vi, họ thực hiện bằng 2 cách:

Thứ nhất, Chính phủ Pháp đồng ý cho học sinh Việt Nam được vào học tại một số trường học của Pháp, những trường mà trước đây chỉ dành cho con em người Pháp. Dĩ nhiên, để có thể vào học ở những ngôi trường đó, học sinh Việt Nam phải trải qua một kỳ thi rất gắt gao và phải có điểm cao mới đậu. Hai ngôi trường Chasseloup Laubat ở Sài Gòn và Albert Sarraut tại Hà Nội là những trường như vậy. Đây được coi là chính sách của Chính phủ Pháp nhằm xoa dịu phong trào ủng hộ kháng chiến của nhân dân Việt Nam thời điểm đó.

Thứ hai: Chính phủ Pháp khuyến khích thanh niên Việt Nam sang Pháp để học tập. Họ sợ rằng, nếu những thanh niên này tiếp tục ở Việt Nam thì chắc chắn sẽ bị lôi cuốn theo tiếng gọi của Cộng sản, trở thành nòng cốt của cuộc kháng chiến chống lại họ.

Đó là lý do việc học sinh, sinh viên Việt Nam muốn sang Pháp du học lúc này trở nên dễ dàng hơn.

Trong cuốn hồi ký “*Những năm tháng không quên*”, bà Mai Thị Trinh, một cựu Việt kiều Pháp, người trực tiếp tham gia vào phong trào học sinh, sinh viên Việt Nam yêu nước ở Pháp, nhớ lại:

*“Đạo đó việc xin đi du học thật dễ dàng, chỉ cần có người đang ở bên Pháp chứng nhận sẽ lo chỗ ở (certificat d’hébergement), sau đó làm đơn, mua vé tàu, đóng thêm khoản tiền thế chân tương đương với tiền vé tàu hạng chót để phòng hồ trường hợp bị trục xuất về nước. Sau này khi tham gia hoạt động phong trào ở Pháp, tôi mới biết đây là một chủ trương của Nhà nước Pháp vì sợ thanh niên Việt Nam đi vào vùng kháng chiến nên mới cấp phép cho đi học dễ dàng... Tuy được phép đi dễ dàng nhưng cũng phải tốn kém, một số gia đình khó khăn phải xoay sở mới đủ tiền cho con cái đi học”* [127, tr.27- 28].

Bác sĩ Nguyễn Ngọc Hà<sup>5</sup>, cũng là một cựu Việt kiều tại Pháp, có kể lại trong một số bài viết: Ông bị chính quyền thực dân Pháp bắt cùng với một số bạn bè từ những năm 1947- 1948 vì nhóm này đã ném lựu đạn ở sân trường Chasseloup (Sài Gòn). Gia đình ông vốn giàu có, nên mẹ ông đã phải lo lót hàng ký lô vàng, thực dân Pháp mới thả ông ra, nhưng với điều kiện gia đình phải lo cho ông rời Việt Nam sang Pháp học. Cùng trường hợp bác sĩ Nguyễn Ngọc Hà, ông Đỗ Đại Phước (người sau này giữ chức Chủ tịch Ban Chấp hành lâm thời của *Tổng hội sinh viên Việt Nam tại Pháp*) khi còn ở Sài Gòn cũng bị thực dân Pháp bắt giam vì “tội” hăng hái tham gia đấu tranh chống thực dân Pháp. Với sự lo lót của gia đình, thực dân Pháp chấp nhận thả nhưng cũng với điều kiện gia đình phải thu xếp để ông sang Pháp. Đã có không ít những trường hợp tương tự như vậy diễn ra. Nhìn chung vào thời kỳ này, việc sang Pháp gần như trở thành bắt buộc đối với những học sinh, sinh viên có “*thành tích bất hảo*” muốn tránh khỏi con đường tù tội.

Việc sang Pháp vào những năm sau Cách mạng Tháng tám có dễ dàng hơn đối với những người ở Nam Bộ. Đây là khu vực thực dân Pháp quản lý sau ngày họ chiếm Sài Gòn. Còn ở Bắc Kỳ, việc sang Pháp vẫn khó khăn. Điều này giải thích vì sao học sinh, sinh viên Việt Nam sang Pháp vào thời kỳ đó chủ yếu là người Nam Bộ. Vẫn theo bà Mai Thị Trinh: “*Thời kỳ này, học sinh Nam Bộ đi học ở Pháp rất đông. Các anh em này tham gia phong trào Việt kiều yêu nước trong suốt thời gian chống Pháp rồi chống Mỹ, trong số đó có rất đông những người xuất thân là con nhà giàu*” [127, tr. 28].

Đến nay chưa có tài liệu nào thống kê một cách cụ thể và chính xác số lượng học sinh, sinh viên Việt Nam sang Pháp vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Bác sĩ Trần Ngọc Mạnh<sup>6</sup>, sang Pháp năm 1948 cho

5 Bác sĩ Nguyễn Ngọc Hà: Cựu kiều bào Pháp, Nguyên Phó trưởng ban Việt kiều Trung ương, Tổng thư ký Hội Liên hiệp Việt kiều tại Pháp (1969 – 1975).

6 Bác sĩ Trần Ngọc Mạnh: Cựu Việt kiều Pháp, hiện đang sinh sống tại Đà Nẵng.

biết, trong 2 năm 1948 và 1949, cứ mỗi năm, có khoảng từ 8 đến 10 chuyến tàu của Pháp đưa người Việt Nam từ Bến cảng Nhà Rồng, qua Vũng Tàu rồi tới cảng Marseille. Mỗi chuyến tàu đó có khoảng 200 đến 300 người Việt Nam mà chủ yếu là học sinh, sinh viên.

Như vậy, tác giả có thể đưa ra nhận định: Với sự giảm sút về số lượng của bộ phận lính thợ và việc có mặt ở Pháp ngày càng đông sẽ khiến cho giới học sinh, sinh viên Việt Nam dần chiếm tỷ lệ cao trong cộng đồng người Việt tại Pháp. Họ có mặt ở hầu hết những thành phố lớn của Pháp: Paris, Bordeaux, Toulouse, Grenoble, Montpellier, Aix-en-Provence. Điều này giúp cho thành phần trí thức Việt Nam tại Pháp cũng ngày một gia tăng về số lượng. Với thực tế đó, vai trò của bộ phận trí thức Việt Nam đối với phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp sẽ ngày một rõ nét hơn.

### 3.2.3.2. Một số tổ chức của các thành phần trong cộng đồng người Việt Nam ở Pháp

Vào giai đoạn 1946 – 1950, người Việt Nam ở Pháp có nhiều sự biến động về mặt thành phần xã hội. Từ cuối năm 1948, đa phần lính thợ được nhà cầm quyền Pháp cho hồi hương. Cùng lúc đó, học sinh, sinh viên Việt Nam có mặt ngày càng đông tại Pháp. Lực lượng này cùng với đội ngũ trí thức Việt Nam đã ở Pháp từ trước tạo nên một số lượng đông đảo trí thức Việt Nam tại đây. Với số lượng đông đảo ấy, nhiều tổ chức đại diện cho họ cũng xuất hiện.

Đây cũng là giai đoạn mà sự thống nhất về mặt tổ chức của phong trào Việt kiều yêu nước tại Pháp đã không còn được đảm bảo như trước. Nguyên nhân chính là do *Hiệp định Sơ bộ* (6/3/1946) và *Tạm ước* (14/9/1946). Hai bản Hiệp định này là những nỗ lực của Chính phủ VNDCCH trong việc tìm giải pháp hòa hoãn với Chính phủ Pháp. Tuy nhiên, một số điều khoản nhượng bộ trong đó đã khiến Việt kiều tại Pháp có những quan điểm khác nhau. Sự khác biệt về quan điểm ấy khiến phong trào bắt đầu chia thành hai bộ phận. Một bộ phận thông cảm và ủng hộ, một bộ phận không thực sự tán thành sách lược ngoại giao của Chính phủ VNDCCH.

Khi sự chia rẽ diễn ra, *Việt kiều Liên minh* đã không còn giữ được khả năng thống nhất của mình nữa. Ngày 6/5/1946, *Việt kiều Liên minh* chấm dứt hoạt động của mình. Lúc này, Phái đoàn Chính phủ VNDCCH sang Pháp để đàm phán tại Hội nghị Fontainebleau nhận nhiệm vụ thay mặt cho toàn thể Việt kiều tại Pháp. Để hỗ trợ cho công việc của Phái đoàn đàm phán, mỗi giới Việt kiều cử ra một Ban Trách nhiệm. Các Ban Trách nhiệm này lấy tên là *Việt kiều Liên hiệp*.

Trong tình hình ấy, các tổ chức đại diện cho những quan điểm ủng hộ hoặc không ủng hộ sách lược ngoại giao của Chính phủ VNDCCH lần lượt ra đời.

Một trong những tổ chức tiêu biểu của Việt kiều Pháp lúc này là *Hội Ái hữu*. *Hội Ái hữu* được thành lập vào khoảng trước năm 1930 và tiếp tục tồn tại, hoạt động cho đến giai đoạn này. Tổ chức này bao gồm nhiều thành phần Việt kiều tại Pháp. Nói chung, *Hội Ái hữu* mang tính chất tương thân, tương ái giữa những người đồng hương, đồng cảnh.

Trong quá trình hoạt động, *Hội Ái hữu* có nhiều biến động và thay đổi. Đã có lúc Hội phải tuyên bố giải tán khi Chính phủ Pháp áp dụng chính sách đối nội của Chính quyền Daladier<sup>7</sup> (tháng 8/1939). Sau ngày Pháp đầu hàng Đức, một số trí thức ở Paris xin thành lập lại *Ái hữu*. *Hội Ái hữu* lúc này tái thành lập nhằm mục đích vừa tụ họp Việt kiều vào những dịp lễ tết, vừa xin quyền lợi xã hội cho các hội viên. *Hội Ái hữu* lúc này có xu hướng thân Bộ Thuộc địa Pháp.

Tuy nhiên, xu hướng thân Bộ Thuộc địa Pháp của *Hội Ái hữu* dần dần không còn chiếm ưu thế khi số hội viên của Hội tăng lên và những người theo quan điểm không thân Bộ Thuộc địa cũng xuất hiện ngày càng nhiều. *Hội Ái hữu* vì thế bắt đầu phân hóa. Khi lực lượng ngả theo quan điểm không thân Bộ Thuộc địa chiếm ưu thế, ngày 11/3/1945, *Ban Trị sự Ái hữu* mới cũng ra đời với 9 thành viên trong Ban lãnh đạo. Hội trưởng là Lê Tấn Vĩnh [94, Tr.35].

Mặc dù có những biến động trong quá trình hoạt động nhưng xét về bản chất, *Hội Ái hữu* vẫn là 1 tổ chức mang tính chất phường hội, mục tiêu chủ yếu vẫn là liên lạc giữa những người đồng hương, đồng cảnh, không có bất kỳ tính chất chính trị nào.

Việt kiều thời gian này có một tổ chức được gọi là *Văn hóa liên hiệp*. Trong đó, ông Phạm Huy Thông phụ trách chung, ông Trần Thanh Xuân phụ trách bên Đảng và phong trào của học sinh, sinh viên Việt Nam tại Pháp.

*Văn hóa Liên hiệp* được thành lập vào ngày 5/2/1948. Ban đầu, *Văn hóa Liên hiệp* chỉ là một tổ chức thiên về các hoạt động trên lĩnh vực văn hóa của một số trí thức Việt kiều tại Paris. Trong bản Tuyên ngôn của tổ chức này có ghi rõ :

“ *Vì hiểu rằng văn hóa muốn nảy nở cần độc lập và độc lập muốn vững vàng cần văn hóa...*

*Cho nên các nhà văn hóa Việt Nam tại Pháp, thuộc khắp các giới, thuộc khắp các khuynh hướng chính trị, tôn giáo, tinh thần, tề tựu trong một tổ chức chung lấy tên là VĂN HÓA LIÊN HIỆP, để bảo vệ quyền lợi nước Việt Nam, Văn hóa Liên hiệp siết chặt hàng ngũ dưới một khẩu hiệu chung, khẩu hiệu độc nhất:*

*Ứng hộ triệt để phong trào kháng chiến, do Chính phủ Hồ Chí Minh lãnh đạo, để tranh thủ:*

- *Độc lập*
- *Chính thể Cộng hòa.*
- *Nguyên tắc bình dân...* ” [94, tr.226].

Bà Mai Thị Trinh<sup>8</sup> cho biết, *Văn hóa liên hiệp* là một hội tập hợp mà phần lớn là những trí thức có bằng cấp. *Văn hóa liên hiệp* có một văn phòng để in báo và nhận thư từ, có quán cơm và có hai địa điểm để tập hợp các thành viên. Nơi đây thường xuyên có những cuộc gặp chung để phổ biến, trao đổi tình hình. Những ngày lễ lớn như Tết Nguyên đán hay Lễ Độc lập (2/9) luôn có những cuộc biểu dương lực lượng

7 Để chuẩn bị tham chiến trong Chiến tranh Thế giới thứ 2, ngày 27/8/1939, Chính phủ Edouard Daladier ban hành Nghị định đóng cửa 159 tòa báo có khuynh hướng tả. Chính sách của Chính phủ này còn chĩa mũi nhọn vào những tổ chức có khuynh hướng cộng sản.

8 Bà Mai Thị Trinh: Cựu kiều bào Pháp.

nhân danh tổ chức Pháp hoặc Phong trào hòa bình. Những buổi như vậy có huy động Việt kiều rất đông và cả những người Pháp tiến bộ tới dự. Ngoài nội dung chính trị, có cả văn nghệ do anh em công nhân và sinh viên trình diễn. Điều ý nghĩa nhất là đã tổ chức thành công được những cuộc biểu dương lực lượng, tỏ rõ thái độ ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh ở ngay tại Thủ đô nước Pháp [**Xem phụ lục 2**].

Trong Tuyên ngôn của mình, *Văn hóa Liên hiệp* tuyên bố chỉ hoạt động chủ yếu trên lĩnh vực văn hóa, tuy nhiên, quá trình hoạt động đã cho thấy sự phát triển của cơ quan này trở thành một tổ chức chính trị thực sự của người Việt tại Pháp lúc này.

Chủ trương đại đoàn kết của Đảng Cộng sản Đông Dương trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã được cụ thể hóa bằng sự ra đời của *Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (Liên Việt)* (27/5/1946). *Hội Liên Việt* đã thừa nhận *Văn hóa Liên hiệp* là một thành viên của mình và giao cho tổ chức này một nhiệm vụ: “*Chúng tôi trân trọng giao Văn hóa Liên hiệp một nhiệm vụ mở rộng phạm vi hoạt động, tuyên truyền cho tôn chỉ đại đoàn kết, và triệu tập hội nghị đại biểu các giới đồng bào và các đoàn thể yêu nước, để thành lập Chi hội Liên Việt tại Pháp*” [50, tr.235].

Ngày 15/7/1949, *Phái đoàn thường trực đại diện Chính phủ VNDCCH tại Pháp* ra thông cáo:

“*Hiện giờ ở trong nước, sự đoàn kết dân tộc ngày càng khăng khít. Hội Liên hiệp Quốc dân đã gồm mười triệu hội viên. Vậy kiều bào hải ngoại cũng phải noi gương đoàn kết ấy:*

1. *Chỗ nào chỉ có Công binh thì lập chi nhánh Liên Việt Công binh,*
2. *Chỗ nào chỉ có kiều bào thì lập chi nhánh chung với kiều bào,*
3. *Vô cá nhân hoặc đoàn thể*” [94, tr.236]

Với trách nhiệm mà cách mạng trong nước giao phó cùng sự giúp đỡ của *Phái đoàn thường trực đại diện Chính phủ VNDCCH tại Pháp*, đến tháng 7/1949, *Văn hóa Liên hiệp* đã cử ra một *Ban Vận động* cho sự thành lập *Chi hội Liên Việt tại Pháp*. *Ban Vận động* này gồm 5 thành viên thường trực: Phạm Huy Thông, Phan Võ, Đỗ Đại Phước, Nguyễn Trọng Đắc, Phạm Ngọc Thuần cùng 17 thành viên sáng lập khác.

Trong *Lời kêu gọi* của *Ban Vận động Liên Việt* có nói rõ:

“*Để thúc đẩy chiến thắng mau tới, hai mặt trận chống xâm lăng, Việt Minh và Liên Việt đã thống nhất. Mười một triệu dân Việt Nam đã sắp hàng ngũ trong Mặt trận Liên Việt mới rộng...*

*Đoàn kết chúng ta đã thực hiện. Nhưng ngày nay, theo gương của đồng bào kháng chiến, theo gương của Hội Liên Việt, chúng ta quyết đoàn kết mạnh hơn nữa...*

*Việt kiều tại Pháp nhất định phải thành lập Chi hội Liên Việt tại Pháp.*” [94, tr.235].

Sau 6 tháng tuyên truyền vận động, *Ban Vận động Liên Việt* đã tổ chức được Hội nghị trong 3 ngày từ 17 đến 19/12/1949 tại *Hội quán Ái Hữu* tại Paris để thành lập *Chi hội Liên Việt tại Pháp*.

Trong những năm 1947- 1949, một loạt các tổ chức của học sinh, sinh viên, thức và các thành phần xã hội khác của người Việt Nam tại Pháp ra đời:

Tổ chức *Việt kiều Cứu quốc* ra đời vào khoảng giữa năm 1947. Tiền thân của tổ chức này là nhóm *Đoàn Trí thức Dân chủ* do Phan Nhuận khởi xướng. Tuy nhiên, *Đoàn Trí thức Dân chủ* với quy mô nhỏ không quy tụ được số đông trí thức Việt Nam ở Pháp lúc bấy giờ. Tại Việt Nam lúc này phong trào *Cứu quốc* đang diễn ra mạnh mẽ, thông qua *Việt Nam Lao động Liên đoàn*, Phan Nhuận và Huỳnh Ngọc Châu đã thành lập ở Paris một ban *Việt kiều Cứu quốc* và lấy báo *Lao động Thủy thủ* làm cơ quan ngôn luận chính.

*Nhóm Việt Ngữ*. Nhóm này có thể ra đời vào khoảng cuối năm 1947 đầu năm 1948. Đây là nhóm của những người Cộng sản Việt Nam là Đảng viên Đảng Cộng sản Pháp. Họ tự thành lập ra nhóm riêng để hoạt động. Nhưng *Nhóm Việt Ngữ* vẫn trực thuộc Đảng Cộng sản Pháp dưới sự phụ trách của kỹ sư Trần Thanh Xuân.

- Ở Bordeaux có một tổ chức đáng lưu ý. Tổ chức này ra đời trước *Tổng hội sinh viên*. Đó là *Liên đoàn trí thức* do Lê Văn Thới và Lê Văn Thả lãnh đạo. Phong trào trí thức do *Liên đoàn trí thức* khởi xướng ở Bordeaux ban đầu thậm chí còn độc lập với phong trào của *Văn hóa liên hiệp*. Sau khi *Tổng hội sinh viên* ra đời, *Liên đoàn trí thức* có đề nghị liên minh hoạt động nhưng vẫn giữ *Liên đoàn trí thức* tồn tại một cách tương đối độc lập.

Tháng 6/1947, tổ chức *Công và Chiến binh ngoại ngạch* được thành lập. Đây là tổ chức của những người Việt Nam trước đây là lính thợ hoặc lính chiến trong quân đội Pháp nhưng nay đã mãn hạn lính, ra ngoài để học nghề hoặc làm ăn. Người đứng đầu nhóm này là Lê Mua. Trụ sở của Hội đặt tại số 6 đường Gregoire, Paris. Cơ quan ngôn luận là tờ *Hiệu triệu*.

- *Công đoàn* sau đổi thành *Công nhân tương trợ*. Ban trị sự có: Phan Võ, Nguyễn Đức Trang, Hà Huy Linh, Nguyễn Hân...

- *Lao động thủy thủ* sau đổi thành *Phụ lão binh dân*. Ban Chấp hành gồm: Trần Phong, Trần Văn Mạc, Nguyễn Văn Ty, Đào Nguyên Định...

- *Phụ nữ liên đoàn*. Ban cán sự gồm: Phương Tiếp, Hoàng Thị Tịnh, Trần Thị Cẩm...

- *Công thương gia* sau đổi thành *Hội thương gia*, có Phùng Công Khải, Đào Khiết...

Bước vào năm 1948, học sinh, sinh viên Việt Nam có mặt ở nước Pháp ngày càng đông. Trước yêu cầu phát triển của phong trào, cần phải cho ra đời một tổ chức của học sinh, sinh viên Việt Nam ở Pháp. Tổ chức này trước hết phải đại diện cho quyền lợi của anh em học sinh, sinh viên, đồng thời phải là tổ chức yêu nước và ủng hộ cuộc kháng chiến của dân tộc. Lúc này, *Phái đoàn đại diện Chính phủ VNDCCH tại Pháp* chưa bị giải tán, chủ trương của *Phái đoàn* là học sinh, sinh viên Việt Nam tại Pháp cần đóng vai trò tiên phong trong phong trào yêu nước của Việt kiều. Có 2 lý do giải thích cho chủ trương này:

Thứ nhất, học sinh, sinh viên Việt Nam sang Pháp ngày càng đông.

Thứ hai, đây là lực lượng trẻ, năng động, nhiệt tình lại có văn hóa nên ý thức về vận mệnh dân tộc sâu sắc và khát vọng đất nước được độc lập rất cao.



Việc thành lập một tổ chức của học sinh, sinh viên Việt Nam tại Pháp vì thế cần thiết hơn bao giờ hết. Ông Trần Ngọc Danh giao nhiệm vụ này cho 3 người: Đỗ Đại Phước, Nguyễn Thị Bình (con gái nhà yêu nước Nguyễn An Ninh) và Nguyễn Ngọc Hà.

Theo tư liệu phỏng vấn các nhân chứng lịch sử là các cựu kiều báo ở Pháp, tác giả phác họa lại sự ra đời của Tổng hội sinh viên Việt Nam tại Pháp như sau:

Những tháng cuối năm 1948, *Ban Vận động* (hay còn gọi là *Ban Chấp hành lâm thời*) rộng rãi ra mắt, chuẩn bị ráo riết thành lập *Tổng hội sinh viên Việt Nam* tại Pháp. Trong đó, Đỗ Đại Phước làm trưởng ban, Lương Phán và Phan Văn Hiệp là phó trưởng ban. Tháng 5 năm 1949, *Tổng Hội sinh viên* tiến hành Đại hội sinh viên Việt Nam toàn nước Pháp để bầu Ban Chấp hành. Đại hội được tổ chức tại phòng lớn nhà Mutualité, Paris, quận 5 gồm đại biểu các nơi như: Paris, Bordeaux, Toulouse, Montpellier, Aix- en- Provence, Lyon, Marseille, Grenoble... Đỗ Đại Phước, Lương Phán và Phan Văn Hiệp đều xin rút vì có nhiệm vụ khác. Võ Thế Quang (sau này ông là Viện trưởng *Viện Răng hàm mặt* từ 1984 đến 1990) được bầu làm Chủ tịch, Huỳnh Trung Đồng (về sau là Chủ tịch *Hội Liên hiệp Việt kiều ở Pháp*) làm Phó Chủ tịch, các Ủy viên thường trực gồm: Ngô Hải Thái, Lâm Văn Sĩ, Châu Long, Mai Thị Trinh. Đây là Ban Chấp hành của *Tổng Hội sinh viên Việt Nam* toàn nước Pháp. *Tổng Hội sinh viên* đặt tại Paris và cũng trực tiếp lãnh đạo phong trào yêu nước của học sinh, sinh viên Việt Nam tại đây. Ở mỗi địa phương có một phân bộ của *Tổng Hội* để trực tiếp chỉ đạo phong trào ở đó. Mỗi phân bộ lại có một Ban chấp hành riêng. Mỗi Chủ tịch của Ban chấp hành từng phân bộ lại là Phó Chủ tịch không thường trực của Ban Chấp hành *Tổng Hội*. Sự ra đời của *Tổng hội sinh viên Việt Nam* tại Pháp đánh dấu một bước tiến mới trong phong trào yêu nước của học sinh, sinh viên Việt Nam và cộng đồng người Việt Nam tại Pháp.

*Tổng hội sinh viên Việt Nam* là một tập hợp khá đông và có nhiều thành phần. Có nhóm là Đảng viên cộng sản, nhóm không cộng sản, nhóm theo đảng phái khác. Vì vậy trong các cuộc họp bàn thảo công việc cũng có nhiều ý kiến khác nhau dẫn đến tranh cãi có khi trở nên gay gắt. Với cương vị Chủ tịch, khi điều khiển hội nghị, Võ Thế Quang luôn bình tĩnh lắng nghe, rồi phân tích rõ ràng, bổ sung những khía cạnh ngộ nhận, không chính xác trong các ý kiến rồi đi đến kết luận vì lợi ích chung nên thường được mọi người đồng ý và không còn tranh cãi.

Nhiệm vụ cụ thể của hội viên trong *Tổng hội Sinh viên Việt Nam* toàn nước Pháp là đi rải truyền đơn, dán truyền đơn nơi đông người, đặc biệt là nơi nhà ăn của sinh viên. Hội cũng thường tổ chức đi cắm trại ở ngoại thành. Tết nào cũng tổ chức diễn những vở kịch lịch sử: Hội nghị Diên Hồng, Lục Vân Tiên, Mẫu Đơn Tiên, Tây Thi... và hát những bài cách mạng nhằm giáo dục thanh niên tinh thần yêu quê hương đất nước [Tư liệu phỏng vấn bà Mai Thị Trinh, Phụ lục 2].

Vào đầu năm 1944, ở Paris có xuất hiện *Nhóm Bôn-sê-vích – Lêninnít*. Đây là nhóm cộng sản nhưng theo khuynh hướng tả (hay còn gọi là trốt – kýt). Bước vào năm 1946, *Nhóm Bôn-sê-vích – Lêninnít* ngày càng phát triển mạnh. Nhu cầu nâng

cấp từ một nhóm trở thành một đảng bắt đầu được đặt ra. Theo đó, ngày 30/6/1947, cuộc hội đàm mang tên: “ *Hội nghị toàn xứ lần thứ nhất của nhóm Cộng sản quốc tế Phân bộ Việt Nam tại Pháp* ” đã diễn ra. Theo đó, *Nhóm Trót – kít Việt Nam* đã ra đời như một sự chuẩn bị cho sự thành lập một đảng theo xu hướng này của người Việt Nam tại Pháp. Hội nghị này đã thông qua *Bản Tuyên ngôn* ra đời *Nhóm Trót – kít Việt Nam*. *Bản Tuyên ngôn* ghi rõ:

“ ... Chúng tôi kêu gọi anh em thợ thuyền Việt Nam tại Pháp, anh em vô sản Pháp cùng hết thảy quần chúng cần lao ở Bắc Phi Châu và Xích đạo Phi Châu cùng ở khắp các thuộc địa, chúng tôi hiệu triệu anh em tranh đấu quyết liệt để bắt đế quốc Pháp phải đình chiến, phải kéo quân chiếm cứ ra khỏi Việt Nam và phải công nhận nền hoàn toàn độc lập của Việt Nam ” [94, tr.193].

Căn cứ vào việc nghiên cứu các tư liệu có được về tình hình các tổ chức của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn 1946 – 1950, tác giả đưa ra nhận định:

Thứ nhất, các tổ chức của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn này tiếp tục nhiều về số lượng. Có thể thấy rằng, mỗi thành phần, mỗi giới đều có tổ chức đại diện cho mình. Tuy nhiên, chưa có một tổ chức nào có khả năng đại diện cho quyền lợi của toàn thể người Việt Nam tại Pháp. Bởi vậy, tính thống nhất về mặt tổ chức của Việt kiều giai đoạn này không được thể hiện như giai đoạn 1944 - 1946 - giai đoạn có *Tổng ủy Ban đại diện Avignon* (sau là *Việt kiều Liên minh*).

Thứ hai, những tổ chức mới ra đời trong giai đoạn này có tính chất chính trị rõ rệt hơn so với các tổ chức ra đời ở giai đoạn trước.

Thứ ba, các xu hướng chính trị khác nhau cũng xuất hiện nhiều trong các tổ chức mới ra đời của Việt kiều. Đây là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự thiếu thống nhất trong phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp. Tuy nhiên, dù các khuynh hướng chính trị có khác nhau nhưng có thể nói, tất cả đều gặp nhau ở một điểm chung: quyền lợi dân tộc.

3.2.3.3. *Hoạt động yêu nước của giới trí thức và học sinh, sinh viên Việt Nam tại Pháp.*

**\* *Hoạt động phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp***

Những hành động thể hiện sự thiếu tôn trọng đối với *Hiệp định Sơ bộ* (6/3/1946) và *Tạm ước* (14/9/1946) của Chính phủ Pháp đã khiến cuộc chiến tranh không thể tránh khỏi. Hành vi xâm lược của thực dân Pháp đã vấp phải sự phản đối quyết liệt từ phía cộng đồng người Việt Nam ở Pháp.

Tháng 12/1946, *Việt kiều Liên hiệp* phát hành một truyền đơn có nhan đề: “*Hỡi lao động Pháp hãy cấp cứu Đông Dương*”. Bản truyền đơn đã vạch trần sự phi nghĩa của cuộc chiến xâm lược mà thực dân Pháp phát động đối với nhân dân Việt Nam. Thông qua đó, truyền đơn kêu gọi nhân dân lao động Pháp hãy có quan điểm đúng đắn đối với cuộc chiến mà chính phủ của họ đang theo đuổi và đấu tranh đối chám dứt cuộc chiến ấy:

“... Đã đến lúc giai cấp công nhân Pháp phải làm gì để ngăn chặn cuộc chiến tranh bản thù này...”

*Hỡi nhân dân lao động Pháp, sự nghiệp của chúng tôi cũng là sự nghiệp của các bạn! Vũ khí chống lại Việt Nam sẽ quay lại nhằm vào chính các bạn.*

*Hãy ra các nghị quyết trong các nghiệp đoàn của các bạn đòi chấm dứt ngay cuộc chiến tranh đế quốc này!”* [94, tr.412].

Trước đó, ngày 6/12/1946, Nhóm Đệ tứ Quốc tế Việt Nam cũng ra hai truyền đơn có nhan đề: “*Hỡi lao động Pháp*” và “*Phải đình chỉ gửi quân thuộc địa sang Đông Dương*”. Hai bản truyền đơn này đều được viết bằng cả tiếng Pháp và tiếng Việt:

“*Cùng các bạn,*

*...Tại các nghiệp đoàn, các chi đoàn của các bạn, bạn là Xã hội, bạn là Cộng sản, bạn hãy cùng biểu quyết đòi:*

*- Đình chiến ngay!*

*- Thái bỏ D'Argenlieu!*

*- Đình chỉ việc gửi viện binh sang Đông Dương!*

*- Rút hết quân chiếm cứ về...”* [94, tr.415].

Sau truyền đơn của *Nhóm Cộng sản Đệ tứ Quốc tế Việt Nam*, một cuộc mít tinh của Việt kiều cùng lao động Pháp, kiều dân Ả Rập đã diễn ra tại Paris. Cuộc mít tinh đã bị nhà cầm quyền Pháp ngăn cấm nhưng vẫn diễn ra. Tờ Thông tin của *Nhóm Cộng sản Đệ tứ Quốc tế Việt Nam* ra ngày 11/12/1946 đã tường thuật lại diễn biến:

“*Đảng Cộng sản Đệ tứ Quốc tế Pháp và Nhóm Đệ tứ Quốc tế Việt Nam tại Pháp đã dán yết thị và truyền đơn khắp thành phố Paris để hiệu triệu quần chúng vô sản Pháp ủng hộ cho cuộc tranh thủ độc lập của dân Việt Nam và kêu gọi quần chúng Pháp đến dự cuộc mít tinh tổ chức hôm 6/12/1946 tại Salle Wagram. Bảy giờ tối hôm ấy lính cảnh sát đã đến bao vây hết cả đường lối chung quanh nhà Wagram. Lúc tám giờ, các bạn lao động Pháp, Kiều dân Ả Rập và Việt kiều tấp nập kéo đến...*

*Lính cảnh sát dùng vũ lực đàn áp, gây đánh vào đầu, nắm tóc đập đầu xuống đất. Nhiều bạn bị thương. Gần 20 người bị bắt...”* [94, tr.417].

Sự ngăn chặn của Chính quyền Pháp đối với những hoạt động yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp ngày càng trở nên khốc liệt. Trong ghi chép của Bộ Quốc phòng Pháp, được đóng dấu “*Tuyệt mật*”, có tường thuật lại một cuộc biểu tình của người Việt Nam tại Pháp :

“*Ngày 25/12/1946, đã diễn ra các biểu tình của người Việt Nam. Mặc dù Bộ trưởng Bộ Nội vụ Pháp không cho phép nhưng các cuộc biểu tình đó vẫn diễn ra ở Bordeaux, Lyon, Grenoble và Belfort...*

*Mục đích của cuộc biểu tình là :*

*- Thu hút sự chú ý của nhân dân Pháp*

*- Chống lại sự xâm lược của quân đội Pháp ở Đông Dương...*

*Nhưng hai mục đích trên không đạt được mà gây được sự chú ý ở Marseille và Toulon...”* [36].

Ghi chép của Bộ Hải ngoại Pháp ngày 25/2/1947 đã khẳng định :

“- *Trần Ngọc Danh và Dương Bạch Mai bị coi là tội phạm.*

- *Những hoạt động của tổ chức (Phái đoàn thường trực Việt Nam ở Pháp) bị coi là không hợp pháp và rất nguy hiểm.*

*Vì vậy, cần ngăn chặn tổ chức này ” [37].*

Đầu năm 1948, ông Trần Ngọc Danh bị chính quyền Pháp bắt giữ và giam trong thời gian khoảng 2 tháng. Ngày 5/2/1948, trí thức Việt Nam tại Pháp tiến hành đại hội bầu ra Ban trị sự gồm có: ông Phạm Huy Thông (tổng thư ký), ông Trần Lê Quang (thư ký), bà Lê Thị Lựu (thủ quỹ) và ban cố vấn, trong đó có các ông: Nguyễn Ngọc Bích, Bửu Hội, Trần Đức Thảo, Trần Văn Trai, Hoàng Xuân Mãn, Hồ Vĩnh Thống, Nguyễn Văn Tung...

Đại hội ra Quyết nghị “*Phản đối việc bắt giam một cách độc đoán Trưởng phái đoàn đại diện Chính phủ Việt Nam; Tố cáo mối quan hệ giữa sự bắt giam ấy với chính sách thực dân của Chính phủ Pháp. Phản đối việc khủng bố công binh các trại đình công và tuyệt thực để chống việc trưởng phái đoàn Việt Nam bị bắt...”*”.

Ngày 3/2/1948, Nhóm cộng sản Trốt – ký Việt kiều phát tờ truyền đơn:

“ *Phải thả ông Trần Ngọc Danh!*

...

*Ông Trần Ngọc Danh bị Chính phủ phản động Pháp bắt giam, chúng tôi nhiệt liệt phản đối thủ đoạn đàn áp khốn nạn ấy và kêu gọi hết thầy anh chị em Việt kiều phải cương quyết để bênh vực ông Trần Ngọc Danh, đòi phải trả tự do lại cho ông Danh ngay” [94, tr.444].*

Cùng với phong trào Việt kiều, Đảng Cộng sản Pháp cũng đã có những hoạt động hỗ trợ tích cực: Ví như cho đăng nhiều bài trên báo Nhân Đạo tố cáo việc Chính phủ Pháp bắt người trái phép hay tổ chức những cuộc biểu tình phản đối đã góp phần không nhỏ vào thắng lợi của cuộc đấu tranh này. Cuối cùng, Chính phủ Pháp phải nhượng bộ trả tự do cho ông Trần Ngọc Danh.

Sau khi được trả tự do, ông Trần Ngọc Danh đã giải tán *Phái đoàn đại diện Việt Nam tại Pháp*. Được sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, ông trở về Việt Nam an toàn. Trách nhiệm lo việc tổ chức phong trào Việt kiều tại Pháp lúc này được trao cho ông Phạm Huy Thông và ông Trần Thanh Xuân, với nhiệm vụ phải đoàn kết hơn nữa các tổ chức Việt kiều tại pháp, nhằm đẩy mạnh phong trào đấu tranh góp một phần vào việc thúc đẩy cuộc kháng chiến mau tiến tới thắng lợi cuối cùng.

Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng khi ấy còn nằm trong khối Liên hiệp Pháp nên học sinh, sinh viên Việt Nam qua Pháp học tập được hưởng những quyền lợi giống sinh viên Pháp. Họ được ăn cơm ở quán cơm sinh viên do Nhà nước Pháp tài trợ với giá rẻ, được khám chữa bệnh miễn phí. Lo ngại duy nhất chỉ là chuyện nhà ở. Vì vậy, những người Việt Nam sang Pháp học lúc này không quá khó khăn về điều kiện sống. Nhìn chung, những chính sách tỏ ra tương đối “hào phóng” này của Chính phủ Pháp là một lí do nữa thu hút được nhiều thanh niên Việt Nam khi đó tới Pháp.

Có một thực tế đáng lưu ý, học sinh, sinh viên Việt Nam sang Pháp với nhiều mục đích, không phải ai cũng có cảm tình và ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ngay từ ban đầu, nhưng phần lớn trong số họ vẫn có tinh thần yêu nước. Mặc dù sinh sống và học tập tại chính quốc, nhưng những học sinh, sinh viên Việt Nam vẫn mang trên mình thân phận của người dân mất nước, đó là cơ sở để họ sớm giác ngộ về chủ nghĩa yêu nước chân chính. Điển hình là trường hợp của bác sĩ Nguyễn Khắc Viện. Ông sang Pháp từ năm 1937 với mục đích đơn thuần chỉ là học tập và làm công tác chuyên môn. Mãi đến năm 1947, sau khi giác ngộ Chủ nghĩa Mác- Lênin, ông mới quyết định gia nhập Đảng Cộng sản Pháp và tham gia phong trào yêu nước của Việt kiều Pháp nói chung và phong trào học sinh, sinh viên Việt Nam ở Pháp nói riêng. Những trường hợp tương tự như vậy đã có ảnh hưởng rất tốt cho phong trào yêu nước của Việt kiều Pháp và cho cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam.

Học sinh, sinh viên Việt Nam ở Pháp ngày càng chiếm tỷ lệ lớn trong cộng đồng người Việt Nam tại Pháp. Họ là những người có học thức, hiểu biết rộng, lại mang trong mình những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Hơn nữa, ám ảnh của nỗi nhục mất nước quá lớn nên rất cần có sự chỉ đường dẫn lối để phẩm chất đó được phát huy và đi theo tiếng gọi thiêng liêng của dân tộc. Tuy vậy, trong nội bộ cũng có sự phân hóa. Một bộ phận ủng hộ cuộc kháng chiến của dân tộc và Chủ tịch Hồ Chí Minh, một bộ phận không ủng hộ Chính phủ VNDCCH và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhưng ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc với khẩu hiệu “ Việt Nam độc lập muôn năm”. Hướng những học sinh, sinh viên Việt Nam mới sang Pháp vào con đường ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc, ủng hộ Chính phủ VNDCCH và Hồ Chí Minh là một nhiệm vụ rất cần thiết đối với những người Cộng sản Việt Nam tại đây.

Từ rất lâu, trong các phong trào đấu tranh xã hội, tuyên truyền là cách thức tạo hiệu quả cao mà truyền đơn là yếu tố vật chất của nó. Nhận thức được quy luật đó, Chính phủ Pháp đã có nhiều biện pháp để nghiêm cấm, họ bắt bớ, thậm chí bỏ tù, trục xuất về nước những ai tàng trữ và phát tán loại truyền đơn mang tính chất tổ cáo, phản đối chính sách hiếu chiến của họ.

Các nhân chứng lịch sử, nguyên là kiều bào và là những người trực tiếp tham gia công việc này, như: Bà Mai Thị Trinh; Bác sĩ Nguyễn Ngọc Hà; bác sĩ Dương Quang Trung cho biết, công việc này rất nguy hiểm, phải được làm bí mật, cẩn thận chỉ được phát tán vào buổi đêm: Cách thức là rải truyền đơn trên những con phố hoặc dán lên những bức tường trống. Những truyền đơn không thể hiện sự chống đối Chính phủ Pháp mà chỉ kêu gọi hòa bình, tự do, bình đẳng, bác ái chung chung thì pháp luật không cấm nên có thể được thực hiện vào ban ngày dưới nhiều hình thức. Học sinh, sinh viên Việt Nam thường thực hiện việc này ngay tại trường, lớp hoặc các ký túc xá của những trường mình đang theo học. Phát truyền đơn ở đây có nhiều cái lợi.

Thứ nhất, môi trường ở đây có tính dân chủ hơn so với các nơi khác;

Thứ hai, theo luật pháp, cảnh sát không được xâm nhập trường học nếu không có lệnh khám xét hoặc bắt người;

Thứ ba, tại các trường học và ký túc xá, có nhiều sinh viên đến từ các quốc gia, nhất là sinh viên các nước cũng là thuộc địa của Pháp, mà sinh viên các nước thuộc địa thường đồng cảm với nhau.

Để có hiệu quả, hình thức hoạt động tuyên truyền phải được củng cố và phát triển. Tuyên truyền là một hoạt động khó khăn, cần có những yếu tố: khả năng của người tuyên truyền; cách thức tuyên truyền phải phù hợp với từng đối tượng tuyên truyền; khả năng tổ chức; khả năng quản lý; nắm bắt tâm lý, tư tưởng của đám đông... Khó khăn lại còn ở chỗ, cộng đồng người Việt lại phải thực hiện việc tuyên truyền ở một đất nước mà Chính phủ của họ đang xâm lược Tổ quốc của mình. Để nhiệm vụ tuyên truyền có hiệu quả, phương pháp tuyên truyền phải hết sức khéo léo, cẩn trọng, phải tận dụng mọi cơ hội, mọi hình thức có thể vừa mềm dẻo về sách lược, vừa cứng rắn, kiên quyết về chiến lược để có hiệu quả cao nhất. Hỗ trợ cho việc này, Báo Nhân Đạo của Đảng Cộng sản Pháp thường xuyên có những bài đăng nói về chiến tranh ở Việt Nam. Đó là những bài báo tiến bộ, luôn thể hiện lập trường ủng hộ cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam. Học sinh, sinh viên Việt Nam có nhiệm vụ mua báo về đọc. Đọc xong phải tìm cách làm cho càng nhiều người khác được tiếp cận những bài viết đó càng tốt. Họ là những người rất sáng tạo, cứ đọc báo xong, họ giả vờ bỏ quên ở có những nơi đông người qua lại, như trường học; bến xe; ga tàu; bột điện thoại. Những người ngồi chờ, nhặt lên đọc tin tức, mặc dù không có ý định tìm hiểu về tình hình chiến sự ở Việt Nam. Cứ như vậy, dù ít hay nhiều cũng là cơ hội để tuyên truyền cho hoặc là người Pháp, hoặc là kiều bào cả Việt Nam và những nước khác.

Bằng nhiều cách khác nhau, hình thức rải truyền đơn của học sinh, sinh viên Việt Nam đã phát huy được tác dụng. Phong trào đã tác động đến nhân dân Pháp tiến bộ, đồng thời những sinh viên Pháp chân chính và sinh viên các nước thuộc địa của Pháp dần dần đã hiểu hơn, đồng tình và ủng hộ về chính trị cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam [Tư liệu phỏng vấn bà Mai Trị Trinh, bác sĩ Nguyễn Ngọc Hà, viện sĩ Dương Quang Trung, Phụ lục 2].

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nước Pháp gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Người dân Pháp đang tập trung vào nhiệm vụ tái thiết đất nước. Lúc này, Đảng Cộng sản Pháp đang có uy tín do vai trò tích cực và kiên trung nhất trong cuộc chiến đánh đuổi phát xít Đức, giải phóng dân tộc. ĐCS Pháp thường hay tổ chức những buổi nói chuyện thu hút nhiều người tới dự. Trong các buổi nói chuyện đó, các chủ đề về chính trị; kinh tế; văn hóa; xã hội... được lần lượt trình bày, rồi cuối cùng đều quay lại vấn đề lên án và chống chiến tranh xâm lược Việt Nam của nhà cầm quyền Pháp. Những diễn giả thuộc Đảng Cộng sản Pháp nói chuyện rất hay, theo đó lôi cuốn được nhiều học sinh, sinh viên Việt Nam, có nhiều người tranh thủ thời gian học tập đến mức tối đa, không cần Tổng hội phân công cũng đến dự nghe. Mỗi người nghe một chủ đề. Sau khi nghe được những quan điểm tích cực, sâu sắc và sát với thực tế cuộc chiến tranh Việt Nam, các hội viên dựa trên lập luận đó để đi tuyên truyền với bạn bè, người thân, hàng xóm... với mục đích càng nhiều người biết, hiểu và đồng tình càng tốt.

Ngày 9/1/1950, ở Sài Gòn xảy ra vụ việc của học sinh yêu nước Trần Văn Ôn<sup>9</sup> bị cảnh sát giết hại trong một cuộc biểu tình yêu nước của học sinh, sinh viên tại đây. Cập nhật thông tin trong nước, tại Pháp, cộng đồng người Việt Nam nói chung và học sinh, sinh viên Việt Nam nói riêng đã có một trong trào đấu tranh rộng rãi và đòi hỏi phía Pháp phải làm rõ vụ sát hại Trần Văn Ôn. Theo lời kể của Bác sĩ, Viện sĩ Dương Quang Trung<sup>10</sup>, anh em học sinh, sinh viên ở Bordeaux đã tổ chức phong trào tuyệt thực để phản đối hành động vô nhân đạo và dối trá của nhà cầm quyền Pháp trong vụ này.

**\* Hoạt động phản đối âm mưu của thực dân Pháp về việc lập các chính quyền bù nhìn tại Việt Nam.**

Từ trước khi giải phóng được nước Pháp, Tướng Charles De Gaulle nhân danh Chủ tịch Chính phủ lâm thời Cộng hòa Pháp đã tuyên bố chính sách của Pháp với Đông Dương vào ngày 24/3/1945. De Gaulle cho rằng:

*"Năm quốc gia tạo nên Liên bang Đông Dương được phân biệt bằng văn minh, chủng tộc và truyền thống, sẽ vẫn duy trì những đặc điểm riêng của họ trong Liên bang"* [150, tr.26].

Như vậy, cho đến cuối Chiến tranh thế giới lần thứ hai, người Pháp vẫn xem Bắc, Trung, và Nam Kỳ của Việt Nam là ba quốc gia khác nhau, cùng với Lào và Cao Miên, tạo thành năm xứ Đông Dương. Việc thành lập Cộng hòa tự trị Nam Kỳ sau đó cũng nằm trong kế hoạch tái lập Liên bang Đông Dương cũ của Pháp.

Sau khi nổ súng tấn công Sài Gòn (23/9/1945), Tháng 2/1946, Ủy viên Cộng hòa Nam Kỳ, tức chức vụ mới lập để gọi người Pháp cầm đầu hành chính ở Nam Kỳ là Jean

9 Năm 1949, trước ngày kỉ niệm lần thứ 9 khởi nghĩa Nam Kỳ (23 tháng 11), tại Việt Nam, chính quyền Pháp đã bắt cóc một số học sinh của trường Pétrus Ký. Sau sự kiện này, cuộc bãi khóa của học sinh 10 trường ở Sài Gòn đã nổ ra đúng vào ngày 23 tháng 11 năm 1949. Gần hai tháng sau, ngày 9-1-1950, một cuộc biểu tình lớn của 6000 học sinh ở Sài Gòn đã nổ ra, họ kéo đến dinh của thủ tướng bù nhìn Trần Văn Hữu, đòi phải thả ngay các học sinh, sinh viên bị bắt. Nhiều phụ huynh học sinh cũng tham gia vào cuộc biểu tình. Trước đòi hỏi chính đáng đó, Chính phủ bù nhìn Trần Văn Hữu không những không đáp ứng, mà còn đe dọa nếu đến 12 giờ trưa không giải tán sẽ bị đàn áp.

Quá 12 giờ, theo lệnh Pháp, Trần Văn Hữu cho công an, cảnh sát đàn áp tàn nhẫn cuộc biểu tình. Hệ quả là cái chết của nhiều học sinh, sinh viên, trong đó có sinh viên yêu nước Trần Văn Ôn. Tin học sinh, sinh viên bị đàn áp và sát hại, trong đó có Trần Văn Ôn đã gây xúc động lớn, dẫn đến một làn sóng phản đối mạnh mẽ trong giới học sinh, sinh viên và quần chúng Sài Gòn, thông qua lễ tang lớn của người sinh viên này.

Đám tang Trần Văn Ôn, trong thực tế đã trở thành cuộc biểu dương lực lượng của đồng bào yêu nước Sài Gòn - Chợ Lớn, có giá trị làm thức tỉnh mạnh mẽ tinh thần dân tộc. Với sự kiện đó, noi gương và ghi nhận tinh thần đấu tranh bất khuất của Trần Văn Ôn và học sinh, sinh viên những năm đầu cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, Đại hội toàn quốc Liên đoàn thanh niên Việt nam lần thứ nhất tháng 2 năm 1950 tại Việt bắc đã quyết định lấy ngày 09/01 hàng năm là ngày học sinh, sinh viên. Theo đó, tinh thần học sinh Trần Văn Ôn trở thành bất diệt.

10 Viện sĩ Dương Quang Trung (1928 – 2013): Cựu kiều bào tại Pháp

Cédile. Cédile cho lập Hội đồng tư vấn Nam Kỳ với 12 ủy viên, trên danh nghĩa giúp người bản xứ tự quyết định tương lai xứ sở, nhưng cũng có thâm ý tách dần chính trị Nam Kỳ khỏi những biến động và thương thuyết ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ. Thành phần Hội đồng gồm 4 người Pháp và 8 người Việt nhưng tất cả đều có quốc tịch Pháp [135].

Chính Hội đồng này sang tháng 3 đã đệ trình một kiến nghị với chữ ký của 8 ủy viên người Việt lên Cao ủy Đông Dương (tương đương với chức vụ Toàn quyền Đông Dương cũ) là Đô đốc Georges Thierry d'Argenlieu xin lập một xứ Nam Kỳ tự trị. Cédile tỏ rõ ý định ủng hộ ý đồ "Nam Kỳ tự trị" và hậu thuẫn những đảng phái thân Pháp như Đảng Nam Kỳ của Béziat để vận động công chúng. Những nhóm khác như Đông Dương Tự trị Đảng và Việt Nam Tân dân Đảng cũng ngã theo lập trường "Nam Kỳ tự trị" của Pháp. Cùng lúc đó thì đảng Tân Dân chủ của bác sĩ Nguyễn Văn Thinh tuy tham gia vào Hội đồng Tư vấn Nam Kỳ vẫn cố gắng tìm chỗ đứng riêng để thu hút các lực lượng không Việt Minh [123, tr.2089].

Ngày 31/5/1946 Hội đồng tư vấn Nam Kỳ lấy tên mới là Hội đồng Nam Kỳ và tăng số ủy viên lên 42 người.

Trong khi Hội nghị Fontainebleau sắp diễn ra ở Pháp thì Cao ủy Đông Dương là D'Argenlieu đơn phương tán thành việc thành lập Cộng hòa tự trị Nam Kỳ ngày 27/5/1946 và ra tuyên cáo ngày 1/6 trước đám đông tụ tập ở Nhà thờ Đức Bà, Sài Gòn. Ngày 5/6, Tổng trưởng Pháp Marius Moutet chấp thuận hành xử của D'Argenlieu để "*bảo vệ quyền lợi của dân tộc Nam Kỳ*" [117, tr.2102]. Cũng vào đầu tháng 6, bác sĩ Nguyễn Văn Thinh được đề cử làm Thủ tướng Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ tự trị. Ủy viên Cédile liền ký với tân Thủ tướng một hiệp ước nhìn nhận xứ Nam Kỳ là một xứ tự do, riêng biệt trong khuôn khổ của Liên bang Đông Dương.

Trước âm mưu chia cắt và lập chính phủ bù nhìn của thực dân Pháp, Chính phủ nước VNDCCH đã có quan điểm phản đối, thể hiện trên các mặt báo của mình:

Ngày 29/5/1946, báo *Cứu quốc* phản hồi: "*Chúng tôi mong đô đốc Đắc giảng li ơ ra lệnh hạ màn cái trò hề vô vị "Chính phủ Cộng hòa Nam Kỳ" đó đi. Nếu người Pháp cần phải thử xem Nam bộ có phải là đất Việt Nam không? Thì cứ mở cuộc trưng cầu dân ý cho công bằng. Tại sao lại một chính phủ tự trị rồi mới trưng cầu dân ý? Phải chăng người ta muốn đặt dân Việt Nam vào một việc dĩ nhiên? việc lập một chính phủ tự trị ở giữa nơi quân Pháp đóng trước khi mở cuộc trưng cầu dân ý để lộ ra một cách vụng về cái ý muốn chia sẻ nước Việt Nam. Việc lập chính phủ bù nhìn ấy làm cho người ta cảm thấy người Pháp muốn dùng bọn bù nhìn uy hiếp dân chúng trong cuộc trưng cầu dân ý.*"

Báo *Độc lập* ngày 18/7/1946 bình luận: "*Ở Cà Mau, bọn Abalain, Guillemet chẳng đếm xỉa gì đến chính phủ bù nhìn Quisling Nguyễn Văn Thinh cả... Đồng thời ở khắp tỉnh, quận, tổng, làng ở Nam Bộ, Pháp thâu dụng một bọn cướp khác. Bọn này giả danh lập Mặt trận bình dân...*".

Người Việt Nam tại Pháp cũng sớm nhận ra mưu đồ của những kẻ xâm lược. Ngay lập tức, Việt kiều đã thể hiện quan điểm thẳng thắn của mình:



Trong một bản tuyên ngôn đề ngày 15/10/1946 đã công bố: *“Giới trí thức Việt Nam cũng như dân chúng Việt Nam không công nhận chính phủ nào khác hơn là Chính phủ của Hồ Chủ tịch, chính phủ hợp pháp do toàn dân đầu phiếu công cử. Chỉ có chính phủ ấy mới thực hiện được ý chí của quốc dân, chỉ có chính phủ ấy mới có quyền thay mặt Việt Nam”* [4].

Ở Paris, bà Đào Văn Châu, thay mặt cho hết thảy giới phụ nữ kiều bào tuyên bố: *“Ta chỉ biết có chính phủ là chính phủ Hồ Chí Minh, do dân chúng cử lên bằng cách toàn dân đầu phiếu. Ta phải triệt để ủng hộ chính phủ ấy vì chỉ có chính phủ ấy mới đủ lực lượng giữ quyền độc lập cho quốc gia... Ta thề quyết không cho ai chia rẽ, ta thề tin tưởng vào Chính phủ Hồ Chí Minh”* [4].

Ở Chateldon (Puy de Dore), người đại diện kêu gọi: *“Hỡi các bạn, trong giờ phút vinh quang này... chúng ta phải sắp hàng ngũ chặt chẽ sau lưng cụ Hồ Chí Minh cùng toàn thể đồng bào quốc nội để giành cho kỳ được cái nền hoàn toàn độc lập và quốc gia thống nhất của nước Việt Nam yêu quý...”* [4].

Khi thực dân Pháp sử dụng Chính phủ bù nhìn Bảo Đại để chống lại và phủ nhận Chính phủ Hồ Chí Minh, cuộc đấu tranh của cộng đồng người Việt Nam ở Pháp ủng hộ kháng chiến và bảo vệ uy tín của Chính phủ cách mạng đã diễn ra quyết liệt. Theo bác sĩ Trần Ngọc Mạnh, vào những năm 1947- 1950 khi những chuyến tàu của Pháp đưa học sinh, sinh viên Việt Nam đến cảng Marseille, cuộc đấu tranh giữa những Việt kiều ủng hộ Chính phủ cách mạng và những Việt kiều ủng hộ Chính phủ Bảo Đại đã được thể hiện ngay tại đây. Đại sứ quán của Chính phủ Bảo Đại đã có tại Marseille, họ đã dùng tiền, thuê một số Việt kiều đến cảng Marseille sử dụng chiêu thức dùng quyền lợi vật chất để tiếp cận, mua chuộc những học sinh, sinh viên và người Việt Nam mới đến. Nhưng phong trào Việt kiều ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh cũng cử người đến cảng Marseille để tuyên truyền, phát truyền đơn, giải thích cho những ai mới đặt chân đến Pháp không đi theo sự mua chuộc của phái ủng hộ Bảo Đại. Những học sinh, sinh viên Việt Nam vốn là những người có nhận thức, đã nắm được tình hình ở quê hương, họ biết ai là người đại diện đích thực cho dân tộc Việt Nam, lại được sự tuyên truyền kịp thời nên phần lớn không bị phái Bảo Đại lôi kéo. Bằng sự hiểu biết của mình, họ dũng cảm phản biện lại luận điệu sai trái của các phần tử tiêu cực trong cộng đồng người Việt tại Pháp, thậm chí cả những nghị sĩ hiếu chiến trong Quốc hội Pháp. Trong cuốn *“Tự truyện”* của mình, bác sĩ Nguyễn Khắc Viện đã kể lại một kỷ niệm đáng nhớ vào năm 1949:

*“Có vị nghị sĩ Chủ tịch Ủy ban về Đông Dương của Quốc hội Pháp đến nói chuyện tại bệnh viện. Vị này là người của Đảng thuộc phe chủ trương chiến tranh kiên trì nhất chống cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Đây là một chính khách cáo già, ăn nói hùng hồn, lưu loát, tuyên truyền cho luận điệu Bảo Đại là đại diện cho dân tộc Việt Nam, còn Hồ Chí Minh là một nhóm phiến loạn. Thuyết trình xong, vị ấy hỏi ai có ý kiến. Tôi lên nói rõ ràng trong hơn 15 phút, dựa vào những thực tế đã nắm được qua nhiều nguồn thông tin, trong đó có cả báo cáo mật của tướng Revers (là*

*tướng chỉ huy quân sự ở Đông Dương) bị tiết lộ mà anh em Việt kiều đã thu thập được, chứng minh rằng 90% nhân dân Việt Nam đều đứng sau Chính phủ Hồ Chí Minh, có cả tôi và đa số Việt kiều ở Pháp. Chưa bao giờ có một vị thuyết khách nào đến bệnh viện này lại rơi vào một thế bí như vậy” [132, tr.65].*

Cuộc đấu tranh của Việt kiều yêu nước tại Pháp bác bỏ những luận điệu xảo trá, lừa lọc, mị dân của giới cầm quyền thực dân và tay sai diễn ra rất quyết liệt bằng nhiều hình thức có tính chất chính trị như diễn thuyết; phát biểu trước đông đảo công chúng. Nó có tác dụng vạch trần bản chất vô nhân đạo và phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược mà thực dân Pháp đang thực hiện ở Việt Nam. Đồng thời nó còn khẳng định tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến vệ quốc của dân tộc Việt Nam. Cuộc đấu tranh này cũng góp phần lôi kéo sự ủng hộ của nhân dân và dư luận Pháp. Đặc biệt, hình thức đấu tranh này còn giúp thức tỉnh những người đang lầm đường lạc lối, hoặc giúp những người còn phân vân trong việc chọn lựa lập trường đi theo con đường chân chính, theo tiếng gọi của Tổ quốc. Loại hình đấu tranh này yêu cầu những người tham gia phát biểu, diễn thuyết phải có trình độ, có bản lĩnh, lòng dũng cảm và niềm tin vào chân lý.

Các học sinh, sinh viên là những người có vai trò đáng kể trong loại hình đấu tranh này. Những buổi sinh hoạt chính trị tại lớp học, các sinh viên Việt Nam đã tranh luận với giáo sư, họ làm rõ sự mâu thuẫn giữa tư tưởng “Tự do, bình đẳng, bác ái” trong *Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* của Đại cách mạng Pháp 1789 với chính sách tàn độc của thực dân Pháp ở thuộc địa. Họ tố cáo thực dân Pháp ở Liên bang Đông dương nói chung và Việt Nam nói riêng không hề xây bệnh viện, trường học để phục vụ người dân, thực hiện chính sách cai trị tàn độc, hà khắc, làm cho đời sống của nhân dân Đông Dương khốn khổ hơn cả loài động vật. Tất cả chỉ để phục vụ cho sự nghiệp cai trị và đô hộ của người Pháp. Theo đó, càng có tác dụng mở rộng tầm nhìn của học sinh, sinh viên chính quốc, giác ngộ họ để họ có cái nhìn đúng đắn về Chính phủ của họ và có hành động tích cực ủng hộ cuộc đấu tranh của các nước thuộc địa nói chung và cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam nói riêng.

Tháng 5/1947, Thủ tướng P. Ramadier (thuộc phái xã hội cánh hữu) lấy cớ các bộ trưởng cộng sản phá hoại “sự đoàn kết nội bộ” nên đã gạt họ ra khỏi Chính phủ và càng thiên sang phía hiếu chiến. Những thành quả dân chủ dần dần bị thủ tiêu. Thuế má tăng, trợ cấp giảm. Cùng với chính sách đối nội phản động, chính sách đối ngoại của giới cầm quyền Pháp ngày càng mang tính phản dân tộc. Pháp gia nhập khối quân sự NATO, hạn chế chủ quyền quốc gia, đặt quân đội Pháp dưới sự kiểm soát của Mỹ. Ngoài ra còn tán thành việc tái vũ trang cho kẻ thù của nhân dân Pháp là bọn quân phiệt phục thù Cộng hòa liên bang Đức. Trong khi đó, thực hiện chiến tranh lạnh trong quan hệ với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; duy trì chế độ thuộc địa ở Đông Dương và Angérie. Vì vậy, trên thực tế, việc giác ngộ nhân dân Pháp và kiều bào không hề dễ. Chính phủ Pháp có cả một bộ máy chính quyền và bạo lực sẵn sàng đàn áp, khủng bố phong trào, kể cả bắt cán bộ lãnh đạo phong trào đưa về Sài Gòn trao cho ngục quyền. Cùng với đó, Chính phủ thực dân Pháp và tay sai vẫn

luôn đưa ra những chiêu bài, luận điệu để mua chuộc, ru ngủ, lừa phỉnh như: khai hóa, mang lại văn minh cho dân tộc Việt Nam... Đối với những ai chống đối lại chính sách của thực dân, chúng luôn hăm dọa bắt kiêu bào là người lao động về nước hoặc mất việc làm. Đối với học sinh, sinh viên Việt Nam, họ dọa sẽ đuổi học hoặc đuổi về nước, không cho nhận tiền ăn học, cắt chuyển ngân, gây mất việc làm... Thực dân Pháp và tay sai của chúng còn tung ra luận điệu: “*Học sinh, sinh viên Việt Nam sang Pháp là để học, học có được một nghề, có bằng cấp để về giúp nước, chứ không phải sang Pháp để làm chính trị*”. Trước những luận điệu đó, phong trào học sinh, sinh viên đã đáp trả bằng một thái độ rất rõ ràng, kiên quyết và cứng rắn:

“*Đúng, học sinh, sinh viên sang Pháp là để lo học. Vì lo học, nên học sinh sinh viên không làm chính trị. Nhưng Tổ quốc đang bị ngoại xâm dày xéo... Chúng ta được may mắn có một cuộc sống yên ổn, học hành ở Pháp, tuy không làm chính trị nhưng phải có thái độ chính trị. Thái độ chính trị đó là ủng hộ, ít nhất là về tinh thần cuộc chiến đấu của dân tộc bảo vệ độc lập của Tổ quốc*” [76, tr.286].

Phương châm và khẩu hiệu này được đông đảo học sinh, sinh viên và kiêu bào hưởng ứng, trong phạm vi nhất định đã định hướng tư tưởng và hành động cho học sinh, sinh viên nói riêng và cả cộng đồng nói chung.

**\* Hoạt động yêu nước trên lĩnh vực văn hóa- nghệ thuật**

Văn hóa, văn nghệ là hình thức hoạt động mà thông qua đó, vừa thể hiện được tinh thần yêu nước một cách mạnh mẽ mà tinh tế, lại là dịp để tăng cường sự đoàn kết trong nội bộ cộng đồng người Việt Nam tại Pháp và cũng là là cơ hội để Việt kiều tuyên truyền tới nhân dân Pháp tinh thần yêu nước, yêu hòa bình chính đáng của dân tộc Việt Nam và cuộc kháng chiến tại quê nhà.

Trong các dịp Tết Nguyên đán cũng như những dịp nghỉ hè hàng năm, cộng đồng người Việt Nam tại Pháp ở từng địa phương đều có các hoạt động tổ chức cắm trại và liên hoan. Tuy nhiên, những hoạt động này mới dừng lại ở phạm vi từng địa phương, chưa có sự liên kết cả cộng đồng trên toàn nước Pháp.

Cuối năm 1948, *Ban Chấp hành lâm thời của Tổng hội sinh viên Việt Nam toàn nước Pháp* ra đời. Ý thức được tầm quan trọng của các hoạt động văn hóa, văn nghệ, *Ban Chấp hành lâm thời của Tổng hội sinh viên Việt Nam* đã tổ chức đêm Tết đầu tiên tại Paris của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp. Đầu tháng 2/1949, với sự tham gia của trưởng *Phái đoàn đại diện VNDCCH tại Pháp*- ông Trần Ngọc Danh, một đêm Tết tập hợp trên 1000 người diễn ra trong các phòng Société sevante, đường Sepente-Paris- quận 6, mở đầu cho những đêm Tết Maubert và UNESCO sau này. Chương trình rất phong phú. Có phần chiêu đãi của *Phái đoàn Chính phủ*. Có phần văn nghệ: hợp xướng, đơn ca, tốp ca, mở đầu bằng kính cầu nguyện và một số ca khúc: *Lên đàng, Tiếng gọi thanh niên, Bạch Đằng giang...*, ca kịch *Tục Lụy* của Lưu Hữu Phước và vở kịch thơ *Gương oanh liệt*, do một học sinh trung học, vừa đến Pháp và đang học nội trú là Lâm Bá Châu viết đề cao tinh thần hy sinh vì Tổ quốc của đồng bào trong nước. Sinh viên Nguyễn Ngọc Hà khi đó chưa đầy 18 tuổi đã điều khiển toàn bộ

chương trình. Đêm Tết đã diễn ra thành công rực rỡ. Việt kiều tới tham dự đều tỏ ra phấn khởi và xúc động trước những tiết mục biểu diễn mang đậm tính dân tộc và tinh thần yêu nước mà buổi lễ đem lại.

Đến cuối năm 1949 đầu năm 1950 vẫn chưa có một quốc gia nào công nhận nước VNDCCH, vậy nên đã hơn 3 năm tiến hành, cuộc kháng chiến của dân tộc ta vẫn diễn ra trong vòng vây của chủ nghĩa đế quốc. Trong khi đó, sự đồng tình, ủng hộ của chính phủ và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới lại là yếu tố rất cần cho cuộc kháng chiến. Công tác tuyên truyền vì thế càng phải được củng cố và mở rộng phạm vi.

Để tăng cường và củng cố mối quan hệ đoàn kết giữa thanh niên các nước, cứ hai năm một lần, tại các nước trong hệ thống XHCN đều tổ chức Liên hoan thanh niên dân chủ. Thanh niên Việt Nam luôn có đoàn đại diện tới tham dự nhằm mở rộng công tác tuyên truyền, tranh thủ hơn nữa sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới. Trong những lần tham dự như thế, các tiết mục văn nghệ luôn đóng vai trò hết sức quan trọng.

Năm 1949, Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ II được tổ chức từ ngày 14.7 đến ngày 28.8, tại Budapest (Hunggari) với sự tham gia của 11.000 đại biểu, đến từ 82 nước trên thế giới. Khẩu hiệu *“Thanh niên thế giới đoàn kết lại vì một nền hoà bình bền vững, vì dân chủ, độc lập dân tộc và vì một tương lai tươi sáng”*. Đoàn thanh niên đại diện cho Việt Nam có 10 người nhưng chỉ có Nguyễn Thương - Chủ tịch Hội sinh viên Việt Nam - với tư cách trưởng đoàn là từ trong nước cử sang. *Hội Việt kiều Ái hữu* đã quyết định trao cho học sinh, sinh viên Việt Nam tại Pháp trọng trách này. Vì vậy, các thành viên còn lại đều là những thanh niên do phong trào Việt kiều tại Pháp tham dự [51].

Trong Đại hội thanh niên dân chủ năm đó, giao lưu văn hóa - văn nghệ là phần thu hút nhiều nhất sự chú ý của các đại biểu. Nhưng theo Trần Văn Khê<sup>11</sup>, một thành viên của đoàn lúc đó thì: *“Đoàn thanh niên Việt Nam tại Pháp gồm 17 người đi Hungary dự liên hoan, hầu hết đều rất trẻ, toàn là học sinh, sinh viên, không ai biết đàn, hát, trừ anh Nguyễn Ngọc Hà đàn được lục huyền cầm Hạ uy Di”* [88, tr.171]. Như vậy trong đoàn chỉ có Trần Văn Khê chuyên về nhạc dân tộc và Nguyễn Ngọc Hà thạo về nghệ thuật.. Chính vì thế, việc biểu diễn của đoàn chủ yếu do Trần Văn Khê và Nguyễn Ngọc Hà quyết định. Mặc dù vốn nghệ thuật không lớn nhưng bầu nhiệt huyết thì tràn trề.

Vượt qua sự khó khăn về công tác chuẩn bị cũng như yếu tố tâm lý, đoàn Việt Nam đã đem đến cho buổi liên hoan nghệ thuật các tiết mục độc đáo, sâu sắc và cảm động. Ông Trần Văn Khê: *“Tuy hoàn cảnh nhân vật trong lời ca khác tâm trạng tôi. Nhưng tôi nhớ đến nước người thanh bình, vui vẻ mà nước Việt Nam đang chìm trong khói lửa, tôi không cảm được nước mắt. Dứt bài, nghe tiếng vỗ tay, tôi như bừng tỉnh...”* [88, tr.255]. Mặc dù đơn độc trên sân khấu và không biết thông dịch viên có dịch đúng ý của mình để ban giám khảo hiểu không, nhưng khi công bố giải thưởng, cả đoàn vỡ òa trong niềm vui và hạnh phúc với kết quả:

11 Giáo sư Trần Văn Khê (1921 – 2015): Cựu kiều bào Pháp

- Giải tư: Bungari. Kèn lá và dàn nhạc dân tộc.
- Giải ba: Hungari. Đàn cem- ba- lum và dàn nhạc dân tộc.
- Giải nhì: Việt Nam. Đàn cò và đàn tranh.
- Đồng giải nhì: Mông Cổ. Đàn Marinhur.
- Giải nhất: Liên Xô. Đàn Balalaika.

Trong những chuyến đi đại diện cho VNDCCH tham gia các cuộc giao lưu với thanh niên dân chủ thế giới, những thanh niên Việt kiều tại Pháp cũng tranh thủ ghé qua các nước XHCN để gặp gỡ, giao lưu và thắt chặt tình đoàn kết với nhân dân và thanh niên ở những nơi đây. Trong chuyến đi Budapest năm 1949, đoàn thanh niên dân chủ Việt kiều Pháp đại diện cho VNDCCH trên đường tới Hungari đã dừng lại ở Tiệp Khắc. Tại đây, chúng ta đã tham gia lao động cùng với thanh niên và công nhân Tiệp Khắc tại công trường ở Slapy. Với tinh thần đoàn kết ấy, đoàn thanh niên dân chủ của nước ta đã chiếm được cảm tình rất lớn từ nhân dân Tiệp Khắc.

Chuyến đi của đoàn thanh niên Việt Nam được báo chí cả 2 miền Nam – Bắc đưa tin làm nức lòng thanh niên trong nước. Ông Trần Văn Khê được người đại diện Chính phủ VNDCCH tặng cờ thi đua vì có công tạo được tiếng vang cho đất nước.

Có thể thấy, giao lưu văn nghệ đã góp phần không nhỏ vào việc thu hút sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình và chính phủ các nước tiến bộ đối với cuộc kháng chiến của dân tộc ta. Chỉ một năm sau Liên hoan Thanh niên dân chủ thế giới, đầu năm 1950, lần lượt các nước trong khối Xã hội chủ nghĩa đã công nhận nước VNDCCH. Tình thế bị cô lập từ bên ngoài chấm dứt. Liên Xô và Trung Quốc bắt đầu trở thành những đồng minh đầu tiên viện trợ vũ khí, lương thực, y tế... cho cuộc kháng chiến của dân tộc ta. Cuộc kháng chiến bước vào giai đoạn mới. Phản công.

Cuộc đấu tranh chống lại sự lừa bịp, dụ dỗ của kẻ thù không chỉ có tác dụng củng cố sự kiên định về lập trường chính trị trong phong trào của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp mà còn có mục đích lôi kéo nhiều Việt kiều ủng hộ Chính phủ kháng chiến và cuộc kháng chiến vì độc lập, tự do của dân tộc. Nhiệm vụ này hết sức quan trọng. Nó có tác dụng củng cố tinh thần đoàn kết, qua đó giúp cho khối đoàn kết của cộng đồng người Việt Nam ở Pháp nói riêng, cộng đồng Việt kiều nói chung và cao hơn nữa là khối đại đoàn kết toàn dân tộc được mở rộng và có chiều sâu hơn. Đặc biệt là trong bối cảnh cộng đồng Việt kiều tại Pháp đang hoạt động và đấu tranh tại chính đất nước của những kẻ xâm lược đang xâm lược Tổ quốc mình thì việc củng cố sự đoàn kết càng trở nên quan trọng hơn. Đóng góp của cộng đồng người Việt tại Pháp theo đó càng có ý nghĩa đối với sự nghiệp chung của dân tộc.

### **3.3. Giai đoạn 1950- 1954**

#### ***3.3.1. Những nhân tố mới tác động đến phong trào đấu tranh***

Từ năm 1950 trở đi, bối cảnh chính trị trong nước và quốc tế, nhất là nước Pháp đã có những nhân tố mới tác động trực tiếp đến hoạt động yêu nước của cộng đồng người Việt tại Pháp.

Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đã bước vào năm thứ tư với những thắng lợi to lớn trên tất cả các mặt. Việc nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa; Liên bang cộng hòa XHCN Xô viết và các nước XHCN trên thế giới công nhận VNDCCH trong năm 1950 là một thành công lớn trên mặt trận ngoại giao. Tiếp theo là chiến thắng Biên giới Thu đông 1950 khai thông dải biên giới Việt - Trung từ Cao Bằng tới Vịnh Bắc Bộ phá được thế bị bao vây từ bên trong của cuộc kháng chiến, nối liền cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam với cách mạng thế giới, mở đầu cầu tiếp nhận viện trợ. Năm 1950, các lực lượng vũ trang của VNDCCH được hoàn chỉnh về biên chế, thống nhất với tên gọi Quân đội nhân dân Việt Nam và bắt đầu chuyển sang thế chủ động tấn công.

Từ năm 1950, VNDCCH đã nhận được viện trợ từ các nước XHCN mà chủ yếu là vũ khí quân sự tạo điều kiện để quân đội nhân dân Việt Nam đủ khả năng thực hiện những trận đánh lớn, đặc biệt là trận quyết chiến chiến lược tại Điện Biên Phủ tháng 5-1954, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Có nhiều thống kê khác nhau, nhưng theo tính chung, từ tháng 6/1950 đến tháng 6/1954, tổng cộng có 21.517 tấn hàng các loại, trị giá 34 triệu rúp Nga (tương đương 34 triệu USD theo thời giá lúc đó) nhận được từ Liên Xô, Trung Quốc. Không chỉ nhận được viện trợ về vật chất, ảnh hưởng của cuộc kháng chiến đã được đến với nhân dân thế giới, vì vậy dư luận thế giới càng hiểu rõ hơn tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Theo đó, uy tín chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương, của Nhà nước VNDCCH, của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế, điều đó củng cố niềm tin cho cộng đồng người Việt tại Pháp.

Cũng kể từ năm 1950 trở đi, Pháp nhận được viện trợ theo kế hoạch Marshall của Mỹ, nền kinh tế Pháp được phục hồi và phát triển liên tục với tốc độ tăng trưởng cao trong những năm tiếp theo. Tốc độ tăng trưởng của tổng sản phẩm quốc dân (GNP) đạt: 4,3% (1950- 1955), 4,6% (1955- 1960), 5,1% (1960- 1965) [115, tr.301].

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, uy tín của Đảng Cộng sản Pháp ngày càng cao trên chính trường nước Pháp, đó là điều không mong muốn của giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản vội vàng tập hợp lực lượng, thành lập một đảng mới, với tên gọi là Phong trào cộng hòa bình dân (MRP). MRP thu hút được một số đông tiểu tư sản thành thị, nông dân, nhất là giáo dân theo đạo Thiên chúa. Về thực chất, nó đại diện cho tư sản lũng đoạn có liên hệ với Mỹ và tòa thánh Vatican. Năm những vị trí chỉ huy trong nền kinh tế và bộ máy nhà nước, MRP mau chóng chuyển sang tấn công những người cộng sản.

Chính sách đối nội và đối ngoại cực đoan mà chính phủ P. Ramadier thực hiện từ tháng 5/1947 đã gây nên sự bất mãn sâu sắc trong quần chúng lao động. Bãi công, biểu tình diễn ra sôi nổi. Đồng thời bản thân phe cực hữu cũng bất mãn vì sự bất lực của chính phủ, nội các thay đổi liên tục tăng nhanh sự khủng hoảng về chính trị của nước Cộng hòa Pháp.

Sự thay đổi của tình hình chiến sự tại Việt Nam, sự tham gia của các nước lớn vào cuộc chiến này đã làm cho cục diện chiến tranh theo đó có sự thay đổi căn bản.

Bước vào những năm 1950- 1952, việc Chính phủ Pháp tiếp tục theo đuổi cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa đã khiến cho dư luận Pháp và nhân dân Pháp ngày càng phản đối. Nhất là từ sự kiện Raymondien, phong trào đấu tranh của nhân dân Pháp đã phát triển mạnh. Sau khi để mất khu vực quan trọng là biên giới Việt- Trung vào tay Việt Minh, quân đội Pháp tiếp tục thảm bại trên khắp các chiến trường ở Đông Dương. Lính Pháp tử trận ngày càng nhiều. Sự chán ghét cuộc chiến này đã khiến cho phong trào phản chiến của nhân dân Pháp trở thành cao trào. Đó là lúc người thanh niên Henri Martin đánh thép kết án Chính phủ Pháp trước vành móng ngựa vì đã tiến hành một cuộc chiến tranh phi nghĩa và vô nhân đạo đối với nhân dân Việt Nam và nhân dân Pháp. Đồng thời với những thay đổi theo hướng tích cực ở trong nước, tình hình chính trị nước Pháp cũng tạo ra những nhân tố vừa có lợi vừa không có lợi cho cuộc đấu tranh của người Việt tại Pháp. Cuộc đấu tranh có diễn biến khác so với trước cả về hình thức và hiệu quả.

Đến cuối năm 1953, cuộc chiến tranh Đông Dương mà Chính phủ Pháp theo đuổi đã bước vào năm thứ tám. Tuy nhiên, thực dân Pháp vẫn không tiêu diệt được lực lượng cách mạng Việt Nam. Để theo đuổi cuộc chiến, 19 chính phủ kế tiếp ở Paris đã cử sang Đông Dương 5 Cao ủy về chính trị và 6 tư lệnh quân đội nhưng những tín hiệu tích cực trên mặt trận quân sự vẫn không xuất hiện. Trong khi đó, nước Pháp đã quá mệt mỏi với cuộc chiến vô vọng ở Đông Dương, phong trào phản chiến của nhân dân Pháp lan rộng, phụ thuộc ngày càng lớn vào viện trợ từ Mỹ (lên tới 73% chiến phí). Tìm “lối thoát trong danh dự” là phương án mà Chính phủ Pháp bắt đầu tính đến. Tướng H. Navarre là nhân vật được giao trọng trách và Điện Biên Phủ được lựa chọn cho một cuộc quyết chiến chiến lược với quân đội Việt Minh.

Đầu năm 1954, Hội nghị Tứ cường (Anh, Pháp, Mỹ, Liên Xô) ở Berlin thỏa thuận sẽ họp tại Geneve để bàn về giải pháp chính trị cho Triều Tiên và giải quyết vấn đề ngừng bắn ở Đông Dương.

### **3.3.2. Phong trào đấu tranh**

#### **3.3.2.1. Tình hình cộng đồng người Việt Nam tại Pháp**

##### **\* Thành phần Việt kiều tại Pháp giai đoạn 1950 - 1954**

Cuối năm 1950, người Việt Nam tại Pháp có khoảng 15.000 người. Trong đó, cựu lính thợ, lính chiến và lao động thủy thủ (gọi chung là giới công nhân) vào khoảng 4.000 người. 12.000

người còn lại bao gồm: trí thức, sinh viên và thương gia. Trong giới trí thức gồm những người sang Pháp từ trước năm 1939 chia thành hai bộ phận:

Thứ nhất, là những người đã tốt nghiệp các trường ở Pháp và trở thành kỹ sư, bác sĩ, luật sư... làm trong các cơ quan của Pháp hoặc mở các phòng khám tư.

Thứ hai, là những người còn đang theo đuổi việc học tập tại các trường của Pháp.

Đại đa số những người thuộc bộ phận trí thức này đều có tinh thần chống thực dân Pháp và ủng hộ cuộc kháng chiến ở Việt Nam [94, tr.315].

Học sinh Việt Nam tại Pháp lúc này chiếm đa số trong thành phần Việt kiều. Giới học sinh cũng chia thành 3 bộ phận:

Thứ nhất, là những người con nhà giàu, có địa vị. Họ sang Pháp thời điểm này chủ yếu để tránh nạn chiến tranh. Những người này sống chủ yếu bằng tiền gia đình gửi sang. Họ có đời sống yên ổn, không phải lo lắng về vật chất. Bộ phận này rất ít.

Thứ hai, là những người xuất thân từ các gia đình trung lưu, tiểu tư sản, con em các công chức hoặc thương gia, họ qua Pháp trong giai đoạn Chính phủ Pháp có chính sách tạo điều kiện để học sinh Việt Nam sang Pháp học tập (1948 – 1950). Trong giai đoạn đầu, những người này nhận được trợ cấp của gia đình. Nhưng từ những năm 1949, 1950, nhiều người trong số họ không được gia đình gửi tiền sang nữa. Một số phải bỏ học để làm nghề, làm thợ. Bộ phận này chiếm đa số trong giới học sinh.

Thứ ba, là những người con nhà nghèo. Họ là những người vừa đi học, vừa đi làm thuê để kiếm tiền trang trải cuộc sống. Chính vì vậy, bộ phận này gần với giới công nhân lao động. Bộ phận này có khoảng 1000 người [94].

Học sinh Việt Nam tại Pháp dù xuất phát điểm có sự khác nhau về gia cảnh, mục đích tới Pháp nhưng đa phần lập trường của họ là ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào quê nhà. Một số người không tham gia hoạt động chính trị mà chỉ tập trung vào việc học tập và nâng cao trình độ chuyên môn. Những người này sẽ có những đóng góp cho đất nước khi Tổ quốc hòa bình. Một thiểu số rất ít vì những lý do bất khả kháng đã theo Bảo Đại.

Giới công nhân Việt Nam tại Pháp bao gồm :

Thứ nhất, là lớp thủy thủ lao động đã từng làm việc tại các hãng tàu biển của Pháp nhưng đã bỏ nghề, quay ra mở tiệm ăn. Họ là những người ủng hộ cuộc kháng chiến ở Việt Nam. Nhưng tư tưởng hầu hết chú trọng vào việc thương mại kiếm tiền.

Thứ hai, là những người cựu lính chiến, lính thợ trong quân đội Pháp. Họ giờ làm việc tại các xưởng máy. Một số nhỏ làm trong các tiệm ăn, tiệm may mặc. Họ là những người có tinh thần dân tộc, ủng hộ kháng chiến và triệt để chống lại phong trào Bảo Đại.

Thứ ba, là những thành phần chuyên cờ bạc, buôn bán ở chợ đen. Bộ phận này rất ít. Họ không có lập trường chính trị của riêng mình.

Thông qua tìm hiểu về tình hình Việt kiều tại Pháp giai đoạn này, tác giả có thể đưa ra nhận định: Thành phần xã hội của Việt kiều khá phức tạp, đại đa số là học sinh. Mặc dù thành phần và địa vị xã hội khác nhau nhưng trong mỗi giới, đại đa số đều có tinh thần yêu nước, luôn hướng về công cuộc giải phóng dân tộc tại tổ quốc và mong muốn đóng góp cho cuộc kháng chiến ấy.

#### **\* *Tình hình các tổ chức của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn 1950 - 1954***

Vào giai đoạn này, do chính sách cấm đoán nghiêm ngặt mà Chính phủ Pháp áp dụng đối với phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp nên đã gây nhiều ảnh hưởng đến tình hình của các tổ chức của Việt kiều. Những tổ chức được thành lập từ các giai đoạn trước có sự bám rễ chắc chắn trong Việt kiều tiếp tục hoạt động nhưng phương pháp cẩn trọng hơn và mang tính chất bí mật. Có những tổ chức phải giải thể



do bị nhà cầm quyền Pháp cấm hoạt động hoặc tự giải thể vì vấn đề nhân sự hay nội bộ. Cũng có những tổ chức mới thành lập và dần có ảnh hưởng sâu rộng đến phong trào Việt kiều.

Hai tổ chức: *Văn hóa Liên hiệp* và *Chi hội Liên Việt tại Pháp* được thành lập trong giai đoạn 1946 – 1950 tiếp tục tồn tại và hoạt động đến giai đoạn này. Đây là hai tổ chức đại diện cho giới trí thức, học sinh Việt Nam tại Pháp. Vào giai đoạn này, khi giới học sinh ngày càng chiếm đa số trong Việt kiều thì vai trò của hai tổ chức trên đối với phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp cũng tăng lên. Mặc dù là hai tổ chức nhưng *Văn hóa Liên hiệp* và *Chi hội Liên Việt tại Pháp* có mối quan hệ khăng khít và mật thiết. Cơ quan ngôn luận của hai tổ chức này là hai tờ báo: *Văn hóa Liên hiệp* và đặc biệt là tờ *Thông tin Liên Việt*.

*Tổng hội sinh viên Việt Nam* ra đời vào cuối năm 1948. Đây là tổ chức yêu nước dành cho giới học sinh, sinh viên Việt Nam tại Pháp. Tổ chức này về bản chất là một bộ phận nằm trong *Chi hội Liên Việt tại Pháp*. Về cơ bản, những hoạt động yêu nước của *Tổng hội sinh viên Việt Nam* đều nằm trong khuôn khổ pháp luật của nước Pháp. Tuy nhiên, theo chính sách ngăn cấm của Chính phủ Pháp đối với phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp lúc này, ngày 14/6/1950, Bộ Nội vụ Pháp ra lệnh giải tán *Tổng hội sinh viên Việt Nam*. Ban Giám đốc của *Tổng hội sinh viên Việt Nam* sau đó đã phát hành tờ truyền đơn có tên: “*Vì sao Tổng hội sinh viên Việt Nam tại Pháp bị giải tán ?*”. Tờ truyền đơn này đã tuyên bố:

“... Chúng tôi, cựu nhân viên Ban Giám đốc “*Tổng hội sinh viên Việt Nam tại Pháp*” có bốn phận phải giải thích trường hợp chúng ta bị giải tán và chính sách đàn áp áy (của Chính phủ Pháp) cho các bạn sinh viên Việt Nam tại Pháp rõ và bắt đầu từ hôm nay “*Tổng hội sinh viên Việt Nam ngừng tất cả hoạt động*” [94, tr.318].

Tháng 6/1947, *Tổ chức Công và Chiến binh ngoại ngạch* được thành lập. Đây là tổ chức của những người trước đây là lính thợ hoặc lính chiến người Việt Nam trong quân đội Pháp. Sau khi mãn hạn nghĩa vụ, họ ra khỏi quân đội để học nghề hoặc làm ăn kiếm sống. Đây là một tổ chức yêu nước. Tổ chức này luôn ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào ở Việt Nam.

Từ năm 1948, *Công và Chiến binh ngoại ngạch* bị Nhà cầm quyền Pháp tấn công bằng bạo lực. Tổ chức này dần dần suy yếu. Khi phong trào ủng hộ Bảo Đại ra đời ở Pháp, một số phần tử là cựu thông ngôn, giám thị đã dựa vào phong trào này lập ra một cơ quan lấy tên là *Công Chiến binh tại ngoại* nhằm mục đích vừa đối trá dư luận, vừa muốn lôi kéo người theo Bảo Đại. Với tình hình ấy, *Công và Chiến binh ngoại ngạch* đã không giữ được sự thống nhất lực lượng như trước. Đến năm 1950, *Công và Chiến binh ngoại ngạch* tan rã [95, tr.250].

Trong giai đoạn 1946 – 1950, đặc biệt vào những năm 1946 – 1948, lính thợ là lực lượng đông nhất trong cộng đồng người Việt Nam tại Pháp. Theo đó, vai trò của họ trong phong trào yêu nước của Việt kiều cũng rất rõ nét. Tổ chức lớn nhất của họ vào giai đoạn trước là *Trung ương Công binh*. Sau khi phong trào bảo vệ quyền treo

cờ đỏ sao vàng trong các doanh trại của lính thợ bị nhà cầm quyền Pháp đàn áp, theo tài liệu của Đại hội Trung ương Công binh (tháng 9/1949), tổng cộng số lính thợ bị Chính quyền Pháp bắt giam trong phong trào này lên tới 8000 người [95, tr.189], cùng với đó là việc Chính phủ Pháp cho hồi hương hầu hết lính thợ Việt Nam thì số lượng lính thợ Việt Nam tại Pháp giảm đi đáng kể. Tính đến tháng 6/1950, số lính thợ còn lại chưa được 20% so với số lượng tuyển mộ vào năm 1939. Đứng trước thực tiễn như vậy, tháng 6/1950, *Trung ương Công binh* tuyên bố tự giải tán.

Chuyến tàu cuối cùng của Chính phủ Pháp đưa lính thợ Việt Nam hồi hương diễn ra vào tháng 7/1950. Số lượng lính thợ còn lại trên nước Pháp chỉ vào khoảng trên 1000 người [95, tr.189]. Số người này sau đó chia làm 3 bộ phận: Bộ phận thứ nhất liên kết với nhau lập ra một tổ chức mới lấy tên là *Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp*; bộ phận thứ hai gia nhập các tổ chức yêu nước của các giới Việt kiều khác; bộ phận thứ ba không tham gia tổ chức nào, nhưng đa số họ có thái độ ủng hộ Chính phủ VNDCCH và cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của đồng bào ở Việt Nam.

Sau khi *Trung ương Công binh* giải tán, một bộ phận lính thợ Việt Nam còn lại tại Pháp cùng với một số người thuộc các giới khác trong Việt kiều như: chiến binh giải ngũ, trí thức, học sinh... đã lập ra một tổ chức mới: *Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp* vào ngày 11/6/1950, gọi tắt là *Hiệp đoàn*.

Trong *Tuyên ngôn thành lập* của mình, *Hiệp đoàn* đã ghi rõ:

“ ...

*Chúng tôi, một số anh em đã từng tham gia phong trào công binh, nhận thấy cần phải có một tổ chức tiếp tục tranh đấu. Để đạt được mục đích ấy, chúng tôi tự lãnh trách nhiệm triệu tập cuộc Hội nghị ngày 11/6/1950 gồm có: công binh, chiến binh giải ngũ và lao động thủy thủ, học sinh, trí thức sáng lập cơ quan lấy danh hiệu là “ Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp ”.*

*Nhằm mục đích:*

- *Liên kết và giúp đỡ lẫn nhau về tinh thần cũng như về vật chất ;*
- *Tranh đấu chống tư bản và đế quốc chủ nghĩa;*
- *Giành hoàn toàn độc lập cho Việt Nam... ”* [94, tr.253].

Về cơ bản, *Hiệp đoàn* tiếp tục con đường đấu tranh mà *Trung ương Công binh* đã theo đuổi từ trước. Mặc dù ra đời với số lượng thành viên không quá nhiều nhưng tổ chức này sau đó đã có những tiếng nói nhất định trong phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp.

Căn cứ vào tình hình các tổ chức của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn này, có thể đưa ra một số nhận xét:

Thứ nhất, các tổ chức của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn 1950 – 1954 có suy giảm về số lượng bởi chính sách cấm đoán nghiêm ngặt của nhà cầm quyền Pháp đối với các hoạt động yêu nước của người Việt Nam.

Thứ hai, sự thống nhất về mặt tổ chức của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn này không thể thực hiện được vì nhiều lý do chủ quan và khách quan, nhưng lý do chính là sự khác biệt về quan điểm chính trị.

### 3.3.2.2. Các hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp

#### \* **Duy trì các hoạt động yêu nước trong bối cảnh khó khăn từ chính sách ngăn cấm của Chính phủ Pháp.**

Thái độ phản đối dữ dội của dư luận và nhân dân Pháp đối với cuộc chiến tranh xâm lược của Chính phủ Pháp tại Việt Nam giúp phong trào yêu nước của Việt kiều có nhiều điều kiện phát triển. Trước thực tế này, cuối năm 1950 Chính phủ Pháp đã có nhiều biện pháp nhằm xiết chặt phong trào yêu nước của nhân dân các nước thuộc địa tại Pháp, đặc biệt là đối với phong trào của cộng đồng người Việt Nam. Điều này đã gây nhiều khó khăn cho Việt kiều yêu nước. Từ cuối năm 1950 đến đầu năm 1952, hầu hết các hội đoàn Việt Nam yêu nước tại Pháp đều bị cấm hoạt động. Đầu tiên, *Tổng hội sinh viên Việt Nam* bị nhà cầm quyền Pháp giải tán cùng với các hội đoàn của công nhân, phụ lão, phụ nữ. Tiếp theo, Chính phủ Pháp ra lệnh đóng cửa *Hội Ái hữu Việt Nam* và thực hiện những cuộc khám xét, bắt người.

Tuy vậy, khi bằng chứng không đủ để buộc tội đương sự, cảnh sát Pháp lại thả người về. Trên thực tế Chính phủ Pháp không có những hành động gọi là đàn áp hay khủng bố đối với phong trào Việt kiều, nhưng những hoạt động mà họ cho là vi phạm luật pháp của nước Pháp đều bị cấm.

Vào ngày 14/6/1950, khi *Tổng hội sinh viên Việt Nam* bị Chính quyền Pháp ra lệnh giải tán, ngay lập tức, *Hiệp đoàn thợ Việt Nam* đã thể hiện sự phản đối đối với chính sách độc đoán và thiếu dân chủ của nhà cầm quyền Pháp. Ngày 18/6/1950, họ ra Quyết nghị:

“ ...

- *Cực lực phản đối việc Chính phủ Pháp giải tán “ Tổng hội sinh viên Việt Nam tại Pháp ” ;*

- *Cực lực phản đối những thủ đoạn độc đoán đối với một tổ chức Việt Nam không theo hàng ngũ Bảo Đại... ”* [95, tr.318].

Đây cũng là thời kỳ những người Cộng sản Pháp bị gạt ra khỏi Chính phủ do quan điểm chống Cộng của Thủ tướng P. Ramadier. Vì vậy, Đảng Cộng sản Pháp đã khuyến cáo những Đảng viên Đảng Cộng sản Pháp là người Việt Nam không nên mang thẻ đảng trong người mà gửi cho chi bộ giữ hộ. Để bảo toàn lực lượng và tôn trọng luật pháp của nước Pháp, phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp bắt đầu rút vào hoạt động bí mật từ năm 1950 trở đi.

Hoạt động bí mật theo ý nghĩa là những tổ chức đã bị nhà cầm quyền giải tán nhưng vẫn hoạt động ngầm dưới những danh nghĩa khác. Hoặc một số tờ báo được in ấn và phát hành một cách bí mật. Mặc dù bị gạt khỏi Chính phủ, nhưng uy tín trong nhân dân của Đảng Cộng sản Pháp vẫn rất lớn, lại thêm dư luận nhân dân Pháp ngày càng phản đối chính sách chiến tranh nên phong trào yêu nước của Việt kiều vẫn có chỗ dựa vững chắc. Những hoạt động như: rải truyền đơn, ra báo, tham gia biểu tình cùng nhân dân Pháp tiếp tục diễn ra nhưng trên tinh thần cẩn thận và bí mật hơn.

Cũng như ở giai đoạn trước, phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam trên đất Pháp chủ yếu vẫn là những đóng góp về đấu tranh chính trị với những mục đích đã được nói tới. Hình thức hoạt động, đấu tranh vẫn đa dạng và phong phú với nhiều cách thức: rải truyền đơn, tham gia biểu tình, viết báo, đấu tranh nghị trường...

Trong cuốn “*Tự truyện*”, bác sĩ Nguyễn Khắc Viện có kể lại:

*“Thành phố Grenoble có mấy cái cầu bắc qua sông. Ban đêm, chúng tôi lấy hắc ín kẻ lên cầu đá trắng chữ to “Phải ngừng chiến tranh ở Việt Nam”. Đề phòng cảnh sát đi tuần bắt gặp, anh em không giao cho tôi trực tiếp kẻ khẩu hiệu, vì nếu tôi bị tóm thì tội nặng hơn công dân Pháp. Tôi chỉ đứng xa giả vờ như đi dạo mát, nếu thấy cảnh sát đi tuần thì ra dấu hiệu các đồng chí ấy kịp lánh đi ”* [132, tr.68].

Đấu tranh bằng phương pháp phát hành truyền đơn là hình thức đem lại hiệu quả cho phong trào yêu nước của Việt kiều trong giai đoạn khó khăn. Đây là giai đoạn cuộc chiến tranh ở Việt Nam đang bước vào giai đoạn khốc liệt. Thêm vào đó, Chính phủ Quốc gia Việt Nam (Chính phủ Bảo Đại) đã được thành lập từ năm 1946 ở Việt Nam đang ra sức tuyên truyền để lôi kéo nhân dân trong nước cũng như Việt kiều. Vì vậy, trong các khẩu hiệu đấu tranh của Việt kiều tại Pháp, bên cạnh mục đích phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp thì chống lại Chính phủ bù nhìn Bảo Đại cũng luôn được đặt ra.

Tháng 3/1952, *Trung ương Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp* đã ra truyền đơn có tên: “*Lời kêu gọi Việt kiều phản đế tại Pháp*”:

“ ...

*Chúng tôi là một số lao động luôn luôn lo lắng cho cuộc tranh đấu chống đế quốc và bọn bù nhìn Bảo Đại... Chúng tôi nhận thấy Việt kiều chúng ta, trong cuộc tranh đấu phản đế, giành hoàn toàn độc lập còn gặp nhiều bước khó khăn, hiểm nghèo...*

*Việt kiều chúng ta nhất định phải biết tập hợp lực lượng phản đế mạnh mẽ cho bọn chúng khiếp sợ...*

*- Đả đảo bọn Bảo Đại và các tổ chức phản động của chúng!*

*- Cách mạng giải phóng dân tộc nhất định thành công! ”* [95, tr.525, 526].

Vào ngày 1/5/1952, để kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động, *Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp* phát hành 15.000 bản truyền đơn. Bản truyền đơn này gửi tới lao động Pháp và giới lao động Bắc Phi ở Pháp nhằm thể hiện tinh thần đoàn kết lao động quốc tế trong cuộc đấu tranh chung chống chủ nghĩa đế quốc:

*“ Các bạn,*

*Nhân dịp mừng Một tháng Năm, Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp gửi lời thân ái chào các bạn. Hiệp đoàn hứa luôn luôn sát cạnh tranh đấu với các bạn để đạt yêu sách tức thời và chống lại cuộc chuẩn bị chiến tranh của đế quốc.*

*Chúng ta hợp lực sẽ phá tan được mưu mô của đế quốc toàn cầu và tạo nên điều kiện cho cuộc tranh đấu toàn thắng...*

*- Hoan hô ngày mừng Một tháng Năm là ngày tranh đấu và thống nhất hành động!*

- *Đả đảo cuộc liên minh của đế quốc và chiến tranh của chúng!*
- *Thăng tiến tới cách mạng hoàn cầu!* ” [95, tr.527, 528].

Tại Hội nghị lần thứ hai của diễn ra vào tháng 10/1952, *Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp* đã thông qua bản *Tuyên ngôn chống Bảo Đại*. Bản *Tuyên ngôn* đã thể hiện sự nhận thức đúng đắn của Việt kiều về Chính phủ bù nhìn Quốc gia Việt Nam và âm mưu chia rẽ của thực dân Pháp:

“ *Đại hội nghị Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp... sau khi nhận xét về tình hình Việt Nam nhận thấy:*

...

*Bảo Đại và bè lũ của chúng tiêu biểu cho bọn phong kiến quan lại và trường giả thối nát ở Việt Nam toan dựa vào lưỡi lê của đế quốc để bảo vệ địa vị và quyền lợi của chúng... Chúng mỗi ngày một tỏ rõ mặt nạ phản động. Ngày nay chúng đã công khai lĩnh tiền bạc và binh khí của hai đế quốc Pháp – Mỹ chiêu mộ binh lính chống phong trào kháng chiến của quần chúng Việt Nam...*

*Đại hội nghị đồng thanh tuyên bố:*

- *Đả đảo bọn bù nhìn Bảo Đại, tay sai đế quốc!*
- *Đả đảo chính phủ cảnh sát của Nguyễn Văn Tâm!*
- *Đả đảo sự cưỡng bách tòng ngũ của Chính phủ bù nhìn Bảo Đại!*
- *Hoan hô phong trào tranh đấu anh dũng của quần chúng Việt Nam!* ” [94, tr.564].

Để có thể tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn: Tết Nguyên đán, Lễ Độc lập (2/9), Sinh nhật Chủ tịch Hồ Chí Minh, Việt kiều yêu nước đều lấy danh nghĩa này, hình thức nọ để làm một cách công khai. Có lúc bị cấm thì chuyển địa điểm làm nơi khác. Kiều bào với quốc kỳ của VNDCCH luôn có mặt trong các buổi biểu tình hoặc mít tinh của nhân dân Pháp chống chiến tranh xâm lược Việt Nam, đòi Pháp phải thương thuyết với Chính phủ Hồ Chí Minh. Ông Lâm Bá Châu, một cựu Việt kiều ở Pháp, là người đã tham gia rất tích cực vào phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp trong thời gian này đã nhớ lại:

“*Trong một cuộc biểu tình, anh Võ Phi Ngào, người cầm cờ đỏ sao vàng đi đầu, bị bọn thực dân phản động Pháp xông vào đánh và giật lá cờ, nhưng anh chị em trong đoàn cương quyết chống trả, bảo vệ lá quốc kỳ và tiếp tục đi tới, không một ai chùn bước bỏ chạy, ngược lại: khí thế càng tăng thêm* ” [61, tr.311].

Có nhiều bất trắc, thậm chí nguy hiểm tới tính mạng luôn rình rập đồng bào tham gia biểu tình, đấu tranh, vì vậy, cần phải có lòng dũng cảm cùng lập trường vững vàng để sẵn sàng đối diện với những tình cảnh nguy khốn. Có nhiều người đã bị thương như: Phạm Giảng, Trương Ngọc Liễu... trong cuộc tham gia đấu tranh cùng *công đoàn Pháp CGT tổ chức ủng hộ Việt Nam ở Maubert Mutualité* là một ví dụ điển hình.

Để nhân dân Pháp hiểu đúng đắn về bản chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và tính chính nghĩa của cuộc chiến tranh vệ quốc của nhân dân Việt Nam, đấu tranh bằng cách tham gia phát biểu tại các cuộc mít tinh của lực lượng

cấp tiến người Pháp là một hình thức tuyên truyền có hiệu quả. Tham dự các cuộc mít tinh đó có nhiều nhân sĩ và chính khách tên tuổi nên cần có những người đủ tầm cỡ đại diện lên phát biểu. Hơn nữa những lần phát biểu như vậy sẽ “động chạm” đến phái cực hữu. Họ sẽ tìm cách phá rối, thậm chí là hành hung chính khách đại diện của ta. Ông Nguyễn Công Chánh kể lại trong hồi ký của mình:

*“Một lần, tôi thay mặt Đoàn thể Việt kiều phát biểu trong cuộc mít tinh do Phong trào bảo vệ hòa bình tổ chức. Trong lúc chờ đợi cuộc họp bắt đầu thì một tốp người Pháp phản động (phái hữu) đi lẫn với công chúng vào hội trường đập đập những ống thủy tinh đựng hơi cay mắt, hòng làm cho công chúng phải ra về. Phải về gọi thêm hơn 100 người Angiêri đến dự, đề phòng xô xát. Sau cuộc họp, chúng đứng chực sẵn ngoài hội trường chờ tôi ra để hành hung, vì qua phát biểu phản đối của chúng trong cuộc họp thấy rõ mũi nhọn của chúng chĩa vào là người Việt chứ không phải người Pháp hay người Angiêri trên Đoàn Chủ tịch. Khoảng 7, 8 công nhân Pháp khỏe mạnh đã hộ tống tôi đến trung tâm thành phố mới ra về ” [60].*

Tuy rất có hiệu quả, nhưng trong hoàn cảnh rất khó khăn đó, đấu tranh theo cách thức này không thực hiện được nhiều lần.

Cuối năm 1952, đầu năm 1953, Chính phủ Pháp bắt đầu thi hành chính sách cấm đoán chặt chẽ đối với phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại đây. Một loạt những Hội, đoàn bị cấm hoạt động. Báo chí bị đình bản. Các vụ bắt người và khám xét diễn ra: *“Tháng 12 năm 1952, vào lúc 5h, cảnh sát Pháp ập đến bắt một lúc mấy chục anh, chị em Việt kiều. Hỏi cung xong, họ lại thả ra, 12 người bị giữ lại, trong đó có Phạm Huy Thông, lúc đó là đảng viên đảng Cộng sản Pháp, người lãnh đạo phong trào Việt kiều ở Pháp lúc bấy giờ. Tháng 1/1953, Phạm Huy Thông bị trục xuất khỏi Pháp và bị giam ở Sài Gòn đến khi ký Hiệp định Genève mới thả” [132, tr.71].*

Mặc dù cũng có lệnh trục xuất cùng Phạm Huy Thông, nhưng 2 ông Nguyễn Khắc Viện và Trần Thanh Xuân đã kịp trốn thoát. Để tiếp tục duy trì phong trào, theo gợi ý của Đảng Cộng sản Pháp, ông Trần Thanh Xuân đã ở lại và giữ trọng trách lãnh đạo phong trào. Đến tháng 2 năm 1953, Nguyễn Khắc Viện được điều từ Grenoble lên Paris để giúp đỡ Trần Thanh Xuân trong việc tổ chức lại hoạt động của phong trào. Khi Tổng hội sinh viên đã bị đóng cửa, Hội Ái hữu vẫn được phép hoạt động, ông Trần Thanh Xuân thường xuyên lui tới và có những hoạt động nhằm duy trì tinh thần của Hội.

Sau này, thái độ của giới cầm quyền Pháp đối với phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt ngày càng xấu đi và trở nên căng thẳng, vì vậy: *“Đảng Cộng sản Pháp đã khuyên anh Xuân xin phép đi dưỡng bệnh ở tỉnh để có cơ chính thức rời Pari chứ không phải là đi lánh... nhân dịp bác sĩ cho biết bệnh lao tái phát thì anh xin đi ngay đến Sana, nơi cách Paris 70 cây số ở Bouffémont” [127, tr.79].* Việc ông rời Paris là hoàn toàn chính đáng, không có gì phải nghi ngờ.

Để có thể thoát khỏi sự “hỏi thăm” của cảnh sát Pháp, cần phải hiểu thấu đáo luật pháp của nước họ. Vì vậy, khi tình hình bất ổn, Đảng Cộng sản Pháp đã có những

hướng dẫn nhằm trang bị cho Việt kiều những luật pháp cơ bản của nước Pháp. Luật nước Pháp chỉ cho phép bắt người khi có sự việc phạm pháp cụ thể chứ không được bắt người vô cớ. Luật ở đây cũng cho quyền tự do tư tưởng, tự do về quan điểm, nhưng nếu có chân trong một tổ chức bị cấm thì là phạm pháp. Theo đó, lý tưởng lập trường của mình có thể không chối bỏ, nhưng phải phủ nhận ngay những tổ chức mình tham gia, nhất là không được giữ thẻ đảng trong người. Bằng những hiểu biết về luật pháp của nước Pháp, rất nhiều kiều bào tránh được cảnh sát bắt bớ, giam cầm.

Như đã nói, ở thời điểm này, phong trào rút vào bí mật, tổ chức được phiên chế theo các tổ, chia theo địa danh các phường, quận. Mỗi tổ họp một lần/tuần. Ai bận không họp được phải báo trước. Khi buổi họp được tiến hành mà có người vắng mặt không lý do thì lập tức phải hoãn lại chuyển sang ngày khác. Hoạt động trong bí mật, tổ chức Việt kiều về cơ bản được chia làm 2 nấc. Hạt nhân là những đảng viên thuộc các chi bộ Đảng Cộng sản Pháp ở xí nghiệp, trường học, khu phố, họ tập họp nhau lại thành Đảng bộ Việt kiều gọi là “*Nhóm Việt ngữ*” trực thuộc Trung ương Đảng Cộng sản Pháp, đồng thời cũng có một ban chỉ đạo trực tiếp bàn về công tác Việt kiều. Các đảng viên này làm nòng cốt, lựa chọn những phần tử trung kiên nhất trong mặt trận yêu nước rộng lớn trước đây, lập thành những tổ trong các xí nghiệp, các khu phố gọi là tổ Quyết Thắng. Đồng thời, tờ báo thông tin *Quyết Thắng* được ra đời làm tài liệu để anh em trong các tổ Quyết Thắng phổ biến cho bà con Việt kiều ở Paris. Tại các địa phương khác cũng được tổ chức tương tự như vậy. Với cách sắp xếp đó, cộng đồng người Việt Nam tại Pháp vẫn thấy tổ chức của mình có mặt ở khắp nơi và tin tức trong nước cũng luôn được phổ biến đều đặn. Qua đó, hoạt động và uy tín của phong trào tiếp tục được củng cố.

Sự liên lạc giữa phong trào Việt kiều tại Pháp với trong nước tuy vẫn được thực hiện thông qua Đảng Cộng sản Pháp và Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô, song chủ yếu là để nắm thông tin. Còn những vấn đề liên quan đến công tác Việt kiều tại Pháp thì những người trong ban lãnh đạo phong trào Việt kiều ở đây họp bàn rồi tự quyết định. Bởi lẽ, nếu chờ sự chỉ đạo từ trong nước của Trung ương Đảng Lao Động Việt Nam thì sẽ rất chậm trong khi tình hình chính trị lúc đó lại diễn biến rất nhanh. Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện và những người trong ban lãnh đạo phong trào Việt kiều tại Pháp lúc này nắm tình hình và các chủ trương ở trong nước thông qua báo *Cứu quốc*, báo *Nhân Dân*, do Trung ương Đảng Cộng sản Pháp nhận từ Liên Xô chuyển tới. Ở chiều ngược lại, phong trào gửi về trong nước những nhận định về tình hình ở Pháp, về thái độ của các đảng phái, về các phong trào của nhân dân Pháp. Đây là việc cần phải làm hết sức kín đáo và cẩn thận. Lúc đó chỉ có Nguyễn Khắc Viện cùng một người tên là Nguyễn Văn Chỉ thực hiện công việc này. Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện cho biết:

*“Anh Chỉ hơn tôi khoảng 5 tuổi. Hồi 1930, anh đã tham gia phong trào chống lại vụ án xử tử hình một số cán bộ trong cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh. Anh sang Pháp học lâu rồi, tiếng Việt nói không thạo, đi lại với anh em Việt kiều cũng không tiện lợi, mà lúc bí mật càng tốt. Anh Chỉ còn có thuận lợi là mang quốc tịch Pháp, thì Chính*

*phủ không có quyền gì bắt anh vì ý kiến về chính trị và cũng không có quyền trục xuất anh. Anh rất trung kiên, tận tụy. Suốt cả thời gian dài, cứ mỗi buổi sáng, anh đi mua mười mấy tờ báo lớn của Pháp, xem kỹ, chỗ nào cần chú ý, gạch chì xanh, đổ vào, dán lại và nhờ Trung ương Đảng Pháp gửi về Việt Nam. Cứ như thế, anh làm việc này cần cù, chăm chỉ từ ngày này qua ngày khác, hết tháng này qua tháng khác. Ngoài ra anh không phải là đảng viên, nên có lợi thế trong quan hệ với các chính khách, các tổ chức ngoài Đảng Cộng sản Pháp, qua đó tập trung được nhiều tin tức. Chúng tôi gặp nhau thường xuyên để trao đổi, nhận định tình hình để kịp chuyển về trong nước. Ở các tỉnh cũng có một số anh em liên hệ được như thế” [132, tr.74].*

Qua năm 1953 cho đến đầu năm 1954, tổ chức Việt kiều đã nhanh chóng xây dựng lại. Tờ *Quyết Thắng* ra đều đặn, cung cấp thông tin cho bà con Việt kiều, và từ đó lan truyền tới các tổ chức Pháp. Các tổ chức *Quyết Thắng* cũng họp đều. Ngày tết, ngày lễ, với danh nghĩa là các tổ chức do người Pháp đứng ra chủ trì, anh em Việt kiều phục vụ về vật chất cũng như về văn nghệ. Nhiều hình thức hoạt động như lễ hội, triển lãm... được tiếp tục.

Tình hình chiến sự tại Đông Dương đã buộc cuộc chiến bước vào trận quyết chiến chiến lược tại Điện Biên Phủ. Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được thực dân Pháp xây dựng như một con nhím khổng lồ tại vùng rừng núi Tây Bắc, họ coi đây là tập đoàn “bất khả chiến bại”. Vì vậy, trước khi trận chiến diễn ra, Chính phủ Pháp và đồng minh của họ là Mỹ rất tin vào một chiến thắng mang tính bước ngoặt để lấy lại ưu thế trên chiến trường. Trong khoảng thời gian diễn ra trận Điện Biên Phủ, báo chí Pháp ngày nào cũng đưa tin đặc biệt là vào cuối tháng 4, đầu tháng 5 năm 1954. Ban đầu, giới truyền thông Pháp cũng tin vào một chiến thắng của quân đội Pháp và sự thất bại thảm hại của Việt Minh. Tuy nhiên, niềm tin ấy dần dần giảm đi khi một loạt những tin tức về việc quân đội Pháp đang mất dần từ cứ điểm này đến cứ điểm khác được truyền về. Lính Pháp tử trận tại Điện Biên Phủ ngày càng nhiều. Phong trào chống chiến tranh xâm lược Việt Nam ngày càng mạnh mẽ tại nước Pháp. Nhưng, những lực lượng người Pháp cực đoan lại tỏ vẻ đề cao tinh thần dân tộc, ca ngợi những chiến binh Pháp chết trận tại Điện Biên Phủ như những anh hùng. Thủ đô Paris lúc này luôn trong tình trạng vừa sôi nổi, vừa căng thẳng. Sau 56 ngày đêm diễn ra trận quyết chiến chiến lược (13/3- 7/5/1954), quân đội Pháp đã nhận một trong những thất bại lớn và cay đắng nhất trong lịch sử nước Pháp. Toàn thế giới rung chuyển bởi tin tập đoàn cứ điểm chiến lược mà thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ xây dựng ở Điện Biên Phủ, cái mà họ gọi là “bất khả chiến bại” đã thất thủ.

Trước tình hình đặc biệt nhạy cảm tại nước Pháp, phong trào Việt kiều đã đồng ý với Đảng Cộng sản Pháp chủ trương không tổ chức mừng chiến thắng rầm rộ để tránh sự khiêu khích từ những lực lượng người Pháp đối lập. Tuy nhiên, những đảng viên Đảng Cộng sản Pháp và bạn bè người Pháp có cảm tình, khi gặp người Việt Nam đều hoan hô, mời uống sâm banh... Các bạn châu Phi, Algérie... mang những tờ báo to đề tên “*Điện Biên Phủ thất thủ*” dán trước ngực rồi đi đi lại lại trên các đường phố



rất vui vẻ. “*Có một sinh viên Việt Nam đi chữa giày. Chữa xong, hỏi: “Ông tính bao nhiêu?” người thợ Pháp không quen biết, nói: “Thôi, thôi, thôi, Việt Nam... Điện Biên Phủ thì không lấy tiền”* [132, tr.75, 76].

Chủ trương đàm phán của VNDCCH cuối cùng cũng được chấp thuận với Hội nghị quốc tế tại Genève. Sau thất bại trong trận quyết tại Điện Biên Phủ, Chính phủ Pháp buộc phải ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ VNDCCH tại Genève.

Hội nghị Genève khai mạc ngày 26 tháng 4 năm 1954 để bàn về vấn đề khôi phục hoà bình tại Triều Tiên và Đông Dương. Do vấn đề Triều Tiên không đạt được kết quả nên từ ngày 8 tháng 5 vấn đề Đông Dương được đưa ra thảo luận. Đoàn đại biểu của VNDCCH do ông Phạm Văn Đồng dẫn đầu đã bước vào Hội nghị với tư cách của một dân tộc chiến thắng. Hội nghị bàn về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được tổ chức là điều mong mỏi của nhân dân Đông Dương và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Tuy nhiên, nếu so sánh sẽ thấy thế mạnh nghiêng về chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế. Vì vậy, suốt hơn 2 tháng, cuộc đấu trí đã diễn ra gay gắt giữa 2 bên tại Hội nghị.

Để hỗ trợ cho đoàn đại biểu VNDCCH, trong thời gian diễn ra Hội nghị Genève, phong trào yêu nước của Việt kiều tại Pháp có nhiệm vụ cử người sang Genève báo cáo tình hình ở Pháp và tình hình Việt kiều cho phái đoàn đàm phán của VNDCCH. Nhiệm vụ này được giao cho bác sĩ Nguyễn Khắc Viện. Do tình hình chính trị, lúc này, biên giới Thụy Sĩ và Pháp được canh phòng rất nghiêm ngặt. Đảng Cộng sản Pháp đã giới thiệu bác sĩ Viện đến gặp một đồng chí người Pháp ở tại một thị trấn gần biên giới Pháp- Thụy Sĩ. Nơi đây cách Genève chỉ khoảng mười mấy kilômét. Là chủ một trang trại nuôi gà, cứ hai lần một ngày, anh lại chở trứng gà sang bán tại Genève. Mọi lính gác biên phòng anh đều quen biết, vì vậy anh dễ dàng qua biên giới, tất nhiên là cần đãi họ một cốc rượu. Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện kể lại trong cuốn *Tự truyện*:

*“ Tôi có dịp gặp và báo cáo tình hình với các anh Phạm Văn Đồng, Tạ Quang Bửu và được các anh cho nghe tình hình trong nước. Trong đoàn có nhiều anh em quen cũ, như Phan Anh, Trần Thanh, lâu ngày gặp nhau rất vui mừng. Hồi đó, tôi có liên hệ chặt với nhóm Mác xít Campuchia ở Paris, nên cũng báo cáo luôn tình hình cho anh Thanh Sơn, theo lời dặn của đồng chí Mignot phụ trách Campuchia. Ở đây một tuần tôi lại được anh Paul đưa xe qua đón, rồi trở về Paris tiếp tục hoạt động ”* [132, tr.76].

Sau hơn hai tháng đàm phán, ngày 21/7/1954, các văn bản của Hiệp định Genève về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Mặc dù còn có hạn chế, nhưng Hiệp định Genève đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của VNDCCH và các nước ở Đông Dương: *Các nước tham dự hội nghị cam kết tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia, không can thiệp vào công việc nội bộ 3 nước.*

Việc Hiệp định Genève được ký kết là thắng lợi to lớn đối với cách mạng Việt Nam. Ngoài ý chí kiên cường và tài ngoại giao khẩn tiếp của đoàn VNDCCH, sự trợ

giúp về tin tức quốc tế và tình hình nước Pháp của Việt kiều tại Pháp thông qua bác sĩ Viện cũng vô cùng quan trọng.

Tháng 7/1954, Sinh viên Việt Nam tại Pháp tổ chức trại hè ở Tours với hàng trăm sinh viên tham dự nhằm mục đích ca ngợi chiến thắng Điện Biên Phủ. Khi Hiệp định Genève được ký kết, đêm 21/7/1954 là “đêm trắng - đêm không ngủ” của sinh viên Việt Nam mừng hòa bình được lập lại, một nửa đất nước được tự do và chuẩn bị cho cuộc đấu tranh sắp tới vì hòa bình thống nhất Tổ quốc.

**\* Hoạt động yêu nước trên lĩnh vực báo chí**

Trong bối cảnh khó khăn do chính sách ngăn cấm của nhà cầm quyền Pháp, đấu tranh bằng báo chí là một giải pháp phù hợp vào lúc này.

Nói tới báo chí của người Việt Nam tại Pháp lúc này cần phải kể đến các tờ báo nổi bật: *Tiếng thợ, Văn hóa Liên hiệp, Công nhân...*

Báo *Tiếng thợ* là cơ quan ngôn luận của *Trung ương Công binh* vào giai đoạn 1946 – 1950. Sau khi *Trung ương Công binh* giải thể và *Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp* ra đời thay thế (tháng 6/1950), Báo *Tiếng thợ* trở thành cơ quan ngôn luận của *Hiệp đoàn*.

Trong hai ngày: 4 và 5/8/1951, Hội nghị lần thứ nhất của *Hiệp đoàn thợ Việt Nam* đã được triệu tập để bầu ra Ban Trung ương chính thức cho *Hiệp đoàn*. Trong Hội nghị này, *Tiểu ban báo chí* của *Hiệp đoàn* phụ trách tờ *Tiếng thợ* đã tuyên bố rõ về tờ báo của mình:

“ Là cơ quan thông tin và thời cuộc thế giới, mà cũng là cơ quan tuyên truyền lập trường ủng hộ kháng chiến, chống đế quốc, chống bè lũ Bảo Đại và tay sai của chúng, giác ngộ giai cấp cần lao, bênh vực triệt để phong trào tranh đấu của Việt kiều tại Pháp, *Tiếng thợ* còn là cơ quan thông tin nội bộ cho các đoàn viên ” [94, tr.257].

Từ tháng 2/1951, *Tiếng thợ* có thêm mục *Tự do diễn đàn* để những khuynh hướng cách mạng khác nhau trong hàng ngũ lao động phát biểu. Đây là một nội dung rất tiến bộ của tờ báo này. Nó thể hiện tinh thần dân chủ của tờ báo nói riêng và *Hiệp đoàn thợ Việt Nam* tại Pháp nói chung.

Có thể nói, *Tiếng thợ* là một trong những tờ báo tồn tại bền bỉ nhất trong phong trào báo chí của người Việt Nam tại Pháp. *Tiếng thợ* tiếp tục tồn tại và là tiếng nói của một bộ phận thợ thuyền Việt Nam tại Pháp trong các giai đoạn sau này.

*Văn hóa liên hiệp* như đã nói ở trên là một tổ chức của Việt kiều, phần lớn là trí thức. Chính vì đặc thù ấy cho nên việc tổ chức này có một tờ báo là điều dễ hiểu. Báo của tổ chức này cũng lấy tên là *Văn hóa liên hiệp*. Viết bài cho báo này có một số trí thức tên tuổi lúc bấy giờ: Phạm Huy Thông, Trần Đức Thảo, Trần Thanh Xuân... Nội dung của báo có bàn về chính trị, về cuộc kháng chiến của ta, về phong trào của Việt kiều yêu nước và có cả bàn về khoa học, về triết học. Đã có những bài báo tranh luận trong nhiều kỳ giữa Trần Thanh Xuân và Trần Đức Thảo về Lão Tử, Khổng Tử... Từ những cuộc tranh luận đó, nhiều vấn đề thuộc về quy luật của tự nhiên- xã hội cũng dần sang tỏ. Theo đó, đa số kiều bào, nhất là học sinh, sinh viên đã có cơ sở khoa học

nhìn nhận về tình hình chính trị- xã hội quốc tế nói chung và Việt Nam nói riêng một cách đúng đắn, qua đó có hành động đúng trong phong trào đấu tranh.

Đến năm 1953, khi *Văn hóa liên hiệp* bị nhà cầm quyền Pháp đóng cửa thì tờ báo của tổ chức cũng đình bản.

Tổ chức *Công nhân tương trợ* có tờ báo *Công nhân*. Đây là tờ báo có tiếng nói trong giới Việt kiều lúc bấy giờ. *Công nhân* không chỉ là tờ báo đưa tin, mang tính chất tuyên truyền mà còn là nơi diễn ra những cuộc tranh luận chính trị nảy lửa. Trong suốt một giai đoạn lâu dài, tờ *Công nhân* cùng với *Văn hóa Liên hiệp* đã luôn có những tranh luận với tờ *Tiếng thợ* của *Hiệp đoàn thợ Việt Nam*. Nghiên cứu hoạt động báo chí của phong trào Việt kiều yêu nước thời kỳ này cũng phần nào thấy được nhưng bất đồng quan điểm của các giới Việt kiều yêu nước tại Pháp. Tờ *Công nhân* cũng là vũ khí lý luận sắc bén để đáp trả lại những âm mưu và thủ đoạn dối trá của thực dân Pháp và những lực lượng thân Pháp và Bảo Đại.

Tổ chức *Chi hội Liên Việt tại Pháp* ra đời vào cuối năm 1949 có cơ quan ngôn luận là tờ *Thông tin Liên Việt*. *Thông tin Liên Việt* là tờ báo thể hiện tiếng nói của những Việt kiều yêu nước, ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và Chính phủ VNDCCCH. Tờ *Thông tin Liên Việt* có cùng quan điểm chính trị với hai tờ *Văn hóa Liên hiệp* và *Công nhân*.

Học sinh, sinh viên Việt Nam cũng có một tờ báo riêng là nguyệt san “*Sinh viên Việt Nam tại Pháp*” do bác sĩ Lương Phán sáng lập. Theo bác sĩ, khi ông còn là sinh viên học tại Paris, con phố nhỏ nơi ông trọ có một nhà in nhỏ. Chủ nhà in này là một người Cộng sản thân thiện và vui tính. Trong một lần nói chuyện và xem ông làm việc, Lương Phán được biết, từ trước, các nhà in ở ta nhập cảng chữ chì đúc tại Pháp. Ý nghĩ in một tờ báo bằng chữ nhà in có lẽ dễ thuyết phục hơn là in ronêo chột nảy ra trong suy nghĩ. Sau đó, được sự chỉ dẫn của người chủ nhà in, Lương Phán đã biết được địa chỉ một nhà xuất bản ở ngoại ô Paris. Trụ sở của nhà in cho tờ nguyệt san sẽ được đặt tại đâu là vấn đề đặt ra cho bác sĩ Lương Phán. Sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, ông quyết định thuê vài căn buồng nhỏ ở một khách sạn nghèo, nơi ông đang sống làm nơi sắp chữ cho tờ báo. Sau đó, ông nhanh chóng cùng một người lính thợ Việt Nam tự học cách sắp chữ cho từng trang của tờ báo, và : “ Vào mỗi sáng trên đường đi học, tôi khuôn các khuôn đã sắp chữ ( rất nặng) từ mấy tầng lầu giao cho anh bạn nhà in. Thế là tờ “*Sinh viên Việt Nam tại Pháp*” in typô ra đời. Đồng thời cũng in được một số thứ khác bằng chữ Việt: thẻ hội viên, thiệp cưới” [107, tr.267]. Tới khi Tổng hội Sinh viên Việt Nam bị nhà cầm quyền Pháp giải tán thì nguyệt san này cũng ngừng xuất bản.

Ở các địa phương, hoạt động trên lĩnh vực báo chí nổi bật nhất phải kể đến bác sĩ Nguyễn Khắc Viện, người đã hướng dẫn phong trào ở Grenoble, cho ra được tờ “*Dân nước*”. Lúc đầu báo ra hai tháng một kỳ, sau đó mỗi tháng một kỳ. Nội dung của báo phản ánh sinh hoạt nội bộ và sự ủng hộ của các lực lượng tiến bộ Pháp trong khu vực cũng như vài đề tài chính trị, xã luận. Báo lưu hành nội bộ và gửi tặng các Đoàn

thê Việt kiều Paris và các tỉnh. Ngoài bác sĩ Nguyễn Khắc Viện là cây bút chủ lực, còn có các bạn sinh viên và một vài anh em công nhân có trình độ. Báo ra khá đều đặn. Cho đến năm 1954, khi phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam bị Chính phủ Pháp có những hình thức cấm đoán thì tờ “*Dân nước*” đình bản.

Cùng với những tờ báo trên, bác sĩ Nguyễn Khắc Viện và anh em Việt kiều tại Grenoble được sự cộng tác của Nguyễn Hoán, Lê Văn Thiêm, sử dụng các quyền từ điển của Hoàng Xuân Hãn và Đào Duy Anh đã cho ra đời tờ “*Khoa học và ứng dụng*”. Tờ báo này được làm theo kiểu tạp chí. Hai, ba tháng ra một kỳ với mục đích giúp anh em Việt kiều nâng cao trình độ tiếng Việt và khoa học để chuẩn bị sau này về nước hoạt động.

Trong giai đoạn này, khi nhà cầm quyền Pháp áp dụng chính sách ngăn cấm chặt chẽ đối với phong trào yêu nước của Việt kiều dẫn tới nhiều tờ báo bị đình bản như: tờ “*Văn hóa liên hiệp*”; “*Khoa học và ứng dụng*” nhưng Việt kiều vẫn không nản trí, tiếp tục ra báo. Tờ này bị cấm thì xuất bản tờ khác. Một loạt báo được ra đời gồm cả báo tiếng Việt và báo tiếng Pháp như: “*Quyết thắng*”, “*Đất nước*”, “*Thăng Long*”, tạp chí “*Tìm hiểu*”, tờ “*Les Nouvelles du Vietnam*”, tờ “*Echo du Vietnam*”. Trong số những tờ báo nói trên, đáng lưu ý nhất là tờ “*Quyết thắng*”. Báo này được in ronê, được sử dụng làm tài liệu để anh em trong tổ chức phổ biến cho bà con Việt kiều ở Paris. Báo ra đều đặn, lan truyền tới cả các tổ chức Pháp.

Bên cạnh việc ra báo chí riêng cho mình, Việt kiều yêu nước còn tích cực viết báo cho những tờ báo tiến bộ Pháp. Bác sĩ Viện là một đại diện tiêu biểu. Khi còn hoạt động tại Grenoble, bác sĩ viết rất nhiều. Những bài của ông có chất lượng cao, gây được tiếng vang trong nhân dân lao động và trí thức Pháp. Sở dĩ việc làm này có tác dụng mạnh vì tờ Les Allobroges có số phát hành lớn thứ hai trong vùng Isère. Dưới sự hướng dẫn của Nguyễn Khắc Viện, ông Phạm Văn Bảy đã thực hiện được cả một trang báo với nhiều hình ảnh về chiến tranh Việt Nam được nhiều tòa soạn báo tiến bộ ở Pháp chấp nhận đăng.

#### **\* Hoạt động yêu nước trên lĩnh vực văn hóa - văn nghệ**

Cùng với phong trào đấu tranh, cộng đồng người Việt tại Pháp giai đoạn 1950-1954 còn có những hoạt động yêu nước rất hiệu quả đóng góp cho việc tuyên truyền cuộc kháng chiến chính nghĩa của dân tộc. Hoạt động được chú trọng nhất là trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ. Văn hóa, nghệ thuật là cái dễ đi vào lòng người. Đặc biệt là đối với những người xa quê hương, đất nước thì những tiết mục văn nghệ mang tính truyền thống dân tộc càng dễ gây xúc động và ấn tượng tốt. Đây là một trong những cách thức tạo nhiều hiệu quả nhất trên lĩnh vực tuyên truyền. Tổng hội sinh viên Việt Nam lúc này có một đội văn nghệ chuyên biểu diễn vào các ngày lễ, tết. Đội văn nghệ này do sinh viên Nguyễn Ngọc Hà lập ra và phụ trách. Khi đó, nhóm anh em sinh viên Việt Nam tại Saint Sulpice, quận 6, Paris đã tập trung thuê gần hết các phòng trọ liền nhau tại đây, theo đó tạo điều kiện dễ dàng và chu đáo cho việc tập văn nghệ. Lãnh trách nhiệm luyện tập cho anh em trong đội là Nguyễn Ngọc Hà và Trần Văn Khê. Đội

đã luyện tập những bài ca từ chiến khu gửi sang, biểu diễn để khơi dậy lòng ái quốc của người Việt xa quê hương. Không chỉ ca hát, đội còn luyện tập cả các vở kịch, cải lương, tuồng mang tinh thần đấu tranh và yêu nước như vở *Hội nghị Diên Hồng*, vở *Lục Vân Tiên*... để khi có dịp thì mang ra biểu diễn cho Việt kiều xem. Trong một buổi biểu diễn nhân dịp “*Ngày liên hoan sinh viên quốc tế*” ở trường Sorbone, dưới sự chỉ huy của sinh viên Nguyễn Ngọc Hà, đội văn nghệ đã thực hiện cả một dàn hợp xướng quy mô và hoành tráng. Do luyện tập và biểu diễn rất quy củ, nghiêm túc, nên dàn hợp xướng đã cho khán giả thưởng thức một chương trình mang đậm khí thế hào hùng của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt tiết mục “*Chi Lăng vang tiếng công chiêng lịch sử*” của hơn 40 sinh viên nam nữ mặc Quốc phục chỉnh tề đã đoạt giải nhất của Ban tổ chức. Đội văn nghệ của Tổng hội sinh Việt Nam tại Pháp cũng thường đi diễn theo lời mời của Việt kiều và học sinh, sinh viên Việt Nam tại các tỉnh, thành phố trên toàn nước Pháp. Mỗi lần đi lưu diễn, tiền xe, tiền ăn, ở đều do những nơi mời chi trả. Có những buổi tập chuẩn bị cho các chương trình lớn, anh em diễn viên trong đội đã thức thâu đêm để luyện tập. Trong các buổi biểu diễn lớn, anh em Việt kiều phải thuê những sân khấu lớn với giá rất đắt bằng tiền đóng góp của mọi người. Theo cố giáo sư Trần Văn Khê, khi ấy các chương trình này không được phép bán vé vì một số quy định dành cho người nước ngoài ở Pháp, cho nên kinh phí chỉ thu được từ sự đóng góp tùy tâm của người đến dự, mà thường là không đủ thuê sân khấu. Vậy nên công sức tham gia tập luyện, biểu diễn coi như miễn phí, nhưng với sự nhiệt huyết của lòng yêu nước; của niềm tin và kỳ vọng đóng một phần công sức vào sự nghiệp kháng chiến của dân tộc, anh em Việt kiều vẫn tham gia rất nhiệt tình.

Cố Giáo sư Trần Văn Khê từng cho biết, vào thời đó, những sản phẩm văn hóa, văn nghệ trong nước nhằm cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân đội hay kêu gọi sự đóng góp của nhân dân cho kháng chiến đều được truyền bá sang Pháp. Việt kiều yêu nước ở Pháp lại dịch sang tiếng Pháp. Những ca khúc đó vang lên khắp nơi bằng cả tiếng Việt và tiếng Pháp. Ví dụ như bài thơ:

*“Mùa đông đã tới nơi rồi  
Gửi mau áo rét cho người chiến binh  
Nào ai vui thú gia đình  
Gửi ra chiến sĩ chút tình nước non ”*

được dịch ra tiếng Pháp rồi được phổ nhạc, truyền bá rộng rãi trong cộng đồng người Việt Nam tại Pháp. Không chỉ cộng đồng người Việt mà cả người Pháp khi nghe đều rất cảm động. Cứ như vậy, họ dần có thiện cảm với Việt kiều, với phong trào Việt kiều yêu nước, với cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam để rồi đồng cảm và ủng hộ chúng ta [Xem Phụ lục 2].

Việt kiều tại Pháp phân bố không đồng đều về số lượng. Có những nơi tập trung đông như Paris, Bordeaux, Marseille... nhưng có những địa phương chỉ có vài chục người. Tuy nhiên, số lượng Việt kiều không phải lúc nào cũng tỷ lệ thuận với sự phát triển của phong trào yêu nước. Grenoble là một ví dụ điển hình. Đến năm 1950,

tại Grenoble, tính cả các vùng lân cận chỉ có 38 người Việt Nam. Trong đó có 18 công nhân trước là lính thợ sau đó giải ngũ làm công cho các hãng trong khu vực; 20 sinh viên, học sinh, trí thức (3 trí thức, 13 sinh viên, 4 học sinh). Mặc dù hạn chế về số lượng, nhưng phong trào yêu nước của Việt kiều tại đây vẫn rất phát triển về mọi mặt, trong đó có cả lĩnh vực văn nghệ. Ông Nguyễn Công Chánh, người sau này là lãnh đạo phong trào Việt kiều ở đây cho biết, mỗi năm, vào ngày Quốc khánh nước Pháp (14/7) đều có tổ chức mít tinh và biểu diễn văn nghệ. Chương trình được tổ chức tại hội trường hoặc nhà hát của các thị trấn do Đảng Cộng sản Pháp nắm quyền quản lý: Fontaine, Saint Martin d'Hères. Cuộc mít tinh hướng về khán giả Pháp. Việt kiều ai cũng tham gia vào tổ chức nên không thể ngồi xem.

Chương trình gồm hai phần: Phần thứ nhất thường là diễn văn của một nghị sĩ thuộc Đảng Cộng sản Pháp; Phần thứ hai biểu diễn một chương trình văn nghệ có cả các tiết mục của người Việt Nam và người Pháp.

Việt kiều với các tiết mục tốp ca, hoạt cảnh, độc tấu violon; mấy nghệ sĩ nghiệp dư Pháp trình diễn các tiết mục múa, hài, độc thơ. Về trật tự trong rạp hát, hội trường do anh em công nhân Pháp đảm nhiệm. Trật tự ngoài rạp có hiến binh của thị trấn do đồng chí thị trưởng Cộng sản điều động đến để đề phòng bọn quá khích, hiếu chiến đến gây sự. Buổi biểu diễn được tổ chức rất trang trọng, lịch sự, làm hài lòng khán giả Pháp.

Tết nguyên đán và lễ độc lập (2/9) của Việt Nam là những ngày lễ lớn. Vào những ngày này, nhóm Đệ Tứ ủng hộ chính phủ Bảo Đại cũng tổ chức văn nghệ. Có thể coi đây là dịp cạnh tranh giữa hai nhóm. Việt kiều đến dự chương trình bên nào đông hơn thì phe đó có ưu thế và uy tín hơn. Để cạnh tranh, các chương trình được dàn dựng và thực hiện tốt là nhiệm vụ rất quan trọng, thậm chí còn là sức ép không nhỏ đối với đội văn nghệ của Tổng hội sinh. Để chuẩn bị cho chương trình lớn này, anh em Việt kiều yêu nước, ủng hộ kháng chiến và Chính phủ Hồ Chí Minh đã chủ động đặt trước hội trường Mutualite cách đó 1 năm. Đây là một Hội trường khá lớn ở Paris. Hội trường chứa được cả ngàn người và có sân khấu rộng. Chương trình rất phong phú và đặc sắc áp đảo hẳn chương trình vừa tẻ nhạt, vừa mang màu sắc “thuê mướn” của phía ủng hộ Bảo Đại, bởi lẽ họ chủ yếu thuê các ca sĩ ở Việt Nam sang hát. Chương trình của họ bị Việt kiều tới dự nhận xét đó giống như ngôi nhà mà không có móng. Đội văn nghệ của *Tổng hội sinh viên* với những tiết mục hợp xướng, đồng ca hoành tráng: *Lên đàng, Tiếng gọi thanh niên, Bạch Đằng Giang...*; những tiết mục độc tấu bằng những nhạc cụ mang âm hưởng dân tộc: đàn tranh, đàn cò, đờn ca của Trần Văn Khê; những vở kịch, cải lương được dàn dựng rất công phu. Chất lượng của các chương trình văn nghệ cộng thêm không khí dân tộc ấm áp như vậy đã lôi kéo và thu hút rất đông, không chỉ Việt kiều mà cả nhân dân Pháp tới dự. Bà con Việt kiều rất thích và nhiệt liệt hoan nghênh. Những sự kiện như vậy không chỉ mang tính văn nghệ mà còn mang tính chính trị sâu sắc. Ông Nguyễn Công Chánh, một cựu Việt kiều ở Pháp hồi đó có nhớ lại trong một bài viết của mình:

*“Tết 1953, có một sinh viên, trước nay không đi với chúng ta, nay nhận tiền của sứ quán ngay đứng ra tổ chức một bữa tiệc, mời một số người Pháp quen biết đến dự*

*hòng gây cảm tình với phía chính phủ bù nhìn. Được tin, đoàn thể Việt kiều cử 3 anh công nhân đến trước cửa nhà hàng ăn, phát cho mỗi người đến dự một tờ truyền đơn nêu rõ đây không phải là buổi lễ do đoàn thể Việt kiều tổ chức, đoàn thể Việt kiều luôn ủng hộ Chính phủ kháng chiến còn những người tổ chức buổi tiệc này thì ủng hộ chính phủ bù nhìn và không đại diện cho ai cả... Nhiều khách thấy không ổn bỏ ra về, còn lại ít người dự một buổi tiệc lèo tèo, ngượng ngập ” [59, tr.262].*

Bác sĩ Nguyễn Khắc Viện kể lại trong “*Tự truyện*” về buổi liên hoan kỷ niệm ngày toàn quốc kháng chiến vào ngày 19/12/1952, “... anh em diễn trên sân khấu trước hơn 3.000 người, một tiết mục miêu tả trận Pháp thua ở Đông Khê, Thất Khê... làm cho một số nghị sĩ phái hữu chất vấn ở Quốc hội, tại sao Chính phủ lại cho Việt Minh làm như vậy ngay giữa thủ đô” [132, tr.71].

Cùng với văn nghệ, những hoạt động mang tính cộng đồng cũng thường xuyên được Cộng đồng người Việt Nam tại Pháp tổ chức. Trại hè là một hoạt động điển hình. Hàng năm, rất nhiều trại hè được Việt kiều tổ chức ở nhiều nơi trên đất nước Pháp. Có thể nói, đây là hình thức hoạt động vừa mang tính giải trí, vừa có tác dụng thắt chặt tình đoàn kết trong cộng đồng Việt kiều tại Pháp và tranh thủ sự ủng hộ của bè bạn quốc tế. Trong hồi ký của mình, ông Nguyễn Công Chánh nhớ lại:

*“ Năm 1953, sau khi dự trại hè Amboise với sinh viên Việt kiều ở Pháp, tôi về Grenoble tham gia cùng các anh công nhân tổ chức trại hè Laval, một địa danh ngoài Grenoble, quy tụ khá đông đủ Việt kiều trong vùng. Trại diễn ra trong một tuần, giữa thời gian ấy có ngày chủ nhật nên nhiều anh em ở xa, như ở Lyon tập trung về đây rất đông. Tham gia chủ yếu là anh em công nhân, tranh thủ phép năm, đến đây sống giữa thiên nhiên, tìm hiểu tình hình kháng chiến qua các tài liệu mà ngày thường anh em không có điều kiện tiếp xúc, nay có rộng thì giờ thảo luận, nếu thắc mắc, được anh Viện giải thích cặn kẽ, đơn giản nên nhận thức được nâng cao rõ rệt ” [59, tr.5].*

Phải ký Hiệp định Genève chấp nhận sự thất bại trong cuộc chiến, nhưng Chính phủ Pháp chỉ công nhận Chính phủ Sài Gòn (Việt Nam quốc gia do Bảo Đại làm Quốc trưởng) mà chưa chịu công nhận Chính phủ VNDCCH. Mặc dù không có sứ quán của VNDCCH tại Paris, nhưng Việt kiều lúc này đã có một vị thế hoàn toàn khác trước. Người Việt Nam tại Pháp đã không còn là dân thuộc địa của Pháp mà là công dân nước Việt Nam độc lập. Chính phủ Pháp và Chính phủ VNDCCH đã thỏa thuận không truy cứu ai trước theo lập trường chính trị nào, thuộc phe phái nào. Mặt khác, do Chính phủ Pháp còn nguyên quyền lợi về xí nghiệp, nhà cửa, tài sản ở miền Bắc Việt Nam, họ phải điều đình với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nên chính sách của họ đối với Việt kiều có phần bớt gay gắt so với thời kỳ trước. Vì vậy, dù tổ chức Việt kiều cũng chưa được ra công khai, nhưng mọi hoạt động có thuận lợi hơn trước, đặc biệt là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động yêu nước dần được sáng rõ. Theo đó, trước bối cảnh và yêu cầu mới của lịch sử dân tộc, cộng đồng người Việt Nam tại Pháp lại viết tiếp những trang sử vẻ vang của mình, góp phần cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng tổ quốc nơi đất khách quê người.

### Tiểu kết chương 3

Vì nền hòa bình cho cả hai dân tộc Việt - Pháp, cả dân tộc Việt Nam đã phải ép lòng nhân nhượng trước những yêu cầu rất ngang ngược và vô lý của thực dân Pháp. Tuy vậy, mọi lối thoát cho hòa bình đã bị chính thực dân Pháp khóa chặt bởi những hành động bội ước của họ. Nhân dân Việt Nam buộc phải cầm súng, bước vào thời kỳ toàn quốc kháng chiến.

Phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp trong thời kỳ này đã diễn ra rất sôi nổi. Sau sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp, tinh thần đoàn kết của Việt kiều tại đây đã được tăng cường. Mặc dù bất đồng quan điểm về tư tưởng vẫn tồn tại nhưng tuyệt đại đa số Việt kiều đã tỏ rõ thái độ ủng hộ cuộc kháng chiến của dân tộc. Trong thời kỳ này, phong trào yêu nước của kiều bào đã phát triển qua hai giai đoạn cơ bản. Giai đoạn 1946- 1950 và giai đoạn 1950- 1954.

Trong giai đoạn thứ nhất, phong trào diễn ra trong hoàn cảnh công khai. Vai trò của bộ phận lính thợ Việt Nam trong cộng đồng Việt kiều tiếp tục được thể hiện rõ nét trong những năm 1946 - 1949. Từ giữa năm 1948, vai trò của trí thức trong phong trào yêu nước của Việt kiều bắt đầu thể hiện rõ nét hơn với những nhân tố mới xuất hiện.

Ở giai đoạn thứ hai, do chính sách cấm đoán của Chính phủ Pháp, phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam phải hoạt động trong hoàn cảnh bí mật. Vượt qua những khó khăn, cộng đồng Việt kiều vẫn tiếp tục phát triển phong trào của mình trên các lĩnh vực, trong đó những đóng góp thiết thực nhất là về chính trị và hoạt động văn nghệ.

Hiệp định Genève đánh dấu sự thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam nhưng nó cũng là sự khởi đầu một thời kỳ đấu tranh mới gay go và quyết liệt hơn rất nhiều: Thời kỳ đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp tiếp tục có nhiệm vụ phát triển để song hành cùng nhiệm vụ của toàn dân tộc. Năm 1956, tổ chức Việt kiều tại Pháp ra công khai trở lại, lấy tên là Hội Liên hiệp Việt kiều vì Hòa bình. Trước những nhiệm vụ lịch sử mới mà dân tộc đặt ra, một thời kỳ hoạt động, đấu tranh sôi nổi của Việt kiều yêu nước tại Pháp lại bắt đầu.



## **Chương 4. MỘT SỐ NHẬN XÉT VỀ HOẠT ĐỘNG YÊU NƯỚC CỦA NGƯỜI VIỆT NAM TẠI PHÁP GIAI ĐOẠN 1945- 1954**

### **4.1. Những đóng góp nổi bật của phong trào**

#### ***4.1.1. Sự đóng góp to lớn về vật chất và tinh thần cho công cuộc kháng chiến kiến quốc***

Không chỉ riêng Việt Nam có người cùng huyết thống sống xa quê, mà quy luật phổ biến là những sự dịch chuyển nơi ăn chốn ở không ngừng của nhân loại bắt đầu từ nhiều thế kỷ trước là nhân tố cấu thành trạng thái cư dân hiện nay trên hành tinh chúng ta.

Bất kể nguồn gốc và động cơ nào dẫn đến sự hình thành cộng đồng người Việt ở nước ngoài thì có một sự thật không thể phủ nhận rằng: Cộng đồng ấy vẫn đang tồn tại ở khắp nơi trên hành tinh này.

Ngoài phạm vi châu Á, Pháp là nước có số người Việt Nam đến sinh sống sớm nhất. Theo đó, cộng đồng người Việt Nam tại Pháp cũng được hình thành từ sớm. Nói chung, họ đã tạo được cuộc sống ổn định cho bản thân và các thế hệ tiếp theo. Là dân cư của một nước sớm phải đấu tranh cho sự sinh tồn của nòi giống trong một hoàn cảnh lịch sử đặc biệt về địa chính trị và địa văn hóa, nên người Việt Nam tại Pháp sớm hòa nhập được với phong tục tập quán cũng như pháp luật của nơi mình sinh sống.

Từ nhân tố tích cực là nhóm *Ngũ long* trong những năm đầu thế kỷ XX, bao gồm: Nhà yêu nước Phan Chu Trinh; Luật sư Phan Văn Trường; nhà cách mạng Nguyễn An Ninh; Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn Ái Quốc. Họ đã hoạt động hướng tới đấu tranh cho độc lập tự do của Tổ quốc với những mức độ khác nhau và những hình thức khác nhau. Cũng chính các ông đã thành lập *Nhóm người An Nam yêu nước* năm 1919 mà tiền thân của nó là *Hội người An Nam yêu nước* năm 1912. Theo dòng chảy của thời gian và những diễn biến của thời cuộc, từ những tổ chức tiền thân đó, cộng đồng người Việt Nam tại Pháp đã ngày càng đông đảo hơn, bao gồm nhiều thành phần xã hội khác nhau, trong *Hội người Việt tại Pháp*. Buộc phải sống tha hương, họ quy tụ lại đoàn kết bên nhau, vượt lên mọi biến động của đất nước, tiếng nói, tâm lý, văn hóa, nếp nghĩ, màu da... Hoạt động yêu nước của kiều bào tại Pháp ở mọi thời kỳ, giai đoạn của lịch sử có giá trị lớn lao, nhất là trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954.

Từ chối thiện chí hòa bình của nhân dân Việt Nam, thực dân Pháp đã trực tiếp gây chiến. Và đáp lại hành động vô lương tâm đó là mệnh lệnh “ Kháng chiến toàn quốc” chống thực dân Pháp xâm lược của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ VNDCCH.

Kế thừa và phát huy nghệ thuật sử dụng sức dân trong những cuộc chiến tranh giữ nước truyền thống, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nhằm bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền và thống nhất quốc gia của mình, Đảng Cộng sản Đông Dương luôn thực hiện chính sách: *đại đoàn kết dân tộc; chiến tranh nhân dân*

*toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính*, coi đó là phương châm chiến lược, là nguyên tắc cốt tử trong suốt cuộc kháng chiến. Sống xa Tổ quốc, từ nước Pháp xa xôi, cộng đồng người Việt Nam tại Pháp lập tức hành động để hưởng ứng chủ trương kháng chiến của dân tộc. Không thể trực tiếp tham gia cuộc kháng chiến, nhưng họ đã quy tụ được sức mạnh của những người con xa xứ trong một mặt trận đấu tranh, với nhiều hình thức khác nhau, tạo nên những hoạt động yêu nước chân chính nơi đất khách quê người. Hiệu quả của nó đã có những đóng góp đáng trân trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp xâm lược.

*Trước hết và nổi bật nhất là sự ủng hộ, tích cực, liên tục về chính trị đối với cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng đất nước*

Sự ủng hộ về chính trị trên thực tế có thể là dễ dàng hơn, nhưng từ thực trạng khách quan và chủ quan của phong trào thì không hề dễ chút nào. Sống xa Tổ quốc, xa nơi đang diễn ra cuộc kháng chiến - kiến quốc rất sôi động và hết sức ác liệt giữa một quốc gia thuộc địa nửa phong kiến vừa mới giành được độc lập với một cường quốc có lịch sử 200 năm phát triển chủ nghĩa tư bản. Đồng bào không có cơ hội trực tiếp tham gia trên mặt trận quân sự- kinh tế - xã hội, thì tại nơi xa xôi ấy, một phong trào đấu tranh chính trị, yêu nước đã diễn ra rất đa dạng phong phú. Một khó khăn lớn nhất là diễn ra tại đất nước đang sinh sống và học tập, mà chính quyền của họ lại đang tiến hành chiến tranh xâm lược Tổ quốc mình - Việt Nam. Theo đó, chính quyền thực dân có cả một bộ máy và phương tiện bạo lực sẵn sàng đàn áp, khủng bố phong trào. Mọi thủ đoạn của nhà cầm quyền đều được đưa ra thực hiện : Bắt bớ Việt kiều, nhất là các cán bộ lãnh đạo, trục xuất họ về nước ; đối với người lao động thì dọa đuổi việc, cắt lương ; đối với học sinh, sinh viên thì cắt chuyển ngân, đuổi học. Rồi bọn phản động ở thuộc địa, bọn tay sai của đế quốc là người bản xứ, dựa vào chính quyền thực dân để khủng bố, dọa nạt thân nhân của kiều bào đang sống trong nước. Ngoài ra họ dùng nhiều luận điệu my dân hòng lung lạc tinh thần Việt kiều, nhất là với những người trẻ tuổi. Bất chấp những hành động đó, cộng đồng người Việt Nam ở Pháp vẫn tìm mọi cách đấu tranh trên các lĩnh vực: Tuyên truyền ; mít tinh, tranh luận, hội thảo, xuống đường biểu tình ; xuất bản báo chí lúc công khai, khi bí mật..

Tranh thủ tình hình chính trị- xã hội của nước Pháp, dựa vào sự ủng hộ của Đảng Cộng sản Pháp, Việt kiều tích cực tổ chức và phát triển phong trào yêu nước của mình. Vào dịp hội báo Nhân Đạo, Việt kiều tổ chức gian hàng của riêng mình tại hội chợ, vừa để giao lưu với nhân dân Pháp, vừa phát truyền đơn, tuyên truyền, để dư luận Pháp hiểu một cách chân xác về bản chất phi nghĩa cuộc chiến tranh xâm lược của Chính phủ Pháp và tính chính nghĩa nơi cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.. Trên nhiều tờ báo tiến bộ ở Pháp cũng như những tờ báo của Việt kiều, các ông Nguyễn Khắc Viện, Trần Đức Thảo... đã tích cực viết bài để khẳng định rõ thiện chí hòa bình là lập trường nhất quán của dân tộc Việt Nam. Tính chính trị của phong trào được Việt kiều yêu nước khéo léo lồng vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, theo đó nội dung biểu diễn đã phát triển để không chỉ là hoạt động văn hóa thông thường. Tại

các cuộc giao lưu văn hóa quốc tế, nhờ tài năng xuất sắc của mình, Việt kiều tại Pháp có vai trò như đại diện cho dân tộc Việt Nam lúc đó đã góp phần quan trọng để nhân dân tiến bộ và yêu chuộng hòa bình không chỉ biết đến nền văn hóa đặc sắc Việt Nam mà còn mở rộng hơn nữa tầm nhìn thông cảm, ủng hộ của họ đối với cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam. Mặc dù quan điểm chính trị có thể khác nhau, có nhiều người chưa tán thành chủ nghĩa cộng sản, nhưng được phong trào yêu nước giác ngộ, đa số người Việt tại Pháp đều hướng về dân tộc, về cuộc kháng chiến bằng tất cả tình nước và nghĩa đồng bào.

Tất cả các hình thái đấu tranh đó đều có hiệu quả cao, trong đó đã duy trì được phong trào trong suốt 3000 ngày diễn ra cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của dân tộc. Không chỉ bà con Việt Nam ở Pháp mà nhân dân Pháp ngày càng nhận thức được tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Việt Nam, tính chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược; thấu hiểu thông cảm với nhân dân Việt Nam để từ đó có hành động đúng ủng hộ chúng ta.

*Những đóng góp về của cải vật chất và con người cho cuộc kháng chiến*

Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, lực lượng giữa VNDCCH với quân Pháp thực quá chênh lệch, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khái quát tương quan lực lượng giữa 2 bên bằng một hình tượng rất cụ thể “Châu chấu đá voi”.

Nếu suy đoán dưới góc độ vật chất thông thường thì dân tộc Việt Nam khó có thể kháng chiến thắng lợi. Song với tư tưởng đại đoàn kết dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt sự thắng lợi của công cuộc kháng chiến- kiến quốc trên cái nền *nhân dân*: “Hai mươi triệu đồng bào Việt Nam quyết đánh tan mấy vạn thực dân phản động” [99, tr.151]. Sức mạnh của toàn dân tộc đã được động viên và phát huy cao độ, trong đó có sự giúp đỡ của người Việt Nam tại Pháp. Tất nhiên là: “không thể thống kê một cách chính xác con số đóng góp về của cải vật chất của kiều bào tại Pháp cho cuộc kháng chiến. Tuy nhiên, không thể không nhắc đến những đóng góp nhân ngày Thương binh liệt sĩ 27/7 hàng năm; những “Mùa đông binh sĩ” gửi áo trấn thủ đến các chiến sĩ nơi sa trường, rồi Quỹ kháng chiến, Quỹ giải phóng...” [130, tr.288].

Tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia còn lưu giữ những bản thống kê tiền đóng góp của họ và một số nước khác ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh [**Xem Phụ lục 4**]

Trên một bản danh sách có ghi : Paris ngày 10/6/1947 :

- Kiều bào ở Numea	: 60.000 Phrăng
- Một nhóm kiều bào cứu quốc ở Majrarquer	: 1.000 Phrăng
- Đạo gốc Marseille	: 1.837.553 Phrăng
- Đạo Nhất Lyon	: 1.002.700 Phrăng
- Đạo Tư Tuolouse	: 597.798 Phrăng
- Chi đoàn Meaux	: 15. 330 Phrăng

Ngày 20 tháng 7 năm 1946, Việt Nam công nông đoàn của Ủy ban chấp hành công binh thuộc Tổng ban đại diện công binh ở Pháp đã mở 2 lần lạc quyên được 10.642. 135 quan. Trong danh sách kèm theo có tên của các chi hội công binh Hải Dương ; Quảng Nam, Hà Nam, Nam Định, Thừa Thiên, Quảng Ngãi, Ninh Bình, Hưng Yên, Thanh Hóa, Hà Đông, Quảng Bình, Nghệ An, Bình Định, Bắc Ninh, Hà Tĩnh. Một bản danh sách khác các Việt Kiều đã giúp đỡ các sinh viên nghèo “học hành thành tài” để mai sau về giúp Tổ Quốc. Sự đóng góp đó cũng là nguồn động viên lớn cho dân tộc.

Trong giai đoạn 1950 - 1954, chính sách chiến tranh gay gắt của Chính phủ Pháp một mặt khiến cho đời sống của Việt kiều tại Pháp trở nên khó khăn hơn, một mặt làm phong trào yêu nước của Việt kiều nơi đây gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, Việt kiều vẫn có những đóng góp rất thiết thực và cụ thể cho cuộc kháng chiến của dân tộc mình. Trong dịp lễ mừng sinh nhật Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 1952, kiều bào đã quyên góp được 30 vạn phrăng và một số quần áo gửi về nước tặng các chiến sĩ. Trong dịp ngày thương binh, kiều bào cũng quyên góp được gần 1 triệu phrăng, riêng ở Paris quyên góp được 75 vạn Phrăng.

Đồng thời với những đóng góp to lớn về mọi mặt cho sự nghiệp cách mạng của dân tộc, một đội ngũ trí thức yêu nước đã được giác ngộ, đem tài năng của mình phục vụ Tổ quốc, nhất là về lĩnh vực khoa học kỹ thuật.

Chủ trương cho học sinh, sinh viên Việt Nam học tập tại Pháp của chính quyền thực dân có thể với mưu đồ tách họ khỏi sự nghiệp cách mạng trong nước và phục vụ chính quốc, nhất là thời kỳ đang có chiến tranh.

Sang Pháp du học là một sự chấp nhận can đảm của một số học sinh, sinh viên Việt Nam. Mặc dù học tập và sinh sống tại chính quốc, nhưng học sinh, sinh viên Việt Nam vẫn cảm thấy tầm hồn trẻ trung của mình bị thương tổn, trong lòng luôn đau đớn trước nỗi nhục mất nước. Vậy nên, khi thành tài, bản lĩnh của kẻ sĩ phương Đông được thể hiện trước vận mệnh tồn vong của dân tộc.

Bên cạnh đó, chiến lược đại đoàn kết của Đảng Lao Động Việt Nam cũng luôn luôn đề cao vai trò của trí thức. Tháng 6/1947, để khẳng định tầm quan trọng từ những đóng góp của trí thức đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ VNDCCH đã khẳng định trong một bài trả lời phỏng vấn của nhà báo nước ngoài: “ *Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc. Ở nước khác như thế, ở Việt Nam càng như thế. Chúng thực là trong cuộc kháng chiến cứu quốc này, những người trí thức Việt Nam đã chung một phần quan trọng...Địa vị những người trí thức ái quốc Việt Nam sẽ là cùng với toàn thể đồng bào, kiến thiết nước Việt Nam mới, một nước Việt Nam thống nhất và độc lập, dân chủ, tự do, hạnh phúc* ” [99, tr.156].

Tin tưởng và đi theo tiếng gọi của non sông, nhiều trí thức đã từ bỏ cuộc sống sung sướng tự nguyện về nước phục vụ Tổ quốc. Lớp trí thức này trước hết phải kể đến 3 gương mặt xuất sắc từ Pháp trở về nước trước cách mạng tháng Tám năm 1945, để sau đó trong kháng chiến, các ông đã có những đóng góp hết sức to lớn cho sự nghiệp kháng

chiến, kiến quốc. Đó là tiên sĩ Nguyễn Văn Huyền, vị Bộ trưởng bộ Giáo dục thứ ba và ở cương vị đó lâu nhất (28 năm 350 ngày) của VNDCCH ; đó là Giáo sư - bác sĩ Hồ Đắc Di, người mà năm 1919 chưa hề có một ý niệm nào về cách mạng Việt Nam, nhưng ngay lúc đó đã rất cảm phục Nguyễn Ái Quốc, để rồi sau khi về nước, nhanh chóng tin tưởng vào Chủ tịch Hồ Chí Minh và phục vụ sự nghiệp kháng chiến kiến quốc đến trọn đời. Đó còn là Giáo sư bác sĩ Tôn Thất Tùng, người khai sinh ra nền Y học Việt Nam hiện đại, tài năng của ông nổi tiếng và được ghi nhận không chỉ ở Việt Nam mà cả thế giới phải kính nể trước công trình “ cắt gan có quy phạm ” của ông khi mới 27 tuổi.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước VNDCCH ra đời là một sự kiện có tầm vóc quốc tế. Thắng lợi ở quê nhà đã làm nức lòng cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, trong đó có lẽ người Việt ở Pháp vui mừng phấn khởi nhất. Với cương vị là nguyên thủ quốc gia, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm nước Pháp trong tư cách thượng khách. Cộng đồng người Việt Nam tại Pháp không chỉ chào đón vị Chủ nước kính yêu bằng tất cả tình cảm của những người chung huyết thống mà bằng cả sự ngưỡng mộ, biết ơn. Đội ngũ lao động trí thức người Việt đang sống ở Pháp đã thấy lòng mình nhẹ nhàng hơn, không còn đau đớn bởi nỗi nhục mất nước. Với lòng yêu nước sẵn có trong huyết quản, họ hào hứng chào đón Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm nước Pháp và đoàn đại biểu của Chính phủ VNDCCH đến tham dự Hội nghị đàm phán với nước Cộng hòa Pháp. Ngoài sự giúp đỡ bằng hành động thiết thực, họ còn có nguyện vọng được trở về nước cùng nhân dân kháng chiến- kiến quốc. Để lại cuộc sống đầy đủ nơi kinh đô Ánh sáng hoa lệ, các kỹ sư Phạm Quang Lễ, Võ Quý Huân, Võ Đình Quỳnh, bác sĩ Trần Hữu Tước là những người về nước đợt đầu tiên theo lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ, theo quá trình phát triển của nó, những lớp trí thức: Phạm Huy Thông, Lê Văn Thiêm, Trần Đức Thảo, Nguyễn Viết Hường, Hoàng Xuân Nhị, Nguyễn Đắc Lộ, Hoàng Quốc Tân, Nguyễn Hoàn... bằng nhiều con đường khác nhau tiếp tục tìm đường trở về Tổ quốc. Chấp nhận những thiếu thốn về vật chất và cả tinh thần, có người còn hy sinh cả hạnh phúc gia đình vốn đang rất ổn định tại Pháp, như trường hợp kỹ sư Võ Quý Huân. Tài năng và đức độ của họ không chỉ đóng góp hữu ích cho sự nghiệp kháng chiến- kiến quốc mà còn khiến kẻ thù vừa kính phục, vừa khiếp sợ. Những trí thức chưa có điều kiện về nước đã hoạt động không mệt mỏi trong phong trào đấu tranh yêu nước ở Pháp. Họ là những trạng sư Phan Nhuận ; bà Mai Thị Châu..và hơn 60 trí thức ở Pari đã ký tên vào bản “ ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh”, rồi vận động bà con Việt kiều đóng góp tài chính ủng hộ cho cuộc kháng chiến ở trong nước vốn đang gặp rất nhiều khó khăn.

Trở lại Pháp sau 8 năm, Bộ trưởng Phạm Văn Đồng với tư cách là trưởng đoàn Đại biểu của Chính phủ VNDCCH dự Hội nghị Genève bàn về vấn đề hòa bình ở Đông Dương, các trí thức Việt Nam tại Pháp lại có cơ hội gặp gỡ vị Bộ trưởng tài ba của đất nước. Trong các cuộc gặp gỡ, trí thức đều có nguyện vọng được trở về nước, đem kiến thức của mình đóng góp vào công cuộc cách mạng mới. Tại cuộc gặp giữa bác sĩ Nguyễn Khắc Viện và Bộ trưởng Phạm Văn Đồng thời gian Hội nghị Genève, Bộ

trường đã lưu ý, những trí thức Việt Nam tại Pháp nên ra Bắc khi trở về nước. Bởi lẽ, ở miền Bắc các ngành khoa học kỹ thuật. tự nhiên... hầu như chưa có, những trí thức đi học ở Liên Xô chưa về, thì tri thức về khoa học kỹ thuật là một yêu cầu cấp bách. Có lẽ muốn gây khó khăn, Chính phủ Pháp đã không cho phép đội ngũ trí thức hồi hương. Vì vậy, phong trào Việt kiều yêu nước tại Pháp đã tổ chức họ về nước theo đường bí mật qua đường dây Đảng Cộng sản Pháp. Việt kiều được các đảng viên Đảng Cộng sản Pháp dẫn qua biên giới, sang Ba Lan, Tiệp Khắc, Liên Xô... để về nước. Để giữ bí mật, anh em chỉ mang hành lý tối thiểu như kiêu đi chơi, đi nghỉ hè, mọi tài sản để lại hết. Lớp trí thức đó cùng thế hệ trước đặt nền móng cho sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước và góp phần vào giai đoạn cả nước đồng thời tiến hành 2 nhiệm vụ chiến lược: vừa kháng chiến chống Mỹ cứu nước ở miền Nam, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Trong số những trí thức yêu nước từ Pháp về nước phục vụ cuộc kháng chiến chống Pháp, kỹ sư Phạm Quang Lễ là một trong những tấm gương tiêu biểu.

Kỹ sư Phạm Quang Lễ mà sau này được biết đến với tên nổi tiếng hơn: Giáo sư - Viện sĩ Trần Đại Nghĩa. Ông sinh năm 1913 tại tỉnh Vĩnh Long. Khi còn nhỏ, ông học rất giỏi, sau đó được một người hảo tâm ở Nam kỳ trợ cấp tiền sang Pháp du học khi 22 tuổi.

Ông có 11 năm học tập tại Pháp (1935-1946). Mặc dù bề ngoài là học kỹ thuật dân dụng, nhưng ông luôn khao khát tìm cách học chế tạo vũ khí để sau này về nước góp phần đánh giặc ngoại xâm : “ Suốt 11 năm theo học tại các trường đại học lớn như : Đại học quốc gia Cầu đường ; Đại học Điện, Mỏ, Bách khoa và Viện Kỹ thuật hàng không, ông đã có nhiều bằng kỹ sư và nhiều chứng chỉ về khoa học cơ bản tại Đại học Sorbonne”. Đồng thời ông còn âm thầm bí mật: *“lặng lẽ tìm kiếm các bí mật quân sự, các bản thiết kế vũ khí. Dần dần ông gom góp được hơn 3000 trang tài liệu về vũ khí, hầu hết là tuyệt mật.”* [130, tr.191].

Từ bỏ công việc với: ”mức lương 22 lạng vàng /tháng để về Việt Nam” với “nguyện vọng lớn nhất của tôi là được trở về Tổ quốc cống hiến hết năng lực và tinh thần”

Đáp ứng nguyện vọng của các trí thức trẻ đang làm việc tại Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời kỹ sư Phạm Quang Lễ về nước. Ông đã về nước cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh tháng 10/ 1946.

Vũ khí là thứ mà cuộc kháng chiến đang cần nhất, bằng tài năng và nhiệt huyết của mình, ông lập tức vào cuộc. Sau khi cùng ông Tạ Quang Bửu lên Thái Nguyên thử đạn Bazoka của Mỹ để tìm cách tự chế tạo.

Được đề bạt làm Cục trưởng cục quân giới, từ những trang tư liệu quý giá đem từ Pháp về, tại các xưởng quân giới ở chiến khu Việt Bắc, dưới sự chỉ đạo của ông, công nhân miệt mài làm việc, biến những ray xe lửa trở thành những bộ phận của súng Bazoka với dung sai chỉ nhỏ hơn của Mỹ 0,5mm. Bazoka xuất trận, bắn cháy xe bọc thép của địch; bắn tan tành các ổ súng máy; bắn cháy thành tro quân địch cố thủ trong các nhà gạch. Đặc biệt, trong chiến dịch Việt Bắc Thu - Đông 1947, tàu chiến của quân đội Pháp chìm hàng loạt xuống sông vì bị Bazoka bắn thủng. Sau thất bại trong chiến dịch Thu-Đông 1947, âm mưu đánh nhanh thắng nhanh đã phá sản, thực dân Pháp buộc phải

chuyển sang đánh lâu dài với chiến thuật xiết chặt và vét dầu loang. Để thực hiện âm mưu này, Pháp đã xây dựng các cứ điểm nhỏ với hệ thống đồn bốt, tháp canh dày đặc. Vết dầu loang không ngừng loang ra trong cả nước. Tính đến năm 1948, ở một số tỉnh, số đồn bốt tháp canh mọc lên rất nhiều như : Bắc Kạn 44 ; Cao Bằng 47 và đặc biệt là Bắc Giang 60. Trước thực trạng đó, đánh bại hệ thống đồn bốt (chiến tranh đồn bốt) là nhiệm vụ cấp bách của quân đội nhân dân Việt Nam để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi. Các nhà quân sự Việt Nam hiểu sâu sắc, nếu chỉ sử dụng những vũ khí đang có là không tương, vì vậy, Bộ tổng tham mưu giao cho Cục quân giới chế tạo loại vũ khí công đồn để diệt hệ thống đồn bốt, tháp canh đang mọc lên như nấm ở khắp nước. Theo 2 ông- kỹ sư Trần Đại Nghĩa và kỹ sư Nguyễn Trinh Tiếp, *Súng không giật (SKZ)* – loại vũ khí tối tân, mới xuất hiện lần đầu trong trận quân Mỹ đổ bộ lên đảo Okinawa ( Nhật Bản) cuối Chiến tranh thế giới thứ hai mới đáp ứng đánh sập những đồn bốt có tường bê tông dày 80cm trở lên. Sau khi cân nhắc, ông Nguyễn Trinh Tiếp với vai trò kỹ sư trưởng và sự hướng dẫn về lý thuyết của kỹ sư Trần Đại Nghĩa, các kỹ sư : Hoàng Đình Phú; Bùi Minh Tiêu, Phạm Đồng Điện; Nguyễn Văn Hùng phải lặp lại quá trình sáng chế SKZ, hoàn toàn độc lập với người Mỹ. Và cuối cùng tập thể các nhà khoa học tài ba nặng lòng cùng đất nước đã thành công. SKZ 60 của Việt Nam đã ra đời. Mỗi khi SKZ phát hỏa, mọi thứ đều đổ sập. SKZ đã theo Tiểu đoàn 54 ; Trung đoàn 102 (Trung đoàn Thủ đô) ; Đại đoàn 308 (Đại đoàn quân Tiên phong) ra quân trận đầu, nhanh chóng hạ gục các lô cốt ở đồn phó Lu có tường bê dày hơn 1m trong chiến dịch Lê Hồng Phong năm 1950.

*Súng không giật* được đưa ra sản xuất rộng rãi và trở thành nỗi kinh hoàng của lính viễn chinh Pháp và quân đội lê dương. Trong giai đoạn tiếp theo, các loại vũ khí nữa như đạn bay, tên lửa nặng 30 kg có thể đánh phá các mục tiêu cách xa 4km ...lần lượt ra đời đã tạo nên những thắng lợi quan trọng về quân sự trên khắp các chiến trường, góp phần quyết định vào thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Tại Đại hội Thi đua năm 1952, ông Trần Đại Nghĩa - nhà trí thức Việt Nam đầu tiên được tặng danh hiệu Anh hùng lao động. Năm 1996, công trình chế tạo SKZ 60 được giải thưởng Hồ Chí Minh về khoa học công nghệ.

Một trong những đóng góp nổi bật nữa là việc *giác ngộ Việt kiều theo Chủ nghĩa Cộng sản*. Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh tới Pháp năm 1946, số lượng người Việt Nam ở Pháp là đảng viên Đảng Cộng sản không nhiều. Phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp đã từng bước giác ngộ những người Việt Nam chưa có cảm tình và còn ngại hai chữ “*cộng sản*”. Sẵn lòng yêu nước, có tri thức, họ đã tiếp thu lý tưởng và đã tự nguyện đứng vào hàng ngũ của những người theo chủ nghĩa cộng sản rất tự nhiên. Bà Mai Thị Trinh là một trường hợp điển hình: “ ...sau những năm học tập, sinh hoạt, hoạt động trong Tổng hội sinh viên, .... dần dần tôi nhận ra rằng, chỉ có Đảng Cộng sản là chân chính, chỉ có những người Đảng viên Cộng sản được giáo dục và rèn luyện, biết xả thân vì lý tưởng mới cùng toàn dân đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, đem lại hạnh phúc ấm no cho nhân dân Việt Nam. Vì thế đến năm 1951 tôi gia nhập Đảng Cộng sản Pháp ” [127, tr. 27].

Bà cũng khẳng định, việc gia nhập Đảng Cộng sản Pháp của bà là kết quả của một quá trình nhận thức lâu dài về tư tưởng và hoàn toàn tự nguyện, cho nên về sau, dù gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống bà vẫn bền gan hoạt động và không bao giờ phải hối hận về quyết định chọn lý tưởng cho đời mình. Tới năm 1954, khi kết thúc Hội nghị Geneve đã có tới hàng trăm đảng viên Cộng sản là Việt kiều. Ông Trần Thanh Xuân đã đánh giá, phong trào Việt kiều đã giúp đỡ cho nhiều đồng bào mình đi từ “*quốc gia*” đến “*quốc tế*”, dẫn họ đến với chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa Mác-xít-Lêninít. Sau này chính họ lại là những người về nước tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Sang Pháp học tập, trừ những người đã hoạt động cách mạng từ trong nước, phần lớn học sinh, sinh viên Việt Nam đều ấp ủ giấc mơ gây dựng sự nghiệp công danh. Thế nhưng, khi tham gia vào những hoạt động yêu nước, chẳng những giấc mơ danh vọng đã tạm gác lại, mà có những thời điểm quyền lợi cá nhân hết sức bình thường cũng phải hy sinh. Trường hợp của các ông Nguyễn Công Chánh và Nguyễn Khắc Viện; vợ chồng bà Mai Thị Trinh- ông Trần Thanh Xuân là một tấm gương điển hình. Họ ý thức sâu sắc lẽ sống “quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”, sẽ không còn liêm sỉ khi nhiều thanh niên cùng học chung một lớp ở bên nhà đang vào sinh ra tử trong kháng chiến mà mình lại yên phận với mộng công danh. Với nhiệt huyết cách mạng, họ đã tham gia những hoạt động yêu nước sôi động đầy cam go và nêu một tấm gương về sự hy sinh quyền lợi cá nhân cho quyền lợi chung của dân tộc. Theo bà Trinh, năm 1952, khi có lệnh trục xuất, để tránh sự truy lùng của cảnh sát, ông Xuân- chồng bà đã phải lánh mặt, sống xa người vợ của mình trong suốt thời gian gần một năm. Rồi có thời kỳ ông bà phải gửi con gái ở Viện Phòng trừ lao mớ một tháng tuổi, đến lúc 18 tháng tuổi, bà mới đón về nuôi. Khi quyền lợi dân tộc ngự trị trong tâm thức, tự nguyện hy sinh quyền lợi cá nhân là một tất yếu.

#### ***4.1.2. Những nỗ lực tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ Pháp***

Mong muốn tiếp tục duy trì chế độ thuộc địa ở Đông Dương, chống lại nước VNDCCH, một thuộc địa của Pháp vừa giành được độc lập chính là mưu đồ nhất quán của một bộ phận hiếu chiến trong Chính phủ Pháp. Chính phủ Pháp lúc đó do tướng De Gaulle đứng đầu đang cố gắng thực hiện mưu đồ lập lại Liên bang Đông Dương gồm 5 xứ ( Bắc kỳ; Trung kỳ; Nam kỳ thuộc Việt Nam cùng Ai Lao và Cao Miên) là một bộ phận của Liên Hiệp Pháp do chính ông ta tuyên bố ngày 24/3/1945. Vì vậy, ngay khi Nhật đầu hàng, De Gaulle vội cải tổ bộ máy chỉ huy ở Đông dương, giao Đô đốc hải quân D’Argenlieu làm Cao ủy với chỉ thị : ” Sứ mệnh đầu tiên của Cao ủy là khôi phục chủ quyền của nước Pháp trên các lãnh thổ của liên bang Đông Dương ” và giao tướng Leclecre làm Tư lệnh tối cao đạo quân viễn chinh với nhiệm vụ “ thi hành mọi biện pháp quân sự cần thiết nhằm khôi phục chủ quyền đó ” [108, tr.131]. Vị tướng này đồng thời ra sức vận động ngoại giao để các nước lớn mà cụ thể là Anh và Mỹ ủng hộ lập trường của họ. Từ Washington, tướng De Gaulle tuyên bố: “Lập trường



của nước Pháp ở Đông Dương rất đơn giản, nước pháp khẳng định sẽ thu hồi chủ quyền ở Đông Dương” [149, tr.73].

Phản đối, chán ghét chiến tranh, mong mỏi hòa bình là khát vọng cháy bỏng từ ngàn đời của nhân loại, trong đó nhân dân Pháp tất nhiên không nằm ngoài quy luật đó. Tuy vậy, vào thời điểm mọi phương tiện thông tin chưa phát triển, bộ máy tuyên truyền của hệ thống chính trị Pháp vẫn luôn bung bít thông tin, thậm chí đưa tin sai lệch nhằm hướng dư luận Pháp vào quỹ đạo có lợi cho chính sách thực dân xâm lược của họ. Vậy nên, dù yêu hòa bình, chán ghét chiến tranh, nhất là vừa phải trải qua cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai vừa hao người, vừa tốn của nghiêm trọng, thì đa số nhân dân Pháp vẫn không biết nhiều về chủ trương tái chiếm, duy trì chế độ thuộc địa ở Đông Dương trong Chính phủ của họ.

Bản thân De Gaulle là người lãnh đạo phong trào nhân dân Pháp chống phát xít Đức trong Chiến tranh thế giới thứ hai, vì vậy nhân dân Pháp đang coi ông là “ anh hùng dân tộc ”. Mọi luận điệu “ khai hóa Đông dương ” và “ chúng ta sẽ trở lại Đông Dương bởi vì chúng ta là những người mạnh nhất ” [149, tr.68] của vị tướng tài ba đó được đa số nhân dân Pháp coi là đúng. Tất nhiên là đa số thành viên trong Chính phủ Pháp đã ủng hộ lập trường thực dân này. Không chỉ nhân dân Pháp, mà ngay trong Đảng Cộng sản Pháp lúc đó, một chủ nghĩa “ dân tộc vị kỷ ” cũng đã chi phối tư tưởng và hành động của họ. Với một số đảng viên trong Đảng Cộng sản Pháp thì quốc kỳ của Tổ quốc họ vẫn là trên hết. Chính vì vậy, nhân dân Pháp nói chung có lẽ hoặc là thờ ơ, thậm chí coi Chủ tịch Hồ Chí Minh là nguồn gốc của cuộc chiến hoặc là tán thành chủ trương tái chiếm Đông Dương của Chính phủ Pháp. Tuy nhiên, càng ngày, từ những thông tin nhiều chiều, đặc biệt là thông qua hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp, dần dần nhân dân Pháp đã hiểu hơn về bản chất vô nhân đạo, bất hợp pháp của cuộc chiến tranh xâm lược. Họ gọi đó là cuộc chiến tranh “ bản thù ”. Từ đó hiểu hơn tính chính nghĩa của nhân dân Việt Nam và có những hành động ủng hộ từ trái tim của những người chung khát vọng hòa bình. Theo đó, phong trào còn có giá trị lớn ở chỗ đó là những nỗ lực để tranh thủ sự ủng hộ tích cực của nhân dân yêu chuộng hòa bình Pháp nói chung, giai cấp công nhân Pháp mà tiên phong là Đảng Cộng sản Pháp nói riêng đối với cuộc kháng chiến giải phóng của dân tộc Việt Nam. Trong phong trào phản đối Chính phủ Pháp theo đuổi cuộc chiến ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Pháp luôn là lực lượng tiên phong. Thay mặt nhân dân tiến bộ Pháp nói chung và giai cấp công nhân Pháp nói riêng, thái độ phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của họ hàng ngày đều được thể hiện trên Báo Nhân Đạo. Dưới sự lãnh đạo của các tổ chức xã hội và Đảng Cộng sản Pháp, phong trào hòa bình, phản đối chính sách hiếu chiến của Chính phủ Pháp do lực lượng tiến bộ và yêu chuộng hòa bình ở Pháp tổ chức diễn ra liên tục, bản thân kiều bào Việt Nam cũng rất tích cực và luôn là một trong những lực lượng nhiệt tình nhất trong phong trào.

Hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp đã góp phần gây ra sự phân hóa lớn trong Quốc hội và chính quyền Pháp. Điều này khiến cho ý đồ tăng cường, mở

rộng chiến tranh của thế lực phản động Pháp gặp nhiều khó khăn, đồng thời thúc đẩy phong trào phản đối chiến tranh của nhân dân Pháp nổi riêng và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới nói chung phát triển hơn.

Tháng 3/1947, tại cuộc tranh luận về vấn đề Việt Nam do Quốc hội Pháp tổ chức, các đại biểu của Đảng Cộng sản Pháp và một số nhân sĩ tiến bộ như Pi-e Côt, chủ trương đình chỉ ngay chiến tranh để dàn xếp với Chính phủ Việt Nam. Tại diễn đàn Quốc hội Pháp, ông Jacques Duclos - Phó Chủ tịch Quốc hội đã nghiêm khắc lên án cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Theo họ, cuộc chiến tranh này đã trực tiếp làm hao tiền, tốn của của nhân dân Pháp, tất yếu sẽ dẫn nước Pháp đến suy sụp về kinh tế và mất uy tín về chính trị trên trường quốc tế. Hơn nữa họ còn khẳng định, chỉ có thương lượng với lực lượng kháng chiến- tức chính phủ Hồ Chí Minh mới cứu vãn được khối Liên hiệp Pháp đang có nguy cơ tan vỡ. Trong phiên họp Quốc hội Pháp ngày 21-01-1950, bà Vecmer phản nộ lên án các đảng phái chủ chiến: “Các ngài quên rằng, nhân dân Việt Nam đang ở trên đất nước họ. Không phải họ là kẻ xâm lược, mà chính các ngài... Không phải nhân dân Việt Nam đã ném bom Marseille, mà chính là các ngài đã ném bom Hải Phòng.” [135, tr. 220].

Các tổ chức chính trị - xã hội của nước Pháp, như Tổng Công đoàn, Liên đoàn Phụ nữ, Liên đoàn Thanh niên; những nhân sĩ tiến bộ Pháp, đủ mọi tầng lớp, thành phần tôn giáo trong nhân dân Pháp, ở mọi lứa tuổi đặc biệt là công nhân, trí thức, thanh niên, học sinh, sinh viên... luôn ủng hộ và giúp đỡ Việt Nam trong suốt cuộc kháng chiến. Họ có nhiều hình thức đấu tranh khác nhau rất sáng tạo, như lấy chữ ký đòi hòa bình ở Việt Nam để trao cho các ủy viên hội đồng thành phố, các nghị sĩ, Bộ trưởng, Tổng thống...; tiến hành mít-tinh, biểu tình trên khắp nước Pháp, nhất là các thành phố lớn; tổ chức những buổi họp mặt mang tên “Vi Việt Nam”... Hành động đó cho thấy, “độc lập, tự do, hòa bình, dân chủ” là những giá trị cao đẹp và thiêng liêng mà toàn nhân loại tiến bộ luôn hướng đến. Đó là điểm chung của tình đoàn kết chiến đấu chống chiến tranh xâm lược, bảo vệ hòa bình, dân chủ và tiến bộ giữa Đảng Cộng sản và nhân dân hai nước VNDCCH và Cộng hòa Pháp.

Bước sang năm 1950, tình thế trên chiến trường Đông Dương ngày càng bất lợi cho thực dân Pháp. Việc khai thông biên giới, phá thế bị bao vây và được các nước xã hội chủ nghĩa công nhận, trong đó có hai nước lớn Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Liên bang Cộng hòa XHCN xô viết đã tạo điều kiện thuận lợi để VNDCCH mở rộng địa bàn hoạt động quốc tế, đặc biệt với Đảng Cộng sản Pháp và các lực lượng dân chủ tiến bộ ở Pháp. Lúc đó, yêu cầu đặt ra đối với phong trào phản chiến ở Pháp không chỉ dừng lại ở giai đoạn hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng Cộng sản mà phải có những cuộc đấu tranh có tính chất tích cực. Tổng Liên đoàn Pháp phát động những cuộc bãi công ở các cảng có tàu chuyên chở vũ khí và trang thiết bị đi Đông Dương. Từ Marseille, Toulon, Le Havre, Algérie,... khắp nơi đều có những cuộc đấu tranh rầm rộ của công nhân bốc dỡ hàng không chịu chuyển hàng lên tàu, bất chấp sự đàn áp, cúp phạt, thậm chí bắt bớ, giam cầm của chính quyền Pháp. Các cuộc đấu tranh của công nhân cảng

cũng như các cuộc đấu tranh trong toàn nước Pháp luôn gắn liền với yêu cầu đòi rút quân đội viễn chinh về nước, đòi hòa bình ở Việt Nam, yêu cầu phải điều đình với Chính phủ Hồ Chí Minh.

Diễn hình cho phong trào đấu tranh sục sôi và quyết liệt đó là cuộc biểu tình diễn ra ngày 23/2/1950 với hàng nghìn dân Pháp trong đó có nữ công nhân Raymonde Dien. Bất chấp sự hiểm nguy đe dọa đến tính mạng, chị Raymonde Dien đã nằm úp mặt xuống đường ray xe lửa, dang rộng đôi tay ngăn đoàn tàu của nhà cầm quyền Pháp chở vũ khí sang tàn sát nhân dân Việt Nam, thực sự gây nên một cú sốc trong dư luận.

Người đảng viên Đảng Cộng sản Pháp Henry Martin từng có mặt trên chiến trường Đông Dương, khi trở về Pháp, ông đã trở thành người tố cáo tội ác của thực dân Pháp xâm lược Việt Nam. Ông bị tòa án quân sự Bret kết án 5 năm tù vì tội phản chiến, viết báo chí “kích động” làm “tôn hại tinh thần quân đội”(!) Nhưng, cũng chính tòa án đó không lường trước được hậu quả tai hại của lời buộc tội ngang ngược dành cho Henry Martin. Một chiến dịch đấu tranh đòi trả tự do cho chiến sĩ cách mạng Henry Martin nổ ra khắp nước Pháp và tiếng vang của sự kiện này vượt ra cả bên ngoài nước Pháp. Ngày càng có thêm nhiều người tham gia chiến dịch đòi trả tự do cho Henry Martin. Ở Việt Nam, tên của hai chiến sĩ đấu tranh cho nền hòa bình của hai dân tộc Henry Martin và Raymonde Dien trở thành biểu tượng của tình đoàn kết chiến đấu giữa nhân dân và giai cấp công nhân hai nước Việt - Pháp.

Trong suốt ba năm (1950 - 1953), với nhiều hoạt động phong phú, phong trào đấu tranh ở Pháp biến vụ đòi giải phóng Henry Martin trở thành một “ngòi nổ”, khiến vấn đề Việt Nam có sức ảnh hưởng và lôi cuốn mạnh mẽ trong dư luận Pháp, từ thành thị tới nông thôn. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam trở thành vấn đề “nóng bỏng” trong đời sống chính trị - xã hội nước Pháp lúc bấy giờ. Trên các diễn đàn quốc tế, các đại hội học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ,... các bạn Pháp thường chủ động gặp gỡ đại biểu Việt Nam, nhờ họ mang về Việt Nam nhiều tặng phẩm, quà, báo chí, thư từ, kinh phí [106, tr.22].

Tại Việt Nam, ngay khi thực dân Pháp tái chiếm Nam Kỳ, xuất hiện một tổ chức của những người Pháp cách mạng, yêu chuộng hòa bình, chính nghĩa, ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân ta với tên gọi Nhóm Văn hóa Mác-xít (Groupe Culturel Marxiste (GCM)), được thành lập vào tháng 10-1945. Thành viên GCM không chỉ là những người thuộc Đảng Cộng sản Pháp mà còn của nhiều đảng phái khác. Họ sớm nhận ra cuộc chiến tranh xâm lược đang đè nặng lên vai nhân dân Pháp về sinh mạng, tiền của và danh dự. Họ nhận ra cuộc chiến đấu yêu nước, chính nghĩa và anh hùng của nhân dân Việt Nam, từ đó tích cực tham gia các hoạt động vì lợi ích tiến bộ của nhân dân Pháp và tình hữu nghị giữa hai dân tộc.

Cuối năm 1946, để có cơ quan ngôn luận riêng đấu tranh chống âm mưu xâm lược của thực dân Pháp nhằm chia cắt Việt Nam, GCM ra tờ Lendemains. Số đầu tiên phát hành ngày 22-10-1946, vạch trần âm mưu lập Nam Kỳ tự trị tách khỏi Việt Nam của Thủ tướng Nguyễn Văn Thinh .

Sự xuất hiện của tờ *Lendemains* - cơ quan ngôn luận của GCM, có ý nghĩa rất lớn, cổ vũ mạnh mẽ phong trào báo chí tuyên truyền đấu tranh chống thực dân Pháp và tay sai âm mưu xâm lược, chia rẽ nước ta.

Nhóm Văn hóa Mác-xít với lập trường ủng hộ Việt Nam giành độc lập khiến chính quyền thực dân tức tối. Chúng khiêu khích, khủng bố, cho tay chân lục soát trụ sở báo *Lendemains*, trực xuất, bắt giam những người hoạt động tích cực nhất. Thực tế, từ cuối năm 1947, tờ *Lendemains* bị đình bản. Đến năm 1951, trước sự tấn công, truy lùng gắt gao của chính quyền thực dân, GCM bị giải thể. Tuy nhiên, chỉ với hơn 5 năm hoạt động, GCM thực sự để lại dấu ấn sâu sắc trong phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta, trực tiếp góp phần làm cho thế giới, nhất là nhân dân tiến bộ Pháp hiểu đúng và rõ hơn về cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa mà Pháp đang tiến hành ở Đông Dương. Sự ra đời và mục đích hoạt động của GCM là bằng chứng tiêu biểu cho tình đoàn kết chiến đấu giữa hai đảng cộng sản, hai dân tộc Việt - Pháp.

Sự lớn mạnh của phong trào phản đối chiến tranh ở Pháp đã khơi dậy phong trào đấu tranh ủng hộ Việt Nam ở các nước thuộc địa khác, mà nổi lên hàng đầu là phong trào đấu tranh của công nhân bến cảng các nước Bắc Phi. Dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản và các tổ chức công đoàn, công nhân bến cảng đấu tranh liên tục trong vòng 5 năm liền tẩy chay không chịu vận chuyển hàng hóa, vũ khí cho tàu Pháp sang Việt Nam.

Chỉ riêng ở Angérie, trong 5 năm đấu tranh ủng hộ Việt Nam, công nhân các bến cảng phải chịu thiệt hại lên đến 4.600 triệu phrăng tiền lương [116, tr. 57]. Sau khi Pháp cho quân nhảy dù xuống Điện Biên Phủ và xây dựng nơi đây thành tập đoàn cứ điểm mạnh, một loạt cuộc biểu tình của nhân dân Bắc Phi nổ ra, nhằm chống lại việc đưa lính sang Việt Nam làm bia đỡ đạn. Chính các cuộc biểu tình này đã khiến đề nghị của Tướng H. Na-va về việc bổ sung 2.699 lính Bắc Phi không được chấp nhận. Ngày 19/12/1953, dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản, nhân dân Bắc Phi tổ chức ngày đoàn kết với nhân dân Việt Nam và ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa của nhân dân Việt Nam.

Như vậy, mặt trận quốc tế đoàn kết với Việt Nam hình thành ở Pháp đã bao gồm các thanh niên, sinh viên, bè bạn người nước ngoài đang sinh sống ở Pháp, từ Pháp lan sang châu Âu, châu Phi...

Có thể khẳng định, nếu không có sự giúp đỡ, che chở đùm bọc của Đảng Cộng sản Pháp và nhân dân tiến bộ, yêu chuộng hòa bình pháp thì cán bộ của phong trào khó tránh khỏi bị nhà cầm quyền Pháp bắt bớ, giam cầm hoặc trực xuất về nước cũng như không thể lãnh đạo hoặc chỉ đạo phong trào. Trong các giai đoạn mà tổ chức kêu gọi bị cấm, nếu không có sự giúp đỡ của Đảng Cộng sản Pháp, kêu gọi không thể tổ chức các buổi lễ mừng Quốc khánh 2/9, mừng ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh hay những dạ hội mừng Tết truyền thống của dân tộc. Nhìn chung, trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân Việt Nam luôn nhận được sự đoàn kết, ủng

hộ của nhân dân tiên bộ trên thế giới, nhân dân châu Á, các nước thuộc địa, phụ thuộc và các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là nhân dân và Đảng Cộng sản Pháp. Đó là cái ơn mà không chỉ kiều bào Việt Nam tại Pháp mà cả dân tộc Việt Nam không thể quên.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) mang tầm vóc, giá trị lịch sử vĩ đại. Nó thể hiện sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh thần đại đoàn kết dân tộc và sức mạnh của Quân đội nhân dân Việt Nam. Đồng thời, là thành công của đường lối đối ngoại đúng đắn và sáng tạo của ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh - một trong những nhân tố cơ bản góp phần làm nên thắng lợi. Sự ủng hộ, giúp đỡ đó lớn dần cùng với bước phát triển của cuộc kháng chiến, trở thành một lực lượng to lớn kết hợp với sức mạnh của dân tộc Việt Nam đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phi nghĩa của thực dân Pháp và can thiệp của Mỹ. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận định: *“Chúng ta giành được thắng lợi to lớn cũng là do nhân dân các nước bạn, nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của ta”* [101, tr.1].

Theo dòng chảy của thời gian, những sự kiện diễn ra trong quá khứ dần được nhìn nhận và đánh giá một cách khách quan hơn, gần hơn với chân lý của lịch sử. Đúng 39 năm sau (tháng 02/1993), Tổng thống nước Cộng hòa Pháp, François Mitterrand sang thăm chính thức Việt Nam và lên thăm Điện Biên Phủ lịch sử. Chính ông khi đó đã nhìn nhận:

*“Cuộc chiến tranh để giành lại quyền kiểm soát các thuộc địa Đông Dương cũ, đối với tôi luôn luôn là một sai lầm. Nhân tố quốc gia là yếu tố quyết định hơn bất kỳ một yếu tố tư tưởng nào”* [114, tr. 24].

#### **4.2. Đặc điểm của hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945 - 1954**

Hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp diễn ra và được duy trì suốt 3000 ngày trong hoàn cảnh đầy khó khăn và cam go của thời cuộc, có lúc sôi động, có lúc tạm lắng do nhiều nguyên nhân. Suốt tiến trình đó, tính chất cũng như đặc điểm của nó thể hiện rất rõ.

Trung thành với truyền thống đại đoàn kết hướng về Tổ quốc, coi đó là tôn chỉ của phong trào kiều bào tại Pháp, nhờ nhân tố tích cực là Nhóm những người Việt Nam yêu nước mà người thanh niên Nguyễn Ái Quốc gieo trồng khi hoạt động ở Pháp đã cho ra đời đông đảo những tổ chức thuộc mọi thành phần xã hội người Việt Nam tại Pháp. Trước mọi khó khăn bởi tình hình chính sự ở cả hai bình diện quốc gia và quốc tế, hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp vẫn diễn ra liên tục, phát triển không ngừng, đoàn kết đông đảo kiều bào không phân biệt tuổi tác- giới tính, nghề nghiệp, trong đó có cả “dâu”, “rể” của nước Việt Nam góp phần vào cuộc đấu tranh vì độc lập –tự do và thống nhất đất nước.

Khác với rất nhiều nước trên trái đất, ở Việt Nam, có nước là có dân tộc. Đó là một quốc gia đa dân tộc, đa tôn giáo nhưng cả từ truyền thuyết và thực tế lịch sử, cư

dân đều có chung một nguồn gốc “đồng bào”; chung tín ngưỡng. Vậy nên, độc lập và thống nhất quốc gia là khát vọng ngàn đời của mọi người dân đất Việt. Dù phải sống ở một phương trời rất xa Tổ quốc thân yêu của mình, cộng đồng người Việt Nam tại Pháp vẫn khôn nguôi nhớ về cội nguồn. Và khi vận nước lâm nguy, cả cộng đồng đã tự giác cố kết nhau lại trong cùng một tổ chức, chung nhận thức và thống nhất trong hành động, hướng về mục tiêu bất biến: Độc lập cho Tổ quốc, tự do cho nhân dân và thống nhất quốc gia.

Qua kết quả nghiên cứu luận án, có thể tổng kết những hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp trải qua những giai đoạn khác nhau, lúc thuận lợi, lúc cam go, nhưng tính chất của nó không bao giờ thay đổi và trở thành tiêu chí trong mọi hoạt động.

Qua kết quả nghiên cứu có thể thấy hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945-1954 có những đặc điểm nổi bật:

#### ***4.2.1. Tình trạng phân hóa dẫn đến sự thiếu thống nhất về mặt tổ chức trong phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp.***

Phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp trong thời kỳ 1945 – 1954 có đặc điểm dễ nhận thấy đó là sự thiếu thống nhất về mặt tổ chức.

Thực tế phong trào cho thấy, trong giai đoạn 1945 – 1946, người Việt Nam ở Pháp đã có một tổ chức thống nhất, tổ chức mà đại đa số các thành phần, các giới Việt kiều tại Pháp đều thừa nhận đủ tư cách đại diện cho mình. Đó là *Tổng Ủy ban đại diện Việt Nam*, sau này là *Việt kiều Liên minh*.

Trong thời kỳ hoạt động của mình (từ tháng 9/1944 đến tháng 5/1946), *Việt kiều Liên minh* đã thực sự hoàn thành nhiệm vụ của một tổ chức đại diện cho tiếng nói chung của Việt kiều tại Pháp. Họ vừa đòi các quyền lợi cho lao động Việt Nam tại Pháp nói chung, vừa thể hiện được quan điểm chính trị nhất quán của mình đó là: “*đòi áp dụng ngay ở xứ Đông Dương những nguyên tắc trong bản Đại Tây Dương Hiến chương*” [94, tr.66].

*Hiệp định Sơ bộ* (6/3/1946) và *Tạm ước* (14/9/1946) là những nỗ lực của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc tìm một giải pháp hòa hoãn với Chính phủ Pháp. Sự nỗ lực ấy buộc Chủ tịch nước VNDCCH phải nhân nhượng đối phương trong điều khoản công nhận sự tự do của nước Việt Nam trong khối Liên hiệp Pháp ở *Hiệp định Sơ bộ*. Tuy nhiên, chính sách nhân nhượng ấy khiến cho quan điểm của Việt kiều Pháp nhìn nhận vấn đề này khác nhau. Có bộ phận ủng hộ nhưng cũng không ít người không tán thành.

Ngay trong nội bộ của *Việt kiều Liên minh* cũng chịu sự ảnh hưởng của các quan điểm khác nhau xung quanh chính sách nhân nhượng của Chính phủ VNDCCH. Bắt đầu từ thời điểm này, *Việt kiều Liên minh* không còn giữ được sự thống nhất để đại diện cho toàn thể Việt kiều. Những người ủng hộ chính sách của Chính phủ VNDCCH sau này thành lập và tham gia các tổ chức: *Việt kiều Cứu quốc*, *Văn hóa Liên hiệp*, *Chi hội Liên Việt tại Pháp*. Những người không tán thành giải pháp nhân nhượng, chủ yếu là các thành phần theo tư tưởng Trotskyste, sau này họ lập ra *Nhóm*

*Trót - kít Việt Nam*. Bên cạnh đó, trong đội ngũ lính thợ Việt Nam cũng có sự bất đồng quan điểm. Một bộ phận lính thợ ngả theo phía *Việt kiều Cứu quốc*, một bộ phận đa số lính thợ cùng chung quan điểm với những người Trotskyste, quan điểm ấy được thể hiện trong các hoạt động của *Trung ương Công binh* mà sau này là *Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp*.

Tình hình phân hóa này ngày càng trở nên phức tạp trong phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn sau của thời kỳ 1945 – 1946. Sự phức tạp và căng thẳng ấy được thể hiện rõ trong những cuộc tranh cãi, chỉ trích nhau của các tổ chức có những quan điểm khác biệt.

Trước khi *Việt kiều Cứu quốc* ra đời (tháng 4/1947) thì tiền thân của tổ chức này là nhóm *Việt Minh đồng chí tại Pháp*. Nhóm này thành lập vào tháng 3/1946. Trong *Tuyên ngôn* của mình, *Việt Minh đồng chí tại Pháp* có khẳng định sự ủng hộ của mình đối với Chính phủ VNDCCH:

“...Mà giúp nước nhà trong trường hợp này là hoàn toàn ủng hộ, thành thực ủng hộ Chính phủ Việt Minh dưới quyền chỉ huy của Hồ Chủ tịch. Vì ngoài Chính phủ ấy, chẳng có cơ quan nào đủ tư cách, đủ sáng kiến, đủ thế lực mà đối phó với thời cuộc.”

Trước bản *Tuyên ngôn* của *Việt minh đồng chí tại Pháp*, *Trung ương Công binh* đã thể hiện sự phản đối khi cho rằng *Việt minh đồng chí tại Pháp* không đủ tư cách đại diện hô hào Việt kiều tại Pháp nói chung. Họ cũng công kích tổ chức này mang tính xu thời:

“Họ (Nhóm Việt minh đồng chí tại Pháp) chưa hề tranh đấu, chưa hề gây một công cuộc gì hữu ích trong phong trào Việt kiều, đã vội lên mặt dạy đời...”

Những người lính thợ ngả theo *Việt kiều Cứu quốc* cũng chỉ trích lại những thành phần lính thợ Trotskyste:

“Bọn trót - kít Việt Nam là tôi tớ của thực dân đã mượn danh từ của công binh và báo “*Tiếng thợ*” của chúng...đặt điều khiêu khích chống chính phủ kháng chiến anh dũng của dân tộc Việt Nam do Hồ Chủ tịch lãnh đạo...” [94, tr.136, 138, 150].

*Liên đoàn Lao động Thủy thủ* là tổ chức có quan điểm nghiêng về *Việt kiều Cứu quốc*. Tờ báo *Lao động Thủy thủ* của tổ chức này cũng không ít lần công khai công kích những người Trotskyste và *Trung ương Công binh*:

“Bọn cầm đầu công binh thi hành thủ đoạn độc tài bóc lột...ngửa tay xin ân huệ của Bộ Thuộc địa” [95, tr.153].

Sự bất đồng quan điểm giữa các tổ chức yêu nước của Việt kiều tại Pháp dần dần phát triển theo chiều hướng ngày càng căng thẳng. Sự chỉ trích, công kích nhau trên các mặt báo diễn ra liên tục. Thái độ đối địch bắt đầu xuất hiện. Sự đối địch ấy thể hiện rõ nhất trong hàng ngũ những người lính thợ. Đỉnh điểm diễn ra là cuộc xung đột dẫn đến đổ máu vào đêm 15/5/1948 giữa những người lính thợ trong trại Mazargues (Marseille) với nhau khiến 5 người chết, 70 người bị thương và 20 người bị bắt [90, tr.161].

Thành phố Marseille rung động, báo chí đưa tin trong nhiều ngày. *Báo Méridional* đưa tin: “ *Cuộc tàn sát dã man trong trại người Đông Dương ở Marzagues* ” [108].

*Báo Provençal* số ra ngày 17/5/1948 giật tít: “ *Đêm kinh hoàng ở Marzagues: Saint - Barthélemy Đông Dương* ”. Bên dưới là phụ đề: “ *Những người Việt theo chủ nghĩa hòa bình tấn công những đồng bào vô chính phủ đang say ngủ của mình. 4 người chết, 60 bị thương trong đó có 10 người trọng thương, 22 người bị bắt* ”. Phóng viên Pierre Bernard tường thuật:

“ *Sự cạnh tranh về chính trị của một số phần tử mờ ám trong trại người lao động Đông Dương ở Mazargues đã gây ra một cuộc tàn sát có tổ chức vào đêm hôm kia.*

... *Những tiếng kêu la thảm thiết, tiếng rên xiết đau đớn làm náo động dân cư những biệt thự kề cận nằm trên đại lộ Desautel. Ông cò Veilleux của Sở Cảnh sát trung tâm được thông báo qua điện thoại, liền chỉ huy đội cảnh sát thường trực tiến về khu doanh trại Việt Nam* ” [108].

Hệ quả của các biến cố là những chuyên hồi hương người Việt ở Mazargues tăng nhanh. Ngày 20/5/1948, nhật báo *Provençal* giật tít: “ *Bọn Đông Dương rút ngay khỏi Mazargues! Chỗ của những tên thợ này không còn là vùng ngoại ô của một thành phố lớn* ” [108].

Sau khi đa số lính thợ Việt Nam tại Pháp được hồi hương, tình hình đối địch được xoa dịu. Tuy nhiên, ở giai đoạn 1950 – 1954, sự bất đồng quan điểm vẫn tiếp tục tồn tại thông qua những cuộc công kích, chỉ trích nhau giữa *Chi hội Liên Việt tại Pháp*, *Công nhân tương trợ* với *Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp* thể hiện qua các tờ báo ngôn luận của họ: *Thông tin Liên Việt*, *Công nhân*, *Lao động Thủy thủ*, *Tiếng thợ*...

Có thể thấy, việc phân hóa này đã khiến nội bộ phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp suy yếu. Bên cạnh đó, nó còn tạo ra định kiến của dân chúng Pháp đối với phong trào. Đây là một hậu quả rất tiêu cực bởi lẽ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân Pháp đối với cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam là một yếu tố rất quan trọng.

Về nguyên tắc, cảnh sát Pháp cho phép tổ chức những buổi họp mít tinh, nhưng khi có bạo động họ sẽ can thiệp và thường những người phe Cộng sản, ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ không được bênh vực. Ngoài ra, cũng đã có trường hợp đáng tiếc xảy ra khi những người lính thợ Việt Nam phục vụ trong quân đội Pháp chia làm hai phe ủng hộ và chống đối Cách mạng tháng Tám, đã từng ẩu đả với nhau, đôi khi dẫn đến án mạng làm chết nhiều người tại một trại lính ở Marseille vào năm 1946. Khi đã diễn ra bạo động, nguyên nhân lại do người Việt Nam ẩu đả lẫn nhau sẽ làm mất thiện chí của nhân dân Pháp với phong trào.

Trên thực tế, phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp đã cố gắng để tìm kiếm sự thống nhất về mặt tổ chức. Nỗ lực ấy được thể hiện trong giai đoạn từ năm 1951 trở đi.

Tại Hội nghị lần thứ nhất của *Hiệp đoàn thợ Việt Nam* diễn ra vào tháng 8/1951, trong *Quyết nghị* của mình, *Hiệp đoàn* đã có sự kêu gọi thống nhất từ các tổ chức như: *Văn hóa Liên hiệp*, *Công nhân tương trợ*:



“ ...

a. *Giao dịch với những tổ chức “ Công nhân tương trợ ”, “ Văn hóa Liên hiệp ”; thảo luận huynh đệ với hai cơ quan này về những khẩu hiệu hành động chống đế quốc, chống phong trào Bảo Đại trong những cuộc biểu tình, mít – tinh.*

b. *Sát cánh với các hội viên “ Công nhân tương trợ ” và “ Văn hóa Liên hiệp ” trong mọi công tác có lợi cho kháng chiến... ; nói cho họ biết rằng lập trường của Hiệp đoàn là đánh chung đi riêng.*

c. *Đề nghị thiết thực với “ Công nhân tương trợ ”, “ Văn hóa Liên hiệp ” về những khẩu hiệu chung:*

- *Quân đội đế quốc phải rút khỏi Việt Nam và Cao Ly ;*
- *Đả đảo Bảo Đại và phong trào Bảo Đại ;*
- *Quyền hoàn toàn độc lập cho các dân tộc bị trị ;*
- *Hoan hô tinh thần đoàn kết lao động ” [95, tr.258].*

Những cố gắng để có được sự thống nhất của các tổ chức Việt kiều đã đem lại một số kết quả khả quan. Ở một số địa phương, các phân bộ, chi hội của các tổ chức: *Hiệp đoàn thợ Việt Nam, Văn hóa Liên hiệp, Công nhân tương trợ, Chi hội Liên Việt* đã bắt đầu có những hoạt động cùng nhau đấu tranh. *Tờ trình hoạt động của Trung ương Hiệp đoàn thợ Việt Nam* trong Hội nghị trung ương lần thứ hai (tháng 10/1952) đã báo cáo:

“ ... *Đặc biệt ở Lyon trong ngày kỷ niệm Tổng khởi nghĩa (19/8), Tuyên ngôn độc lập (2/9) và Tết Nguyên đán, hai ban tổ chức Hiệp đoàn và Văn hóa Liên hiệp cùng Công nhân tương trợ đã cùng nhau không những thỏa thuận về chương trình tổ chức mà còn đến cả khẩu hiệu nữa*

*... Địa phương Marseille tổ chức được cuộc biểu tình 1<sup>er</sup> Mai chung với Việt kiều (Công nhân tương trợ)... Một phụ nữ không đảng phái cũng công nhận là hoạt động của Hiệp đoàn đúng với ý nguyện của Việt kiều nên tham gia vác bảng ngữ “ Đả đảo Bảo Đại ” [94, tr.258].*

Mặc dù những nỗ lực thống nhất trở lại đã được thể hiện nhưng do nhiều nguyên nhân mà các nỗ lực này chưa thể đem lại kết quả như mong muốn. Có thể vì các nguyên nhân chính sau:

Thứ nhất, những bất đồng quan điểm dẫn tới các mâu thuẫn đã tạo ra một hố sâu khiến cho những nỗ lực thống nhất chưa thể thành công.

Thứ hai, chưa xuất hiện một cá nhân hay một tổ chức đủ khả năng, bản lĩnh và uy tín để đại diện cho quyền lợi của toàn thể Việt kiều tại Pháp, qua đó, thống nhất họ vào một tổ chức duy nhất mang tính chất đại diện.

Thông qua nghiên cứu những tư liệu và tài liệu có được, tác giả có thể đưa ra nhận định: Phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp thời kỳ 1945 - 1954 đã từng có một giai đoạn (1945 - 1946) đảm bảo được sự thống nhất về tổ chức khi *Việt kiều Liên minh* được đại đa số Việt kiều tín nhiệm và công nhận tư cách đại diện của mình. Sau hai Hiệp ước: *Hiệp định Sơ bộ* (6/3/1946) và *Tạm ước* (14/9/1946), các

quan điểm chính trị bắt đầu khác nhau dẫn đến sự chia rẽ trong phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp và *Việt kiều Liên minh* không còn giữ được sự thống nhất của mình nữa. Một bộ phận ủng hộ sách lược hòa hoãn của Chính phủ VNDCCH, một bộ phận không hoàn toàn tán thành. Đây là nguyên nhân chính dẫn tới sự chia rẽ không chỉ về mặt tổ chức mà còn trong phong trào Việt kiều tại Pháp và nó tiếp tục trở nên căng thẳng và có nhiều ảnh hưởng tiêu cực tới phong trào nói chung.

Thực tiễn sự thiếu thống nhất về mặt tổ chức của phong trào yêu nước nơi người Việt Nam tại Pháp thời kỳ 1945 - 1954 đã đặt ra nhiệm đoàn kết và quy tụ thành một môi cho những thời kỳ sau này.

#### **4.2.2. Sự nhất quán về mục tiêu đấu tranh**

Trong thời kỳ 1945 - 1954, một thực tiễn trong phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp cần phải thừa nhận là sự thiếu thống nhất về mặt tổ chức. Thực tiễn này phản ánh một vấn đề tất yếu về sự không nhất quán trong lập trường, tư tưởng chính trị. Thực tế cho thấy, Việt kiều tại Pháp thời kỳ này có những bộ phận ủng hộ đường lối, chiến lược của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ VNDCCH, nhưng cũng có những thành phần không thực sự đồng tình với điều đó, đặc biệt là về đường lối ngoại giao.

Tuy nhiên, có một yếu tố đã giúp phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp, dù không hoàn toàn thống nhất với nhau về quan điểm chính trị nhưng vẫn có thể gặp nhau và đứng cùng nhau trong một chiến tuyến. Yếu tố đó chính là quyền độc lập của dân tộc Việt Nam dẫn tới sự ủng hộ triệt để cho cuộc kháng chiến của đồng bào ở quê nhà. Vì vậy, đây chính là mục tiêu đấu tranh chung của phong trào yêu nước nơi người Việt Nam tại Pháp.

Trong giai đoạn từ tháng 9/1944 đến tháng 5/1946, Việt kiều tại Pháp lần lượt có những tổ chức đại diện cho mình, đó là những tổ chức thể hiện tinh thần thống nhất của người Việt Nam tại Pháp: *Tổng Ủy ban Đại diện Việt Nam lâm thời* (tháng 9/1944 - tháng 12/1944); *Tổng Ủy ban Đại diện Việt Nam (Tổng Ủy ban Đại diện Avignon)* (tháng 12/1944 - tháng 12/1945); *Việt kiều Liên minh* (tháng 12/1945 - tháng 5/1946).

Trong bản *Tuyên ngôn* tại Hội nghị thành lập ngày 1/12/1945, *Việt kiều Liên minh* (tiền thân là *Tổng Ủy ban đại diện Việt Nam*) đã thể hiện quan điểm chính trị nhất quán của mình:

“...đồng thanh chuẩn y chương trình chính trị đòi áp dụng ngay ở xứ Đông Dương những nguyên tắc trong bản Đại Tây dương Hiến chương” [94, tr.66].

Sau khi *Việt kiều Liên minh* giải thể (6/5/1946), người Việt Nam tại Pháp không có tổ chức thống nhất. Mỗi thành phần, mỗi giới có tổ chức riêng đại diện cho tiếng nói của mình. Mặc dù vậy, những tổ chức đại diện cho mỗi giới, mỗi thành phần đều gặp nhau ở mục tiêu đấu tranh chung, đó là quyền độc lập cho dân tộc.

Ngày 14/4/1946, *Trung ương Công binh*, cơ quan của lính thợ Việt Nam tại Pháp được thành lập. Trong Quyết nghị được thông qua tại đại hội thành lập, *Trung ương Công binh* đã xác định lập trường tư tưởng chính trị của mình:

“ ...

*Hội nghị đồng thanh:*

1. *Ủng hộ phong trào kháng chiến chống lại tư bản đế quốc cùng những lũ tay sai của nó và sự âm mưu chia rẽ Nam bộ ra khỏi nước Việt Nam.*

2. *Tín nhiệm Chính phủ Hồ Chí Minh để phấn đấu cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập* ” [95, tr.127].

*Trung ương Công binh* sau khi giải thể, ngay lập tức những người lính thợ Việt Nam còn lại tại Pháp đã thành lập *Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp*. *Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp* tiếp tục con đường tranh đấu của *Trung ương Công binh*. Trong *Tuyên ngôn thành lập*, tổ chức này đã nói rõ mục đích:

“ ...

- *Tranh đấu chống tư bản và đế quốc chủ nghĩa ;*

- *Giành hoàn toàn độc lập cho Việt Nam ;*

...

- *Triệt để chống lại cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam, chống lại Chính phủ bù nhìn Bảo Đại tay sai của đế quốc...* ” [95, tr.253].

Vào ngày 10/3/1946, *Trung ương Chiến binh*, tổ chức của lính chiến Việt Nam tại Pháp được thành lập. Trong *Quyết nghị thành lập* của mình, *Trung ương Chiến binh* cũng khẳng định lập trường chính trị:

“ ...

- *ĐỒNG MỘT LÒNG HỢP NHẤT ĐỂ ỦNG HỘ CHO NỀN ĐỘC LẬP NƯỚC VIỆT NAM.*

- *CHỐNG ĐẾ QUỐC PHÁP ĐỊNH CHIA RẼ NƯỚC VIỆT NAM RA LÀM HAI ĐOẠN.*

- *CHỊU XUỐNG TÀU VỀ NƯỚC KHI NÀO CÓ LỆNH CHÍNH THỨC CỦA CHÍNH PHỦ HỒ CHÍ MINH.*

*VIỆT NAM HOÀN TOÀN ĐỘC LẬP VẠN TUỆ* ” [94].

Ngày 5/2/1948, *Văn hóa Liên hiệp*, tổ chức đại diện cho trí thức Việt Nam tại Pháp được thành lập. Trong bản *Tuyên ngôn* của mình, *Văn hóa Liên hiệp* khẳng định:

“ ...

*Ủng hộ triệt để phong trào kháng chiến, do Chính phủ Hồ Chí Minh lãnh đạo, để tranh thủ:*

- *Độc lập.*

- *Chính thể Cộng hòa.*

- *Nguyên tắc bình dân.*

*Có bênh vực nổi những giá trị căn bản ấy, nước Việt Nam mới mong có một văn hóa xứng danh văn hóa, người Việt Nam mới mong sẽ được hạnh phúc và nhân cách*” [94, tr.226].

Sau khi giải tán vào năm 1951, *Văn hóa Liên hiệp* nhường lại vai trò của mình cho *Chi hội Liên Việt tại Pháp* được thành lập vào giữa tháng 12/1949. *Chi hội Liên Việt tại Pháp* tiếp tục quan điểm lập trường chính trị của *Văn hóa Liên hiệp*.

Cuối tháng 6/1947, *Nhóm Trôi - kit Việt Nam* được thành lập. Đây là tổ chức không tán thành và ủng hộ Việt Minh cũng như Đảng Cộng sản Đông Dương. Tuy nhiên, trong bản *Tuyên ngôn* của mình, nhóm này vẫn khẳng định:

“ Chúng tôi kêu gọi anh em thợ thuyền Việt Nam tại Pháp, anh em vô sản Pháp..., chúng tôi hiệu triệu anh em tranh đấu quyết liệt để bắt đế quốc Pháp phải đình chiến, phải kéo quân chiếm cứ ra khỏi Việt Nam và phải công nhận nền hoàn toàn độc lập của Việt Nam” [94, tr.192].

Có thể thấy rằng, đấu tranh đòi quyền độc lập cho dân tộc Việt Nam và ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của đồng bào ở trong nước là mục tiêu nhất quán và điều này được thể hiện rõ trong các giai đoạn và các tổ chức của người Việt Nam tại Pháp. Đây cũng là một yếu tố giúp tác giả khẳng định tính chất yêu nước của phong trào Việt kiều tại Pháp thời kỳ này.

#### **4.2.3. Có sự khác biệt về thành phần lãnh đạo, lực lượng tham gia các tổ chức**

Như đã đề cập ở nội dung trên, sự thiếu thống nhất về tổ chức là một trong những đặc điểm dễ thấy của phong trào yêu nước nơi người Việt Nam tại Pháp trong thời kỳ 1945 - 1954. Đặc điểm này quyết định tới vấn đề xác định thành phần lãnh đạo của phong trào. Sẽ không thể tìm được một thành phần lãnh đạo chung cho toàn phong trào. Tuy nhiên, ở từng giai đoạn sẽ nổi lên vai trò của từng bộ phận, từng giới trong Việt kiều tại Pháp đối với phong trào yêu nước của họ.

Trước hết, chúng ta sẽ nhìn vào giai đoạn 1945 – 1946, giai đoạn có sự thống nhất trong phong trào Việt kiều tại Pháp.

Ngày 16/9/1944, *Tổng Ủy ban đại diện Việt Nam lâm thời* tại Pháp ra đời. *Ban Chấp hành lâm thời* của tổ chức này có 12 người, vừa có đại diện của thành phần người lao động mà chủ yếu là lính thợ, vừa có đại diện của giới trí thức. Trong đó giới trí thức chiếm đa số (8 người) hội tụ một số trí thức đáng chú ý: Bửu Hội, Trần Đức Thảo, Phạm Quang Lễ.

Đến tháng 12/1944, *Tổng Ủy ban đại diện Việt Nam* được kiện toàn trên cơ sở của tổ chức lâm thời. Ủy ban này bao gồm 40 thành viên, trong đó giới trí thức có 22 người, còn lại là các đại diện của lính thợ và lính chiến. Ban Trung ương gồm 15 người và trong đó đa số thuộc giới trí thức. *Tổng Ủy ban đại diện Việt Nam* lãnh đạo phong trào trong thời gian khoảng 1 năm.

Tháng 12/1945, trước yêu cầu của thực tiễn phong trào, *Tổng Ủy ban đại diện Việt Nam* cải tổ trở thành *Việt kiều Liên minh*. Ban lãnh đạo của *Việt kiều Liên minh* gồm 32 người, Ban Thường trực có 13 người, thành phần bao gồm trí thức, lính thợ, lính chiến [94, tr.56, 60, 65].

Thành phần lãnh đạo của tổ chức này (từ *Tổng Ủy ban đại diện Việt Nam lâm thời* đến *Việt kiều Liên minh*) bao gồm nhiều thành phần với những tư tưởng chính trị khác nhau. Có những người theo tư tưởng chủ nghĩa cộng sản thời Lênin (Đệ Tam), có những người theo tư tưởng Trotskyste (Đệ Tứ), có những người tư tưởng dân tộc cấp tiến, có người không theo đảng phái nào. Mặc dù vậy, họ vẫn đồng tình đứng với nhau trong một tổ chức thống nhất bởi ba lý do:

Thứ nhất, *Việt kiều Liên minh* là cơ quan có khả năng đại diện được cho quyền lợi của Việt kiều ở Pháp nói chung;

Thứ hai, dù tư tưởng chính trị khác nhau nhưng họ gặp nhau ở quyền lợi dân tộc ;  
Thứ ba, chưa xuất hiện những yếu tố liên quan đến quyền lợi dân tộc khiến cho phát sinh những bất đồng quan điểm.

Căn cứ vào thành phần của tổ chức này, có thể thấy rằng, *Việt kiều Liên minh* với khả năng quy tụ các bộ phận, các giới trong Việt kiều đứng vào tổ chức của mình để đấu tranh chống chính sách xâm lược của thực dân Pháp vào Việt Nam, qua đó bảo vệ quyền lợi dân tộc mình đã phần nào thể hiện tính chất của một mặt trận phản đế mô hình thu nhỏ đối với người Việt Nam ở Pháp lúc này. Đó như một chiến tuyến duy nhất để tập hợp, đoàn kết những Việt kiều yêu nước vào mặt trận đấu tranh chung ấy.

Cũng dựa vào thành phần của tổ chức này, có thể thấy vai trò của bộ phận trí thức trong hàng ngũ lãnh đạo đã thể hiện rõ nét. Mặc dù, ở giai đoạn này, lực lượng lính thợ Việt Nam ở Pháp mới chiếm đa số trong hàng ngũ Việt kiều, trí thức chỉ chiếm thiểu số.

Giai đoạn thứ hai, từ sau khi *Việt kiều Liên minh* giải tán (tháng 6/1946) đến sự hồi hương của lính thợ Việt Nam tại Pháp (1950). Đây là giai đoạn mà phong trào yêu nước của Việt kiều tại Pháp không còn giữ được sự thống nhất về mặt tổ chức. Ở giai đoạn này, phong trào Việt kiều chia làm hai bộ phận.

Bộ phận thứ nhất bao gồm những người ủng hộ Chính phủ VNDCCH. Tổ chức lớn nhất đại diện cho họ là *Việt kiều Cứu quốc*. Tiền thân của *Việt kiều Cứu quốc* là *Nhóm Việt Minh đồng chí tại Pháp*. Nhóm này do luật sư Phan Nhuận cùng một số trí thức: Phạm Văn Điều, Nguyễn Hữu Sơn, Huỳnh Ngọc Châu, Phạm Huy Thông, Nguyễn Trọng Đắc, Phan Quang Lim sáng lập vào tháng 11/1945. Đến tháng 4/1947, *Nhóm Việt Minh đồng chí tại Pháp* chuyển thành *Việt kiều Cứu quốc*. Sự chuyển biến này được diễn ra dựa trên phong trào *Cứu quốc* ở Việt Nam lúc bấy giờ. Những trí thức: Phan Nhuận, Huỳnh Ngọc Châu, Phạm Huy Thông vẫn là nòng cốt của tổ chức này. Bên cạnh *Việt kiều Cứu quốc*, những người theo lập trường ủng hộ Chính phủ VNDCCH còn một tổ chức nữa đáng chú ý đó là *Văn hóa Liên hiệp*. Cơ quan này được thành lập vào tháng 2/1948 do những trí thức Việt kiều ở Paris sáng lập.

Bước vào năm 1948, học sinh, sinh viên Việt Nam sang Pháp ngày càng đông, trong bối cảnh lực lượng lính thợ bắt đầu hồi hương thì đây thực sự là sự bổ sung kịp thời và giá trị cho phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp. Sự có mặt ngày càng đông của lực lượng này dẫn tới sự ra đời của *Tổng hội sinh viên Việt Nam tại Pháp*. Trên thực tế, học sinh, sinh viên Việt Nam đã tham gia rất nhiệt tình vào phong trào Việt kiều tại Pháp giai đoạn này và đại đa số có lập trường ủng hộ Chính phủ VNDCCH. Với ưu điểm về sức trẻ và sự hăng hái của mình, cùng với tinh thần yêu nước vốn có, họ nhanh chóng trở thành lực lượng xung kích cho phong trào. Mặc dù vậy, vai trò lãnh đạo phong trào vẫn do những trí thức Việt Nam đã có mặt ở Pháp từ những giai đoạn trước đảm nhiệm với những tổ chức đã được xây dựng từ trước.

Vai trò lãnh đạo của đội ngũ trí thức có thể được giải thích bởi ba lý do:

Thứ nhất, trí thức Việt Nam là những người có học vấn, có bằng cấp nên họ có vị trí nhất định trong xã hội Pháp – một xã hội rất coi trọng tri thức. Vì vậy, tiếng nói

của họ phân nào được nhà cầm quyền Pháp coi trọng hơn so với các thành phần, các giới Việt kiều khác. Bên cạnh đó, vì có học vấn nên họ có những hiểu biết cơ bản về luật pháp nước Pháp, thậm chí có người còn hoạt động trong giới luật pháp (luật sư Phan Nhuận) nên họ có thể chỉ đạo phong trào diễn ra vừa đúng pháp luật mà vẫn vừa đảm bảo được hiệu quả về mục đích đấu tranh của mình. Với tính chất của một phong trào đấu tranh chính trị là chủ yếu, lại diễn ra ngay tại nơi của những kẻ đang xâm lược dân tộc mình thì rõ ràng, những phẩm chất trên của trí thức là rất cần thiết cho vai trò của người lãnh đạo.

Thứ hai, những trí thức Việt Nam có mặt tại Pháp từ những giai đoạn trước họ có đủ sự hiểu biết về nước Pháp, người dân Pháp, luật pháp của nước Pháp và phần nào đã có kinh nghiệm và bản lĩnh trong việc ứng xử với nhà cầm quyền Pháp trước mọi hoàn cảnh.

Thứ ba, họ là những trí thức đã có lập trường, quan điểm chính trị vững vàng. Cùng với kinh nghiệm và bản lĩnh có được, họ khó bị lay chuyển trước những biến động của thời cuộc. Luôn giữ vững lập trường chính trị là một trong những tố chất quan trọng của người lãnh đạo.

Ba lý do trên cũng chính là những tố chất để đảm bảo vai trò lãnh đạo của trí thức Việt Nam đối với phong trào yêu nước của Việt kiều giai đoạn này. Những tố chất này đối với đội ngũ học sinh, sinh viên đều là những yếu tố cần được bổ sung và tôi luyện theo thời gian. Việc *Tổng hội sinh viên Việt Nam* chấp nhận bị nhà cầm quyền Pháp giải tán và sau đó, học sinh, sinh viên Việt Nam không thành lập được tổ chức nào khác cho riêng mình đã minh chứng cho điều đó.

Bộ phận thứ hai, đó là những người đấu tranh cho sự độc lập hoàn toàn của dân tộc Việt Nam, triệt để ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của đồng bào ở Việt Nam nhưng không tán thành đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chính phủ VNDCCH, đặc biệt là đường lối ngoại giao thể hiện ở *Hiệp định Sơ bộ* (6/3/1946) và *Tạm ước* (14/9/1946). Bộ phận này lại chia làm hai lực lượng. Lực lượng thứ nhất là đại đa số lính thợ Việt Nam tại Pháp. Lực lượng thứ hai là một số trí thức ngả theo xu hướng Trotskyste. Mặc dù là những lực lượng có thể nói là cùng chung quan điểm (xét ở khía cạnh thái độ đối với Chính phủ VNDCCH) nhưng họ có sự độc lập tương đối với nhau.

Lực lượng lính thợ Việt Nam chiếm đa số trong cộng đồng người Việt Nam tại Pháp trong phần lớn giai đoạn này. Chính vì vậy, đây là lực lượng mạnh và rất quan trọng cho phong trào Việt kiều yêu nước. Cơ quan cao nhất của họ là *Trung ương Công binh* được thành lập vào ngày 14/4/1946. Trong suốt quá trình tồn tại của mình (1946 – 1950), *Trung ương Công binh* đã hoàn thành sứ mệnh đại diện cho tiếng nói của lính thợ Việt Nam tại Pháp. Tổ chức này vừa đấu tranh mạnh mẽ cho quyền lợi của bộ phận mình, vừa tranh đấu quyết liệt cho quyền độc lập của dân tộc Việt Nam. Trong mọi hoàn cảnh, có lúc thuận lợi, có lúc khó khăn, thậm chí bị nhà cầm quyền Pháp thực hiện các chính sách ngăn cấm, khủng bố nhưng tinh thần dân tộc của họ

không bao giờ thay đổi. Họ vẫn luôn tìm mọi cách để đấu tranh đến cùng. Có thể khẳng định rằng, đây là một phẩm chất rất đáng quý của lính thợ Việt Nam tại Pháp.

Không phủ nhận tinh thần yêu nước và sự dũng cảm trong các hoạt động đấu tranh, song cũng cần phải nhận thấy những hạn chế của lực lượng lính thợ Việt Nam.

Thứ nhất, lính thợ Việt Nam ở Pháp thời kỳ này do bị Chính phủ Pháp cưỡng ép tới đây để phục vụ cho Chiến tranh Thế giới thứ hai. Vì vậy, thái độ của nhà cầm quyền Pháp đối với họ không khác gì mối quan hệ “ chủ - tớ ”. Điều này cho chúng ta hiểu, mặc định trong quan điểm của Chính quyền Pháp, họ không coi trọng những người lính thợ.

Thứ hai, lính thợ Việt Nam tại Pháp thời kỳ này chủ yếu xuất thân từ nông dân ở các làng quê Việt Nam. Học vấn và sự hiểu biết của họ rất hạn chế. Thậm chí phần đông còn chưa biết chữ khi đặt chân tới nước Pháp. Dù cho thời gian ở Pháp lâu dài giúp họ cải thiện phần nào hạn chế này, song với một xã hội văn minh và coi trọng tri thức như nước Pháp thì rõ ràng xuất phát điểm ấy là một bất lợi thực sự đối với lính thợ Việt Nam khi tổ chức phong trào.

Thứ ba, như đã nói, lính thợ Việt Nam ở Pháp chủ yếu xuất thân từ nông dân. Họ không có hệ tư tưởng riêng. Chính vì vậy, khi sự chia rẽ diễn ra trong phong trào yêu nước của Việt kiều, bản thân nội bộ đội ngũ lính thợ Việt Nam cũng bị ảnh hưởng và chia rẽ theo.

Trong thực tiễn hoạt động yêu nước của lính thợ Việt Nam, có thể thấy rằng những phong trào của họ bị nhà cầm quyền Pháp đề ý hơn so với phong trào của trí thức Việt Nam. Các hoạt động và cách ứng xử của họ đối với nhà cầm quyền Pháp tỏ ra thiếu sự khôn khéo. Đó là lý do Chính quyền Pháp thẳng tay đàn áp và khủng bố, thậm chí sử dụng vũ lực đối với các hoạt động yêu nước của lính thợ Việt Nam. Số lượng lính thợ Việt Nam bị bắt giam, bị đánh đập vì thế nhiều hơn rất nhiều so với giới trí thức.

Một thực tế nữa trong phong trào yêu nước của Việt kiều tại Pháp thời kỳ này cho thấy, khi sự chia rẽ xảy ra, bản thân đội ngũ lính thợ cũng bị chia rẽ. Một bộ phận tiếp tục theo *Trung ương công binh*, một bộ phận ngả theo *Việt kiều Cứu quốc*. Nhưng *Trung ương Công binh* lại không lôi kéo được các thành phần, các giới khác đi theo mình. Chính vì thế, mặc dù chiếm số đông trong cộng đồng người Việt Nam tại Pháp thời điểm này nhưng lính thợ thực sự chỉ có thể lãnh đạo được những người trong thành phần của mình chứ không gây ảnh hưởng sâu sắc tới những thành phần, giới khác trong Việt kiều nói chung.

Lực lượng thứ hai là những trí thức ngả theo tư tưởng Trotsky. Lực lượng này mặc dù không tán thành quan điểm ngoại giao của Chính phủ VNDCCH nhưng họ vẫn tranh đấu cho quyền lợi của dân tộc và luôn ủng hộ cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của đồng bào ở quê nhà. Họ có tổ chức của mình đó là *Nhóm Trốt – kýt Việt Nam* được hình thành trên cơ sở của *Nhóm Tranh đấu*. Mặc dù cố gắng tạo ra ảnh hưởng trong cộng đồng người Việt Nam ở Pháp nhưng họ không lôi kéo được số đông

đi theo mình. Tính đến tháng 7/1952, *Nhóm Trót – ký Việt Nam* chỉ có 519 hội viên trên toàn nước Pháp [94, tr.197].

Trong giai đoạn thứ ba (1950 – 1954), khi đại đa số lính thợ Việt Nam tại Pháp đã hồi hương, học sinh, sinh viên Việt Nam có mặt ngày càng đông ở nước Pháp và đa số họ ủng hộ Chính phủ VNDCCH thì vai trò của trí thức Việt Nam tại Pháp ngày càng được khẳng định trong phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp.

Việc lính thợ Việt Nam hồi hương đã dẫn tới sự giải tán của *Trung ương Công binh*. Mặc dù ngay sau đó *Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp* đã được thành lập để thay thế nhưng với số lượng giảm đi quá nhiều khiến cho phong trào của họ chỉ có thể dừng lại ở mức duy trì mặc dù không phủ nhận sự nỗ lực trong hoạt động đấu tranh của *Hiệp đoàn*, đặc biệt là nỗ lực trong việc kêu gọi sự thống nhất về tổ chức trong phong trào Việt kiều yêu nước nói chung. Tuy nhiên, việc thống nhất đó chưa thể thực hiện. Thực tế này cũng cho thấy khả năng lôi kéo của *Hiệp đoàn* là hạn chế.

Trong khi đó, các tổ chức của những người trí thức theo lập trường ủng hộ Chính phủ VNDCCH vẫn tiếp tục hoạt động và ngày càng lớn mạnh. Sự ra đời của *Văn hóa Liên hiệp* và đặc biệt là *Chi hội Liên Việt tại Pháp* từ cơ sở *Việt kiều Cứu quốc* giai đoạn trước là một minh chứng điển hình. Cùng với đó, khi giới học sinh, sinh viên Việt Nam tới Pháp ngày càng đông và đa phần họ ngã theo lập trường ủng hộ Chính phủ VNDCCH, bản thân *Tổng hội Sinh viên* cũng nằm trong *Chi hội Liên Việt tại Pháp* đã khiến cho vai trò của đội ngũ trí thức ngày càng thể hiện rõ rệt.

Qua tìm hiểu và phân tích, có thể nhận định:

Thứ nhất, lực lượng tham gia phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp thời kỳ 1945 – 1954 bao gồm hầu hết các thành phần, các giới của Việt kiều tại Pháp lúc này. Tuy nhiên, vai trò nổi bật nhất thuộc về hai bộ phận: lính thợ và trí thức.

Thứ hai, trong lực lượng tham gia ấy, mặc dù chưa có sự thống nhất về mặt tổ chức của phong trào yêu nước trong cộng đồng người Việt Nam tại Pháp thời kỳ này chưa được đảm bảo nhưng vai trò lãnh đạo đã được thể hiện phần nào trong đội ngũ trí thức Việt Nam.

Có thể nói rằng, đặc điểm về lực lượng lãnh đạo và thành phần tham gia của phong trào Việt kiều yêu nước tại Pháp có những nét khác biệt nếu so sánh với phong trào yêu nước của Việt kiều tại các quốc gia khác cùng thời điểm. Ở thời kỳ này, bên cạnh phong trào người Việt Nam tại Pháp thì phong trào yêu nước của Việt kiều ở Thái Lan cũng rất nổi bật.

Về sự hình thành, người Việt Nam có mặt ở Thái Lan và ở Pháp đều khá sớm. Tuy nhiên, để trở thành một cộng đồng người với số lượng đáng kể thì Việt kiều ở Thái Lan phát triển trước. Ngay từ thế kỷ XVII, với sự nhập cư của những người Việt theo Thiên chúa giáo, người Việt tại Thái Lan đã tạo nên một cộng đồng đáng kể. Trong khi đó, phải tới Chiến tranh thế giới thứ nhất, với chủ trương huy động nhân công ở Đông Dương vào cuộc chiến của Chính phủ Pháp, cộng đồng người Việt tại Pháp mới cơ bản được hình thành.



Về lý do nhập cư cũng có sự khác biệt giữa cộng đồng người Việt tại Pháp và Thái Lan. Trong khi người Việt sang Thái Lan chủ yếu mang tính chất tự nguyện thì tuyệt đại đa số người Việt Nam sang Pháp lúc này là do bị Chính phủ Pháp cưỡng bức lao động để phục vụ cho hai cuộc chiến tranh thế giới mà Chính phủ nước này theo đuổi. Đặc điểm này khiến cho sự hòa đồng của Việt kiều tại Thái Lan với người bản địa chủ động hơn so với Việt kiều tại Pháp.

Về thành phần, có thể thấy sự khác biệt tương đối rõ ràng giữa cộng đồng người Việt Nam tại Pháp và Thái Lan. Người Việt ở Pháp trong thời kỳ này chủ yếu là lính thợ và trí thức. Sau khi bộ phận lính thợ được hồi hương vào những năm 1948 – 1949 thì thành phần người Việt Nam tại Pháp lúc này chủ yếu là trí thức với số lượng ngày càng đông. Trong khi đó, thành phần Việt kiều tại Thái Lan tương đối phức tạp, nhưng chủ yếu là những người lao động chân tay. Trí thức có nhưng không nhiều.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954), các tổ chức Việt kiều ở Thái Lan đã hợp nhất thành *Tổng hội Việt kiều*. *Tổng hội Việt kiều* đã thành lập các chiến khu dọc theo vùng rừng núi Đông Bắc Thái Lan - Campuchia. *Bộ đội Việt kiều giải phóng* được triệu tập, thanh niên Việt kiều ở Thái Lan nô nức lên đường tập trung về các chiến khu. Từ tháng 8/1946 đến tháng 12/1946, bốn đơn vị bộ đội Việt kiều được thành lập: “*Bộ đội Độc lập số 1*”, “*Bộ đội Quang Trung*”, “*Chi đội Trần Phú*” và “*Tiểu đoàn Hải ngoại Cứu Long II*” đã bí mật về Miền Nam Việt Nam chiến đấu theo tiếng gọi của Tổ quốc [96, tr.143].

Những đặc điểm về sự hình thành và tổ chức đấu tranh của Việt kiều ở Thái Lan đưa đến nhận định:

Thứ nhất, trí thức đóng vai trò then chốt trong phong trào yêu nước của Việt kiều tại Pháp đóng vai trò then chốt. Trong khi đó, đối với phong trào yêu nước của Việt kiều tại Thái Lan thì vai trò đó thuộc về những người lao động.

Thứ hai, sự thống nhất về mặt tổ chức của phong trào yêu nước của Việt kiều tại Thái Lan rất chặt chẽ. Trong khi đó, ở Pháp, sự thống nhất này không được đảm bảo.

#### **4.2.4. Đấu tranh chính trị hợp hiến và hợp pháp giữ vai trò chủ đạo**

Nhiều hình thức hoạt động, đấu tranh được thực hiện: từ những hoạt động ban đầu mang tính chất kết nối, đoàn kết từng cá nhân trong cộng đồng như tổ chức những buổi cắm trại, đi picnic, những buổi diễn văn nghệ đến những hoạt động đấu tranh nhiệt tình: rải truyền đơn, tham gia biểu tình cùng nhân dân Pháp yêu chuộng hòa bình. Hoạt động báo chí cũng trở thành một vũ khí đấu tranh sắc bén đã góp phần không nhỏ vào hiệu quả của công tác tuyên truyền. Phong trào phát triển đến những hoạt động mang màu sắc chính trị nhiều hơn như phong trào đón Chủ tịch Hồ Chí Minh và phái đoàn đàm phán của VNDCCH tại Hội nghị Fontainebleau. Dù dưới bất kỳ hình thức nào, tất cả mọi hoạt động đều tỏ rõ lập trường chính trị rõ ràng:  *ủng hộ cuộc kháng chiến của dân tộc, phản đối chính sách hiếu chiến của Chính phủ thực dân Pháp*, nhằm bảo vệ nền độc lập tự do mà đồng bào trong nước vừa mới giành được bằng chính máu xương của mình. Thống nhất đất nước vừa là truyền thống, vừa là

khát vọng lâu đời của dân tộc Việt Nam. Vậy nên *độc lập dân tộc* và *thống nhất quốc gia* cũng là mục tiêu của phong trào thể hiện tại những dịp Tết Nguyên Đán, lễ Độc lập hay trong những ngày hội của Báo Nhân Đạo.

Có nhiều lý do để một số Việt kiều không tham gia phong trào chính trị, nhưng họ vẫn luôn hướng về Tổ quốc, sẵn sàng giúp đỡ phong trào trong phạm vi khả năng của mình. Vì vậy, ngoài những hoạt động mang tính chính trị, việc tuyên truyền để bà con hiểu biết tình hình của Tổ quốc, những người tham gia phong trào còn tranh thủ Việt kiều ủng hộ về vật chất hay tinh thần. Hoạt động này có ý nghĩa rất thiết thực, một mặt tạo cơ hội để họ thể hiện lòng yêu nước và có tâm lý không phải người ngoài cuộc, mặt khác có thêm cơ sở vật chất cho sự hoạt động của hội. Đây là công việc yêu cầu phải có sự nhẫn nại, kiên trì, linh hoạt và khéo léo đối với từng thành phần người Việt Nam.

Muốn có hiệu quả, phải hiểu đặc điểm, tâm lý của từng nhóm người. Lính thợ Việt Nam là lực lượng chiếm tỷ lệ cao nhất trong cộng đồng người Việt Nam ở Pháp. Sau này, hầu hết họ đều lấy vợ người Pháp. Họ định cư tại Pháp nhưng vẫn rất nhớ nhà. Thời gian lao động nhiều và cường độ cao, vất vả, họ không có thì giờ theo dõi tin tức trong nước. Vì vậy, mỗi khi có cán bộ phong trào đến nhà thông báo tin tức, họ rất vui và sẵn sàng đóng góp cho phong trào.

Với các thành phần khác, cách vận động phải kiên trì, khôn khéo và nhẫn nại. Hàng năm, đến ngày thương binh liệt sĩ, phong trào Việt kiều thường tổ chức hội chợ trong vài ngày. Các hoạt động khá đa dạng và phong phú: ca nhạc, thể thao, hội thảo, bán thức ăn để gây quỹ ủng hộ phong trào. Anh em cốt cán trong phong trào được phát một danh sách có đóng dấu của *Hội Ái Hữu* để đi quyên tiền. Việc quyên tiền không dễ dàng, được nhiều, được ít, thậm chí về không. Rút kinh nghiệm, khi vận động, những người khá giả được chọn trước vì họ khó từ chối, hoặc giả đến gặp những người giàu trước, như vậy thì số tiền ủng hộ đầu sẽ cao để những người sau theo đó mà góp. Với sinh viên, công nhân và người buôn bán thì tùy ý, muốn đóng góp bao nhiêu cũng được, không ép. Khi không quyên được tiền, có một cách khác được áp dụng là xin thức ăn. Để có kết quả, những người tham gia đã dựa vào một số sinh viên thân thiết và được chủ quán coi trọng.

*“Trong lần đi quyên tiền cho dịp lễ thương binh, tôi đề nghị ông chủ tiệm ăn Việt Nam nếu không có tiền thì ủng hộ chúng tôi chả giò để bán tại quầy ăn uống ở hội chợ, thế là người chủ đồng ý. Trước đây thỉnh thoảng chúng tôi có đến ăn ở quán này và tôi để ý người chủ rất quý một vài sinh viên trong nhóm vì một anh có cha làm quan phủ và một anh khác có cha là bác sĩ ở Sài Gòn. Tôi bèn nhờ hai anh này đến nhận chả giò. Thế là những lần sau đó khi tôi trở lại người chủ quán tỏ ra niềm nở hơn vì ông ta thấy tôi chỉ huy được mấy sinh viên con của những bậc danh giá mà ông ta nể trọng ” [127, tr.76].*

Do hiểu biết về chính trị, đội ngũ cán bộ lãnh đạo phải cố gắng tìm hiểu mọi thông tin để thông báo trước cho đồng bào mình ở Pháp những thay đổi về chính sách

kinh tế sắp diễn ra của Nhà nước Pháp nhằm làm lợi cho bà con, hoặc tìm những giải pháp có thể tránh được những rủi ro trong công việc. Tất cả những thông tin như vậy đã góp phần làm tăng uy tín cho phong trào và sự ủng hộ của đồng bào có hiệu quả hơn nhiều. Ví dụ, thông báo cho bà con biết chủ trương điều chỉnh giá tiền tệ ở Đông Dương để bà con tìm cách chuyển tiền qua trước ngày thay đổi tỷ giá, tránh thiệt hại rủi ro. Do đó bà con rất có cảm tình và nể trọng các cán bộ phong trào, theo đó sự ủng hộ của họ có hiệu quả tốt.

Một điểm quan trọng trong phương pháp đấu tranh của người Việt Nam yêu nước tại Pháp thời kỳ này là tôn trọng, hiểu biết và nắm vững luật pháp của nước Pháp để qua đó, dùng chính luật pháp của họ để đấu tranh và bảo vệ chính mình.

Là người dân sống trong ảnh hưởng lâu đời của xã hội với thể chế quân chủ phương Đông, để tiếp cận và hòa nhập với một xã hội dân chủ, trước hết phải hiểu trách nhiệm và quyền hạn của mình trong khuôn khổ luật pháp của họ cho phép. Để hoạt động hiệu quả và tự bảo vệ mình, tìm hiểu và tôn trọng pháp luật của nước Pháp có một ý nghĩa quan trọng đối với kiều bào. Được sự hướng dẫn của Đảng Cộng sản Pháp, nắm được luật, phong trào luôn tôn trọng và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật của nước Pháp, những hành động mang tính chất nổi loạn, gây mất trật tự trị an không bao giờ xuất hiện. Nhân dân Pháp rất thiện cảm với phong trào của cộng đồng người Việt Nam yêu nước còn bởi tính văn hóa của nó. Đây là điểm khác biệt với phong trào của cộng đồng người Algérie. Họ cũng có phong trào phản chiến, đặc biệt khi thực dân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh ở Algérie. Tuy nhiên, họ không nhận được sự ủng hộ của nhân dân Pháp, thậm chí bị tẩy chay vì luôn có những hành động vi phạm pháp luật, gây mất trật tự công cộng, thậm chí là mất an toàn xã hội. Một số phần tử trong cộng đồng này còn luôn tìm kiếm và hành hung những người Pháp, bắt luận họ là ai, quan điểm ra sao.

Quan trọng nữa là cũng từ luật của họ mà vận dụng trong hoạt động đấu tranh. Ở Pháp lúc này, người dân có quyền tự do tư tưởng, tự do về quan điểm, nhưng tham gia một tổ chức bị cấm là phạm pháp. Bà Mai Thị Trinh nhớ lại trong hồi ký:

*“Chẳng hạn nếu được hỏi có ủng hộ kháng chiến ở Việt Nam không hoặc tôn sùng Hồ Chủ tịch không thì phải xác nhận là có. Nhưng nếu được hỏi có gia nhập tổ chức này nọ không thì có quyền nói: “Tôi không trả lời”. Nếu họ hỏi có phải là Đảng viên Đảng Cộng sản Pháp không thì nói: “Ông không có quyền hỏi vì đó là chuyện riêng của tôi”. Đảng Cộng sản Pháp còn hướng dẫn chúng tôi đọc những quyển sách để hiểu rõ quyền của người dân trong xã hội dân chủ... ”* [127, tr.76, tr.80].

Ông Dương Quang Trung, một người từng tham gia phong trào đã dùng pháp luật của chính nước Pháp để tự bào chữa và minh oan cho bản thân. Năm 1953, ông bị chính quyền trục xuất về Việt Nam. Được sự che chở của Đảng Cộng sản Pháp và nhân dân Pháp, ông đã thoát được sự truy lùng của cảnh sát để tiếp tục ở lại với phong trào và hoạt động bí mật. Đến năm 1958, khi phong trào đã trở lại hoạt động công khai, ông Dương Quang Trung đã đứng cảm ra trước tòa án của nước Pháp để khẳng

định sự vô tội của mình. Cuối cùng, chính tòa án nước Pháp đã phải ra một bản quyết định về việc hủy bỏ lệnh trục xuất đối với ông vào năm 1953.

Bên cạnh việc khôn khéo dựa vào chính luật pháp của nước Pháp để phục vụ cho phong trào yêu nước, người Việt Nam yêu nước tại Pháp còn biết liên kết với nhân dân lao động Pháp, những kiều dân trên đất Pháp của các thuộc địa khác của Pháp để tăng sức mạnh cho phong trào của mình.

Việt kiều yêu nước ở Pháp đã biết cách gắn quyền lợi chân chính của dân tộc mình với quyền lợi của giai cấp công nhân Pháp và công nhân thế giới. Bức thư gửi thợ thuyền Pháp vào tháng 4/1949, *Ban Chấp hành Trung ương Công binh* đã viết:

*“Ngày mùng một tháng năm này, thợ Việt Nam tuyên bố hoàn toàn đoàn kết với các bạn thợ Pháp, tranh đấu để thực hiện các yêu sách quyền lợi và cuộc giải phóng của thợ thuyền.*

*...Ngày mùng một tháng năm này, vào giữa lúc bọn đế quốc khắp nơi đang sửa soạn chiến tranh. Đế quốc Pháp tăng gia tấn công ở Việt Nam, hy vọng bắt dân Việt Nam phải công nhận sự áp chế bóc lột của chúng.*

*Nhưng thợ thuyền thế giới không muốn có cuộc thế giới chiến tranh thứ ba... Vì vậy chúng tôi kêu gọi các bạn tranh đấu bắt bọn đế quốc phải chấm dứt cuộc chém giết ở Việt Nam.*

*Các bạn cùng với chúng tôi tranh đấu:*

- *Bắt buộc đế quốc phải chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam.*
- *Thực hiện nền độc lập hoàn toàn cho Việt Nam ”* [52].

Trong dịp kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động 1/5/1952, *Trung ương Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp* phát hành 15.000 bản truyền đơn gửi các địa phương và phân phát ở Paris nhằm kêu gọi lao động Pháp và kiều dân lao động ở Bắc Phi tại Pháp cùng Việt kiều đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc. Tờ truyền đơn được dịch sang tiếng Việt và đăng trong tờ Tiếng thợ:

*“Hỡi lao động Pháp và Bắc Phi hãy lập mặt trận thống nhất phản đế chống lại cuộc liên minh của đế quốc và chiến tranh...*

*Chúng ta hợp lực sẽ phá tan được mưu mô của đế quốc hoàn cầu và tạo nên điều kiện cho cuộc tranh đấu toàn thắng...*

*Chúng ta hãy liên kết bên nhau để củng cố cách mạng. Thợ thuyền Việt Nam chúng tôi tuyên bố tận lực ủng hộ cuộc tranh đấu của các bạn thợ Pháp để chống lại chính trị hãm đoi và chiến tranh của Chính phủ tư bản...*

*Đối với anh em Bắc Phi, chúng tôi tán thành triệt để cuộc giải phóng quốc gia của họ. Chúng tôi tuyên bố với họ: cuộc đấu tranh của các bạn là của chúng tôi, vậy hãy cùng chung sức lật đổ đế quốc Pháp... ”* [95].

Bước vào năm 1950, Đảng Cộng sản Pháp bị Chính phủ cực đoan của Thủ tướng Ramadier tấn công. Các cuộc bắt bớ nhằm vào thành viên của Đảng Cộng sản Pháp liên tục diễn ra. Đỉnh điểm là việc quyền Tổng thư ký Đảng Cộng sản Pháp – Jacques Duclos bị nhà cầm quyền Pháp bắt giam vào ngày 28/5/1952. Trước tình hình

đó, với tinh thần giai cấp, những tổ chức của Việt kiều theo chủ nghĩa cộng sản đã ngay lập tức có thái độ phản đối chính sách vi phạm dân chủ của Chính phủ Pháp.

Trong tập san *Văn hóa Liên hiệp* số tháng 6/1952 có đăng bài viết của Nguyễn Khắc Viện với đầu đề “Tiến vào thời cuộc”:

“Ngày 28/5, Chính phủ Pháp cho bắt Jacques Duclos, quyền Tổng thư ký Đảng Cộng sản Pháp, nghị sĩ quận Seine. Chính phủ Pháp đã làm một việc trái hẳn với hiến pháp: một nghị sĩ Quốc hội được quyền bất khả xâm phạm không thể bị bắt, trừ những lúc bị bắt quả tang.

... Việc bắt Duclos, là một thời sự rất quan trọng; Chính phủ Pháp, hôm trước đã cho bắt Andre Stil, chủ bút báo Nhân loại. Trong mấy ngày đã không cho toàn thể báo dân chủ khắp địa phận nước Pháp phát hành. Đó là những thủ đoạn hoàn toàn phát xít.” [94, tr.530].

Báo *Tiếng thợ* - cơ quan ngôn luận của Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp đã đăng *Thông cáo* của Ban Chấp hành Hiệp đoàn để phản đối việc Chính phủ Pháp khủng bố Đảng Cộng sản Pháp:

“Hiệp đoàn thợ Việt Nam cực lực phản kháng vụ bắt Jacques Dulos – Tổng thư ký Đảng Cộng sản Pháp và những vụ cảnh binh khám xét các trụ sở của Đảng.

Những thủ đoạn này của Chính phủ tiếp liền với vụ bắt Andre Stil cùng những vụ khủng bố uy hiếp không ngừng các thợ Bắc Phi, Việt Nam và Pháp trong khi họ đấu tranh đủ tỏ rằng trường giả Pháp đã chủ trương kế hoạch để hòng huy động cuộc khởi hân của đế quốc sắp tới...

Chúng tôi kêu gọi hết thảy các thợ thuyền hãy tăng gia lực lượng để bắt phải chấm dứt ngay chiến tranh tại Việt Nam, phải để cho các dân tộc thuộc địa được quyền tự quyết...” [94, tr.532].

Có thể nói, việc phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp biết liên kết với lao động Pháp, kiều dân lao động của các nước thuộc địa khác của Pháp tại Pháp đã không chỉ thể hiện tinh thần đoàn kết giai cấp, người lao động mà còn cho thấy phong trào đã đạt đến một trình độ tự giác cao.

Phương pháp đấu tranh là một trong những yếu tố quan trọng quyết định thành bại của một phong trào. Về điểm này, có thể tiếp tục so sánh phương pháp đấu tranh của Việt kiều ở Pháp so với Việt kiều ở Thái Lan để thấy rõ được điều đó.

Trong khi Việt kiều tại Pháp chủ yếu sử dụng các phương pháp tuyên truyền chính trị thì Việt kiều ở Thái Lan vừa thực hiện đấu tranh trên lĩnh vực tuyên truyền (thông qua Phái viên quán), vừa thực hiện đấu tranh vũ trang. Trong đó, các hoạt động vũ trang trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp thực sự nổi bật.

Sự khác nhau về phương pháp đấu tranh của Việt kiều tại hai quốc gia này được lý giải bởi mối quan hệ của họ với chính quyền bản địa. Các đời vua của Thái Lan luôn tạo điều kiện thuận lợi trước sự nhập cư của người Việt Nam vào quốc gia của mình bởi họ cần sự bổ sung về lao động. Thậm chí, chính quyền nơi đây còn cư xử với những người Việt Nam nhập cư như với người dân bản địa và có những chính sách

bảo vệ họ. Hoạt động trong một môi trường như vậy tạo những điều kiện thuận lợi cho người Việt Nam có thể thực hiện các hoạt động đấu tranh vũ trang. Trong khi đó, mối quan hệ chính quyền Pháp với người Việt Nam tại Pháp là mối quan hệ giữa mẫu quốc với thuộc địa của mình. Sự phân biệt đối xử thể hiện rất rõ ràng. Không những vậy, người Việt Nam tới đây chủ yếu do sự cưỡng bức của chính quyền Pháp từ yêu cầu của các cuộc chiến tranh. Bởi mối quan hệ này, chính quyền Pháp luôn cảnh giác với các hoạt động của người Việt Nam tại đây và luôn có biện pháp cấm đoán, đàn áp đối với những hoạt động mà họ cho rằng ảnh hưởng xấu đến chính sách thực dân của họ ở Đông Dương. Trong một môi trường khó khăn như vậy, người Việt Nam ở đây cần lựa chọn phương pháp đấu tranh phù hợp và hình thức đấu tranh chính trị là một phương án khả thi.

Sự khác biệt này có nhiều nguyên nhân. Trước hết là yêu cầu từ cuộc cách mạng trong nước đặt ra đối với Việt kiều ở từng nơi. Theo đó, ở Pháp, phong trào của Việt kiều cần tạo ra một mặt trận ngay trong lòng nước Pháp để tranh thủ tối đa sự ủng hộ của dư luận và nhân dân tiến bộ yêu chuộng hòa bình nước Pháp. Nhiệm vụ này yêu cầu hình thức đấu tranh chủ yếu là tuyên truyền chính trị, không khuyến khích các hoạt động vũ trang. Trong khi đó, tại Thái Lan, phong trào yêu nước của Việt kiều phải thực sự trở thành một hậu phương, bổ sung sức người, sức của cho cuộc kháng chiến cũng như là con đường kết nối cách mạng trong nước với bên ngoài. Chính bởi nhiệm vụ này mà phong trào yêu nước của Việt kiều tại Thái Lan cần sử dụng cả phương pháp tuyên truyền chính trị và vũ trang. Bên cạnh đó, chính sách của chính quyền bản địa cũng là một nguyên nhân tạo ra sự khác biệt. Trong giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam, Chính phủ dân tộc tiến bộ do ông Pridi lãnh đạo ở Thái Lan đã ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. Họ cho phép cuộc kháng chiến của Việt Nam lập một số cơ sở huấn luyện quân sự và sản xuất, sửa chữa vũ khí tại Thái Lan. Điều này đã tạo những điều kiện thuận lợi để Việt kiều ở Thái Lan có những sự chuẩn bị cho các hoạt động vũ trang của mình chống thực dân Pháp. Trong khi đó, ở Pháp, Chính phủ Pháp luôn cấm đoán, đàn áp, ngăn chặn các hoạt động yêu nước của Việt kiều tại đây. Mọi hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp bị kiểm soát chặt chẽ nên luôn phải được thực hiện một cách bí mật. Điều kiện đó thực sự tạo ra nhiều khó khăn cho phong trào yêu nước của Việt kiều ở đây. Tuyên truyền chính trị vì vậy là lựa chọn phù hợp nhất cho hoạt động yêu nước của Việt kiều tại Pháp.

### Tiểu kết chương 4

Thông qua nghiên cứu hoạt động yêu nước của người Việt Nam trong giai đoạn 1945 – 1954, luận án đã khẳng định những đóng góp tích cực của phong trào này vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc. Đó là những đóng góp trên các phương diện về vật chất và tinh thần. Bên cạnh đó, những hoạt động yêu nước của Việt kiều tại Pháp còn có tác dụng tranh thủ được sự ủng hộ của nhân dân Pháp tiến bộ đối với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

Bên cạnh những đóng góp quan trọng ấy, phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp giai đoạn 1945 – 1954 còn thể hiện nhiều đặc điểm nổi bật. Trong đó, đặc điểm lớn nhất là mục tiêu đấu tranh luôn được xác định một cách nhất quán là ủng hộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Tổ quốc và đòi quyền lợi chân chính cho dân tộc Việt Nam. Đặc điểm này cho chúng ta khẳng định tính chất yêu nước của phong trào.

Mặc dù vậy, hạn chế lớn nhất của phong trào nằm ở sự thiếu thống nhất về tổ chức lãnh đạo trong phần lớn thời gian phong trào diễn ra. Từ sự thiếu thống nhất đó dẫn đến sự xung đột về quan điểm yêu nước trong nội bộ cộng đồng người Việt Nam tại Pháp giai đoạn này. Đây là nguyên nhân tiềm ẩn cho sự mất đoàn kết và chia rẽ trong phong trào. Chính hạn chế lớn nhất này đã đặt ra nhiệm vụ cần thống nhất về tổ chức lãnh đạo cho phong trào trong những giai đoạn sau này.

## KẾT LUẬN

“*Sống ở làng, sang ở nước*” là tâm nguyện ngàn đời của mọi người Việt Nam. Trong những thời điểm được coi là nước sôi lửa bỏng của chính sự, nhiều người Việt Nam đã phải chấp nhận xa quê hương sống nơi đất khách quê người. Dù bất kỳ lý do gì, đó cũng là sự chấp nhận can đảm; can đảm để điều khiển nó. Cộng đồng người Việt ở Pháp là một hiện tượng tiêu biểu.

Người Việt Nam có mặt ở Pháp từ khá sớm nhưng phải đến đầu thế kỷ XX mới thực sự hình thành một cộng đồng với số lượng đáng kể bởi sự tuyển mộ của Chính phủ Pháp đối với người Đông Dương nhằm phục vụ Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Cuộc chiến này kết thúc, đa phần người Việt Nam được hồi hương. Nhưng tới năm 1939, cuộc tổng động viên tiếp theo của Chính phủ Pháp cho Chiến tranh Thế giới thứ Hai đã dẫn tới sự có mặt của khoảng 20.000 người Việt Nam trên đất Pháp. Họ được đưa vào phục vụ cho ngành công nghiệp quân sự để trở thành những người lính thợ. Sau khi kết thúc chiến tranh, việc hồi hương của những người lính thợ ấy bị nhà cầm quyền Pháp đình trệ trong nhiều năm. Lực lượng lính thợ phải ở lại nước Pháp.

Tổ chức yêu nước của người Việt Nam đã được hình thành từ đầu thế kỷ XX bởi những nhà cách mạng nổi tiếng, điển hình là nhóm “Ngũ long”, trong đó có lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc mà sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Khi thực dân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai ở Đông Dương, Việt kiều tại Pháp đã phát động một phong trào yêu nước nhằm chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của kẻ thù, bảo vệ quyền độc lập dân tộc và ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào ở quê nhà.

Các hoạt động của phong trào yêu nước nơi người Việt Nam tại Pháp diễn ra liên tục trong suốt thời kỳ 1945 – 1954, cơ bản thể hiện qua hai giai đoạn chính:

Giai đoạn thứ nhất (1945 – 19/12/1946). Đây là giai đoạn mà tinh thần yêu nước thể hiện ở các hoạt động: treo cờ đỏ sao vàng; tổ chức kỷ niệm ngày Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8); kỷ niệm ngày Quốc khánh (2/9); tổ chức mít tinh, biểu tình chống lại chính sách xâm lược của thực dân Pháp đối với dân tộc Việt Nam và đặc biệt là phong trào đón Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng đoàn đàm phán của Chính phủ VNDCCH tới Pháp để thương lượng trong Hội nghị Fontainebleau.

Giai đoạn thứ hai (19/12/1946 – 1954). Đây là giai đoạn mà phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp diễn ra vô cùng sôi nổi. Các hoạt động yêu nước của Việt kiều nhằm: Chống lại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp trên quê hương của mình; Chống lại âm mưu chia rẽ dân tộc của kẻ thù bằng những hình thức chính quyền bù nhìn; Kêu gọi nhân dân Pháp ủng hộ cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam và chống lại chính sách xâm lược của Chính phủ Pháp; Ủng hộ một cách thiết thực về cả vật chất và tinh thần cho cuộc kháng chiến ở quê hương. Phong trào diễn ra mạnh mẽ, quyết liệt. Mặc dù nhà cầm quyền Pháp luôn



tìm mọi cách để ngăn chặn, đôi khi là đàn áp, khủng bố nhưng phong trào yêu nước của Việt kiều vẫn tiếp tục diễn ra và có những đóng góp quan trọng cho cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc.

Từ hoạt động của phong trào nhiều đặc điểm đã thể hiện rõ rệt:

Thứ nhất, bất kỳ hình thức hoạt động nào cũng thể hiện tinh thần yêu nước và chủ nghĩa dân tộc chân chính. Quyền lợi dân tộc chính là mục tiêu chung nhất của phong trào. Đây chính nét đẹp của lòng yêu nước và là sự khác biệt nhất so với cộng đồng các nước khác cũng đang sống tại Pháp và họ cũng đang là dân ở các nước thuộc địa của Pháp. Đặc điểm đó đã tự thân tạo nên yếu tố vật chất có sức cảm hóa tính thiện trong mỗi con người Việt Nam nói riêng và mọi khát vọng chân chính trong nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới.

Thứ hai, lực lượng tham gia phong trào rất đông đảo, bao gồm tất cả các thành phần, các giới trong cộng đồng người Việt Nam tại Pháp. Trong đó, nổi bật lên vai trò của hai bộ phận: trí thức và lính thợ. Trong lực lượng ấy, sự lãnh đạo được thể hiện rõ nét trong vai trò của những người trí thức Việt Nam.

Thứ ba, hình thức tổ chức đa dạng, phong phú. Từng bộ phận, từng giới đều có tổ chức yêu nước của mình. Trong đó, nổi bật lên vai trò của các tổ chức tiêu biểu: *Việt kiều Liên minh*, *Việt kiều Cứu quốc*, *Chi hội Liên Việt tại Pháp*, *Trung ương Công binh*, *Hiệp đoàn thợ Việt Nam tại Pháp*.

Thứ tư, phương pháp đấu tranh được sử dụng là đấu tranh chính trị. Đây là phương pháp khả dĩ nhất khi phong trào diễn ra trên chính nơi của những kẻ đang xâm lược tổ quốc mình.

Bất chấp mọi khó khăn từ nhiều phía, phong trào được duy trì và phát triển sâu rộng trong mọi thành phần kiều bào. Thông qua đó, phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp thời kỳ 1945 – 1954 đã có những đóng góp thiết thực cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc.

Đó là những đóng góp trên lĩnh vực chính trị, khoa học kỹ thuật, về vật chất nhất định, đặc biệt là những đóng góp về nhân tố con người, mở rộng đội ngũ những người cộng sản... Từ hoạt động yêu nước ấy, khối đại đoàn kết dân tộc được mở rộng, và cũng từ đó, tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam đã thức tỉnh nhân dân Pháp cùng những lực lượng tiến bộ, yêu chuộng hòa bình tại Pháp; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại tạo nên sức mạnh tổng hợp cho cách mạng Việt Nam. Hoạt động yêu nước của người Việt Nam tại Pháp trên thực tế đã trở thành một phong trào yêu nước rất sôi động, kết hợp với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân trong nước tạo nên một mặt trận rộng lớn đánh bại ý chí xâm lược của mọi thế lực đế quốc và phản động quốc tế.

Bên cạnh những ưu điểm và đóng góp tích cực, không thể phủ nhận hạn chế lớn đối với của phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp thời kỳ 1945 - 1954 là sự thiếu thống nhất về mặt tổ chức trong phần lớn quá trình diễn ra.

Sự thiếu thống nhất về mặt tổ chức trong phong trào yêu nước của người Việt Nam tại Pháp bắt đầu diễn ra khi *Hiệp định Sơ bộ* (6/3/1946) và *Tạm ước* (14/9/1946) được ký kết. Các quan điểm khác nhau xung quanh hai bản Hiệp định này xuất hiện và dần dần phân chia phong trào thành hai bộ phận. Một bộ phận ủng hộ, một bộ phận không tán thành sách lược đối ngoại của Chính phủ VNDCCH. Mặc dù vậy, cả hai bộ phận này đều đấu tranh cho quyền lợi dân tộc và triệt để ủng hộ cuộc kháng chiến của đồng bào ở quê nhà.

Thực trạng thiếu thống nhất trên đã đặt ra cho những thời kỳ, giai đoạn sau này của phong trào yêu nước nơi người Việt Nam tại Pháp một nhiệm vụ quan trọng: thống nhất và quy tụ Việt kiều nói chung trong một tổ chức thống nhất để đấu tranh cho quyền lợi chính đáng của bản thân mình và quyền độc lập, tự do cho tổ quốc và nhân dân.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc kết thúc thắng lợi, lịch sử dân tộc bước sang một trang mới với những nhiệm vụ chiến lược đầy cam go. Khôi đại đoàn kết dân tộc theo đó vẫn tiếp tục và cần được nâng lên ở tầm cao mới. Trước yêu cầu mới của lịch sử, đóng góp quý giá của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp lại tiếp tục được ghi nhận trong sự nghiệp xây dựng CNXH và kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954- 1975). Tháng 4 năm 1976, *Hội người Việt Nam tại Pháp* đã chính thức được thành lập. Đây là tổ chức có tính hợp pháp và công khai nhất của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp. Trên cơ sở một tổ chức thống nhất, rộng rãi này, Việt kiều tại Pháp tiếp tục hướng về quê hương và có những đóng góp thiết thực cho đất nước.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định “*Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao giờ thay đổi*”[102, tr.458]. Đây là tiếng nói của non sông, của dân tộc. Mỗi người Việt Nam yêu nước trong cộng đồng người Việt Nam ở Pháp nói riêng và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài nói chung mãi mãi mang trong mình tinh thần bất diệt đó. Và sự đóng góp của họ cho công cuộc kháng chiến – kiến quốc còn có giá trị cao ở chỗ, nó đã chuyển một loạt tiếng kêu của người dân mất nước sang thành một bài ca cách mạng hùng tráng mà chỗ dựa cho sự dịch chuyển vĩ đại này là vận mệnh tồn vong của dân tộc.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

### TƯ LIỆU LƯU TRỮ

1. Bài báo *Đảng Cộng sản Pháp gọi lao động Đông Dương ra tranh đấu*, Mã số: II3/120/B1.6, Phòng Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng.
2. Bài báo *Địa vị của lao động và quân lính Đông Dương tại Pháp trong ngày quốc tế tranh đấu của Đảng Cộng sản Pháp*, Mã số: II3/120/B1.5, Phòng Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng.
3. *Bản thể hiện tiếng nói của Việt kiều ở Pháp*, trích trong Bảng tin của nhóm Việt Trinh, số 1140, ngày 20/2/1951, Mã số: 11350, lưu trong tập tài liệu số 131, Trung tâm Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp.
4. *Bản thể hiện tiếng nói của Việt kiều ủng hộ Chính phủ VNDCCH*, Mã số: D1/27.18, Phòng Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng.
5. *Bảng thống kê theo “Tờ trình của Tổng Nha Mật thám về thuộc địa Đông Dương”*, ngày 13/3/1930, F7 13.406, Trung tâm lưu trữ Hải ngoại Pháp.
6. *Báo cáo của nhân viên mật thám gửi Bộ Thuộc địa về Nguyễn Ái Quốc*, Mã số D1/27.18, Phòng Lưu trữ Viện Lịch Sử Đảng.
7. *Báo cáo của nhân viên Désiré ngày 16/12/1921 về các tổ chức của người Việt Nam tại Paris*, Mã số: P/21.1, Phòng Lưu trữ Viện Lịch Sử Đảng.
8. *Báo cáo của nhân viên Désiré về các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong tháng 2/1923*, Mã số: D1/14.2, Phòng Lưu trữ Viện Lịch Sử Đảng.
9. *Báo Đoàn kết*, số 380, tháng 5/1986, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia.
10. *Biên bản họp Hội đồng Chính phủ 1945 – 1946*, Phòng Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng.
11. *Các nhóm do người Đông Dương ở Pháp thành lập tại Paris và các tỉnh*, SLOTFOM/III/2/1, Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại Pháp.
12. *Câble a signalé la situation au président de la République française le 2 février 1946*. (Bức điện báo cáo tình hình gửi cho Tổng thống nước Cộng hòa Pháp ngày 2/2/1946), Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng Pháp, Mã số: A211
13. *Chỉ thị số 272 CH/TU của tháng 1/1949 của Ban Chấp hành Trung ương Tổng Ủy ban Đại diện Công binh*, <http://www.travailleurs-indochinois.org/>.
14. *Circulaire du Gouvernement Français envoyée au gouverneur de la région de Vaucluse (Thông tư của Chính phủ Pháp gửi tới tỉnh trưởng vùng Vaucluse)*, Mã số 4W3692, Trung tâm lưu trữ vùng Vaucluse
15. *Décision du ministre français des Affaires étrangères envoyée au secrétaire général de la Commission d'Indochine le 23 novembre 1946 (Quyết định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp gửi cho Tổng thư ký Ủy ban Đông Dương ngày 23/11/1946)*, Trung tâm Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, Mã số: P24b
16. *Décision du secrétaire général de la commission d'Indochine auprès du haut-commissaire de la République Française en Indochine (Quyết định của Tổng thư ký Ủy ban Đông Dương gửi cho Cao ủy Pháp ở Đông Dương)*, Trung tâm Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, Mã số: P25b

17. *Déclaration des Agent Secret à l'Indochine (Tờ trình của Tổng Nha Mật thám về thuộc địa Đông Dương)*, ngày 13/3/1930, Mã số: F7 13.406, Trung tâm lưu trữ Hải ngoại Pháp.
18. *Dépliant des travailleurs indochinois (Truyền đơn của lính thợ Đông Dương)*, Mã số 4W9489, Trung tâm lưu trữ vùng Vaucluse
19. *Documents de L'agence d'espionnage Française (Hồ sơ mật thám Pháp)*, Mã số 493/SG, ngày 30/9/1938, Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại Pháp.
20. *Documents de L'agence d'espionnage Française (Hồ sơ mật thám Pháp)*, Mã số 556/SG, ngày 9/12/1934, Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại Pháp
21. *Documents du Comité de Gouvernement Français (Hồ sơ Chính quyền Pháp)*, Mã số 2168/SG, Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại Pháp.
22. *Documents du Comité de L'indochie (Hồ sơ của Ủy ban Đông Dương (Bộ Thuộc địa))*, Mã số 1538/SG, ngày 17/4/1932, Trung tâm lưu trữ Hải ngoại Pháp.
23. *Documents du Comité de L'indochie (Hồ sơ số của Chính quyền Đông Dương)*, Mã số 3783/SG ngày 7/7/193, số 33, Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại Pháp.
24. *Envoi officiel n ° 1932, en date du 3 octobre 1923, des Agence d'espionnage Française en Indochine (Công văn số 1932, ngày 3/10/1923 của Tổng Nha Mật thám Pháp ở Đông Dương gửi các quan cai trị đứng đầu các xứ Bắc, Trung, Nam Kỳ)*, Trung tâm lưu trữ Hải ngoại Pháp.
25. *Foreign Relations of US, Vietnam Crisis, t.1*, Phòng Tư liệu Học viện Quan hệ Quốc tế.
26. *Hồ sơ lưu trữ về người lao động Việt Nam ở nước ngoài*, Mã số 03/G3.4036, Tổng Công đoàn Việt Nam.
27. *Hồ sơ lưu trữ về người lao động Việt Nam ở nước ngoài*, Mã số 53/E4.557 Tổng Công đoàn Việt Nam
28. *Hồ sơ về Người lao động Việt Nam ở Pháp*, Mã số 13/D2, 174-04, Ban Sử Tổng Công đoàn.
29. *Lá thư của Nguyễn Ái Quốc gửi Việt kiều*, Mã số: D1/29.3, Phòng Lưu trữ Viện Lịch Sử Đảng.
30. *Lettre adressée au président de la France par le représentant des travailleurs indochinois le 24 décembre 1945 (Thư gửi Tổng thống Cộng hòa Pháp của đại diện người lao động Đông Dương ngày 24/12/1945)*, được đóng dấu và nhận vào ngày 26/12/1945 bởi dịch vụ thư tín của Tổng thống Chính phủ Cộng hòa Pháp, Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng Pháp, Mã số: A211
31. *Lettre du gouverneur du Vaucluse au colonel Dorin, commandant des camps d'Indochine à Marseille (Thư của tỉnh trưởng tỉnh Vaucluse gửi đại tá Dorin, chỉ huy các trại Đông Dương ở Marseille)*, Mã số 4W9489, Trung tâm lưu trữ vùng Vaucluse.
32. *Lời kêu gọi của Đảng Cộng sản Pháp gửi người Việt, Miên, Mọi ngày 28/1/1941*, Mã số: II3/120/B1.1, Phòng Lưu trữ Viện Lịch Sử Đảng.
33. *Les Indochinois en France – Rapports du President du Viet-nam avec le parti communiste par l'intermediaire de Reymond AUBRAC (Bản ghi chép của Bộ*

- Ngoại giao Pháp về báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh về người Đông Dương ở Pháp với Đảng Cộng sản Pháp thông qua trung gian là ông Raymond Aubrac*) vào ngày 7/12/1946, Trung tâm Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, Mã số: E180-3
34. *Note de monsieur Deveze du 18 octobre 1921 (Ghi chú của ông Deveze ngày 18 tháng 10 năm 1921)*, Mã số: D1/13.4, Phòng Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng.
  35. *Note sur une delegation permanente du Vietnam (Ghi chép của Bộ Hải ngoại Pháp về phái đoàn thường trực của Việt Nam tại Pháp ngày 25/2/1947)*, Trung tâm Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, Mã số: P24b
  36. *Notes au ministre de la Défense de la France à Duong Bach Mai et à Tran Ngoc Danh et à la délégation du Vietnam en France (Ghi chép gửi Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Pháp về Dương Bạch Mai và Trần Ngọc Danh và phái đoàn đại diện Việt Nam tại Pháp)*, ngày 8/1/1947, Trung tâm Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, tập tài liệu lưu trữ số 131.
  37. *Note a l'attention du Colonel Fassy: soi – disant delegation permanente du Viet-nam en France et ses chefs TRAN NGOC DANH et DUONG BACH MAI (Ghi chép của Bộ Hải ngoại Pháp về phái đoàn thường trực của Việt Nam tại Pháp và 2 người đứng đầu phái đoàn là Trần Ngọc Danh và Dương Bạch Mai gửi đại tá Colonel Fassy)* ngày 25/2/1947, Trung tâm Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, tập tài liệu lưu trữ số 131.
  38. *Note der enseignements – concernant la publication de langue vietnamienne intitulee « Tieng Chuong » de Monsieur Dinh Van Khai (Thông báo những thông tin về tờ nhật báo « Tiếng Chuông » của ông Đinh Văn Khải)*, lưu trong tập tài liệu số 131, Trung tâm lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp.
  39. *Note der enseignements concernant la publication de langue vietnamienne intitulee « Viet Thanh » de Monsieur Nguyen Thanh Van (Thông báo những thông tin về tờ nhật báo « Việt Thanh » của ông Nguyễn Thanh Văn (Vân))*, lưu trong tập tài liệu số 131, Trung tâm lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp.
  40. *Note der enseignements – concernant la publication de langue vietnamienne intitulee « Tieng Doi » de Monsieur Tran Tan Quoc (Thông báo những thông tin về tờ nhật báo « Tiếng Đờì » của ông Trần Tân (Tấn) Quốc)*, lưu trong tập tài liệu số 131, Trung tâm lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp.
  41. *Phụ trương tờ Thông tin của Tổng Ủy ban đại diện Việt Nam*, số ra ngày 11/2/1945, Trung tâm Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, Mã số: 11350, lưu trong tập tài liệu số 131.
  42. *Profil des travailleurs vietnamiens en France (Hồ sơ lưu trữ về lính thợ Việt Nam tại Pháp)*, Mã số INF 102/981, Trung tâm lưu trữ Hải ngoại Pháp.
  43. *Profil du gouvernement de l'Indochine (Hồ sơ số của Chính quyền Đông Dương)*, Mã số 3783/SG ngày 7/7/193, số 33, Trung tâm Lưu trữ Hải ngoại Pháp.
  44. *Quyết nghị của Ban Chấp hành Chi đoàn công binh vùng Đông*, ngày 16/10/1949, <http://www.travailleurs-indochinois.org/>.
  45. *Quyết nghị của Ban Chấp hành công binh vùng Vesoul*, ngày 02/10/1949, <http://www.travailleurs-indochinois.org/>.

46. *Rapport de situation de Saujon au président de la République française le 26 décembre 1945, PL/No 5191 (Bản báo cáo tình hình vào 11 giờ ngày 26/12/1945 từ Saujon gửi Tổng thống nước Cộng hòa Pháp, số 5191), Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng Pháp, Mã số: A211*
47. *Revendications des travailleurs indochinois dans le sud-est de la France à l'occasion de Noel (Yêu sách của người lao động Đông Dương tại Đông Nam nước Pháp nhân dịp Noel), được đóng dấu và nhận vào ngày 26/12/1945 bởi dịch vụ thư tín của Tổng thống Chính phủ Cộng hòa Pháp, Trung tâm Lưu trữ Bộ Quốc phòng Pháp, Mã số: A211*
48. *Tài liệu về Hội người An Nam yêu nước ra đời, Mã số: D1/31.28, Phòng Lưu trữ Viện Lịch Sử Đảng.*
49. *Thông cáo về Chính sách ngoại giao của nước Cộng hòa Dân chủ Việt Nam, Báo Cứu quốc, ngày 3/10/1945.*
50. *Thư của Bùi Bằng Đoàn – Chủ tịch Quốc hội VNDCCH, Hội trưởng hội Liên Việt gửi cho Văn hóa Liên hiệp (8/1946), trích theo Đặng Văn Long (1997), Người Việt ở Pháp (1940 – 1954), Nxb Tủ sách nghiên cứu – Paris – Pháp.*
51. *Tư liệu lưu trữ về Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ II được tổ chức tại Budapest (Hunggari) năm 1949, Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.*
52. *Thư của thợ Việt Nam gửi cho các bạn thợ Pháp của Ban Chấp hành Trung ương Tổng Công binh ngày 22/4/1949 , <http://travailleurs-indochinois.org>*
53. *Vấn đề tờ báo “Le Paria” (Người cùng khổ), Mã số: D1/14.3, Phòng Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng.*

## SÁCH, BÁO, TẠP CHÍ, LUẬN ÁN, LUẬN VĂN

54. Ban Chỉ đạo tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị (2000), *Chiến tranh cách mạng Việt Nam 1945- 1975 thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
55. Nguyễn Đình Bin (2002), *Ngoại giao Việt Nam 1945 – 2000*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
56. Bộ Cựu chiến binh Pháp (2002), *Bộ đội thuộc địa và binh lính hải ngoại*, Paris, Pháp.
57. Bộ Ngoại Giao, *Đấu tranh ngoại giao trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1945- 1954)*, tập 1, Tài liệu lưu hành nội bộ.
58. Nguyễn Khắc Cần- Phạm Viết Thực (2001), *Việt Nam cuộc chiến 1858- 1975*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
59. Nguyễn Công Chánh (2000), *Hồi ký*, Công ty Bản quyền Việt Nam- Dịch vụ tổ chức bản thảo hồi ký, Tp Hồ Chí Minh.
60. Nguyễn Công Chánh (2006), *Về những tháng ngày hoạt động trong phong trào Việt kiều tại Pháp*, Kiều bào và quê hương, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh
61. Lâm Bá Châu (2006), *Gần một thế kỷ gắn bó với dân tộc*, Kiều bào và quê hương, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
62. Trường Chinh (1946): Hội nghị Mạc Tư Khoa và vấn đề Đông Dương. Biên bản họp Hội đồng Chính phủ 1945-1946, Báo Sự Thật, số 11/1946.
63. Đặng Văn Chương, Trần Quốc Nam, *Hoạt động yêu nước của người Việt Nam ở Thái Lan trong mối quan hệ với cách mạng Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á số 4/2007.
64. Lê Duẩn(1970), *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
65. Đại học Khoa học xã hội & nhân văn – ĐHQGHN (2015), *Việt Nam trong lịch sử thế giới*, Nxb Đại học Quốc Gia Hà Nội
66. Trần Trọng Đăng Đàn (2005), *Việt Nam – Kiều bào, những bước chân trong lịch sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
67. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Văn kiện Đảng, toàn tập, tập 8*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
68. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
69. Phạm Hoàng Điệp (Biên soạn) (2010), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với nước Pháp*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
70. Trần Dương (2008), *Hồ Chí Minh- Vị thượng khách của nước Pháp năm 1946*, Nxb Thanh Niên, Hà Nội.

71. Võ Nguyên Giáp (1974), *Những năm tháng không thể nào quên, quyển 2*, Nxb Quân đội, Hà Nội.
72. Henri Azot (1968), *Hồ Chí Minh, cơ hội cuối cùng*, Paris, Bản dịch lưu Viện Lịch sử Đảng.
73. Gabrien Wackermann (1992), *Nước Pháp trong lòng thế giới*, NXB Nathan, Paris.
74. Hồng Hà (1976), *Thời thanh niên của Bác Hồ*. NXB Thanh niên. Hà Nội.
75. Bùi Thị Thu Hà (2011), *Phát huy vai trò của người Việt Nam ở nước ngoài đối với công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay* (Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ), Học viện Chính trị- Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
76. Nguyễn Ngọc Hà (2006), *Vài suy nghĩ về công tác kiều bào ở Pháp từ năm 1945 đến nay*, Kiều bào và quê hương, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
77. Lê Kim Hải (2000), *Hồ Chí Minh với quan hệ ngoại giao Việt- Pháp thời kỳ 1945- 1946*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
78. Lê Mậu Hãn (Chủ biên) (2006), *Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 3*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
79. H. Navarre (2004), *Đông Dương hấp hối*, Nxb Công An Nhân Dân, Hà Nội.
80. Đặng Hòa (2001), *Bác Hồ những năm tháng ở nước ngoài*, Trung tâm UNESCO- Bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc Việt Nam xuất bản, Hà Nội.
81. Khuất Thị Hoa (2000), *Luận án tiến sĩ Chiến lược đại đoàn kết Hồ Chí Minh được thực hiện trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)*, Học viện CTQG Hồ Chí Minh.
82. Học viện Ngoại Giao (2012), *Tiềm năng và phân bố của người Việt ở nước ngoài*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
83. Học viện Quan hệ quốc tế (1994), *Bác Hồ nói về ngoại giao*, Nxb Sự thật, Hà Nội
84. Học viện Quan hệ quốc tế (2001), *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập tự do (1945 – 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
85. Học viện Quan hệ quốc tế (2001), *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập tự do (1945 – 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
86. Hội người Việt Nam tại Pháp (2009), *90 năm một con đường*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
87. Phan Huân (1954), *Kiều bào ta ở Thái Lan hướng về Tổ quốc*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
88. Trần Văn Khê (2010), *Hồi ký*, Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh.
89. Nguyễn Văn Khoan (2010), *Bước đầu tìm hiểu cộng đồng Việt kiều trên đất Pháp (1914- 1946)*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
90. Nguyễn Văn Khoan (2013): *Cảm ơn các bạn*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.



91. Lê Thị Kinh (2001), *Phan Châu Trinh qua các tài liệu mới, Tập 2, quyển 1*, Nxb Đà Nẵng.
92. Philippe Devillers (1993), *Tài liệu lưu trữ của chiến tranh 1944-1947*, Nxb T.p. Hồ Chí Minh.
93. Phan Ngọc Liên (CB) (1994), *Hồ Chí Minh – những hoạt động quốc tế*, Nxb QĐND, Hà Nội.
94. Đặng Văn Long (1997), *Người Việt ở Pháp (1940 – 1954)*, Nxb Tủ sách nghiên cứu – Paris – Pháp.
95. Đặng Văn Long (1996), *Tiểu thuyết lính thợ O.N.S*, Nxb Lao Động, Hà Nội.
96. Trần Đình Lưu (2004), *Việt kiều Lào – Thái với quê hương*, Nxb Chính trị Quốc gia.
97. Hồ Chí Minh (1995), *toàn tập, tập 1*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
98. Hồ Chí Minh (1995), *toàn tập, tập 4*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
99. Hồ Chí Minh (1995), *toàn tập, tập 5*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
100. Hồ Chí Minh (1995), *toàn tập, tập 7*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
101. Hồ Chí Minh (1995), *toàn tập, tập 9*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
102. Hồ Chí Minh (1995), *toàn tập, tập 11*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
103. Trần Tứ Nghĩa (2010), *Một thế kỷ của phong trào người Việt tại Pháp hướng về đất nước- Một thoáng nhìn lại*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh
104. Trần Tứ Nghĩa (2010), *30 năm với Hội Người Việt Nam tại Pháp*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh
105. Đào Huy Ngọc (1996), *Lịch sử quan hệ quốc tế 1870 – 1964*, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội.
106. Lê Nguyên (2004): *Phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1946)*, Tạp chí Cộng sản, số 10.
107. Lương Phán (2006), *Ký ức thời sinh viên, Kiêu bào và quê hương*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
108. Pierre Daum (2009), *Lính thợ Đông Dương ở Pháp (1939 – 1952) Một trang sử thuộc địa bị lãng quên*, Nxb Tri Thức, Hà Nội.
109. Nguyễn Phan Quang (2011), *Luật sư Phan Văn Trường*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.
110. Nguyễn Phan Quang (2005), *Nguyễn Ái Quốc ở Pháp 1917-1923*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
111. Vũ Đình Quyền (St) (2016), *Đảng với trí thức, trí thức với Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Nxb Lao Động, Hà Nội, 2016.
112. Lê Quốc Sản (1989), *Chi đội hải ngoại IV (chi đội Trần Phú)*, Nxb Đồng Tháp, Đồng Tháp.
113. Shiraishi Masaya (2000), *Phong trào dân tộc Việt Nam và quan hệ của nó với Nhật Bản và châu Á – Tư tưởng của Phan Bội Châu về cách mạng thế giới, tập 2*. Nxb CTQG, Hà Nội.

114. Văn Tạo (1994): *Chiến thắng Điện Biên Phủ và tình hữu nghị Việt - Pháp*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, số 2-1994.
115. Nguyễn Anh Thái chủ biên (2006), *Đại cương lịch sử thế giới hiện đại*; Nxb Giáo dục.
116. Nguyễn Thành (1988), *Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Pháp*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
117. Trịnh Diệu Thìn – Thanyathip Sripana (2006), *Việt kiều Thái Lan trong mối quan hệ Thái lan – Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
118. Trịnh Diệu Thìn, *Cộng đồng người Việt ở Thái lan (Quá trình hội nhập và bảo tồn văn hóa tộc người)*, Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á, số 2 – 2007.
119. Lê Hữu Thọ (2003), *Hành trình của một cậu ấm tại Pháp (1940 – 1946)*, NXB Thành Nghĩa.
120. M. Thorez (1960), *Đảng Cộng sản Pháp và cách mạng Việt Nam*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
121. Tổng cục thống kê (1990), *Việt Nam con số và sự kiện 1945- 1989*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
122. Nguyễn Thúc (1960): *An-giê-ri kháng chiến*, Nxb Sự Thật, Hà Nội.
123. Hoàng Cơ Thụy (2002), *Việt sử khảo luận*, Nhà xuất bản Nam Á, Paris.
124. Trần Dân Tiên (1970), *Những mẫu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Văn Học, Hà Nội
125. Thu Trang (1983), *Những hoạt động của Phan Châu Trinh tại Pháp 1911-1925*, Đông Nam Á, Paris.
126. Lê Mạnh Trinh (1961), *Cuộc vận động cứu quốc của Việt kiều ở Thái Lan*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
127. Mai Thị Trinh (2018), *Những năm tháng không quên (Hồi ký)*, Nxb Thông tấn , TPHCM
128. Phan Văn Trường (2003), *Chuyện những người An Nam âm mưu ở Paris hay Sự thật về Đông Dương*, L'Insomniaque.
129. Nguyễn Việt Ty (1970), *Bác Hồ ở Pháp*, Nxb Văn Học, Hà Nội.
130. Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài (Tp Hồ Chí Minh) (2006), *Kiểu bào và quê hương*, Nxb Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
131. Viện Lịch sử quân sự (1997) : *Hậu phương chiến tranh nhân dân Việt Nam (1945-1954)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
132. Nguyễn Khắc Viện (2007), *Tự truyện*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
133. Phạm Xanh (1990), *Nguyễn Ái Quốc với việc truyền bá chủ nghĩa Mác- Lenin ở Việt Nam (1921- 1930)*, Nxb Thông tin lý luận, Hà Nội.
134. Trần Thanh Xuân (1973), *Nhớ ơn phong trào Việt kiều*, Báo Tiền Phong, số đặc biệt Tết 1973.
135. A. Ruscio (1985), *Les communistes français et la guerre d'Indochine, 1944-1954*, Paris, Éd. L'Harmattan.

136. Alexander, Martin, and John FV Keiger, *France and the Algerian War: strategy, operations and diplomacy*, Journal of Strategic Studies (25/2/2002).
137. Charles Fourniau (1970), *Ho Chi Minh, notre camarade*, éditions Sociales, Paris.
138. Jean Sainteney(1970), *Face à Ho Chi Minh*, Seghers, Paris.
139. Jean Sainteney(1953), *Histoire d'une paix manquée, Indochine 1945-1947*, Amiot Dumont, Paris.
140. Archimedes L.A Patti (2008), *Why Vietnam*, Nhà xuất bản Đà Nẵng.
141. Goodman, Allan E (1973), *Politics in War: The Bases of Political Community in South Vietnam*, page 20, Harvard University Press.
142. Henri Azot (1968) *Ho Chi Minh, Dernier changement, (Hồ Chí Minh, cơ hội cuối cùng)*, Paris, Bản dịch lưu Viện Lịch sử Đảng
143. Pierre Angeli (1946), *Les Travailleurs Indochinois en France pendant la Seconde guerre mondiale*, Paris.
144. Pierre Huard & Maurice Durand (1994), *Viet Nam Civilization and Culture English version of the work entitled "Connaissance du Viet Nam"*, Ecole Francaise D'Extreme – Orient.
145. Daniel Hémerly (1975), *Du patriotisme au marxisme: l'immigration vietnamienne en France de 1926 à 1930*, Editions l'Atelier, Paris.
146. Hill, Kimloan (2006), *Strangers in a Foreign Land. Việt Nam, Borderless Histories*. Madison, WI: The University of Wisconsin Press.
147. Liem Khe Luguern (1988), *Les Travailleurs indochinois en France de 1939 à 1948*, Université de Paris 10
148. William J. Duiker (2000), *Hồ Chí Minh – A life*, Hyperion.
149. William H. Wainwright : *Faits et événements essentiels trong sách Le gesneeral de gaulle 1940-1946*, Plon, Paris.
150. Sockeel-Richarte (1982): *De Gaulle et l'Indochine 1940–1946*, PLON, Paris
151. Ines M. Miyares, Christopher A. Airriess (2007). *Contemporary ethnic geographies in America*, Rowman & Littlefield Publishers.

## PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1. MỘT SỐ BẢNG THỐNG KÊ

STT	Tên tổ chức	Thời gian hoạt động
01	Hội Ái Hữu	Ra đời từ năm 1930 và tiếp tục hoạt động trong thời kỳ 1945 - 1954
02	Tổng Ủy ban đại diện Việt Nam lâm thời	16/9/1944 – 17/12/1944
03	Tổng Ủy ban đại diện Việt Nam (Tổng Ủy ban đại diện Avignon)	17/12/1944 – 02/12/1945
04	Việt kiều Liên minh	02/12/1945 – 05/5/1946
05	Trung ương Chiến binh	3/1946 – 1947
06	Nhóm Bôn-sê-vích – Lênin-nít	1946 – 6/1947
07	Trung ương Công binh	14/4/1946 – 6/1950
08	Việt Minh Đồng chí tại Pháp	3/1946 – 6/1946
09	Việt kiều Cứu quốc	4/1947 - 1949
10	Nhóm Trốt – kít Việt Nam	Ra đời vào tháng 6/1947 và hoạt động trong giai đoạn 1947 - 1954
11	Văn hóa Liên hiệp	05/2/1948 – 1951
12	Chi hội Liên Việt tại Pháp	Ra đời vào ngày 19/12/1949 và hoạt động trong giai đoạn 1949 - 1954
13	Hiệp đoàn Thợ Việt Nam tại Pháp	Ra đời vào ngày 11/6/1950 và hoạt động trong giai đoạn 1950 - 1954
14	Tổng hội Sinh viên Việt Nam tại Pháp	Cuối 1948 – 6/1950

**Bảng 5: Bảng thống kê những tổ chức tiêu biểu của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn 1945 – 1954**  
[Nghiên cứu sinh tổng hợp từ các tài liệu: 90, 91]

<b>STT</b>	<b>Tên tờ báo</b>	<b>Thời gian hoạt động</b>
01	Việt Nam Công nông đoàn	Cuối 1944 – 10/1945
02	Thông tin tương tế	Trong năm 1945
03	Công nông học báo	1946 – 1947
04	Nam Việt	1945 – 1946
05	Thủy Thủ	Ra đời năm 1945 và tiếp tục hoạt động trong thời kỳ 1945 - 1954
06	Tiếng thợ	Ra đời năm 1946 và tiếp tục hoạt động trong thời kỳ 1945 – 1954
07	Văn hóa Liên hiệp	1945 – 1953
08	Công nhân	
09	Thông tin Liên Việt	Ra đời vào cuối năm 1949 và hoạt động trong giai đoạn 1949 – 1954
10	Sinh viên Việt Nam tại Pháp	1948 – 1950
11	Quyết Thắng	Ra đời vào khoảng năm 1952 và hoạt động trong giai đoạn 1952 - 1954

**Bảng 6: Bảng thống kê một số tờ báo đáng lưu ý của người Việt Nam tại Pháp trong giai đoạn 1945 – 1954**  
 [Nghiên cứu sinh tổng hợp từ các tài liệu: 90, 91]

## **PHỤ LỤC 2 : GHI LẠI BẰNG VĂN BẢN MỘT SỐ ĐOẠN PHỎNG VẤN CÁC NHÂN CHỨNG**

### **1. Bản trích phỏng vấn bà Mai Thị Trinh.**

*Văn hóa liên hiệp* là một hội tập hợp mà phần lớn là những trí thức có bằng cấp. *Văn hóa liên hiệp* có một văn phòng để in báo và nhận thư từ, có quán cơm và có hai địa điểm để tập hợp anh em. Nơi đây thường xuyên có những cuộc gặp chung để phổ biến, trao đổi tình hình. Những ngày lễ lớn như Tết Nguyên đán hay Lễ Độc lập (2/9) luôn có những cuộc biểu dương lực lượng nhân danh tổ chức Pháp hoặc Phong trào hòa bình. Những buổi như vậy có huy động Việt kiều rất đông và cả những người Pháp tiến bộ tới dự. Ngoài nội dung chính trị, có cả văn nghệ do anh em công nhân và sinh viên trình diễn. Điều ý nghĩa nhất là đã tổ chức thành công được những cuộc biểu dương lực lượng, tỏ rõ thái độ ủng hộ Chính phủ Hồ Chí Minh ở ngay tại Thủ đô nước Pháp.

*(Phỏng vấn tại nhà riêng của bà Mai Thị Trinh – số 23 BIS – đường Nguyễn Khắc Nhu, phường Cô Giang – Quận 1 – TP Hồ Chí Minh vào tháng 6/2012)*

## **2. Bản trích phỏng vấn Bác sĩ Nguyễn Ngọc Hà. (Vào tháng 6/2012 tại Nhà riêng của ông Nguyễn Ngọc Hà (TP. Hồ Chí Minh))**

Đến những năm 1948 – 1949, du học sinh, sinh viên Việt Nam qua Pháp rất nhiều. Ông Trần Ngọc Danh muốn tìm những thành viên tích cực trong học sinh, sinh viên Việt Nam để giao nhiệm vụ phát triển phong trào... Ông giao nhiệm vụ thành lập Tổng hội sinh viên Việt Nam tại Pháp cho 3 người: Đỗ Đại Phước, Nguyễn Thị Bình (con gái nhà yêu nước Nguyễn An Ninh) và Nguyễn Ngọc Hà.

... Cuối năm 1948, *Ban Vận động* hay còn gọi là *Ban Chấp hành lâm thời* rộng rãi ra mắt, chuẩn bị ráo riết thành lập *Tổng hội sinh viên Việt Nam* tại Pháp. Trong đó, Đỗ Đại Phước làm trưởng ban, Lương Phán và Phan Văn Hiệp là phó trưởng ban. Tháng 5 năm 1949, *Tổng Hội sinh viên* tiến hành Đại hội sinh viên Việt Nam toàn nước Pháp để bầu Ban Chấp hành. Đại hội được tổ chức tại phòng lớn nhà Mutualité, Paris, quận 5 gồm đại biểu các nơi như: Paris, Bordeaux, Toulouse, Montpellier, Aix- en- Provence, Lyon, Marseille, Grenoble... Đỗ Đại Phước, Lương Phán và Phan Văn Hiệp đều xin rút vì có nhiệm vụ khác. Võ Thế Quang (sau này ông là Viện trưởng *Viện Răng hàm mặt* từ 1984 đến 1990) được bầu làm Chủ tịch, Huỳnh Trung Đồng (về sau là Chủ tịch *Hội Liên hiệp Việt kiều ở Pháp*) làm Phó Chủ tịch, các Ủy viên thường trực gồm: Ngô Hải Thái, Lâm Văn Sĩ, Châu Long, Mai Thị Trinh. Đây là Ban Chấp hành của *Tổng Hội sinh viên Việt Nam* toàn nước Pháp. *Tổng Hội sinh viên* đặt tại Paris và cũng trực tiếp lãnh đạo phong trào yêu nước của học sinh, sinh viên Việt Nam tại đây. Ở mỗi địa phương có một phân bộ của *Tổng Hội* để trực tiếp chỉ đạo phong trào ở đó. Mỗi phân bộ lại có một Ban chấp hành riêng. Mỗi Chủ tịch của Ban chấp hành từng phân bộ lại là Phó Chủ tịch không thường trực của Ban Chấp hành *Tổng Hội*. Sự ra đời của *Tổng hội sinh viên Việt Nam* tại Pháp đánh dấu một bước tiến mới trong phong trào yêu nước của học sinh, sinh viên Việt Nam và cộng đồng người Việt Nam tại Pháp.

(Phỏng vấn tại nhà riêng của ông Nguyễn Ngọc Hà – số 40 – đường Trần Quốc Thảo – Quận 3 – TP Hồ Chí Minh vào tháng 6/2012)

### **3. Bản trích phỏng vấn GS. Trần Văn Khê**

Vào thời đó, những sản phẩm văn hóa, văn nghệ trong nước nhằm cổ vũ tinh thần chiến đấu của quân đội hay kêu gọi sự đóng góp của nhân dân cho kháng chiến đều được truyền bá sang Pháp. Việt kiều yêu nước ở Pháp lại dịch sang tiếng Pháp. Những ca khúc đó vang lên khắp nơi bằng cả tiếng Việt và tiếng Pháp. Ví dụ như bài thơ:

*“Mùa đông đã tới nơi rồi  
Gửi mau áo rét cho người chiến binh  
Nào ai vui thú gia đình  
Gửi ra chiến sĩ chút tình nước non ”*

được dịch ra tiếng Pháp rồi được phổ nhạc, truyền bá rộng rãi trong cộng đồng người Việt Nam tại Pháp. Không chỉ cộng đồng người Việt mà cả người Pháp khi nghe đều rất cảm động. Cứ như vậy, họ dần có thiện cảm với Việt kiều, với phong trào Việt kiều yêu nước, với cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam để rồi đồng cảm và ủng hộ chúng ta.

*(Phỏng vấn tại nhà riêng của ông Trần Văn Khê – số 32 – đường Huỳnh Đình Hai, Quận Bình Thạnh – TP Hồ Chí Minh vào tháng 6/2012)*



#### **4. Bản trích phỏng vấn Bác sĩ – Viện sĩ Dương Quang Trung**

Tôi sang Pháp năm 1948. Tôi đến Bordeaux học. Ở Bordeaux đã có phong trào do Lê Văn Thới và Lê Văn Thả tổ chức. Hai ông này lập ra Liên đoàn Trí thức yêu nước ở Bordeaux. Tổ chức này có trước Tổng hội Sinh viên Việt Nam tại Pháp và không trực thuộc Văn hóa Liên hiệp...

... Phong trào Việt kiều ở Pháp lúc đó chủ yếu đòi chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương, mang tính chất phản chiến là chính...

... Phong trào của mình (phong trào Việt kiều) dựa vào phong trào hòa bình của dân Pháp và Đảng Cộng sản Pháp. Đảng Cộng sản Pháp lúc này có vị trí khá mạnh trong Quốc hội, giúp đỡ mình rất nhiều và nhiệt tình...

... Vào năm 1949, khi ở trong nước có phong trào « Trờ Ân » (Đám tang Trần Văn Ôn), ở Bordeaux học sinh Việt Nam tuyệt thực và làm một bản kiến nghị gửi lên hiệu trưởng với nội dung chống lại việc học trình Trần Văn Ôn bị xử bắn. Họ (Hiệu trưởng) tiếp nhận và có sự giải thích rằng đây không phải xử bắn mà là một vụ mang tính chất tai nạn trong một cuộc biểu tình...

*(Phỏng vấn tại nhà riêng của ông Dương Quang Trung – số 40 – đường Hoàng Diệu - Quận Phú Nhuận – TP Hồ Chí Minh vào tháng 6/2012)*

**PHỤ LỤC 3: MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGƯỜI VIỆT NAM  
TẠI PHÁP GIAI ĐOẠN 1945 - 1954**



**Mít – tinh của Việt Kiều tại Paris ngày 21/4/1946**  
[Nguồn: Bảo tàng Cách mạng Việt Nam]



**Anh em binh lính Việt Nam mít – tinh tại Paris phản đối chính sách chia rẽ của  
thực dân Pháp. [Nguồn: Bảo tàng Cách mạng Việt Nam]**



**Việt Kiều và nhân dân Pháp kỷ niệm ngày Quốc khánh Việt Nam (2/9) ở rừng Boulogne mặc dù Chính phủ Pháp ra lệnh cấm.  
[Nguồn: Báo tàng Cách mạng Việt Nam]**



**Nhân dân Pháp và Việt Kiều biểu tình trong ngày Quốc khánh Việt Nam (2/9) để ủng hộ Việt Nam kháng chiến. [Nguồn: Báo tàng Lịch sử Quốc gia]**



**Việt Kiều ở Pháp biểu tình ngày 1/5/1949  
[Nguồn: Bảo tàng Lịch sử Quốc gia]**

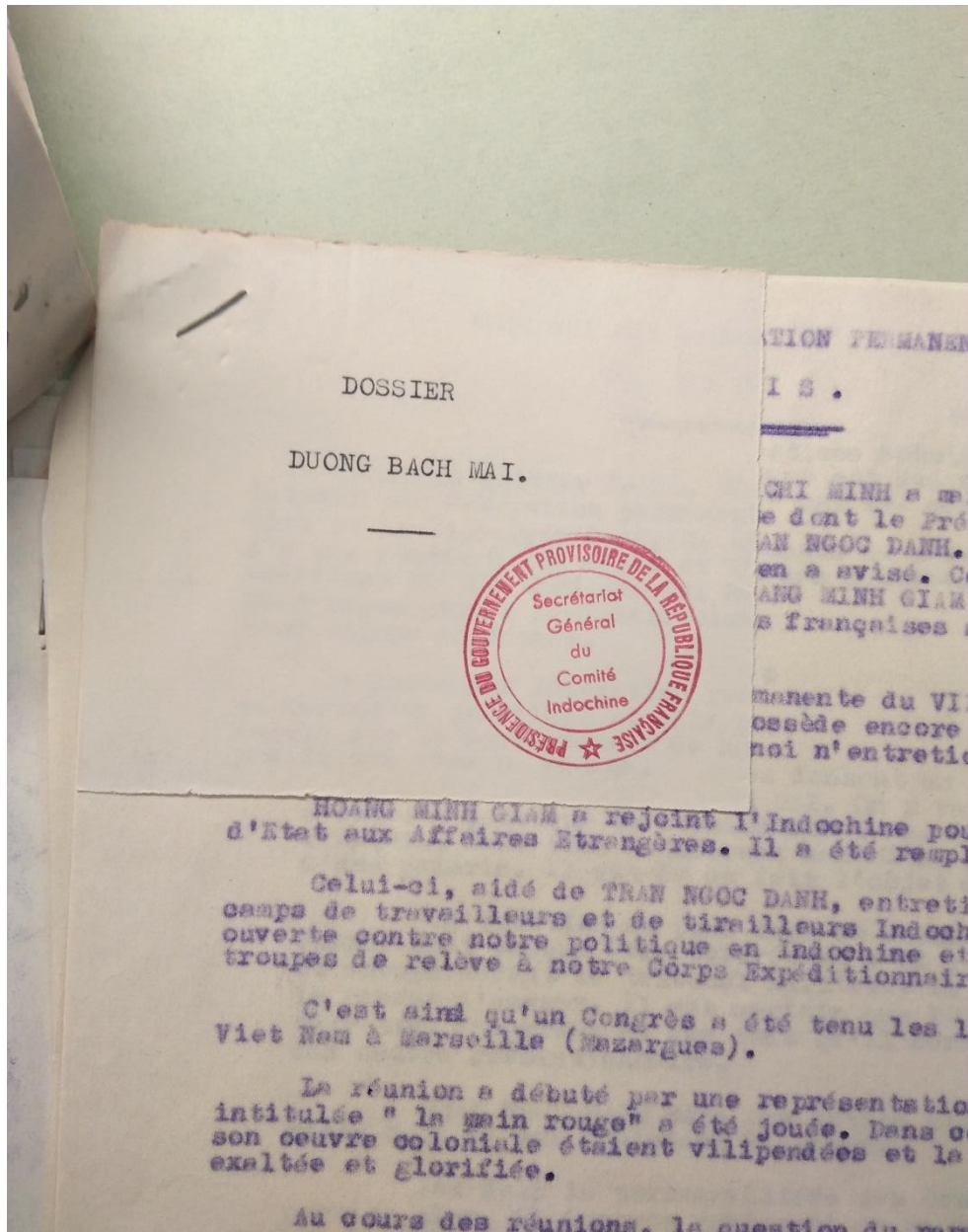


**Một buổi sinh hoạt của Việt Kiều tại Pháp nhằm đấu tranh  
đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. [Nguồn: Bảo tàng Lịch sử Quốc gia]**



**Nhân dân Pháp và Việt Kiều họp ủng hộ cuộc kháng chiến của Việt Nam.  
[Ảnh: Bảo tàng Lịch sử Quốc gia]**

**PHỤ LỤC 4: MỘT SỐ TƯ LIỆU LƯU TRỮ TẠI CÁC TRUNG TÂM LƯU TRỮ  
VÀ VIỆN BẢO TÀNG**



**Hồ sơ về Dương Bạch Mai**

**[Tư liệu tại Trung tâm Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, lưu trong tập tài liệu số 131]**

N O T E  
sur DUONG BACH MAI.

DUONG BACH MAI est né le 17 Avril 1904 à Phuocle, canton de An Phu Ha, délégation de Phuoc Le, province de Baria (Cochinchine) de Duong Van Chuoc, secrétaire du Gouvernement de la Cochinchine décedé et de Nguyen Thi Ben.

MAI a été élève au collège Chasseloup-Leubat de Saigon du 17 Février 1919 au 8 Juillet 1922. Il a bénéficié en 1919 et 1920 d'une bourse qui lui a été retirée en décembre 1920 pour avoir participé à une manifestation des élèves de cet Etablissement contre le surveillant général et le Directeur.

De Septembre 1922 à Juin 1924, DUONG BACH MAI a suivi les cours de l'Ecole Supérieure de commerce de HANOI. Il a passé l'année suivante à l'Ecole d'application commerciale de SAIGON.

Vers la fin de l'année 1925, DUONG BACH MAI a quitté clandestinement l'Indochine pour la France. Il a séjourné à PARIS du mois de Mai 1926 au mois de Mai 1929 et a fréquenté durant cette période divers groupements révolutionnaires, notamment l'Association Mutuelle des Indochinois de Paris, 15, rue du Sommerard, c'est là qu'il a fait connaissance de NGUYEN VAN TAO et de TA THU THAU déjà membres du parti communiste français. Ce n'est cependant qu'en 1929 que DUONG BACH MAI a commencé à prendre part aux manifestations organisées par les communistes Indochinois de Paris.

Le 10 Janvier 1929, il a assisté à la réunion du café Tarquetti. Un français ayant été blessé d'un coup de stylet cette réunion s'est terminée par l'arrestation de DUONG BACH MAI et de trois

.../...





N O T E sur TRAN NGOC DANH.

TRAN NGOC DANH, dit TRAN DUC BANH, dit BLOKOV, est né en 1908 ou 1909 à Tung-anh, canton de Vist Yen, arrondissement de Duc-Tho, province de Hating -(Annam)- de TRAN VAN PHO et de HOANG THI CAT.

Il a suivi en Juillet 1929, les cours de l'Ecole Supérieure d'Electricité à Bordeaux.

Le 26 Août 1929, à la requête du Comat, TRAN NGOC DANH a fait l'objet d'un mandat d'amener pour crime de droit commun meurtre et pillage à main armée, commis sur le territoire de l'Annam. Le dit mandat d'amener fut inséré au Bulletin hebdomadaire de la Police criminelle de France numéro 1147, du 21 Octobre 1929, pages 20 et 22, mais DANH ne fut point arrêté, une ordonnance royale de non lieu au sujet de cette affaire ayant été rendue le 14 Décembre 1929 par le Comat qui avait ordonné l'arrestation.

TRAN NGOC DANH est alors parti pour la Russie via la Chine et la Sibirie. Arrivé à Moscou fin 1929, il y suit les cours de l'Université ouvrière de l'Orient où il prend le surnom russe de Blokh.

Son stage accompli à l'Ecole Staline, DANH quitte Moscou le 16 Janvier 1931, revient en France en passant par Leningrad, Hambourg, Bruxelles et Lille, reviens aussitôt à Marseille où il s'embarque clandestinement pour Singapour où il arrive en Mars 1931.

A Singapour, TRAN NGOC DANH retrouve DUONG BACH MAI, dit Bourrov, NGUYEN THE THACH et NGUYEN HUY BON dit Vladimir, tous trois retour de l'Ecole Staline à Moscou, qui attendaient dans ce port des Straits, l'occasion qui leur permettrait de rentrer en Indochine sans éveiller l'attention des services de la Police Indochinoise qu'il savaient vigilante.

En Mai 1931, DANH quitte Singapour et se rend à Hong-Kong mais il y arrive au moment même où NGUYEN AI QUOC, aujourd'hui HO CHI MINH, venait d'être arrêté. Craignant pour sa sécurité, il s'enfuit et se réfugie à Canton.

Après ensuite avoir gagné le Nord de la Chine, TRAN NGOC DANH est arrêté par la Police Française de Shanghai le 25 Septembre 1932, en même temps que HONG SON, terroriste de doctrine et redoutable homme de coups de main, que la Sécurité Générale Indochinoise recherchait depuis une douzaine d'années, en raison de ses nombreux crimes, et qui a été condamné à mort et exécuté depuis.

TRAN NGOC DANH lui, en 1932, était le 18<sup>e</sup> retour de Moscou arrêté par les services de la Police en Indochine, depuis 1931 n'a plus reparu en France.

### Bản ghi chép về Trần Ngọc Danh

[Tư liệu tại Trung tâm Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, lưu trong tập tài liệu số 131]

Ngô x T  
EXTRAIT du BULLETIN des ECOLES VIETMINH  
N° 1146 du 20 Février 1951  
=====

MANIFESTE des RESSORTISSANTS VIETNAMIENS de FRANCE -

Apprenant que le Front National unifié allait tenir un congrès dans les derniers jours de février 1951, nous avons l'honneur d'acclamer l'initiative de l'unification des groupements Vietminh et Lien Viet.

Au lendemain de nos succès diplomatiques, suivis par les vainqueurs du Vietbac, notre peuple a su montrer aux colonialistes et au monde entier la force de son union et sa volonté de braver n'importe quel obstacle, de supporter n'importe quel sacrifice jusqu'à la libération complète du sol de ses aïeux.

Avec l'aide des impérialistes, les colonialistes croyaient nous en imposer en faisant état des armes reçues. Ils n'ont cependant pas pu ébranler notre bloc national. Ils ont alors simulé la remise de l'indépendance aux valets du fantoche NGUYEN VINH THUY. Ils pensaient pouvoir, à force de propagande mensongère, semer la division dans nos rangs et nous faire rejeter du front de la paix et de la démocratie dans le monde tout en déclenchant une guerre civile à l'intérieur du pays.

Votre congrès qui répond aux aspirations du peuple est un événement important dans la phase préparatoire de la conférence générale. Il va coordonner toutes nos activités en tous domaines et à tous les échelons et faciliter les exposés de la ligne de conduite à suivre et des devoirs à accomplir par chaque citoyen au cours de cette nouvelle phase. Ce congrès fera l'union de notre peuple plus étroite et englobant un plus grand nombre de ceux qui combattent.

Nous autres, vivant en France, bien que notre section Lien Viet ait été dissoute par le gouvernement réactionnaire, nous sommes résolus à rester unis à notre peuple. Nous avons été heureux d'apprendre la tenue de ce congrès et nous sommes convaincus qu'une profonde œuvre de réorganisation va s'ensuivre.

Ce congrès groupera tous les compatriotes en un bloc solide derrière notre vrai et légitime gouvernement, celui de la Résistance que dirige le président HO CHI MINH.

Aucune répression, aucune menace ne sauraient désormais arrêter notre peuple. Aucune propagande tendancieuse ne pourra plus nous désunir, aussi bien à l'intérieur entre combattants qu'à l'extérieur entre tous les adhérents du Front mondial de la Paix et de la Démocratie. Nous sommes sûrs de la réussite de votre congrès.

.../.....

.../.....

**Bản thể hiện tiếng nói của Việt kiều ở Pháp**  
**[Tư liệu tại Trung tâm Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, Mã số: 11350, lưu trong tập tài liệu số 131]**

N° 2750/EG du 15.2.1951 du S.S.CO.

NOTICE D'ENSEIGNEMENTS  
concernant la publication de langue vietnamienne  
intitulée "Tiếng Chuông" de Monsieur DINH VAN KHAI

Le journal "Tiếng Chuông" autorisé à paraître par décision du Ministre de la Propagande et de l'Information du Gouvernement vietnamien en date du 22 avril 1948 a publié son premier numéro le 6 mai 1948.

Dans la déclaration d'usage prévue par les règlements administratifs, M. DINH VAN KHAI présentait le "Tiếng Chuông" comme devant être un "organe littéraire, culturel et artistique traitant plus particulièrement des questions intéressant la jeunesse actuelle que le Journal devait guider vers une politique de soutien au Gouvernement patronné par l'ex-empereur BAO DAI".

Dès le premier numéro toutefois, l'équipe du "Tiếng Chuông" composée de journalistes pro-Vietminh tels que MM. TAM ICH, THIEU SON, THE HUC imprima à ce Journal une attitude hostile à ce Gouvernement par l'ampleur donnée au développement des thèses marxistes interprétées surtout pour présenter la politique française en Indochine comme résultant d'une collusion entre les 3 fléaux de l'impérialisme, du capitalisme et du colonialisme.

Ce thème fut développé par le Journal avec une violence particulière dans les jours qui suivirent la signature en Haie d'Along des accords franco-vietnamiens du 5 juin.

Le "Tiếng Chuông" prit nettement position contre ces accords, se déclarant même en faveur de la "Résistance" qu'il tentait de légitimer comme étant un épisode du mouvement général d'émancipation des peuples coloniaux (Madagascar, Afrique du Nord, etc...)

Une telle attitude valut au Journal d'être suspendu sine die le 26 juillet 1948 pour compter du 27 pour "avoir entravé la politique d'apaisement entreprise par le gouvernement vietnamien par un sabotage systématique du travail de rapprochement franco-vietnamien".

Bien que prononcée sine die, cette sanction fut rapportée le 10 septembre par le Ministre de la Propagande et de l'Information et le "Tiếng Chuông" reprit sa publication le 23 septembre affirmant dans le premier numéro de sa nouvelle série sa volonté de "rester toujours l'écho de la Maison" et de "s'employer à servir les intérêts du peuple vietnamien".

L'attitude de cet hebdomadaire devenu plus prudemment pro-viet-minh lui permit de bénéficier des mesures de faveur prises par le Gouvernement TRAN VAN HUU vers la fin de l'année 1948 et le "Tiếng Chuông" fut ainsi autorisé le 29 décembre 1948 à paraître comme quotidien à compter du 1er janvier 1949 compte tenu, précisait la lettre du Sous-secrétaire d'Etat à la Propagande et à l'Information de la "bonne volonté" manifeste par M. DINH VAN KHAI pour "améliorer la tenue du Journal".

/.....

**Thông báo về những thông tin của tờ nhật báo "Tiếng Chuông"  
[Tư liệu tại Trung tâm Lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, Mã số:11350]**



TỜ TRÌNH VỀ TÌNH HÌNH CỦA KIỀU BÀO TẠI PHÁP.

I. - Từ trước cuộc chiến tranh 1939 :

- Phong trào lập Ai-Hưu :

- Ở PARIS : A i-Hưu Việt-Nam lập năm 1936, có tính cách thiên về học sinh trí-thức.

- Ở Montpellier cũng vậy.

- Ở Marseille và Bordeaux : Hội Ai-Hưu có tính cách thiên về lao-động.

- Tuy có A i-Hưu nhưng kiều bào ít vào hội và ít hội họp nhau, mà mỗi khi hội họp là xung đột.

Tóm tắt trước năm 1939 kiều bào ở Pháp thiếu liên-lạc, thiếu hợp nhất.

II. - Trong khoảng sắp chiến tranh và khai chiến.

1/- Hội A i-Hưu ở PARIS mất thanh thế, mất tín nhiệm vì :

-A nh em học sinh trí thức và lao-động tương khác.

-Ban trị sự dan lên tiền bạc.

2/- Phong trào lập Việt-Nam Hội tại Pháp (Association des Annamites de France) vì lẽ :

-Hội Ai-Hưu bị ban trị sự làm mang tiếng xấu, mà lại vậy cảnh ban trị sự ấy chiếm đại đa số, nên cứ đứng chỉ huy hoải.

Lẽ thứ hai : hội ấy nhận nhiệm nước Pháp khai chiến với Đức, được tin bên nhà có một số trí thức ta ra tình nguyện và tuyên bố khuyến đồng bào nên sang giúp "mẫu quốc".

Nên một nhóm học sinh đứng ra điều đình với anh "ở các tỉnh lập lên Việt-Nam Hội tại Pháp (Association des Annamites de France) để :

-Gây lên một phong trào mới cứu vãn thế diện cho Việt-kiều bị ban trị sự hội A i-Hưu PARIS làm mờ ám.

-Để gây lên một cơ quan rộng hơn vì gồm cả Việt-kiều tại Pháp mà ban trị sự Ai-Hưu PARIS không chịu gây lên.

-Để gây lên một thế lực mạnh mà chống lại phong trào tình nguyện và tán dương "mẫu quốc" của một số anh em trí thức bên nhà.

-Kết quả : Chưa kịp tổ chức các chi nhánh ở các tỉnh lớn (mới có Toulouse hưởng ứng) thì quân Đức tràn sang nước Pháp, rồi PARIS thất thủ, hội viên tan nát.

III. - Trong khoảng Đức chiếm cứ.

1/- Việt-kiều tại Pháp có thể chia ra làm ba hạng.

-Học sinh trí thức và lao động thường : vẫn rời rạc, không khổ sở lắm.

-Lính thợ (ouvrier non spécialisé) sang Pháp vì cuộc chiến tranh bị khổ cực hành hạ bóc lột (bởi hạng Tây thuộc-địa cai quản ở các trại) vô cùng.

-Lính chiến : phần bị tù Đức, phần ở các trại miền Nam. Hạng tù binh bị khổ sở nhiều hơn.

2/- Gây lại thanh thế của Ai-Hưu. - Một khi quỹ hội cạn, không ai màng đến việc trị sự hội nữa, nên nhóm anh em học sinh khi trước

Tờ trình của Việt kiều tới Chủ tịch Hồ Chí Minh về tình hình của kiều bào tại Pháp [Tư liệu chụp tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam]

DOCTEUR TRAN-HUU-TUOC

Ex-Élève en Premier des Hôpitaux de Paris

Assistant et Ch. Rhône-Laryngologie

de l'Hôpital Necker - Enfants Malades

Kính Anh Trùng Bôn  
Đại Biếu,

Chúng tôi rất mừng rỡ, hân hoan, và cảm động  
khi bác ban Đại Biếu của Việt Nam Dân Chủ  
Cộng Hòa lần đầu sang nước Pháp, và đã  
dùng những chính ngôn tây to' hân ái của  
mười nhà và truyền du lòng mến thương cũng  
mạnh mẽ của Hồ Chủ tịch và Chính Phủ

Mấy lần chúng tôi được trực tiếp cùng  
Trùng Bôn, chúng tôi rất cảm ơn hoan nghênh,  
thậm chí nhiều lần rời hương rừng.

Nói theo, đời với chúng tôi là lẽ tự nhiên  
vì xưa nay, trí lực cũng nguyên vẹn, mười  
ba năm sang học bên quê người, dù tốt  
điều cảnh ngộ rèn luyện một ngày không  
tên nói phải từ chế là con người Việt Nam  
vô ích.

Nói hải ngoại, bao giờ cũng dính dính  
Trùng Bôn là quê, nên mang danh  
lưu luyến vương vấn. nay nghe lời mời  
du có thể rập liêu trong hơn một tháng  
về nghệ nghiệp vật hậu - rồi trở lại  
mười nhà.

Không danh từ bảo là thành ngữ  
vì nghệ trí cũng vậy, lúc nào cũng phải  
hơn hơn khảo luận và truyền học -  
Chúng tôi như thế hoàn cảnh vào theo tới  
đời học tăng và sự về không kém chi người  
Pháp; trong mấy năm nay, như có hỏi từ  
đời biết nhiều y-trí ở Âu và Mỹ, và  
đã quen luyện tập cho nhiều sinh viên người.

Chúng tôi xin Trùng Bôn lượng thứ, đã  
kê qua việc học nước cái nghiệp m'ở hình  
không phải là Khúc Khương vô ích, nhưng  
đi Chính Phủ mà Trùng Bôn điều kiện  
kết sự về sự cần gấp về nhà.

41, rue Blomet

PARIS - XV - Sup. 41-91

Bức thư của Bác sĩ Trần Hữu Tước gửi tới Phái đoàn đàm phán của VNDCCH tại Hội nghị Fontainebleau [Tư liệu chụp tại Bảo tàng Quốc gia Việt Nam].

Paris, ngày 10 tháng 5 năm 1946

Học-sinh, chiến-binh và Lao-động Việt-nam miền

Nam-bộ.kiều ngụ tại Pháp

Cung đồng bào yêu quý tại quê hương.

Nhân dịp Phái-đoàn Quốc-Hội Việt-nam sang Pháp trợ vê, chúng tôi có lời thân ái gửi thăm đồng bào Nam-bộ và đồng bào trong các phục long cam đảm và chí hy sinh của Đồng bào.

Tu ngày ngon lúa chiến tranh lan tràn trên đất Việt, biết bao nhiêu đồng-bào vì NƯỚC, đã tu trên, biết bao nhiêu đồng-bào, vì NƯỚC đã bị áp bức một cách rất dã man.

Chúng tôi cũng thừa biết rằng anh em, chí em, bao giờ cũng cùng cực lực phấn đấu đến phút cuối cùng dưới bóng CỜ ĐỎ SAO VÀNG để đi tới mục đích cần yếu trong sự kiện thiết QUỐC GIA.

Chúng tôi dù hiểu rằng, nhưng lời thỉnh phò của Đê-quốc Thuộc-địa muốn đưa chúng ta vào con đường Nam-bộ Tu-trí là những lời quang cao quý quyết.

Tu trí là gì ?

Tu trí là chia rẽ, là phung sự ngoài bang.

Đê quốc thuộc địa có hăm dọa ta rằng :

"Nếu Nam-bộ nhập vào Việt-nam thì sẽ bị người bắc-bộ cai-trí"

Ban Thuộc-địa đê-quốc phao ngôn ra như vậy để kích nộ và lôi dụm ta đi thôi.

Hỡi đồng-bào !

Chúng tôi đã biết rằng đồng-bào Nam-bộ đã tận tâm đoàn kết để :

- Ứng hộ phong trào hợp nhất hiện thời để đi thời hoàn toàn độc lập
- Ứng hộ Chính-phủ Vi-ê-t-nam Dân-quốc Công-hoà dưới sự lãnh đạo của chủ-tịch Hồ-chí-Minh.

Và để giúp một cách đặc lực vào sự thực hành chương-trình tiến kiên thiết quốc-gia.

TRUNG NAM BẮC MỘT NHÀ  
VIỆT NAM ĐẾN CHU CÔNG HOÀ MUÔN NĂM  
HỒ CHỮ TỊCH MUÔN NĂM.

**Bức thư của học sinh, chiến binh, lao động Việt Nam là người Nam Bộ tại Pháp gửi đồng bào ở quê nhà. (Tư liệu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia)**

THÔNG TIN CỦA TỔNG ỦY BAN ĐẠI DIỆN

# VIỆT-NAM

BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯỚNG PARIS

CIRCULAIRE DE LA DELEGATION GENERALE DES INDOCHINOIS N° 2. JANVIER 1945  
\*\*\*\*\*

TỔ CHỨC LẠI BAN TRỊ SỰ TRUNG ƯỚNG  
\*\*\*\*\*

Muốn cho việc tổ-chức và sự hành-dộng được tiện lợi hơn ban Trị sự trung ương đã đồng thuận chuẩn-y và áp dụng ngay hai điều sửa đổi như sau này:

1° Bãi bỏ những chức và trách-nhiệm đã định trước như: Chánh Ủy-viên (Président), Phó Ủy-viên (vice-Président) v.v., chỉ để lại Ban thư ký (địa chỉ tạm thời: Délégation générale des Indochinois, 33 Bd. Saint Germain Paris 6<sup>e</sup>) và người Thủ-quý. Thư-tử xin gửi về cho Ban thư ký. Tiền bạc xin gửi riêng về cho người thủ quỹ để rõ tên: Docteur Hoàng-xuan-Man, 6 rue Albert Sorel Paris 14<sup>e</sup>.

2° Trong mỗi buổi hội họp hàng tuần, Ban trị sự sẽ giao phó việc làm cho từng Ủy-viên; và cả Ban trị sự sẽ chịu trách-nhiệm đối với các việc đã phớt phát ra cho đến khi việc ấy giải-quyết xong.

PARIS ngày 20-I-1945

Ban trị-sự Trung ương.

PHỤ BÍNH:

a) Như vậy thì cả toàn thể Ban trị-sự sẽ chịu trách-nhiệm trước nhà cầm quyền và các cơ quan công hay tư.  
b) Đối với hành-vi của Ủy-viên thì Ban trị sự chỉ sẽ chịu trách-nhiệm về những việc đã giao cho Ủy-viên làm mà thôi.

-00(WH)000-

REORGANISATION INTERNE DU COMITE CENTRAL DE LA DELEGATION GENERALE DES INDOCHINOIS

Le Comité central en vue de faciliter le travail a voté à l'unanimité les motions suivantes:

1° Il décide la suppression des fonctions antérieurement définies: Président, Vice Président etc..., sauf pour le Secrétariat (adresse provisoire: Délégation générale des Indochinois, 33 Bd. St. Germain Paris 6<sup>e</sup>) et pour le Trésorier. Toute correspondance sera envoyée au Secrétariat et les envois de fonds personnellement au Trésorier (adresse: Docteur Hoang-Xuan-Man, 6 Rue Albert Sorel Paris 14<sup>e</sup>).

2° Il nomme des responsables à qui il confie en ses séances hebdomadaires ses affaires jusqu'à la conclusion finale.

Paris le 20 Janvier 1945

Le Comité Central.

-----  
CÁCH HÀNH ĐỘNG

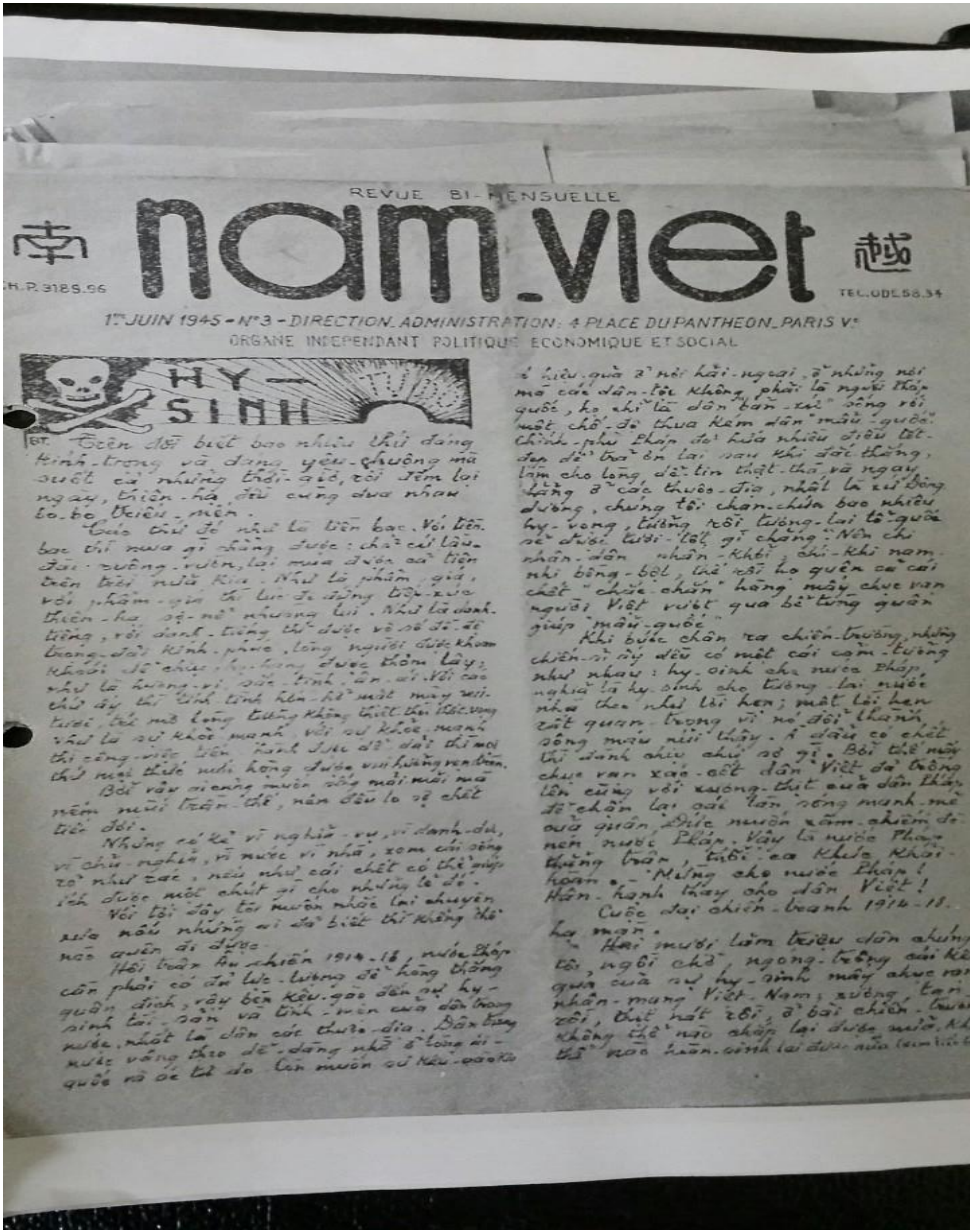
Mỗi tuần Ban trị sự trung ương nhóm hội một lần (không kể những buổi hội họp bất thường).

Việc làm và tin tức của Ban trung ương sẽ báo cáo trong tờ Thông tin. Tờ Thông tin sẽ gửi cho các Ban trị sự hàng tỉnh và phát hành cho độc-gia Việt-nam (không bán)

**Thông tin của Tổng ủy ban đại diện Việt Nam**

**[Tư liệu tại Trung tâm lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, Lưu trong tập tài liệu số 245]**





# HY-SINH

Đến đây biết bao nhiêu chữ đang  
tinh-trang và đang yêu. chúng mà  
suốt cả những buổi giờ, rồi tìm lại  
ngay, thiên-hạ, để cùng đưa nhau  
to-bò thiên-miền.

Quả thật đó nếu là tiền bạc. Với tiền.  
bạc thì mua gì chúng được: chỉ cái lều.  
Đai-ràng, quần, lại mua đũa cái tiện  
đến lái một Kieu. Như là phẩm giá,  
vật phẩm giá thì lên đi xuống tiền-xuất  
thiền-hạ, rồi nó nhường lại. Như là danh.  
tiếng, rồi danh tiếng thì được và nó sẽ đi.  
Đang, đến Kinh-phạm, lòng người dứt khóm  
không thể chịu được lòng được thêm lấy;  
như là hoàng-vi, rồi tình lên đi với các  
chữ ấy thì tình lên lên một mảy rơi.  
Lời, lời mà lòng cũng không biết thì tình  
vào là sự khác mạnh với sự khác mạnh  
thì công-việc lên hình như đi. Đó thì mọi  
thứ mới thức như hồng đũa với hương thơm.

Bởi vậy chúng muốn sống mỗi một mà  
nắm mỗi một thế, nên đều là sự chết  
tiết tiết.

Những cái là vì nghĩa-vụ, vì danh-dù,  
vì chủ-nghĩa, vì nước vì nhà, xem cái sống  
ra như các, nếu như cái chết có thể sống  
lên được một chút gì cho những kẻ đó.

Với tôi sống tại nước này lại chuyển  
ra nếu những vì sự biết thì không thể  
nào quên đi được.

Hội bảo hộ hiến 1914-18, như Địch  
còn phải có đủ lực lượng để hàng tháng  
quân địch, vây bên kêu gọi đến sự hy-  
sinh tại, dân và tình-miền của dân trong  
nước, nhất là dân các thừa-địa. Dân trong  
nước vọng theo đó, đồng như ở lòng ai-  
quốc mà ở tại đó. Lần muốn sự kêu-  
0000

điều, qua ở nơi hải-nghị, ở những nơi  
mà các dân-tộc không phải là người thấp  
quốc, họ chỉ là dân-tộc "sống rồi"  
một chỗ, đó thua kém dân "mười quốc"  
chính phủ thực địa hoặc nhiều điều tốt-  
đẹp đi "bỏ" bỏ lại sau khi đời sống,  
lên cho lòng, để tin thật, thì và ngay  
đường ở các thừa-địa, nhất là sự sống  
đường, chúng tôi chọn-chọn bao nhiêu  
hy-vọng, lương rồi tiếng-lai là "quốc"  
sẽ sống, lại "lỗi" gì chăng? Nên chỉ  
nhân-dân nhân-khối, chỉ-khi nam-  
nhí bằng-bớt, để rồi họ quên cả cái  
chết "chết chiến" hàng mấy chục vạn  
người Việt vượt qua biển-tung-giàn  
giúp "mười-quốc".

Khi bước chân ra chiến-trường những  
chính-vi ấy đều có một cái cảm-lượng  
như nhau: hy-sinh cho nước, cho  
nghĩa là hy-sinh cho tương-lai nước  
nhà, cho như lời hẹn; mắt lại hẹn  
rất quàn tương-vi nó đời "thiên"  
sống mà nết "thầy". Ở đời có chết  
thì danh-chức sợ gì. Bởi thế mới  
chưa rạn xáo-cắt dân Việt đã bước  
lên cũng với xương-thịt của dân thiên  
địa chôn lại các "tên" sống mạnh mẽ  
các quàn được nước xóm-chiến đi  
nên nước Pháp, Việt là nước Pháp  
thường-trần, "tên" của Khẩu-Khẩu-  
hoàn. "Mừng cho nước Pháp!  
Hân-hạnh thay cho dân Việt!"

Cuộc đại chiến-biến 1914-18.  
hạ môn.

Hơn mười lăm triệu dân chúng  
tôi, ngời chế, ngưng-tống cái khi  
qua của sự hy-sinh mấy chục vạn  
nhân-mạng Việt-Nam; xứng, tạm  
rời, đất hạt rớt ở bãi chiến-lưu  
chàng "đó" nư chấp lại được nước. Kh-  
thứ "nào" hân, sinh lại đời, dân (mười)

Tờ báo Nam Việt của người Việt Nam tại Pháp  
[Tư liệu tại Trung tâm lưu trữ Bộ Ngoại giao Pháp, Lưu trong tập tài liệu số 245]

**Hiện vật gốc  
Bảo tàng Cách mạng VN**

những số tiền của Kiều bào  
đã gửi về giúp nước.

Kiều bào ở Houmea	60.000f
Một nhóm kiều bào Cứu Quốc ở Mazargues.....	1.000f
Anh em Công Nông Đoàn tỉnh Thái-Bình ở Houmea	36.000f
Kiều bào Cứu-Quốc do anh PHẠM QUANG-LIM gửi	8.225f
Anh em Công Nông Đoàn tỉnh THANH HOA .....	65.000
Anh em CÔNG BINH cơ sở .....	550
.....	10.550
Ban Chấp Hành Trung-Ung Công Bình .....	100.000
Đạo Giáo Marseille	1837.553
Đạo Nhật (Lyon)	1.002.700f
Đạo Hai (Bergerac)	555.328
Đạo Tư (Toulouse)	597.989
Chi Đoàn Belfort	409.017
Chi Đoàn Meaux (50e Cie).....	15.230f
.....	10.000
Paris ngày 10 Juin 1947	

L  
h  
t  
t  
A  
H  
B  
I  
(  
F  
c  
i  
s  
/

**Danh sách quyên góp tiền của Việt kiều tại Pháp ủng hộ kháng chiến trong nước.  
[Tư liệu chụp tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia]**

lục 9:

**Hiện vật gốc**  
**Bảo tàng Cách mạng VN**

STT	TỈNH	DANH	Số Tiền	Số	TỈNH	DANH	Số Tiền
STT			quả	biển			quả
129		Trên một đơn qua	1.509.366				623.665
130	Co	45	86.900	152	OND Ho-don		20.100
131	Tiền	thuộc đơn ch.b. Fran's BPO	18.000	153	OND Hcha-on		14.412
132	OND	Hai-duong	62.236	154	OND Quang-binh		31.100
133	Anh	Dinh <i>Cục Dinh</i>	500	155	OND Quan-binh BPO		5.700
134	Anh	Ti Lu	10.000	156	OND Ho-nam		6.000
135	OND	Quang-Hoa	3.700	157	Obionbinh co 22		5.120
136	OND	Honam	3.000	158	Co 25 ch.b. Crong		11.144
137	OND	Hondinh	29.851	159	OND Haiduong		6.050
138	OND	Hondinh	10.300	160	OND Soninh		10.501
139	Ch.binh	co...	28.577	161	Duon-duong Lo Oai		4.000
140	Ch.b.	co 24	60.016	162	Ch.b. vung con		50.000
141	OND	Thhon	64.000	163	OND Binhlinh		1.700
142	OND	Thuanthien	209.680	164	OND BINHDIEM		102.150
143	OND	Quangngai	3.460	165	Binhlinh-quangnam 71		4.550
144	Ch.b.	chi dean	3.404	166	Ch.b. tinh Haiduong		11.540
145	OND	Hinhbinh	5.100	167	Anh oia Letto Bodarioux		9.000
146	OND	Honam	19.000	168	Duongduong Lo Oai		1.000
147	Han-ho	D.P.C.	13.330	169	Co 73		119.783
148	OND	H Nguyen	3.500	170	Co 69		8.000
149	Ch.b.	Fronda P.F.C.	42.000	171	Co 67 (quangnam)		20.000
150	OND	Thanhhoa	6.900	172	OND Doogiam		1.000
151	OND	Hdong	17.720	173	OND Dauy Hatich		800
<b>CONG:</b>			<b>2.368.580</b>	<b>CONG:</b>			<b>1.047.615</b>

Tổng cộng: 2.368.580 quả + 1.047.615 = 3.416.195  
 (Hười triệu sáu trăm bốn mươi hai ngàn một trăm hai mươi lăm quả)  
 Hai Việt-Nam ngày 20 tháng 7 năm 1946

**Danh sách quyền góp tiền của Việt kiều tại Pháp ủng hộ kháng chiến trong nước.**  
**[Tư liệu chụp tại Bảo tàng Lịch sử Quốc Gia]**

**Danh sách  
quyên tiền  
Trí thức  
kiểu Pháp  
hộ**

trong vòng mấy tháng, anh-chi-em Tân-Đào, nhất là ở Santo (và đặc biệt hai trường Bình-Dân Học-Vụ Chapuis và Sarakata), đã ủng hộ sinh-viên Việt-Nam nghèo ở Pháp số-tiền lớn-lao 141.000 quan.

Tiền đó, đã do các bạn sinh-viên được tín-nhiệm chung của anh-chi-em ở Pháp, cấp cho các bạn nghèo, xứng-dáng, ít hay nhiều, giúp hẳn hay cho vay, trong một thời-gian ngắn hay dài, tùy trường-hợp. V.H.L.H. đảm-bảo sự phân-phát ấy, theo nguyên-tắc của Hồ-Chu-Tích: "chí công vô tư". Dưới đây là danh-sách những bạn đã lấy làm vinh-độ và oam-dông nhận-tiền của đồng-bào lao-dộng, tuy cơ-lé còn nghèo hơn mình nữa, hy-sinh dành-dùm để giúp các bạn ấy học thành-tài:

(I)	- Anh C.T.S. (học Luật, ở Paris)	20.000
	- Anh L.D.T. (học Thuốc, ở Toulouse)	30.000
	- Anh N.V.N. (học Điện, ở Grenoble)	10.000
	- Anh N. (học Điện, ở Grenoble)	10.000
	- Chị N.T.B. (tủ-tài nhân thứ 2, ở Paris)	20.000
	- Chị N.T.N. (học Văn-Chương, ở Paris)	20.000
(II)	- Chị N.T.B. (tủ-tài, ở Paris)	20.000
	- Anh N.V.D. (tủ-tài, ở Toulouse)	10.000
	- Anh L.D.T. (học Thuốc, ở Toulouse)	20.000
(III)	- Anh T.T.T. (học Điện, ở Paris)	30.000
	- Anh N.X.L. (học Kinh-Tê và Sử, ở Paris)	30.000
	- Anh L.D.T. (học Thuốc, ở Toulouse)	30.000
	- Chị N.T.N. (học Văn-Chương, ở Paris)	10.000
	- Anh N.Q.H. (học Hóa-học, ở Toulouse)	16.000
	- Anh D.V.T. (học Anh-ngữ, ở Paris)	5.000
	- Anh L.V.S. (học Chính-trị, ở Paris)	25.000
	- Chị N.T.V. (học Luật, ở Paris)	25.000
(IV)	- Anh T.T.T. (học Điện, ở Paris)	10.000
	- Anh L.D.T. (học Thuốc, ở Toulouse)	30.000
	- Anh N.X.L. (học Kinh-Tê và Sử, ở Paris)	30.000

Ngoài ra còn giúp một số cựu-sinh-viên, học đã xong, nhưng đáng được giúp-dỡ để có điều-kiện thuận-tiện khai-triển tài-năng, phụng-sứ nước-nhà:

- Bạn L.B.D. (Mỹ-thuật, ở Paris)	50.000
- Bạn T.D.T. (Triết-lý, ở Paris)	50.000
- Bạn P.D.K. (Văn-chương, ở Paris)	50.000

Với 1.756 quan cước-chỉ liên-lạc, quỹ đã giúp-dỡ anh-chi-em sinh-viên nghèo ở Pháp 552.756 quan. Số tiền còn lại 57.019 quan, hiện ủng-tạm giúp công-việc phái-đoàn đại-diện thanh-niên Việt-Nam sẽ tham-dự Hội-Thảo-Tiền ở Berlin, bên Đức. Xin chú-ý:

- 1) Tiền cho phái-đoàn thanh-niên mượn, sẽ được hoàn vào quỹ;
- 2) Một số anh-chi-em sinh-viên chỉ vay, chứ không nhận hẳn tiền, giúp-dỡ của quỹ, và hứa, khi nào có-thể được, hoàn vào quỹ để giúp-dỡ người khác.

(Sẽ trình-bày sau phong-trào học-hỏi ở Tân-Đào và Tân-Thê-Giới).

**góp  
của  
Việt  
tại  
ủng**

**kháng chiến trong nước. (Tư liệu chụp tại Bảo tàng Lịch sử Quốc Gia)**

82 H<sup>III</sup> 1c

TU  
VIỆN LỊCH SỬ ĐẢNG

D1/54.24

Paris 14 tháng 9-1946

Kính thưa Ngài Chủ tịch,

Xin Ngài hãy tha lỗi cho 1 người mẹ nhận danh các Bà mẹ Pháp được trao huân chương với Ngài nỗi đau khổ của tất cả chúng tôi đang chờ đợi cho con cái mình.

Chúng tôi theo dõi, với một nỗi lo âu và một niềm hy vọng tình hình các cuộc hội nghị mà chỉ được thuật lại sơ lược trên vài dòng báo chí, và theo dõi kết quả của các cuộc đàm phán từ rất lâu người ta đã cho phan ảnh trên mặt báo.

Thưa ôi ! Đau khổ biết bao nhiều cho các Bà mẹ Pháp cũng như cho các Bà mẹ Việt-nam.

Thưa Ngài Chủ tịch, chỉ một lời nói của Ngài, chỉ một cử chỉ của Ngài cũng đủ quyết định cho sinh mệnh của dân con em chúng tôi. Vậy vì sao còn phải cố thêm mấy nữa ? Vì sao nói đến tuổi / tôn Ngài người ta phải sợ và tên tuổi Ngài đã gây nên nỗi khủng khiếp trong tâm hồn chúng tôi ?

Vì sao Ngài lại không muốn tên tuổi Ngài được tất cả các Bà mẹ trên trái đất này chúc tụng ?

Chúng tôi không có thể gì hơn là cầu xin Ngài ra ăn cho dân con em chúng tôi được ít phải đói hơn, ít phải chịu đựng đau khổ hơn, bởi vì chỉ một tiếng nói của Ngài là có thể làm nên chuyện thần kỳ ấy, vậy xin Ngài hãy thực hiện nó và chúng tôi sẽ cầu nguyện chúc phúc Ngài, thưa Ngài Chủ tịch, chúng tôi xin vì Ngài, cầu nguyện với tất cả tâm lòng kính mến Ngài.

Một người mẹ nhận danh tất cả các Bà mẹ.  
Bà Chossie  
Hội Liên hiệp Phụ nữ Pháp.

TU LIỆU  
VIỆN LỊCH SỬ ĐẢNG  
D1/54.24

Thư của bà Chossie (Hội Liên hiệp Phụ nữ Pháp) gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Mã số: D1/54.24 [Tư liệu tại Phòng Lưu trữ Viện Lịch sử Đảng]

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Lê Trung Nghĩa, *Hoạt động của phong trào học sinh, sinh viên Việt Nam yêu nước tại Pháp (1945 – 1954)*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 7/2014, tr.65.
2. Lê Trung Nghĩa, *Những hoạt động yêu nước của linh thợ Việt Nam tại Pháp (1945 – 1949)*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 7/2017, tr.79.
3. Lê Trung Nghĩa, *Phong trào yêu nước của cộng đồng người Việt Nam tại Pháp trước năm 1930 và liên hệ với công tác Việt kiều hiện nay*, Chính trị - xã hội trong thời kỳ hội nhập – những vấn đề lý luận và thực tiễn, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Nxb Lao động – xã hội, tr.226.
4. Lê Trung Nghĩa, *Hoạt động yêu nước của linh thợ Việt Nam tại Pháp từ sau Cách mạng Tháng Tám đến trước ngày toàn quốc kháng chiến (9/1945 – 12/1946)*, Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên môn lịch sử đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình, sách giáo khoa, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr.710.